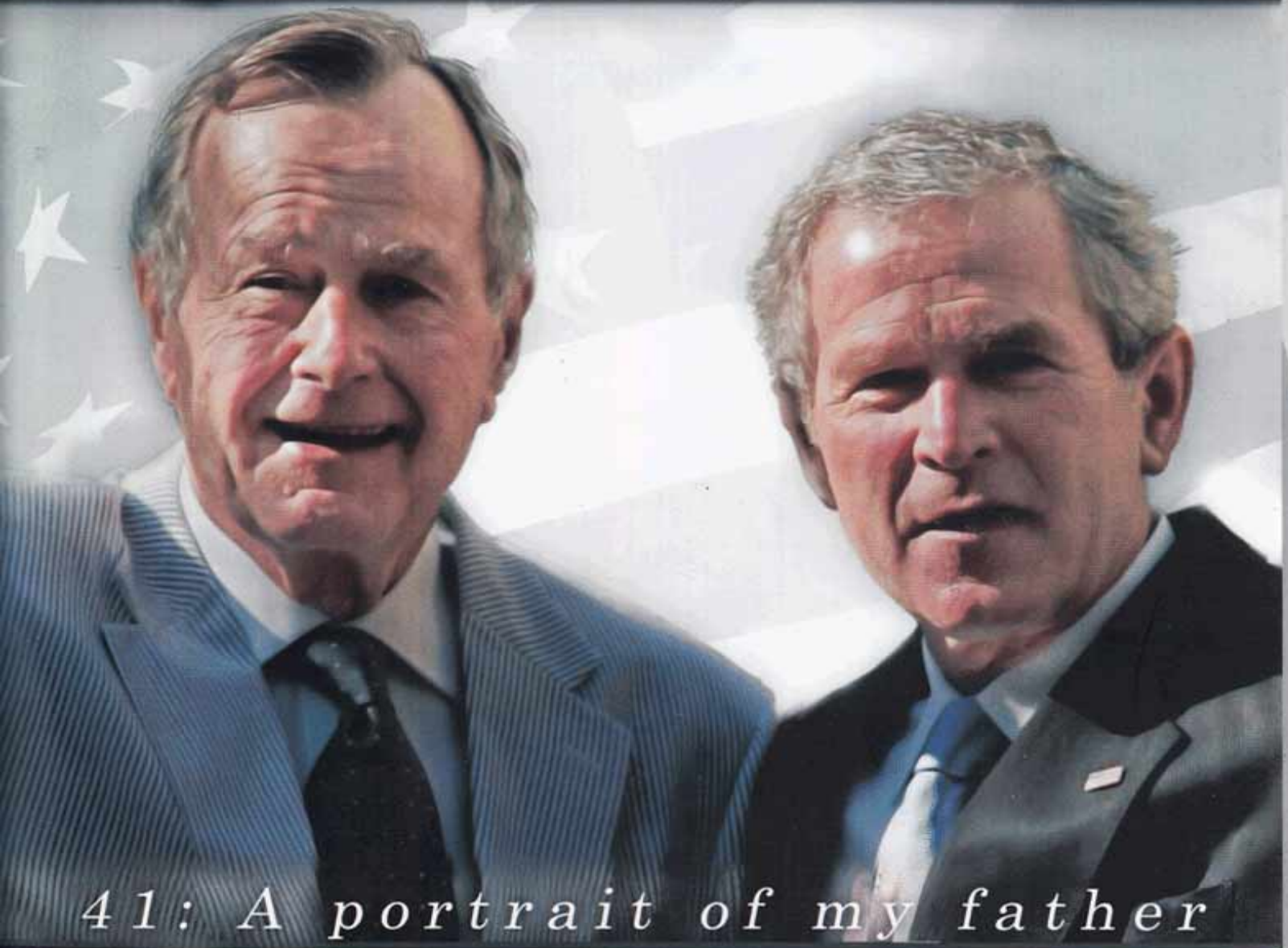


GEORGE W. BUSH



*41: A portrait of my father*

CHA TÔI:  
TỔNG THỐNG  
thứ 41 của Hoa Kỳ

*Thu Mạch dịch*



NHÀ XUẤT BẢN  
LAO ĐỘNG



# Mục lục

1. [Lời giới thiệu](#)
2. [Lời mở đầu](#)
3. [Sự khởi đầu](#)
4. [Chiến tranh](#)
5. [Đi về miền Tây](#)
6. [Dấn thân vào con đường chính trị](#)
7. [Người đàn ông của gia đình - Nghị sĩ trong Hạ Viện](#)
8. [Làm việc trong ngành ngoại giao](#)
9. [Người đứng thứ hai](#)
10. [Trong khoảnh khắc một nhịp tim](#)
11. [Đường tới nhà trắng](#)
12. [Tổng thống thứ 41](#)
13. [Những năm tháng khó khăn nhất](#)
14. [Cuộc sống sau nhiệm kỳ tổng thống](#)
15. [Lời cảm ơn](#)

# Lời giới thiệu

B

Bạn đang cầm trên tay cuốn sách *Cha tôi - Tổng thống thứ 41 của Hoa Kỳ* của tác giả George W. Bush do Nhà xuất bản Lao Động và Công ty sách Bách Việt liên kết ấn hành. Cuốn sách viết về George H. W. Bush - Tổng thống đầu tiên của dòng họ Bush có tầm ảnh hưởng sâu sắc trong cuộc đời và sự nghiệp của George W. Bush cũng như những thành viên còn lại trong gia đình. Đối với cha mình, George W. Bush luôn giữ một niềm tôn kính tuyệt đối. Ý định viết về cha mình nảy sinh từ lời gợi ý của phu nhân Dorie McCullogh Lawson “Vì mục đích lịch sử, tôi nghĩ ngài nên viết một cuốn sách về cha mình”, nhưng George W. Bush không tham vọng viết nên một cuốn sách nổi tiếng để nói về những thành công trên thương trường cũng như những năm tháng cha ông tại nhiệm.

*Cha tôi - Tổng thống thứ 41 của Hoa Kỳ* kể về cuộc sống đời thường của George H. W. Bush với vị trí một người con, một người chồng, một người cha, một người ông trong gia đình. Với những câu chuyện bình dị, chân thật, George W. Bush đã vẽ lên bức chân dung của cha mình với tình cảm trìu mến qua cái cách ông yêu thương, dạy bảo, truyền cảm hứng cho các con những phẩm chất cao quý được gìn giữ để làm nên thành công của gia tộc Bush. Đó là học cách để trở nên độc lập, làm việc chăm chỉ, và để kết bạn. Đó là sự sẻ chia, sự tận tâm phục vụ cộng đồng.

*Cha tôi - Tổng thống thứ 41 của Hoa Kỳ* đúng như George W. Bush nói, “là một cuốn truyện tình - chân dung về một cá nhân phi thường, người mà tôi được ban phước lành để gọi là Cha”. Tuy nhiên đây là cuốn sách của G. W. Bush viết về cha mình nên chắc chắn không tránh khỏi có những nhận định và đánh giá mang tính chủ quan, từ một phía, đặc biệt là những vấn đề về chính trị và quan hệ ngoại giao của nhiều nước trên thế giới. Chúng tôi coi đây là một tài liệu tham khảo, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của đông đảo độc giả hiện nay.

Xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc.

**George W. Bush**

# Lời mở đầu

V

ài tháng sau khi chúng tôi rời Nhà Trắng, Laura và tôi đã mời Tim Lawson cùng Phu nhân Dorie McCulloch Lawson đến trang trại của chúng tôi tại Crawford, bang Texas. Tôi đã nhờ Tim - một họa sĩ thực thụ, chứ không phải một người nghiệp dư như tôi - vẽ cảnh quan một số địa điểm mà chúng tôi yêu thích. Khi Tim quan sát các thảo nguyên rộng lớn và những gốc sồi sồng trên mảnh đất màu mỡ thì Dorie và tôi nói chuyện về thân phụ của bà, ông David McCullough. Tôi đã nói với bà ấy rằng được gặp thân phụ của bà là một điều đặc biệt trong nhiệm kỳ tổng thống của tôi, ông là một nhà sử học uyên bác và đã được nhận giải Pulitzer cho cuốn tiểu sử về Tổng thống John Adams.

Sau khi cung cấp cho tôi một số thông tin về sức khỏe và công việc của thân phụ, Dorie nói rằng, “Ngài nên biết rằng điều mà cha tôi cảm thấy đáng tiếc nhất khi nghiên cứu về John Adams đó là không hề có ghi chép cụ thể nào về ông, bởi con trai ông là John Quincy Adams”.

Dĩ nhiên bà ấy biết sự tương đồng giữa tôi và John Quincy: Chúng tôi đều là con trai của hai vị tổng thống và đều trở thành tổng thống. “Vì mục đích lịch sử”, bà ấy nói, “Tôi nghĩ ngài nên viết một cuốn sách về cha mình”.

Tại thời điểm này, tôi đang hoàn thành hồi ký về nhiệm kỳ tổng thống của mình. Nhưng ý tưởng của Dorie gieo một hạt giống. Cuối cùng, nó đã đâm chồi nảy lộc thành cuốn sách này.

Nhiều năm qua đi, tôi đồ rằng sẽ có rất nhiều sách phân tích về George Herbert Walker Bush, về con người và nhiệm kỳ tổng thống của ông. Nhiều cuốn trong đó có thể theo chiều hướng khách quan. Nhưng cuốn sách này thì không. Đây là một cuốn truyện tình - chân dung về một cá nhân phi thường, người mà tôi được ban phước lành để gọi là Cha. Tôi không có ý định sẽ miêu tả toàn bộ các khía cạnh trong cuộc sống của ông hoặc những năm ông tại nhiệm. Tôi thật sự hy vọng sẽ thể hiện được lý do tại sao George H.W.

Bush thật sự là một vị tổng thống tuyệt vời và là một người cha còn tuyệt vời hơn nữa.

Tôi gửi tình yêu vào cuốn sách này. Tôi hy vọng rằng các bạn sẽ thấy thú vị khi đọc nó.

# Sự khởi đầu

C

uối Jean tháng Becker, 5 năm một 2014, đầu bếp tôi đã lâu nhận năm của được cha cuộc tôi. gọi Bà từ đi thẳng vào vấn đề.

“Cha anh muốn nhảy dù vào dịp sinh nhật lần thứ 90 của ông ấy. Anh nghĩ sao?”

Khoảng mười tám tháng trước, Jean đã gọi điện để kiểm tra việc sắp xếp tang lễ cho cha tôi. Ông đã nằm viện gần một tháng vì viêm phổi, và đã có rất nhiều người lo ngại rằng người đàn ông khả kính này sắp về cõi vĩnh hằng. Ông không thể đi lại, và luôn mệt mỏi. Trong các cuộc điện thoại giữa tôi với cha, ông chưa bao giờ phàn nàn. Thương hại bản thân không tồn tại trong gen của George Bush. Bây giờ ông đang hy vọng sẽ hoàn thành một cuộc nhảy dù khác - lần thứ tám trong đời, để nhớ lại việc ông đã làm sau khi chiếc oanh kích cơ do ông điều khiển bị lực lượng pháo phòng không của Nhật bắn hạ trên biển Thái Bình Dương năm 1944.

“Bà có chắc đó là điều cha tôi muốn?”, tôi hỏi lại.

“Chắc chắn rồi”, bà trả lời.

“Các bác sĩ nói sao?”

“Một số đồng ý, còn một số thì không.”

“Mẹ tôi thì sao?”

“Bà lo lắng. Bà biết rằng ông muốn làm điều đó. Nhưng bà e ngại chuyến nhảy dù sẽ làm ông mệt và sẽ không thể thưởng thức bữa tiệc sinh nhật mà bà đã lên kế hoạch tổ chức tối hôm đó”.

Sau một hồi suy nghĩ, bà nói, “Tôi nghĩ ông ấy nên thực hiện điều đó”.



“Tại sao?”

“Bởi vì nó sẽ khiến ông ấy cảm thấy mình trẻ hơn.”

Sự thật là theo quan điểm của tôi thì đây không phải một vấn đề lớn. Sau khi nhảy dù vào dịp sinh nhật lần thứ tám mươi sáu, cha tôi đã thông báo rằng ông sẽ thực hiện một cuộc nhảy dù khác vào dịp sinh nhật lần thứ chín mươi. Và George H.W. Bush là một người đã nói là làm.

Khoảng vài tuần sau đó, Laura và tôi đã đến buổi sinh nhật tại Kennebunkport, bang Maine. Các bước chuẩn bị cho cuộc nhảy dù đã sẵn sàng, buổi tiệc đã được lên kế hoạch, và mẹ tôi đã ở trên tàu. Buổi chiều trước khi nhảy dù, tôi ngồi cạnh cha trên bậc thềm ngôi nhà thân yêu của ông ở Walker’s Point, tại một bãi đá nhô ra biển Đại Tây Dương. Tôi đã vẽ phong cảnh trên biển và mặc một chiếc quần hộp nhiều túi bị những giọt màu vẽ thấm xuống. Sau vài phút yên bình, chúng tôi lặng lẽ nhìn ra biển.

“Cha nghĩ sao?”, tôi hỏi.

“Cảnh thật tuyệt”, ông trả lời, mắt vẫn nhìn ra biển. Dường như ông đã nói hết những gì muốn nói.

Chúng tôi ngồi yên lặng thêm một vài phút nữa. Có phải ông đang suy nghĩ về việc nhảy dù, hay về cuộc sống, về ân điển của Chúa? Tôi không muốn xen ngang.

Một lát sau ông nói, “Chiếc quần này có giặt sạch được không?”.

Tôi cười, như tôi đã cùng cha cười vui trong suốt cả cuộc đời. HÀi hước là tính cách điển hình của ông. Ông không lo lắng về việc nhảy dù hay cuộc sống của ông. Ông sống yên bình. Và ông biết chia sẻ niềm hân hoan của mình với người khác.

Buổi sáng sinh nhật của cha, ngày 12 tháng 6, bình minh lạnh lẽo và xám xịt. Gió thổi nhẹ, khoảng mười lăm dặm một giờ. Thoạt tiên, chúng tôi lo lắng vì trời nhiều mây có thể khiến kế hoạch phải thay đổi. May thay, những người lính nhảy dù kỳ cựu điều phối cuộc nhảy dù này, được biết đến như là Nhóm

Tất Cả Là Cựu Chiến Binh, đã quả quyết rằng tầm nhìn vừa đủ. Chuyến bay sẽ diễn ra như kế hoạch.

Phi hành đoàn khởi động chiếc trực thăng Bell 429 đang đậu trên bãi cỏ xanh tươi tốt phía ngoài cabin hai tầng bằng gỗ, nơi được sử dụng như văn phòng của cha tôi ở Walker's Point. Cha trùm kín người trong trang phục bay màu đen được may vừa với số đo, trên đó gắn một tấm thẻ mang số "41@90". Thói quen trước mỗi chuyến bay của ông bao gồm xem xét kỹ điều kiện thời tiết lần cuối, kiểm tra dây an toàn, trả lời phỏng vấn của con gái tôi, Jenna, phóng viên của chương trình truyền hình TODAY. Thậm chí khi cha tôi chuẩn bị nhảy dù, ông vẫn sẵn sàng dành thời gian để giúp đỡ cô cháu gái.

"Ông ước gì vào ngày sinh nhật lần thứ chín mươi?"

"Ông ước tất cả các cháu của ông đều hạnh phúc", ông trả lời. "Ông hy vọng các cháu sẽ có một cuộc sống như ông đã sống trong chín mươi năm qua - tràn đầy niềm vui".

Ông có thêm một điều ước: "Hãy chắc chắn rằng cái dù sẽ mở ra".

Gia đình tôi và bạn bè tập trung cùng nhau tại nơi cha tiếp đất: Bãi cỏ tại nhà thờ thánh Ann nơi cha mẹ tôi thường đi lễ, đây cũng là nơi cha tôi đã hạ cánh xuống trong lần nhảy dù cách đây năm năm và là nơi cha mẹ tôi đã làm lễ cưới ba mươi chín năm trước. (Như mẹ tôi nói, nếu chuyến nhảy dù không thành công, ít nhất chúng tôi không phải đi quá xa để làm lễ an táng). Khoảng mười giờ bốn lăm phút sáng, một trong những thành viên của đội nhảy dù tiếp cận tôi.

"Thưa tổng thống", anh ta nói, "Cha ngài đã cất cánh".

Một vài phút sau, chúng tôi nhìn thấy một chấm nhỏ trên bầu trời - máy bay đã lên độ cao gần 2.000 mét. Sau khi trực thăng bay một đường tròn quanh nhà thờ, chúng tôi nhìn thấy một vài chiếc dù bật mở. Hai trong số đó là dù của người quay phim tư liệu. Một chiếc dù khác lớn hơn, màu đỏ, trắng, và xanh cùng với cha tôi và chuyên gia nhảy dù Mike Elliott, người đã ba lần nhảy dù cùng cha và đây là cú nhảy dù thứ 10.227 của ông. Đám đông reo lên khi chiếc dù đôi bay hướng về phía chúng tôi.

“Chắc chắn họ sẽ bay vào vùng không khí nóng”, em trai tôi, Marvin, nói với một chút lo lắng.

Và cậu ấy đã đúng. Gió thổi chiếc dù ra khỏi vùng hạ cánh. Mike đã xoay mạnh chiếc dù trong lần điều chỉnh cuối cùng trước khi tiếp đất. Cha đập mạnh xuống đất, bị dù kéo đi vài mét, và cuối cùng cắm mặt xuống thảm cỏ.

Đám đông im bật. Ông có dậy được không? Ông có đau không? Không ai di chuyển cho đến khi phi hành đoàn trực dưới mặt đất nhắc ông lên xe lăn. Các cháu của ông đồng thanh hát bài Chúc mừng sinh nhật để giấu đi nỗi lo lắng đang ập tới.

Cuối cùng sau khi hàng núi đồng phục được cởi bỏ. George H.W. Bush đã nở một nụ cười tươi rói trên khuôn mặt.

Tôi nắm tay mẹ, và chúng tôi đi về phía cha. Bà cúi xuống và trao cho cha một nụ hôn. Tôi theo sau, bắt tay và ôm chặt ông.

“Cảm giác của cha thế nào?”, tôi hỏi.

“Lạnh”, ông nói.

“Con rất tự hào về cha”, tôi nói. “Đó là một bước nhảy tuyệt vời.”

Ông chỉ tay vào đối tác của mình và nói, “Mike đã làm tất cả mọi việc”.

Khoảnh khắc này thể hiện rõ nhất tính cách của Geore Bush. Ông táo bạo và dũng cảm, luôn luôn tìm kiếm những cuộc phiêu lưu và thách thức mới. Ông khiêm tốn và nhanh chóng chia sẻ uy tín với cộng sự. Ông biết cách tránh sự chú ý thái quá tới mình và tránh khoe khoang thành tích cá nhân. Ông tin tưởng người khác và khơi gợi lòng trung thành của họ. Và trên tất cả, ông đã tìm thấy niềm vui trong gia đình lẫn đức tin của mình. Không có gì làm ông hạnh phúc hơn được sống bên vợ, con và các cháu của mình ở một nơi mà ông đã có thật nhiều kỷ niệm tuyệt vời.

Sau chuyến nhảy dù, cha trở về Walker’s Point để dùng bữa, chợp mắt, và chuẩn bị đón tiếp 250 thành viên gia đình, bạn bè, và những cựu quản lý từng phục vụ trong chính quyền Bush tới tham dự bữa tiệc sinh nhật đêm hôm đó.

Ông tự thưởng cho mình một ly Bloody Mary trong bữa trưa. Sau đó, ông nhận được một cuộc điện đàm từ một người bạn - Arnold Schwarzenegger, ngôi sao điện ảnh và cựu Thống đốc bang California.

“Chúc mừng sinh nhật”, Arnold nói, “người gây được ấn tượng nhất ở tuổi chín mươi mà tôi biết”.

Tôi đồng ý với nhận định của Arnold. George H.W. Bush là một tấm gương cho nhiều người trên nhiều phương diện khác nhau. Ông đã quyết tâm có một cuộc sống trọn vẹn nhất - cho đến cuối đời.

Walker's Point, địa điểm nhảy dù vào dịp sinh nhật thứ chín mươi của cha tôi, là một nơi thích hợp để bắt đầu câu chuyện của George Herbert Walker Bush. Nơi đây có mười một cảnh quan tuyệt đẹp bao gồm một ghềnh đá nhô ra Đại Tây Dương ngoài khơi bờ biển phía đông nam của Maine gần thị trấn Kennebunkport. Vùng đất này đã được mua từ những năm đầu thế kỷ XX bởi ông nội của cha tôi, cũng có tên George Herbert Walker. Thường được gia đình và bạn bè gọi là Bert, G.H. Walker là một đối thủ cạnh tranh sừng sỏ trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống. Thời thanh niên, ông tham gia giải mã câu và giành danh hiệu vô địch quyền Anh hạng nặng bang Missouri. Về sau, ông trở thành một tay golf xuất sắc - nhà sáng lập giải thi đấu nghiệp dư Walker Cup giữa Mỹ và Anh.

Tính cạnh tranh của Bert Walker còn được lan rộng trong giới kinh doanh, nơi ông nổi tiếng là một doanh nhân bất khuất. Ông khởi nghiệp công ty đầu tư riêng của mình ở quê nhà St. Louis khi hai mươi lăm tuổi. Sau một vài năm kinh doanh thuận lợi, ông chuyển đến một phạm vi lớn hơn, tại thành phố New York. Ở đó, ông đã hợp tác với một nhà đầu tư giàu kinh nghiệm, William Averell Harriman, và trở thành Chủ tịch của W.A. Harriman & Company. Bert Walker không lo ngại các rủi ro tài chính, và ông chắc chắn không ngại chi tiền. Ông sở hữu một chiếc du thuyền, vài chiếc Rolls - Royce, và hàng loạt căn hộ tại bờ Đông - bao gồm cả Walker's Point, nơi duy nhất đến nay vẫn còn thuộc sở hữu của gia đình tôi.

Là một người cha, ông đối xử cứng rắn với các con trai. Con trai út của ông, Lou, một lần đã xuất hiện trong tình trạng say rượu tại một giải vô địch tennis đôi nam nữ tại Kennebunkport. Khi đó cả gia đình đều đến xem trận đấu. Bert Walker, đang đứng bên sân cỏ vũ trong phục sức chỉnh tề và thắt cà vạt, đã

phát hiện ra hành vi bê tha của con trai mình và lôi con trai ra khỏi sân. Lúc trở về Walker's Point, Lou bị triệu tập vào văn phòng gặp cha. Bert Walker đã nói rằng hành động say rượu là vết nhơ lên danh tiếng của gia đình. Sau đó ông đưa ra một quyết định: Thay vì việc trở lại kỳ học tiếp theo ở Yale, Lou sẽ phải mất một năm để làm việc tại mỏ than Pennsylvania. Xuất hiện trong tình trạng say rượu tại một trận quần vợt là điều thô lỗ và thiếu tôn trọng, và đó là những phẩm chất không thể được tha thứ đối với con trai của Bert Walker.

Hoàn toàn tương phản với cách ông đối xử với con trai, Bert Walker dành cho con gái tình thương yêu vô hạn. Ông dành sự ám áp đặc biệt tới cô con gái nhỏ, Dorothy, ra đời tại Kennebunk năm 1901. Đổi lại, Dorothy Walker cũng rất tự hào về cha mình. Bằng cách nào đó, bà đã được thừa hưởng những phẩm chất tốt nhất của cha mình và làm mềm mại những nét gai góc trong tính cách của ông. Cuối cùng bà đã truyền lại những phẩm chất đó cho con trai mình là George Herbert Walker Bush.

Giống như cha của mình, tính cạnh tranh của Dorothy Walker là không có giới hạn. Mẹ tôi từng đặt mệnh danh cho bà tôi là “con người hiện còn đang sống hiếu thắng nhất”, một danh hiệu mà bà đạt được khi theo đuổi từ môn quần vợt (bà tôi là tuyển thủ quốc gia nổi bật trong cộng đồng quần vợt nghiệp dư dành cho phụ nữ) đến trò chơi cờ Tiddlywinks. Bà đã từng thách thức một người bạn cùng bơi từ Walker's Point đến Cầu lạc bộ sông Kennebunk, với khoảng cách hơn một dặm. Nghĩ rằng bà nói đùa, người bạn đó khi bơi được vài trăm mét đã dừng lại. Bà tôi vẫn tiếp tục bơi hết quãng đường trong dòng nước lạnh như băng của Đại Tây Dương. Trong số kỳ tích huyền thoại nhất của bà, bà từng tham gia chơi một trận bóng mềm khi mang thai ở tháng thứ chín, và vừa chạy về sân nhà vừa đập cú bóng cuối cùng, sau đó thông báo rằng bà bắt đầu đau đẻ khi vừa cán đích.

Bà tôi nung nấu nhiệt tâm để chiến thắng với sự khiêm tốn tuyệt đối, và yêu cầu tất cả những người con của mình cũng làm điều tương tự. Bà mong đợi niềm vinh dự khi chiến thắng, tinh thần thượng võ khi thất bại, và cam kết phải “làm tốt nhất” trong tất cả các công việc. Bà dạy các con không kiêu căng vì thành tích cá nhân và biết ghi nhận sự giúp đỡ của người khác. Không nên vi phạm những luật lệ hà khắc của bà. Theo quan điểm của bà, “tính kiêu ngạo không phải là một điều cuốn hút và những người tự tin về bản thân

không cần quá tự mãn về mình”. “Chẳng ai ưa một người khoác lác”, bà hay nói vậy.

Khi cha tôi còn là một đứa trẻ sống ở Greenwich, Connecticut, bà nội tôi đã hỏi ông về một trận đấu bóng chày ông từng chơi.

“Rất tuyệt”, ông trả lời, “Con đã chiến thắng”.

“Tốt lắm, George”, bà đáp.

Sau đó bà thắc mắc. “Nhưng cả đội đã chơi thế nào?”

Một lần khác, cha tôi giải thích rằng đội của ông đã thua một trận quần vợt vì ông không được vào thi đấu.

“Con không được chơi”, bà tôi phản đối. “Nếu con tập luyện chăm chỉ hơn, có thể con sẽ được vào trận”.

Bài học vỡ lòng của bà nội về tính khiêm tốn đã theo cha tôi trong suốt cuộc đời. Cho đến cuộc vận động tranh cử của ông vào năm 1988, tôi đã đi cùng cha đến Câu lạc bộ Báo chí Quốc gia tại Washington, DC. Ông đã đến đây để chia sẻ hiểu biết của mình về tình hình thế giới và trả lời một số câu hỏi của khán giả. George Bush rất am tường các vấn đề chính sách. Cách giải quyết của ông đối với các câu hỏi về mối quan hệ với Liên Xô và Trung Mỹ cũng hết sức khôn khéo. Để tạo không khí kết thúc vui vẻ, người điều hành cuộc phỏng vấn đã hỏi, “Vì sao ngài đeo cà vạt màu đỏ?”.

Cha tôi đã không lường trước câu hỏi này. Từ phía ghế ngồi của tôi bên cạnh khán đài, tôi có thể thấy ông đang bối rối tìm câu trả lời. Tôi khẽ trả lời cho khán giả, “Bởi vì tôi đã đánh đổ nước sốt lên chiếc cà vạt màu xanh rồi”.

Gương mặt cha tôi giãn ra, và căn phòng rộn tiếng cười trong khoảnh khắc lúng túng của cha tôi. Ngay sau đó, ông nhanh chóng phá vỡ khoảnh khắc bằng cách thốt lên, “Đó là lý do bạn nên có một đứa con trai”. Đó là nét điển hình của cha tôi. Đối với tôi, bịa chuyện về nước sốt không có gì là ghê gớm cả. Tôi chỉ muốn cứu ông khỏi tình thế bối rối. Nhưng George Bush lại quá khiêm tốn nên đã không sử dụng một câu chuyện bịa.

Dorothy Walker Bush là một người có đức tin mạnh mẽ. Bà đọc Kinh Thánh cho những đứa con của bà trước mỗi bữa sáng. Một trong những đoạn mà bà yêu thích đó là châm ngôn 27:2: “Hãy để cho người khác khen ngợi con, chứ không phải chính miệng con làm thế”. Vào tất cả các ngày Chủ nhật, bà muốn cả gia đình sẽ đến nhà thờ, thông thường là nhà thờ Chirst ở Greenwich hoặc nhà thờ Thánh Ann ở Kennebunkport.

Cho dù tôn giáo đóng một vai trò hết sức quan trọng trong cuộc sống của bà, bà không bao giờ sử dụng lòng tin của mình để đánh giá khắc nghiệt về tôn giáo khác. Đức tin của bà chắc chắn và bền vững, và nó giúp bà có tấm lòng biết yêu thương. Khi tôi nghĩ về bà, tôi luôn liên tưởng đến hai từ thiên sứ và thánh thiện. Một trong những kỷ niệm yêu thích nhất thời thơ ấu của tôi đó là đến thăm bà và ông tôi ở Greenwich. Bà cù vào lưng tôi khi chúng tôi quỳ xuống cầu nguyện trước khi ngủ: “Giờ con sẽ nằm xuống và ngủ”.

Bà nội dành một tình yêu đặc biệt cho cha tôi. Như lời anh trai cha tôi là Jonathan từng cho biết: “Bà yêu tất cả các con của mình, nhưng bà yêu cha cháu hơn cả”. Bác ấy tiếp tục, “Điều rất đặc biệt là, không ai trong chúng tôi cảm thấy ghen tức về điều đó, tất cả đều yêu ông ấy”. Có rất nhiều câu chuyện như vậy kể về bà nội và cha tôi. Khi Dorothy Walker Bush qua đời ở tuổi chín mươi một, cha tôi đã gọi bà là “ngọn hải đăng của gia đình... một ngọn nến thu hút bướm đêm vỗ cánh xung quanh”. Trong tất cả những điều ảnh hưởng tới cuộc sống của cha tôi, không có ai định hình tính cách con người của cha nhiều bằng mẹ của ông.

Mùa thu năm 1919, một khoảng thời gian ngắn sau khi tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ mười tám, Dorothy Walker gặp Prescott Bush tại quê hương của bà tại St. Louis. Ông cao hơn 1m95 và nặng 90kg, cơ thể không có chút mỡ thừa. Mái tóc đen bóng, giọng trầm ấm, và nụ cười tỏa nắng. Ông đã đến nhà bà tôi để thăm chị gái của bà, Nancy, người mà ông đã gặp gần đây tại Câu lạc bộ xã hội St. Louis. Khi ông trông thấy Dorothy Walker đi vào phòng sau một trận tennis vào buổi chiều, ông đã bị mê hoặc. Chẳng bao lâu sau, bà cũng phải lòng ông.

Giống như Dorothy Walker, Prescott Bush cũng lớn lên ở miền Trung Tây. Cha ông, S.P. Bush, điều hành một công ty sản xuất Thép Buckeye ở Columbus, Ohio. Là một người đam mê thể thao cuồng nhiệt, S.P. đã giúp tổ chức một giải bóng chày địa phương, ông đóng vai trò như một trợ lý huấn

luyện viên của đội bóng bang Ohio, và đồng sáng lập Câu lạc bộ Scioto Country, nơi có sân golf do Donald Ross, kiến trúc sư sân golf tài ba thiết kế, nơi Bobby Jones chiến thắng giải đấu golf Mỹ mở rộng năm 1926 và cũng là nơi tập luyện thời trẻ của huyền thoại Jack Nicklaus.

Sau thời thơ ấu tại Columbus, Prescott Bush đi đến miền đông để học tại trường nội trú ở St. George vùng Rhode Island. Ông đã rất xuất sắc trong trường học, và, giống như cha mình, ông cũng là một vận động viên xuất sắc. Hai môn thể thao giỏi nhất của ông là bóng chày và golf. Ông nội Prescott của tôi chưa giành được giải Gấu Vàng nhưng là người chơi golf giỏi nhất trong gia đình. Ông đã luôn giữ mức điểm chênh lệch số gậy tiêu chuẩn bằng không trong suốt cuộc đời, hoàn thành giải Mỹ mở rộng dành cho người cao tuổi, và nhiều lần có số lần đánh bóng thấp hơn số tuổi.

Khi học đại học, Prescott Bush đã chọn Yale. (Ông của ông, James Smith Bush đã khởi đầu truyền thống học ở Yale cho cả gia đình). Là một ngôi sao chơi ở vị trí tấn công số một trong đội bóng chày, ông còn được đội chơi golf chọn làm thành viên tham dự trận thi đấu khó khăn nhất. Mùa xuân, ông thường ra sân golf vào buổi sáng và đến sân bóng chày vào buổi chiều. Ông cũng có một chất giọng tuyệt hảo. Ông đã hát cùng Câu lạc bộ Yale Glee và Whiffenpoofs. Mặc dù nhiều nét của Prescott Bush được di truyền tới đời chúng tôi, nhưng nhánh của cha tôi trên cây phả hệ Bush không thừa hưởng được giọng ca tài năng của ông.

Năm 1916, trước khi bắt đầu vào năm học cuối tại trường đại học, ông tôi là một trong số ít các sinh viên của Yale tình nguyện tham gia Tổ chức Phòng vệ Quốc gia Connecticut. Khi Mỹ bước vào Thế chiến thứ nhất, Trung úy Bush được điều đến Pháp với nhiệm vụ là một sĩ quan pháo binh. Ông đã chiến đấu ngoài mặt trận mười tuần dưới sự chỉ huy của tướng John “Black Jack” Pershing. Khi quân Đức đầu hàng, ông đảm trách vai trò quan trọng trong lực lượng đồn trú trước khi trở về quê hương với quân hàm đại úy. Quyết định xung phong vào quân đội của ông đã gây ấn tượng sâu sắc cho cha tôi, người sẽ phải đối mặt với sự lựa chọn tương tự trong thế hệ tiếp theo.

Sau chiến tranh, Prescott Bush nhận làm phụ tá quản lý cho công ty Simmons Hardware tại St. Louis, nơi ông đã gặp Dorothy Walker. Họ kết hôn vào tháng 8 năm 1921 tại nhà thờ Thánh Ann ở Kennebunkport. (Tôi ngờ rằng họ đã có thể hình dung ra một chuyến nhảy dù vào thời điểm này của chín mươi



ba năm sau). Như một món quà dành cho đôi vợ chồng mới cưới, Bert Walker đã xây cho họ một căn nhà gỗ một tầng trên vùng đất thuộc Walker's Point. Ngôi nhà đó vẫn tồn tại và hiện giờ đang được chị gái tôi, Dorothy, người có cùng tên với bà nội của chúng tôi, sử dụng.

Bà nội tôi dành những năm đầu sau hôn nhân cho những chuyến đi. Prescott Bush đã chuyển chuyên công việc kinh doanh từ St. Louis tới Kingsport, bang Tennessee; và Columbus, bang Ohio. Cuối cùng ông đã đảm nhận trọng trách điều hành công ty Rubber Stedman Products tại miền Nam Braintree, bang Massachusetts, trên đường Adams, con đường được đặt theo tên của gia đình chính khách của Tổng thống John và John Quincy Adams. Nơi đây, vào ngày 12 tháng 6 năm 1924, George Herbert Walker Bush đã chào đời.

Không lâu sau, Prescott Bush tiếp tục chuyển chuyên công tác. Năm 1925, ông đã đảm nhận một công việc mới ở công ty Rubber U.S tại thành phố New York. Ông chuyển gia đình tới Greenwich, Connecticut, khoảng bốn mươi lăm dặm về phía đông bắc Manhattan. Greenwich là nơi cha tôi lớn lên và ông bà nội tôi đã sống đến hết cuộc đời ở đó.

Một bài học mà cha tôi và tôi đã học được từ Prescott Bush đó là giá trị của việc kết bạn và giữ bạn. Trong suốt khoảng thời gian ở Yale, Prescott Bush đã kết bạn với Roland Harriman, được biết đến với cái tên Bunny (Tôi chưa bao giờ hiểu được tại sao một người đàn ông lại có biệt danh là "Bunny", có nghĩa là Thỏ). Một khoảng thời gian ngắn sau khi ông tôi đến New York, Bunny đã nảy ra ý tưởng cùng ông tôi tham gia đầu tư nhà đất tại W.A. Harriman, nơi mà anh trai ông, Averell, đã sáng lập ra và Bert Walker làm chủ tịch. Ông tôi đã chấp nhận lời đề nghị. Niềm tin của ông đối với Bunny đã vượt qua những e ngại như ông từng cảm thấy khi làm việc cùng nhạc mẫu. Một tình bạn bền vững đã mở ra cánh cửa cho ba mươi năm làm việc ở lĩnh vực đầu tư ngân hàng của ông tôi. Cuối cùng ông đã trở thành đối tác hàng đầu của công ty, và sáp nhập công ty với Brown Brothers để trở thành Brown Brothers Harriman, một trong những công ty thành công và được kính trọng bậc nhất trên phố Wall. Công ty cũng chia thành hai đảng, Averell Harriman, một thành viên Đảng Dân chủ, sau đó đã trở thành Thống đốc New York, và là thành viên chủ chốt của hai chính quyền Roosevelt và Truman, trong khi Prescott Bush cùng con trai và các cháu trai đã bắt đầu hoạt động với tư cách là thành viên của Đảng Cộng hòa.

Prescott Bush đã dạy các con của ông rằng thước đo của một cuộc sống có ý nghĩa không phải ở vấn đề tiền bạc mà là nhân cách. Ông nhấn mạnh rằng thành công về mặt tài chính luôn đi cùng với trách nhiệm phục vụ cộng đồng và quốc gia tạo ra sự thịnh vượng. Mặc dù rất bận rộn với công việc ở phố Wall, ông luôn dành thời gian để tìm hiểu nguyên nhân của các vấn đề đang tác động đến mình. Ông là một lãnh đạo thế hệ đầu và là nguồn gây quỹ tài trợ lớn của USO, một tổ chức hỗ trợ quân đội và cựu chiến binh. Ông là một nhà quản lý làm việc trong Hiệp hội Golf Mỹ, và cuối cùng trở thành Chủ tịch (vị trí mà nhạc mẫu của ông, Bert Walker, cũng đã nắm giữ trước đây), và ông là một người ủng hộ mạnh mẽ của Quỹ United Negro College (tổ chức từ thiện hỗ trợ học bổng cho học sinh da màu học cao đẳng). Trong hai thập kỷ, ông trở thành điều phối viên các cuộc họp của đại diện thị trấn Greenwich, một công việc không lương và tốn nhiều thời gian. Trong khi các bạn của ông tham gia những bữa tiệc hoặc chơi bài, thì ông trực điện thoại để thuyết phục các chủ nhà đất nhượng quyền xây dựng hạ tầng tại Merritt Parkway, một đại lộ quan trọng nối liền Connecticut và New York. Sự tận tâm phục vụ cộng đồng là một trong những giá trị quan trọng nhất mà Prescott Bush đã truyền lại cho các con của ông - để cha tôi truyền lại cho tôi và các anh chị em trong gia đình.

Prescott Bush tuân thủ một tín điều rằng nói lời thì phải giữ lời. Năm 1963, Nelson Rockefeller ly hôn với vợ để kết hôn với một cựu tình nguyện viên của một chiến dịch tranh cử, người đã rời bỏ chồng và các con của cô ấy để đến với ông. Tuy ông tôi và Rockefeller cùng là thành viên một đảng chính trị, nhưng ông tôi đã tuyên bố trong một bài diễn văn tại trường nữ sinh Greenwich, như tờ Times đã miêu tả là “một trong những bài diễn văn đã kích thích nhiều nhất trong lịch sử”. Ông tôi đặt câu hỏi liệu một thống đốc bang có thể “chăm sóc đời sống của người dân được không khi người lãnh đạo của bang đó - một người tài năng có thể được đề cử cho chức vị Tổng thống Mỹ - có thể rời bỏ một người vợ tốt, mẹ của những đứa con đã trưởng thành của anh ta, ly hôn với cô ấy, sau đó thuyết phục một phụ nữ trẻ hơn, là mẹ của bốn đứa con nhỏ, rời bỏ chồng và con cô ta để kết hôn với mình.” Rõ ràng Prescott Bush đã không ngần ngại khi trình bày quan điểm của ông. Tôi có thể tưởng tượng được điều ông sẽ nhận xét nếu ông nhìn thấy những vấn đề của cuộc sống thời nay.

Tuy có phần nghiêm khắc về vấn đề đạo đức, nhưng ông là người rất yêu đời. Ông rất thích hát, thời điểm ông vui nhất là lúc được hát cùng với gia đình hoặc luyện tập các bản tứ tấu do chính mình phối. Ông hay cười to và thích những lời nói đùa vui vẻ, mặc dù điều đó có thể thẳng thắn. Hơn một lần, ông đã xông ra khỏi phòng bởi cảm thấy khó chịu khi có người kể những câu chuyện gây cười tục tĩu. Năm 1959, ông tôi được đề cử là một ứng viên cho chức chủ tịch Câu lạc bộ Alfalfa, một tổ chức tập hợp xã hội ở Washington. Bài diễn văn chấp thuận tham gia của ông đã nhận được hưởng ứng rất mạnh mẽ.

“Đối với các nhân viên, tôi đã yêu cầu sự tận tâm trong công việc giống như tôi đã thực hiện”, ông nói. “Quả thực, tất cả mọi người trong văn phòng của tôi đều chỉ cần dưới tám mươi lần đánh bóng khi chơi golf. Tiếp nối truyền thống tuyệt vời từ thời Thomas Jefferson, chúng tôi đã cố gắng để chứng minh một chân lý rằng chính quyền sẽ làm việc tốt nhất khi cai trị ít nhất”. Lúc bàn về sự hy sinh của bà tôi khi chuyển đến Washington, ông đã diễn giải câu nói của Nathan Hale trong tiệc cưới: “Tôi tiếc là mình chỉ có duy nhất một người vợ để hy sinh cho tổ quốc”. Những năm sau, cha tôi, em trai tôi, Jeb, và tôi, tất cả đều nói bước ông trở thành các ứng viên chủ tịch của Câu lạc bộ Alfalfa.

Cha tôi rất sùng bái ông nội. Bằng nhiều cách, ông đã lấy cuộc đời của ông nội làm khuôn mẫu cho mình: tình nguyện ra chiến trường, kinh doanh xuất sắc, và sau đó đảm nhận trách nhiệm phụng sự công dân. Tôi vẫn nhớ sự hãnh diện đã hiện rõ trên khuôn mặt của cha khi ông nói với bạn bè rằng cha ông là Thượng nghị sĩ Mỹ. Tôi ngờ rằng một trong những suy nghĩ đầu tiên của ông sau khi ông thực hiện lễ tuyên thệ nhậm chức Tổng thống năm 1989 là làm cách nào nhanh nhất để chia sẻ khoảnh khắc đó với cha của ông. Điều này cũng giống như tình cảm mà tôi đã dành cho cha mình khi ôm lấy ông tại buổi lễ nhậm chức tổng thống của tôi vào năm 2001 và 2005.

Khi còn là một đứa trẻ, cha tôi rất thích chia sẻ với anh trai của ông, Pres (Prescott Bush Jr, được đặt giống tên ông nội tôi). Bất cứ khi nào nhận được một món quà hoặc một thứ đồ chơi, cha tôi đều sẽ chạy đi tìm Pres, cho ông ấy xem, và nói, “Chúng ta chia đôi đi”. Khi có một chiếc xe mới, ông đã cố gắng để chia sẻ với Pres bằng cách để bác ấy đạp một bên bàn đạp. Ông nội tôi đã từng gọi cha tôi là “Một nửa”.

Prescott và Dorothy Bush tập trung vào việc dạy dỗ con cái nghiêm khắc. Cha tôi đã dành tám năm học đầu tiên tại trường Greenwich Country Day, một trường tư thục được thành lập bởi các gia đình ở địa phương. Những trải nghiệm học tập đầu đời của ông khác hoàn toàn so với tôi. Tại Greenwich Country Day, rất nhiều trẻ em đến trường bằng xe hơi do quản gia lái. Tại trường Tiểu học Sam Houston tại Midland, Texas, hầu hết trẻ em đều đi bộ hoặc đi xe đạp đến trường.

Những năm học phổ thông, hai người con trai cả được Prescott và Dorothy Bush gửi đến học viện Phillips ở Andover, Massachusetts. Bà nội tôi đã chọn trường này vì học vấn uyên bác của những giáo viên ở đây và cũng bởi họ muốn những người con trai của mình quen biết với các chàng trai khác đến từ nhiều vùng đất nước.

Andover chứng tỏ là một trải nghiệm đáng giá, nó ứng nghiệm với tôi khi tôi học ở đây một thế hệ sau. Cả cha tôi và tôi đều đạt được rất nhiều lợi ích từ kỷ luật và thách thức của quá trình học. Và tất cả chúng tôi đều rút ra những bài học quan trọng ngoài lớp học. Như là một thanh niên lần đầu tiên tự lập, chúng tôi đều được học để trở nên độc lập, làm việc chăm chỉ, và để kết bạn.

Tại Andover, cha tôi đã thể hiện được khả năng lãnh đạo thiên bẩm. Mọi người bị ông cuốn hút và đều muốn theo ông. Các thành viên trong đội của ông chọn ông là đội trưởng đội bóng chày, bóng đá và cả người quản lý đội bóng chày. Ông đứng đầu trong trường về nỗ lực gây quỹ từ thiện cho nhà nguyện và được bầu làm Chủ tịch của khối học sinh năm cuối cấp.

Tuy cha tôi được mệnh danh là người đàn ông vĩ đại tại trường học nhưng ông không đặt danh tiếng của mình lên mọi thứ. Một ngày nọ, một cậu học sinh trẻ tên Bruce Gelb bị các học sinh nam khóa trên vây quanh, có thể bởi vì đó là một trong số ít những học sinh người Do Thái của trường. Khi cha tôi trông thấy các nam sinh khóa trên đánh cậu ta, ông đã bảo họ dừng tay. Họ đã nghe theo. George Bush luôn làm việc theo cách của riêng mình và chẳng bao giờ suy nghĩ nhiều về nó. Nhưng Bruce Gelb thì luôn nhớ rằng chỉ có cha tôi là một trong những nam sinh nổi tiếng nhất trường đã không vờ như không trông thấy những gì mà ông đã phải chịu đựng. Vì thế ông đã trở thành một người hỗ trợ đắc lực cho cha tôi trong suốt cuộc đời, và cha tôi sau đó cũng đã bổ nhiệm ông vào vị trí quan trọng trong chính phủ, như Đại sứ tại Bỉ và Giám đốc của Sở Thông tin Hoa Kỳ.

Andover luôn nhấn mạnh một phương châm: “Phần kết phụ thuộc vào phần khởi đầu”. George Bush đã được ban phước khi có một khởi đầu tốt. Gia đình yêu thương ông, cung cấp cho ông một nền giáo dục tuyệt vời, và truyền lại cho ông những phẩm chất đáng quý. Ông đã có nhiều bạn bè, gây được ấn tượng với giáo viên, và nổi trội trong các môn thể thao. Ông cũng đã vươn lên những bước tiếp theo, được nhận vào học tại Yale, nơi tiếp bước dấu chân của cha ông.

Ít lâu sau, vào Chủ nhật, ngày mùng 7 tháng 12 năm 1941, mọi thứ đã thay đổi. Cha tôi và vài thành viên trong lớp đang đi băng qua khuôn viên Andover gần phòng cầu nguyện thì hay tin người Nhật đã tấn công Trân Châu Cảng. Ngày tiếp theo, nhiều hàng dài tình nguyện viên đứng chờ bên ngoài khu tuyển quân trên toàn quốc.

Hầu hết các chàng trai bằng tuổi cha tôi thời ấy đều phải đứng trước hai sự lựa chọn: ra chiến trường hay tiếp tục cuộc sống với kế hoạch đã đặt ra. Mọi lời khuyên mà cha tôi nhận được đều dẫn tới cùng một đích. Người đọc diễn văn trong buổi lễ phát bằng của năm học cuối cấp là Henry Stimson, Thư ký thời chiến của Tổng thống Roosevelt và là một cựu sinh viên của Andover. Ông đã thúc giục các sinh viên tốt nghiệp tiếp tục đi học đại học, ông chắc chắn rằng họ sẽ có cơ hội tham gia quân đội vào thời gian sau. Prescott Bush đã đồng ý mạnh mẽ, ông xin cha mình cho đến Yale và tìm con đường riêng để phụng sự tổ quốc từ đây.

Có một lý do khác khiến cha tôi thích sống gần gũi với gia đình mình hơn. Đó là trong kỳ nghỉ lễ Giáng sinh vào năm học cuối tại trường phổ thông, ông đã đi khiêu vũ ở một câu lạc bộ tại Greenwich. Khi đang nói chuyện với bạn bè, ông bị cuốn hút bởi vẻ đẹp của một cô gái đi ngang qua. Đó là Barbara Pierce, khi ấy mười sáu tuổi, còn cha tôi mười bảy tuổi. Cha tôi đã mời cô nhảy, thế nhưng có một rắc rối xảy ra. Họ không biết nhảy điệu waltz. Vì thế họ đã phải ra ngoài khi mọi người nhảy điệu này và chỉ nói chuyện với nhau. Ông đã nắm được một số thông tin về cô, cô đến từ Rye, New York, cô đang trọ tại một trường nội trú ở phía nam Carolina. Họ rất tâm đầu ý hợp và cùng nhau hẹn ngày hôm sau gặp lại trong bữa tiệc giáng sinh tại Câu lạc bộ Apawamis ở Rye.

Buổi tối hôm đó, ban nhạc đã không chơi điệu waltz và tất nhiên, George H.W. Bush cùng Barbara lên sàn nhảy. Ngay lập tức, có một sự đồng cảm

giữa họ, và họ đã đồng ý sẽ giữ liên lạc với nhau. Họ lại gặp nhau tại một bữa tiệc mừng lễ trưởng thành của học sinh trường Andover, sau đó, cha tôi đã trao cho cô ấy một nụ hôn tạm biệt. (Barbara khẳng định đó là nụ hôn đầu tiên trong đời cô ấy). Đến giờ, cha mẹ tôi chẳng còn nhớ nhiều về những gì mà họ đã nói với nhau trong những ngày đầu tiên ấy, nhưng có một điều, đó là họ đã làm cho nhau cười rất nhiều. Không lâu sau đó, họ yêu nhau.

Có một điều mà cả hai người đã bàn luận với nhau đó là quyết định của cha tôi trong việc gia nhập quân đội. Như cách mà cha tôi bày tỏ với mẹ, ông cảm thấy bị xúc phạm với cuộc tấn công Trân Châu Cảng. Sinh mạng của hơn 2.400 người vô tội bị cướp đi, điều này khơi gợi trong cha niềm căm phẫn của chính nghĩa, điều mà nhiều người Mỹ trong đó có tôi, đã phải trải qua sau cuộc tấn công của khủng bố vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Ông cảm nhận được đó là bôn phận. Cha tôi, ông luôn nhấn mạnh rằng, chúng ta đã được hưởng những điều an lành, chúng ta phải cố gìn giữ nó.

Theo Kinh Thánh, “Ai đã được nhận nhiều thì sẽ phải cho nhiều”. George Bush nhận ra rằng ông đã được cho rất nhiều. Sức khỏe bề ngoài cho phép ông nhập ngũ, và bôn phận trong thâm tâm cũng thôi thúc ông. Cha nói với mẹ tôi rằng, ông ấy đã quyết tâm gia nhập quân đội với vai trò là một phi công của binh chủng Hải quân.

Tới thời điểm này trong cuộc đời, George Bush chưa phải đối mặt với nhiều quyết định khó khăn. Ông chưa bao giờ cãi lời cha mình. Nhưng ông đã quyết, và không lưỡng lự. Sau buổi lễ nhận bằng tốt nghiệp trung học, cha tôi đã nhìn vào mắt của ông nội và nói, “Con sẽ nhập ngũ”. Ông nội đáp lại bằng cách bắt tay cha. Ông tôn trọng quyết định của cha tôi, thời khắc đó đánh dấu sự ủng hộ tuyệt đối của ông tôi dành cho cha.

Cha tôi đã nhập ngũ ngày 12 tháng 7 năm 1942, vào đúng sinh nhật thứ mười tám của ông. Hai tháng sau đó, ông nội tôi đã đưa cha ra ga Penn ở New York, ông lên đường đến phía bắc Carolina để bắt đầu nhập ngũ. Khi cha tôi đứng trên ga chuẩn bị lên tàu, Prescott Bush đã trao cho cha tôi một cái ôm. Đó là lần đầu tiên trong cuộc đời, cha nhìn thấy ông nội khóc.

# Chiến tranh

M

ối mình. phi công Đối với thường tôi, nhớ đó là chuyến chuyến bay bay đầu với tiên chiếc của Cessna 170 ở căn cứ Không quân Moody tại Valdosta, Georgia năm 1968. Đối với cha tôi, đó là chiếc máy bay có khoang lái mở Stearman N2S - 3 tại căn cứ Không quân của lực lượng Hải quân Wold - Chamberlain, Minneapolis năm 1942. Các học viên trẻ ở đây gọi chiếc máy bay này là “Hiểm họa da vàng” vì nó được sơn màu vàng và vô cùng nguy hiểm khi bay trên bầu trời. Nó còn được gọi bằng một cái tên khác là “Máy giặt”, gọi ra hình ảnh những học viên bị quay cho tơi tả khi luyện tập để trở thành phi công.

Cha tôi mô tả lại chuyến bay đầu tiên ông lái một mình là “một trong những điều đáng sợ nhất” trong cuộc đời ông. Tôi biết chính xác điều ông nói. Đó là một cảm giác không thể diễn tả nổi bằng lời khi ngồi trong buồng lái, lao nhanh xuôi đường băng, và cất cánh lên không trung. Chiếc máy bay không quan tâm bạn đến từ đâu, bạn học ở trường nào, hay cha mẹ bạn là ai. Vấn đề ở đây là liệu bạn có đủ những kỹ năng để lái nó không mà thôi - những kỹ năng cần thiết, như cách mà Tom Wolfe đã gọi. Thiếu úy George Bush bay hầu như mỗi ngày qua vùng Minnesota trong tiết trời đông lạnh giá. Ông lái một cách thoải mái trên không và xuất sắc khi hạ cánh ngay cả đó là trên tuyết, trên băng - điều đòi hỏi kỹ năng rất điều luyện, và vô cùng hữu ích tại khu vực Nam Thái Bình Dương.

Rất nhiều phi công nói rằng, việc học lái máy bay làm cho họ cảm thấy mình cao hơn. Trong trường hợp của cha tôi, thì đó là điều hoàn toàn đúng. Vào thời điểm viên sĩ quan chỉ huy trao cho ông chiếc huy chương vàng về thành tích bay tại căn cứ Không quân của lực lượng Hải quân Corpus Christi tháng 6 năm 1943, ông nhận ra mình đã cao thêm khoảng 5cm so với khi mới nhập ngũ, tổng chiều cao của ông lúc đó khoảng 1m89. Ông vẫn chưa đủ mười chín tuổi, và điều này có nghĩa ông là phi công trẻ nhất trong Lực lượng Hải quân Hoa Kỳ.

Sau những năm học ở trường hàng không, cha có một thời gian ngắn được nghỉ phép trước khi nhận nhiệm vụ tiếp theo. Cha đã dành thời gian này cho gia đình ở Maine, bà tôi lại rất hào phóng khi mời một vị khách đặc biệt tới nhà, đó là Barbara Pierce, sinh viên Đại học Smith đang trong giai đoạn nghỉ hè. Cha mẹ tôi luôn ở bên nhau suốt thời gian hai tuần ở Maine. Và khi kỳ nghỉ gần kết thúc, họ quyết định đính hôn bí mật.

Bí mật này không giữ được lâu. Vào tháng 12 năm 1943, chẳng bao lâu trước khi buổi lễ hạ thủy cho chiếc tàu sân bay USS San Jacinto, con tàu sẽ mang cha tôi ra chiến trường, cha mẹ tôi đã quyết định thông báo cho gia đình về kế hoạch kết hôn. Cả hai rất đỗi ngạc nhiên khi cả gia đình đều đã biết việc này. Tình cảm của họ dành cho nhau quá rõ ràng. Giống như cha đã từng viết cho mẹ “Anh yêu em, tình yêu quý giá của anh, bằng cả con tim của anh, cả cuộc sống của anh dành trọn cho em, em là tất cả đời anh. Anh vui mừng không thể nào diễn tả được khi một ngày nào đó chúng mình sẽ là của nhau. Rồi những đứa con của chúng mình sẽ thật may mắn khi có một người mẹ tuyệt vời như em” (Đó là bức thư duy nhất trong thời chiến còn sót lại, phần còn lại của bức thư đã bị mất sau nhiều lần cha mẹ chuyển nhà). Sau buổi lễ kỷ niệm hôm ấy, bà tôi đã đưa cho cha một chiếc nhẫn đính hôn - một chiếc nhẫn ngọc bích lấp lánh ánh sao, nó từng thuộc về chị gái của bà, Nancy. Và vào cuối ngày hôm ấy, cha đã tặng nó cho người vợ sắp cưới của ông, Barbara. Đến hôm nay bà vẫn còn đeo nó (dẫu cho bà luôn nghi ngờ đó chỉ là chiếc nhẫn bằng thủy tinh xanh bình thường).

\* \* \*

Tháng 1 năm 1944, sau khi đã hoàn thành một năm xuất sắc, và một nửa quá trình huấn luyện, Thiếu úy Bush nhận nhiệm vụ trên con tàu sân bay USS San Jacinto. Tàu sân bay San Jac được đặt tên theo trận chiến Đại tướng Sam Houston đã đánh thắng Santa Anna, lãnh đạo người Mexico. Như một điềm báo cho cuộc đời phía trước của cha tôi, tàu sân bay mang theo hai lá cờ, cờ Sao và Sọc của nước Mỹ và cờ Ngôi sao cô đơn của bang Texas.

Người phi công trẻ của lực lượng Hải quân đã gia nhập nhóm phi công sau này làm nên phi đội VT - 51. Jack Guy đến từ vùng quê Georgia, ông rời bỏ công việc nhân viên ngân hàng để tòng quân. Lou Grab lớn lên ở Sacramento, bang California, là con của chủ một trạm xăng. Stan Butchart là người bản địa ở Spokane, Washington, luôn luôn mơ ước trở thành phi công. Những



người bạn trong phi đội có ít điểm tương đồng. Tại Andover, George Bush đã học được rằng ông có thể kết bạn với nhiều người ở các vùng miền khác nhau của đất nước. Trong quân đội, ông đã học được rằng, ông có thể kết bạn với nhiều người thuộc mọi tầng lớp khác nhau.

Cha tôi có một biệt tài có thể khiến cho người khác bật cười. Ông đặt những cái tên khác nhau cho mọi người (Nghe có vẻ gần gũi quen thuộc?). Stan Butchart là “Butch”, Jack Guy là “Jackoguy”, được nối bằng chữ cái đầu của tên đệm. Cha tôi kiếm một cái tên đặc biệt cho riêng ông. Trong thời gian huấn luyện ở bờ biển Marryland, ông đang lái máy bay bay rà rà trên mặt biển thì nhìn thấy một đám xiếc đang chuẩn bị bên dưới. Rõ ràng động vật chẳng biết nhiều về máy bay hải quân, tiếng động cơ khiến chúng kinh hãi, một trong số những con voi chạy tán loạn khắp thị trấn. Từ hôm đó, những người bạn thân của cha đặt cho ông cái tên “Voi Ellie”. Ông đáp lại bằng cách giả tiếng kêu của voi mà ông đã học được trong thời chiến. Tôi chưa bao giờ được nghe ông giả tiếng voi, dầu cho ông có thể làm việc đó một cách dễ dàng khi ông đã trở thành Chủ tịch Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa.

Chiếc máy bay khiến cho con voi của rạp xiếc hoảng sợ là chiến cơ mang tên TBF/TBM Báo Thù - Avenger, một máy bay thả ngư lôi. Avenger là loại máy bay một động cơ lớn nhất của lực lượng Hải quân và là máy bay vận tải. Nó có thể chở một phi công, hai phi hành viên và bốn quả bom mỗi quả nặng gần hai tấn. Để chở được hàng tấn đạn dược, chiếc máy bay này được thiết kế khoang chứa rộng, khiến cho nó có cái tên rất truyền cảm là “Con gà tây chữa”.

Avenger là chiến cơ hạng nặng, đòi hỏi phi công có những tố chất đặc biệt mới có thể điều khiển được. Công việc khó khăn nhất là hạ cánh trên boong tàu vừa nhỏ hẹp vừa nhấp nhô của tàu sân bay. Một cú hạ cánh chính xác đòi hỏi người lái phải có sự tập trung cao độ, sự chính xác và phối hợp đồng đội tốt. Phi công chọn góc hạ cánh chính xác, tuân theo những chỉ dẫn của nhân viên mặt đất, sau đó phải móc máy bay vào một trong những cái chốt của tàu sân bay để tránh trường hợp máy bay bị trượt khỏi boong tàu. Khi làm tổng thống, tôi từng làm hành khách trong chiếc máy bay phản lực S - 3B Viking hạ cánh trên tàu sân bay USS Abraham Lincoln. Tôi vốn đã dành sự kính trọng

những phi công ở tàu sân bay, thế nhưng sau lần hạ cánh này, sự kính trọng tăng lên gấp đôi.

Mùa xuân năm 1922, tàu sân bay San Jac được điều đến vùng biển Thái Bình Dương. Cha tôi ở trong buồng lái của chiếc Avenger chuẩn bị bay lần đầu tiên ra khỏi tàu sân bay mới. Ông viết thư cho mẹ “niềm vui không thể diễn tả nổi khi thấy cỗ máy hoạt động”. Ngày 20 tháng 4 năm 1944, từ Norfolk, Virginia, tàu sân bay này đã đi qua kênh đào Panama, ra đến Trân Châu Cảng, khu vực giữa vùng biển Thái Bình Dương. Nhân viên trên tàu đã thấy những mảnh tro tàn còn sót lại của hai con tàu sân bay USS Utah và Arizona, như một lời cảnh báo vừa mới phát ra, rằng họ đang ở trong vùng chiến sự, và sắp phải đối diện với kẻ thù.

Nhiều tháng sau đó, Trân Châu Cảng đã trở thành nơi giao tranh ác liệt, khi cơ quan đầu não Nhật Bản mở rộng vùng chiến sự ra khắp khu vực Thái Bình Dương. Mùa xuân năm 1942, chỉ còn Úc và New Zealand tham gia quân Đồng minh. Thế trận đã bắt đầu thay đổi từ tháng 5 năm đó, khi cả quân Mỹ và Úc ngăn được sự tiến quân của Nhật trong trận chiến trên đảo San Hô. Một tháng sau, nước Mỹ đã giành chiến thắng quan trọng đầu tiên trong trận Midway. Lực lượng Hải quân bắt đầu chiến dịch chiếm các hòn đảo nhằm mục đích lần lượt giải thoát cho những đảo bị quân Nhật chiếm đóng, mục tiêu cuối cùng là tấn công Nhật Bản.

Nhiệm vụ đầu tiên của tàu sân bay San Jac là đánh vào căn cứ của Nhật trên đảo Wake. Nhiệm vụ này đã thành công, nhưng sự thật khốc liệt của cuộc chiến đã giáng đòn trở lại đội nhà. Người bạn cùng phòng của cha, cũng là người bạn thân nhất của ông, Jim Wykes, đã ở ngoài vùng màn hình rada. Đội tìm kiếm không thể xác định được vị trí của ông ấy. Ông ấy cùng hai người đồng đội được ghi tên vào danh sách những người mất tích. Không lâu sau điều này được xác nhận rõ ràng là họ không trở về nữa. Cha tôi tiếc thương người bạn của ông. Ông luôn biết cái chết là một phần của cuộc chiến, nhưng sự mất mát này với ông như nỗi đau mất đi người thân.

Một vài ngày sau đó, ông đã viết một bức thư bằng cả tấm lòng của mình gửi cho mẹ của Jim. Ông viết: “Cháu biết rất rõ về con trai bác và cháu thật may mắn vì được trở thành một trong những người bạn tri kỷ của cậu ấy”. Ông viết tiếp: “Với bản chất tốt bụng, cùng với nhiều đức tính khác, cậu ấy đã giành được tình bạn và sự kính trọng của mỗi sĩ quan và người lính trong phi đội”.

Ông tiếp tục: “Bác đã mất đi người con thương mến, chúng cháu thì mất đi một người bạn thân yêu”.

Đó là bức thư đầu tiên trong rất nhiều bức thư sau này cha tôi viết cho gia đình của những đồng đội khi họ ngã xuống trong cuộc chiến. Nhiều thập kỷ sau, ông cũng viết những bức thư tương tự với tư cách là tổng thống. Và tôi cũng vậy. Tất nhiên những bức thư chẳng thể bù đắp cho sự ra đi của một con người yêu dấu. Thế nhưng, hành động đơn giản này lại bày tỏ mối quan tâm của bạn đối với những gia đình mất người thân trong cuộc chiến. Và phần nào giúp họ vơi đi nỗi thống khổ.

Sau cuộc giao tranh trên đảo Wake, tàu sân bay San Jac lại tiếp tục hành trình tiến về đảo Saipan. Trung tuần tháng 6, con tàu bất ngờ bị tấn công bởi những chiếc máy bay Nhật Bản. Khi máy phóng chiến cơ tung chiếc Avenger của cha trên không, bình dầu bơm cháy nhỏ giọt. Máy bay không khởi động được. Lựa chọn duy nhất là hạ cánh xuống nước. Thiếu úy Bush đã điều khiển chiến cơ bay ra ngoài đại dương, cho chạm đuôi xuống trước và trượt trên mặt nước. Cha tôi và phi hành đoàn leo ra ngoài cánh máy bay, sau đó thả phao cứu sinh xuống nước, và chèo nhanh ra xa bởi những quả bom trong máy bay sẽ nổ khi ở dưới nước. Một tàu khu trục của hải quân Mỹ, chiếc C.K. Bronson, sau đó đã cứu họ lên bằng lưới kéo hàng. Đó chưa phải là lần cuối George Bush phải nói lời cảm ơn chiếc phao cứu sinh.

Lái máy bay rất nguy hiểm, nhưng cuộc sống trên tàu cũng nguy hiểm không kém. Một đêm, cha tôi đang trực trên boong tàu thì có một chiếc máy bay đang tiến tới để hạ cánh. Người phi công đã tính sai khoảng cách, và không thể gài máy bay vào cái móc trên tàu, làm cho máy bay đâm sầm vào một nòng pháo. Phi công này, cùng với những đồng đội của ông và một số người đứng xung quanh, bị chết. Cha tôi nhìn thấy một cái chân đứt lìa của phi công bắn lên co giật trên boong tàu cho tới khi người làm tạp vụ nhờ các thủy thủ dọn dẹp đóng hỗn độn đó và để chuẩn bị sẵn sàng cho máy bay khác hạ cánh.

Những trải nghiệm này chắc hẳn đã ăn sâu trong tâm trí của chàng thanh niên mới hai mươi tuổi. Càng học được nhiều về những tàn khốc của Thế chiến thứ hai, tôi càng thấy ngưỡng mộ cha, và những con người cùng thời với cha cũng thực hiện nghĩa vụ quân sự giống ông.

Trong tất cả những ngày đau thương mà George H.W. Bush đã trải qua của cuộc đời, ngày mùng 2 tháng 9 năm 1944 là ngày kịch tính hơn cả. Hôm đó các phi công đã phải thức dậy sớm vì họ có nhiệm vụ đưa tháp truyền hình ra đảo ChiCi Jima, một căn cứ được phòng thủ vững chắc. Công trình xây dựng này là đầu mối liên lạc quan trọng nhất ở quần đảo Bonin, khu vực then chốt trong việc bảo vệ trung tâm của đế chế Nhật Bản.

Cha tôi dường như lúc nào cũng bay cùng với hai đồng đội của ông, tay súng Leo Nadeau và nhân viên điện đài John Delaney. Nhưng ngày hôm đó, Trung úy Ted White xin được làm một tay súng trên máy bay. White, nhân viên hậu cần và cựu sinh viên Đại học Yale, muốn biết hệ thống vũ khí hoạt động ra sao. Cha tôi đã cảnh báo ông ấy về một chuyến bay đầy gian nan. Ngày hôm trước, họ đã mang súng hạng nặng lên đảo Chichi Jima. White đã nài nỉ xin đi, cha tôi đồng ý, và thuyền trưởng, Đại úy Don Melvin tán thành.

Khoảng 7 giờ 15 phút sáng, bốn chiến cơ Avenger rời tàu sân bay San Jac bay thành đội hình hướng về đảo Chichi Jima. Những chiến cơ Hellcat bay yểm trợ phía trên. Máy bay chiến đấu của cha, cùng với tay súng White, và Dalaney người giữ điện đài, là chiếc máy bay thứ ba trong đội bay hướng về phía mục tiêu. Khi họ chuẩn bị hạ cánh, những tay súng phòng không Nhật Bản trên đảo bắt đầu xả súng. Những đường đạn bay ngang trời, những viên đạn nổ bao phủ bầu trời bằng khói đen mù mịt. Bỗng nhiên, chiếc Avenger lắc mạnh và bay lảo đảo về phía trước. Nó đã bị trúng đạn. Khói tràn ra từ khoang máy bay, lửa bắt đầu cháy dọc theo hai bên cánh và hướng về phía bình chứa xăng.

Cha tôi quyết tâm phải hoàn thành nhiệm vụ. Ông tiếp tục cho máy bay lao xuống với tốc độ 200 dặm một giờ, rải bom trúng mục tiêu, và lái máy bay nghiêng xa khỏi hòn đảo. Ông hy vọng rằng chiếc máy bay có thể hạ cánh xuống nước, nhưng toàn thân máy bay đã bốc cháy, không còn thời gian nữa. Cách duy nhất là nhảy ra khỏi máy bay.

“Nhảy dù đi”, ông ấy la hét bảo đồng đội của mình qua hệ thống liên lạc giữa hai bộ phận.

Sau đó ông chuyển hướng máy bay một chút để giảm áp lực lên cửa buồng lái. Ông tưởng rằng hai đồng đội, Delaney và White, đã nhảy. Với những giây

còn lại, ông cố gắng cởi bỏ bộ áo giáp, lao ra khỏi khoang tàu, và kéo cái dây dù trên lưng.

Cú nhảy đã không diễn ra như kế hoạch. Đầu ông bị rạch một vết dài còn cái dù bị phần đuôi máy bay xé toạc. Ông lao xuống biển đầy khó khăn và bị nhấn chìm xuống nước. Khi ngoi lên, đầu ông chảy máu, ông nôn mửa vì vừa uống phải nhiều nước mặn, hơn nữa ông còn bị thương do trúng đạn của một tay súng người Bồ Đào Nha. Ông bơi rất nhanh ra xa khỏi hòn đảo cách mình một vài dặm.

Rồi ông thấy Doug West, một trong những phi công lái Avenger, anh ta đang dùng tay cố gắng đẩy một cái gì đó về phía ông. Đó là một chiếc phao cứu sinh màu vàng có thể tự nổi. Một phi công nào đó đã thả chiếc phao xuống khi anh ta thấy chiếc máy bay gặp nạn. Ông cố gắng bơi lên phao và bắt đầu chèo bằng hai tay. Trước mặt ông, nhiều phi công Mỹ đã nằm xuống tránh những ngọn lửa bắn ra từ các làn đạn, thứ đang dội xuống những con thuyền nhỏ mà quân Nhật đã chuẩn bị sẵn để bắt giữ các phi công bị rơi xuống từ máy bay.

Khoảng ba giờ tiếp theo, dưới cái ánh nắng thiêu đốt của mùa hè, ông đã chèo ngược dòng nước và cầu nguyện để được cứu thoát. Bằng cách nào đó, trong hoàn cảnh ấy ông vẫn có thể tìm được động lực để tiếp tục hy vọng. Tôi sẽ chẳng bao giờ biết đích xác lúc đó ông đang nghĩ gì. Tôi nghĩ chắc ông đã nghĩ lại bài học sinh tồn mà ông nội tôi từng dạy ông - hoặc là ông đã cố gắng hết sức có thể, không bao giờ từ bỏ khi vẫn còn cơ hội sống sót, và tin rằng, Chúa sẽ che chở ông bằng cách nào đấy.

Mỗi một vì chèo lái quá lâu, cuối cùng, ông cũng nhìn thấy một chấm đen ở trên mặt nước. Lúc đầu ông nghĩ rằng mình đã tưởng tượng ra nó, nhưng cuối cùng, ông đã nhận ra đó là một ống kính tiềm vọng. Nỗi sợ hãi lại ập đến bởi nó có thể là của một chiếc tàu ngầm Nhật Bản. Khi con tàu đến gần hơn và nổi trên mặt nước, ông nhận ra biểu tượng của Hải quân Mỹ. Chiếc tàu ngầm USS Finback đã giải cứu cha tôi vài phút trước 12 giờ trưa. Hai thủy thủ đã nắm chặt hai cánh tay của cha tôi, kéo ông ra khỏi chiếc phao cứu sinh và đưa lên tàu. “Chào mừng lên tàu, thưa ngài”, một người lính đã nói sau khi ghi tên cha tôi vào danh sách. “Rất vui khi được lên tàu”, ông đáp lại, rõ ràng như một lời tuyên bố sống sót.

Trong một bối cảnh đáng ghi nhớ trong lịch sử, Thiếu úy Bill Edwards đã chụp được khoảnh khắc khi cha tôi được kéo lên tàu, bằng một chiếc máy quay phim cầm tay hiệu Kodak. Nhiều thập kỷ sau, khán giả cả nước đã thấy cảnh tượng buổi sáng hôm đó ở biển Thái Bình Dương: những thủy thủ người Mỹ giải cứu một chàng thanh niên hai mươi tuổi, người sau này trở thành Tổng thống của nước Mỹ và là cha của một vị tổng thống khác.

Những ngày sau khi máy bay cha tôi lái bị bắn rơi, cha đã suy nghĩ rất nhiều, về hai người đồng đội của ông, Delaney và White. Không ai trong số họ được tìm thấy. Trên tàu sân bay Finback, cha tôi gặp nhiều ác mộng về thảm họa máy bay rơi. Ông tỉnh dậy sau cơn ác mộng và luôn luôn tự hỏi liệu mình có thể làm gì hơn nữa cho hai người đồng đội. Ngày hôm sau khi cha tôi được cứu, ông đã viết một bức thư cho cha mẹ và nói lên cảm nghĩ của mình: “Con có trách nhiệm nặng nề đối với số phận của những đồng đội đã hy sinh”. Cuối cùng cha tôi nhận được thông tin những người chứng kiến vụ máy bay rơi đã nhìn thấy một trong các đồng đội của ông nhảy dù ra khỏi máy bay, rơi xuống và thiệt mạng khi chiếc dù không thể mở. Người đồng đội còn lại chắc hẳn đã hy sinh trên máy bay.

Cha tôi đã viết nhiều bức thư gửi tới gia đình của Delaney và White. Ông đã bày tỏ sự thông cảm và nói mình ước mong có thể làm nhiều hơn cho họ. Chị gái của Del, Mary Jane đã hồi đáp lại sau đó. “Cậu nói rằng bằng cách nào đấy cậu muốn giúp tôi phải không?”, cô ấy nói. “Có một cách đấy, đó là cậu hãy đừng ngay suy nghĩ rằng phải có trách nhiệm trong tai nạn máy bay và với những người bạn của cậu. Có lẽ tôi đã nghĩ cậu cũng có phần trách nhiệm nếu như em trai tôi không thường kể rằng cậu là một trong những người bạn tốt nhất của nó trong phi đội”.

Dù đã đọc được những dòng hồi đáp này, cha tôi luôn nghĩ mình phải có trách nhiệm về sự ra đi của hai đồng đội. Nhiều thập kỷ sau, ông vẫn giữ liên lạc với hai gia đình này. Khi cha tôi được bầu làm tổng thống hơn 40 năm sau vụ việc máy bay rơi, ông đã mời riêng chị em của Delaney và White đến thăm Nhà Trắng. Trong buổi trả lời phỏng vấn với Jenna vào lần sinh nhật thứ chín mươi của mình, khoảng 70 năm kể từ sau vụ máy bay bị bắn rơi, cháu Jenna đã hỏi liệu có phải ông vẫn nghĩ về những người đồng đội đã ngã xuống trong cuộc chiến không.

“Lúc nào ông cũng nghĩ về họ”, ông trả lời.

Cha tôi đã làm việc khoảng một tháng trên con tàu Finback trước khi quay lại phi đội. Mặc dù không có nhiều nhiệm vụ chính thức, nhưng ông vẫn lặn xả vào cuộc sống trong tàu ngầm. Cha kết bạn với những thủy thủ và học hỏi về hoạt động của tàu ngầm. Một trong những nhiệm vụ khác của cha là tình nguyện kiểm duyệt thư tín nhằm ngăn chặn rò rỉ thông tin bí mật quân sự. Ông đã đọc những bức thư của những chàng nông dân hỏi về vụ thu hoạch nơi nông trại và của những thủy thủ cô đơn tha thiết muốn đoàn tụ với người thương nơi quê nhà. Quân đội đã cho ông những bài học mà ở Andover và Yale đều không dạy.

Ông còn tình nguyện trực ca trên tàu Finback, trong đó có cả ca đêm. Nhiều năm sau đó, ông vẫn nhớ những khi yên lặng một mình trên boong tàu, dưới vòm trời đêm tối đen như mực giữa Thái Bình Dương, đó là những giây phút quan trọng rọi sáng tâm can ông. Ông suy nghĩ rất nhiều về lòng biết ơn gia đình. Ông cũng bày tỏ lòng cảm tạ Chúa vì đã đáp lại lời thỉnh nguyện của ông trong những lúc ông cần đến ngài nhất. Và ông mơ về Barbara, người bạn gái ông yêu và đã định ngày hôn lễ.

Sau thời gian sống trên tàu Finback, cha tôi có cơ hội về nhà nghỉ phép. Mặc dù tôi tin chắc cha tôi mong đợi ngày gặp lại Barbara và gia đình biết bao nhiêu, nhưng ông cảm thấy có bổn phận phải quay lại phi đội. Ông đã tái hợp với những đồng đội trên tàu sân bay San Jac vào đầu tháng 11. Đến tháng 12, họ có một tháng nghỉ phép.

Đại úy Bush về đến ga xe lửa Rye, New York, trong buổi tối Giáng sinh năm 1944. Khi bước xuống sân ga, ông nhìn thấy người phụ nữ mà mình hình dung trong tâm tưởng suốt những tháng lên đêngh trên biển. Mẹ và cha tôi đã lên kế hoạch kết hôn với nhau khi chiến tranh kết thúc. Nhưng nhiều tháng sống cách xa nhau, họ đã thống nhất sẽ tổ chức hôn lễ ngay sau khi cha tôi trở về nhà. Báo hỷ gấp gáp, họ phải tự tay viết ngày tháng lên những tấm thiệp mời: Ngày 6 tháng 1 năm 1945.

Khi được hỏi trong lần sinh nhật lần thứ chín mươi, giây phút hạnh phúc nhất trong cuộc đời ông là gì, cha tôi đã nói rằng, đó là khi ông kết hôn với mẹ tôi. Cha mẹ tôi đã có một lễ cưới thời chiến theo phong cách cổ điển: cha tôi đã mặc bộ quân phục màu xanh hải quân, còn mẹ tôi mặc váy trắng đẹp tuyệt với tấm mạng che mặt mượn của bà Dorothy Walker Bush. Một số người bạn đồng ngũ, cùng với em trai của cha tôi, chú Jonathan, giúp mời khách vào

tiệc cưới. Anh trai cha, Pres, vừa mới cưới trước đó một tuần, nhận lời làm phù rể. Cha tôi đã đồng ý nhảy với mẹ tôi nhưng ông nói đây là lần đầu cũng là lần cuối ông nhảy trước đám đông. Rõ ràng cha chưa hình dung được sẽ có ngày ông phải khiêu vũ tới mười hai lần, đó là trong buổi dạ hội mừng lễ nhậm chức tổng thống của ông.

Sau kỳ nghỉ trăng mật ngắn ở Sea Island, bang George, cha tôi quay trở lại đơn vị. Nhiệm vụ của ông là chuẩn bị cho giai đoạn cuối của cuộc chiến, đổ bộ vào đất liền của Nhật Bản. Trước đó người Nhật đã bảo vệ những hòn đảo của họ một cách quả cảm, do đó, cuộc hành quân lần này được dự báo sẽ đổ máu. Khi cha tôi tập luyện ở căn cứ quân sự tại Maine, hôm đó là ngày 12 tháng 4 năm 1945, ông nghe tin qua đài phát thanh rằng Tổng thống Roosevelt đã qua đời. Mặc dù cha tôi không đồng tình với một số chính sách đối nội của Tổng thống Roosevelt vì đã mở rộng phạm vi hoạt động của chính quyền liên bang theo cách đầy kịch tính, nhưng cha tôi luôn dành sự tôn kính cho vị tổng tư lệnh của mình, cha tôi đã khóc thương cho sự ra đi của nhà lãnh đạo quốc gia trong thời khắc chiến trận nguy nan.

Phó Tổng thống Harry Truman đã tuyên thệ nhậm chức trong ngày hôm đó. Sau này khi ngồi vào vị trí bên chiếc bàn làm việc dành cho tổng thống, tôi rất khó hình dung ra áp lực to lớn đè nặng trên vai ông khi phải tiếp quản đất nước trong thời khắc sắp xảy ra hai chiến dịch quân sự lớn bất ngờ, và sau đó là chương trình bí mật phát triển vũ khí hạt nhân. Trong vòng vài tháng, Truman đã phải đối mặt với một trong những quyết định đau đớn nhất mà chưa tổng thống nào phải trải qua. Khi cuộc ném bom trên diện rộng xuống thành phố Tokyo bị thất bại không thể phá vỡ tuyến phòng vệ của quân đội Nhật Bản, Truman đã ra chỉ thị thả hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki. Ông ấy biết rằng cái giá mà loài người phải trả sẽ rất khủng khiếp. Việc sử dụng loại vũ khí mới có sức công phá tàn khốc đã thủ tiêu ý chí chiến đấu của quân Nhật. Cha tôi luôn ủng hộ quyết định này của Tổng thống Harry Truma.

Mẹ và cha tôi đã chuyển đến Virginia Beach, nơi cha đóng quân trước khi chờ quyết định xuất ngũ. Tại đây họ nghe tin quân đội Nhật Bản đã đầu hàng. Họ đã xuống đường cùng với những anh em đồng đội và gia đình của họ để ăn mừng sự kiện đáng nhớ này. Sau đó họ đến nhà thờ để cảm tạ Chúa.



Vào ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, một năm sau ngày người Nhật thua trận trên đảo Chichi Jima, phái đoàn Nhật Bản đã ký bản tuyên bố chính thức đầu hàng Mỹ trên chiếc tàu USS Missouri. Tới thời điểm đó, các giấy tờ lưu trữ cho thấy cha tôi đã bay hơn 1.200 giờ cho lực lượng hải quân, thực hiện 58 trận không chiến, thực hiện 126 lần hạ cánh thành công. Thế nhưng có một chuyến bay vô cùng đặc biệt mà cả gia đình tôi đều nhớ. Đó là, nhân dịp kỷ niệm chiến tranh chấm dứt, cha tôi đã điều khiển chiến cơ Avenger của mình bay trên vùng trời Walker's Point nơi có ngôi nhà và gia đình thân thương. Người thân của cha đứng dưới đều reo vui và khóc. Vào ngày 18 tháng 9 năm 1945, tức đúng ba năm ba tháng kể từ ngày nhập ngũ đúng vào sinh nhật lần thứ mười tám của mình, George H.W. Bush đã xuất ngũ, rời khỏi lực lượng Hải quân trong sự tôn kính của tất cả mọi người. Cha tôi đã dấn thân vào cuộc chiến. Ông đã sống sót trở về. Và người Mỹ đã chiến thắng.

Giống như nhiều cựu chiến binh khác, cha tôi thường không kể nhiều về chiến tranh. Ông không muốn hồi tưởng lại những chi tiết khủng khiếp của cuộc chiến, cũng không tự coi bản thân là một anh hùng. Trong ý nghĩ của mình, ông coi đó là bổn phận phải hoàn thành và giờ đây ông chỉ muốn dành nhiều thời gian để sống. Ông cũng tin rằng, những gì ông đã làm được chẳng đáng là bao so với những người đã hy sinh tính mạng. Ông cho rằng kể với gia đình và bạn bè những câu chuyện chiến tranh cùng những trải nghiệm riêng tư là việc làm gây tổn thương tới những người đã hy sinh.

Mẹ tôi, trái lại, luôn sẵn lòng kể về những câu chuyện của cha tôi trong chiến tranh. Mẹ và tôi thường ngồi trên sàn nhà và giở những trang sổ lưu niệm mà mẹ đã làm trong những năm tháng cha tôi phục vụ trong quân đội. Có những bức ảnh chụp những người bạn thân của ông trên tàu San Jac, rồi những chiếc vỏ sò ông đã mang về từ một hòn đảo giữa Thái Bình Dương tuyệt đẹp, và một mẫu nhỏ cắt từ chiếc phao cứu sinh bằng cao su đã cứu mạng ông. Tôi từng yêu cầu cha kể cho tôi nghe về những câu chuyện này, nhưng ông không kể. Tôi đã mất nhiều năm để tìm hiểu về ảnh hưởng của chiến tranh đối với cuộc đời ông.

Cuộc chiến này khiến cha tôi và nhiều người khác cùng thế hệ với ông phải trưởng thành một cách vội vàng. Ở độ tuổi hai mươi mốt, ông đã tham chiến và chứng kiến những người bạn ngã xuống. Ông đã mạo hiểm tính mạng của mình, và nhiều lần suýt chết. Cha tôi biết kiểm soát những áp lực và hiểm

nguy. Ông đã phát hiện ra cảm giác hài lòng chỉ đến khi phục vụ quên mình vì tổ quốc, đó cũng là động lực thôi thúc ông trong cả cuộc đời.

Năm 2002, cha tôi đã bắt quay lại nơi máy bay của ông từng bị bắn rơi, cùng với người dẫn chương trình thời sự của CNN, Paula Zahn và nhà sử học James Bradley - tác giả của cuốn sách Flyboys, một cuốn sách rất hay về các phi công Mỹ đã bị bắn hạ trên đảo Chichi Jima. Trước khi đặt chân lên hòn đảo này, người đàn ông bảy mươi tám tuổi, người từng là phi công trẻ tuổi nhất của lực lượng Hải quân, đã thả hai vòng hoa xuống đại dương để tưởng nhớ hai người đồng đội, Delaney và White. Khi ông lên đảo, 2.000 người dân đảo đã ra chào đón ông.

Trên hòn đảo này, cha tôi đã gặp một người đàn ông từng thuộc lực lượng phòng vệ đảo Chichi Jima của quân đội Nhật Bản trong ngày máy bay của cha tôi bị bắn hạ. Người đàn ông này đã chứng kiến sự ngược đãi, hành quyết và tục ăn thịt những phi công Mỹ bị bắt giữ. Anh trai của ông ta bị giết trong vụ tấn công bằng bom nguyên tử vào thành phố Hiroshima, thế nhưng ông không thù hận người Mỹ. Trái lại, những hành động của chính phủ Nhật Bản trong suốt cuộc chiến tranh đã làm ông hết sức phẫn nộ đến mức ông đã đổi tên theo tên của một lính thủy đánh bộ bị hành quyết trên đảo Chichi Jima. Ông làm việc tại Đại sứ quán Mỹ ở Tokyo, giúp cải thiện mối quan hệ giữa hai quốc gia.

Khi hai người trước đây từng là kẻ thù đứng bên nhau, mái đầu họ đã bạc phơ, người đàn ông kể cho cha tôi về ngày chiếc máy bay của cha bị bắn rơi. Ông ấy quả quyết rằng, quân Nhật đã cho thuyền ra bắt những phi công bị rơi xuống biển, và cha tôi cũng có thể phải kết thúc cuộc đời trong cảm giác kinh hoàng giống như nhiều tù binh Mỹ khác. Ông ấy mô tả những chiếc thuyền ấy đã quay trở lại như thế nào khi bị máy bay chiến đấu bắn phá tới tấp từ bên trên. Khi tàu Finback nổi lên giữa họng súng của kẻ thù để kéo cha tôi lên tàu, một sĩ quan Nhật trong đội của ông ấy đã tỏ ra rất ngạc nhiên vì người Mỹ đã huy động quá nhiều nguồn lực chỉ để cứu một phi công. Do đó có một điều mà tôi dám chắc rằng, người đàn ông này nói: Chính phủ Nhật Bản sẽ chẳng bao giờ làm những điều tương tự như thế đối với lính của họ. Thật khác với nước Mỹ. Người Mỹ có một truyền thống đáng tự hào là không bao giờ bỏ lại lính của mình trên chiến trường - chúng ta không bao giờ nên làm như vậy.

Ngay từ những ngày đầu tiên, George Bush đã là một người đàn ông đề cao giá trị về tính can đảm, lòng trung thành, và sự tận tâm phục vụ. Đó là những đặc điểm mà ông bà nội tôi đã truyền lại trong con người cha. Và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, đặc biệt là những người khoác lên mình bộ đồng phục của quốc gia, thấm nhuần lý tưởng này. Một quốc gia mà cha tôi đã làm mọi thứ, và dám xả thân mình để bảo vệ nó. Và cũng là một quốc gia một ngày nào đó mà chính bản thân ông sẽ đứng lên lãnh đạo.

# Đi về miền Tây

M

ột lại lần, sống tôi với đã nhau hỏi mẹ hạnh tôi là phúc làm trong cách nào gần mà bảy cha mười mẹ năm qua. “Để đến với nhau, cả cha và mẹ luôn sẵn sàng đi ba phần tư quãng đường để đến với nhau”, bà nói. Ý của bà là cả hai cam kết giữ gìn cuộc hôn nhân của họ nhiều hơn cả những gì họ dành cho bản thân. Cả hai đều sẵn sàng thay đổi nhu cầu riêng để làm hài lòng người kia.

Suốt cuộc đời, cả mẹ và cha đã dành cho nhau một tình yêu không vụ lợi. Trong những năm đầu của cuộc hôn nhân, mẹ tôi đã vì cha mà hy sinh rất nhiều. Suy cho cùng, bà đã luôn sẵn sàng để cùng cha đi hết ba phần tư quãng đường trên khắp đất nước.

Việc chuyển từ New Haven, Connecticut, nơi cha tôi tốt nghiệp Đại học Yale năm 1948, đến Tây Texas có tính quyết định tới cuộc đời của cha mẹ tôi. Khi cha tôi lái chiếc xe Studebaker màu đỏ của ông rời xa khỏi những cơ hội tốt đẹp đang chờ đợi trên phố Wall, George H.W. Bush đã bất chấp những thông lệ cũ, chấp nhận rủi ro, và hành động theo bản năng độc lập của mình. Cha mẹ tôi ý thức rằng có thể họ sẽ phải sống và phát triển trong môi trường rất khắc nghiệt cùng với những người xa lạ. Họ đã đặt chân sang một ngành công nghiệp cạnh tranh khét tiếng đang bùng nổ nhanh chóng nhưng nguy cơ phá sản cao. Họ đã đặt nền móng cho một cuộc hôn nhân bền vững - mối quan hệ đối tác lâu dài suốt cả cuộc đời, trải qua muôn vàn thử thách, khắc nghiệt, tạo ra những niềm hạnh phúc tuyệt vời, và trở thành tấm gương, là nguồn cảm hứng cho anh chị em chúng tôi. Họ đã cho tôi một món quà nữa. Suốt cuộc đời này, tôi vô cùng biết ơn George và Barbara Bush vì họ đã nuôi dưỡng tôi tại Tây Texas.

Vào tháng 11 năm 1945, George H.W. Bush kết thúc giai đoạn binh nghiệp để ghi danh tại Yale. Giống như nhiều thế hệ trước của gia đình, thời đại học của ông đã bị trì hoãn bởi chiến tranh. Nhiều tân sinh viên đã làm cha mẹ. Hai đáng sinh thành của tôi lên chức cha mẹ vào ngày 6 tháng 7 năm 1946, khi tôi được sinh ra tại Bệnh viện Grace - New Haven. Cha mẹ đã đặt tên tôi là

George Walker Bush, theo tên của cha và cụ nội, không có chữ Herbert. Tôi nhớ rằng mình đã từng hỏi mẹ tại sao tên tôi không có chữ Junior<sup>1</sup>. “Con trai, hầu hết biểu mẫu đều không dài để ghi đủ chữ thứ 5 trong tên”, bà trả lời. Tôi chỉ ra đời sau khi bà tôi, Dorothy Walker Bush, cho mẹ tôi uống một liều thuốc bổ làm từ dầu quả thầu dầu (Đó là trải nghiệm đầu tiên của tôi với ngành kinh doanh dầu).

<sup>1</sup> Thường viết tắt là “Jnr, Jr, Jun”: Dùng sau một tên người để chỉ một người con trai cùng tên với cha anh ta hoặc người trẻ tuổi hơn trong hai người trùng tên với nhau trong trường học...

Cha mẹ tôi chỉ sống cách ông bà tôi ở Greenwich khoảng một giờ, nhưng cuộc sống ở New Haven mang lại nhiều cảm xúc hơn so với khi sống tại nhà của Prescott và Dorothy Bush ở Grove Lane. Khi mới đến vùng đất này, cha mẹ tôi thuê một căn hộ nhỏ trên phố Chapel và sống cùng với chú chó xù màu đen của họ, tên là Turbo. Khi tôi ra đời, họ đã phải chuyển đi vì chủ nhà cho phép nuôi chó nhưng không cho phép nuôi trẻ sơ sinh. Sau đó, họ tìm được một chỗ ở mới trên phố Edwards, nơi chủ nhà cho nuôi trẻ sơ sinh nhưng lại không cho nuôi chó. May mắn thay, tôi đã được ở lại và Turbo đến sống tại Grove Lane. Trong năm cuối cùng ở New Haven, cha mẹ tôi chuyển đến một ngôi nhà lớn trên đại lộ Hillhouse, nơi có cả tá gia đình có trẻ em. Mẹ vẫn cười vì tã của tôi treo trên dây phơi chắn ngang khoảng không nhìn ra từ nhà của Chủ tịch Đại học Yale, người sống bên cạnh nhà tôi.

Cha mẹ tôi đã tận hưởng những năm họ sống ở New Haven. Những áp lực trong quá trình học đại học không là gì so với những điều cha tôi đã phải trải qua trong chiến tranh. Điều đó không có nghĩa là cha tôi có thể vượt qua dễ dàng. Như thường lệ, George Bush luôn để bản thân hoàn toàn đắm chìm vào công việc học tập. Ông đã rất chăm chỉ trong lớp học, giành được học vị xuất sắc Phi Beta Kappa và hoàn thành chương trình đại học trong hai năm rưỡi. Ông là thành viên của Hội sinh viên Delta Kappa Epsilon. Ông rất cởi mở và có nhiều bạn. Vào ngày Lễ Tạ ơn đầu tiên của họ tại Yale, cha biết rằng một số bạn cùng lớp của mình không thể về đoàn tụ với gia đình. Vì vậy, ông đã mời mười người bạn đến ăn tối. Mẹ tôi đã nhắc nhở cha rằng trong nhà không có phòng ăn. Nhưng điều đó chẳng quan trọng. Cha mẹ tôi và bạn bè của họ ngồi trên ghế bành và sàn nhà, cùng thưởng thức món gà tây Tạ ơn do mẹ tôi nấu. Bữa ăn không được sắp đặt trước này giống như điềm dự báo những gì

sắp đến. Trong nhiều năm sau, ngôi nhà của cha mẹ tôi mở rộng cửa chào đón nhiều gia đình và bạn bè. Tuy mẹ tôi đôi khi than phiền về dòng khách bất tận đến chơi nhà, nhưng bà luôn là một nữ chủ nhân hòa nhã.

Cha tôi không chỉ kết bạn, mà ông còn là người biết giữ bạn. Nhiều thập niên sau, ông vẫn liên lạc thường xuyên với bạn bè thời đại học. Một người bạn của ông là Lud Ashley đến từ Toledo, bang Ohio. Giống như cha tôi, Lud cũng bước vào con đường chính trị. Khác với cha, Lud là Đảng viên Đảng Dân chủ Tự do. Tại Washington, họ đã ở hai phía đối diện trong một số các vấn đề chính trị nóng bỏng nhất thời đại của họ. Nhưng điều đó không ảnh hưởng đến tình bạn. Họ dành thời gian cho nhau và chia sẻ niềm vui giống như hồi cùng học ở Yale trong những năm 1940. Khi một người từng là bạn của George Bush, người đó sẽ mãi mãi làm bạn với ông suốt cuộc đời.

Sở thích của cha tôi khi học đại học đã được phát hiện vào một buổi chiều mùa xuân tại sân cỏ đại học Yale. Như sau này ông cho biết, ông theo học chuyên ngành chính là kinh tế học và chuyên ngành phụ là chơi bóng chày. Ông là đội trưởng của đội bóng và, giống như cha mình, ông đã chơi ở vị trí chủ chốt. Mẹ và tôi tham dự gần như tất cả các trận trên sân nhà của ông. Trong thời gian mang thai, bà ngồi ở vị trí đặc biệt được thiết kế riêng cho Cựu Giáo sư Luật Yale, William Howard Taft. Bà rất thích ghi điểm số, và một trong những thói quen yêu thích của tôi khi còn là một chàng trai nhỏ ở Texas là đọc điểm số trong cuộc thi đấu của cha cho mẹ viết. Đội bóng chày của Yale tham dự Cúp thế giới các trường đại học vào năm 1947 và 1948. Họ giành ngôi á quân, xếp sau trường California - Berkeley vào năm thứ nhất và sau Đại học Nam California USC năm tiếp theo. (Thông tin thêm dành cho những người hâm mộ môn bóng chày, đội Gấu Cal được dẫn dắt bởi Jackie Jensen, vô địch giải MVP Mỹ năm 1958, và đội Ngựa USC được quản lý bởi huyền thoại bóng chày Rod Dedeaux.)

Khoảnh khắc nổi tiếng nhất của cha tôi khi đang là cầu thủ chơi bóng tại trường đại học diễn ra trên chính khoảnh đất ném bóng. Tại đây, ông đã gặp huyền thoại bóng chày Babe Ruth vào mùa xuân của năm học cuối và nhận được bản sao cuốn tự truyện có chữ ký của Babe dành cho thư viện Đại học Yale. Một nhiếp ảnh gia đã chụp một bức ảnh mà sau này trở thành biểu tượng: một huyền thoại già từ sự nghiệp và một huyền thoại khác đang ở ngưỡng cửa sự nghiệp.

Thật khó tưởng tượng cha đã làm thế nào để quản lý được mọi việc - một sinh viên giỏi nhất trường, một vận động viên ngôi sao, một người đàn ông có vô số bạn bè, một người chồng và một người cha tận tâm. Mẹ tôi đã nhận xét đó là do tính cách của cha, “Cha con làm việc chăm chỉ”. Đó là sự thật. George Bush không lãng phí thời gian. Ông dành từng phút mỗi ngày trong cuộc đời mình cho các hoạt động khác nhau.

Tuy khoảnh khắc quý giá nhất của cha tôi trên sân bóng chày là được chơi cùng Babe Ruth, nhưng thần tượng bóng chày của cha lại là Lou Gehrig. Cha ngưỡng mộ tài năng, lòng kiên trì, và đức khiêm tốn của Gehrig. Ông mơ ước được theo chân Gehrig như một vận động viên chơi tại các giải đấu lớn. Sau trận đấu ở Yale, đã có một vài nhận định được đưa ra. Trong khi khả năng chạy cánh của cha tôi rất tuyệt vời, ông lại không có lực đánh đủ mạnh để chơi ở các giải lớn. Huấn luyện viên, Ethan Allen, nhận xét ngắn gọn theo kiểu cổ điển về cha tôi: “Chạy trên sân tốt, nhưng không đánh được bóng”.

Cha tôi cũng đã loại trừ nhiều sự lựa chọn khác trong nghề nghiệp. Vào tháng 6 năm 1948, ông bất ngờ nhận được thư của một người bạn thời thơ ấu, Gerry Bemiss. Bemiss hẳn đã biết cha là thành viên của đoàn mục sư. Trong khi cha tôi luôn là một người mộ đạo, ông đã không bao giờ hình dung mình sẽ gây dựng sự nghiệp trong giới tăng lữ. “Khi nhìn tấm vải, tôi chưa bao giờ hình dung ra chiếc áo thầy tu - chỉ nghĩ về nó như một chiếc khăn trải bàn”, ông viết.

Một lựa chọn khác của cha tôi là làm việc cho chú của mình, George Herbert Walker Jr., hay còn gọi là ông Herbie. Herbie rất quý cha tôi. Trong những năm sau đó, tôi đã cảm nhận thấy sự quan tâm của ông với cha tôi như tình yêu ông trao cho con trai của mình. Ông bảo đảm với cha tôi rằng ông sẽ dành cho cha tôi một vị trí tốt trong một công ty tại phố Wall của mình. Cùng thời gian đó, Giám đốc Điều hành của Brown Brothers Harriman, công ty của Prescott Bush, cũng đã tiếp cận để mời cha tôi về làm việc.

Chẳng có gì ngạc nhiên khi mà George H.W. Bush được săn đón nhiều, bởi có rất ít người vừa là anh hùng thời chiến, vừa đạt được học vị xuất sắc Phi Beta Kappa, và làm đội trưởng đội bóng chày. Cha đã nhận lời mời vào làm việc tại phố Wall một cách nghiêm túc. Ông tôn trọng công việc mà cha mình đã làm, và muốn sử dụng tấm bằng kinh tế học vào thực tế. Ngoài ra, một

công việc trong ngành tài chính có thể sẽ đảm bảo cuộc sống đầy đủ vật chất cho mẹ và tôi.

Tuy nhiên, điều gì đó thúc đẩy cha tôi sang một hướng khác. Phó Wall tượng trưng cho một con đường quá cũ. Sau khi từng bay trên chiến cơ thả bom, hạ cánh trên hàng không mẫu hạm, và tiếp xúc với vô số những con người thuộc mọi tầng lớp xã hội, ý tưởng hằng ngày bắt tàu đi từ Connecticut để đến nhiệm sở và làm việc bàn giấy tại New York dường như không còn thú vị đối với ông. Ông muốn được xây dựng một cái gì đó của riêng mình hơn là làm việc văn phòng. Ông muốn làm một điều khác biệt với cuộc sống trước đây của mình. Và ông không ngại chấp nhận rủi ro.

Cha cũng muốn chứng minh rằng ông có thể thành công mà không có sự giúp đỡ từ gia đình. Tính độc lập đã ăn vào máu ông. Ông cố của ông, Obadiah Bush, đã đi đến phía tây với danh phận người Mỹ đi tìm vàng trong cơn sốt vàng. Ông nội của ông, G.H Walker, đã rời khỏi công ty gia đình ở St Louis để tự mình lập nghiệp ở New York. Cha của ông, Prescott Bush, tự hào rằng mình đã không nhận một xu nào từ cha mẹ.

Đó chính xác là những câu hỏi về những gì cần làm. Cha mẹ tôi đã đọc cuốn sách The Farm của Louis Bromfield, cuốn sách giới thiệu về những kinh nghiệm của người Mỹ để làm giàu trên mảnh đất trang trại riêng của mình. Cha mẹ tôi áp ủ các ý tưởng này trong một thời gian nhưng quyết định cuối cùng họ nhận ra rằng các kinh nghiệm đó không phù hợp với họ. Tôi khó có thể tưởng tượng ra cảnh mẹ tôi vắt sữa bò.

Vào tháng 2 năm 1948, ông của cha tôi, S.P. Bush, mất. Cha tôi cùng gia đình và bạn bè đi trên một chuyến bay tới Columbus để dự tang. Trên đường đi, ông đã nói chuyện với Neil Mallon, một người bạn thân của Prescott Bush từ thời còn học ở Yale. Neil điều hành một công ty có tên Dresser Industries, đó là công ty bán thiết bị khoan và cung cấp vật tư cho các nhà khai thác dầu. Neil đề cập tới việc cha tôi nên xem xét làm việc cho Dresser. Cha tôi có thể học cách làm thế nào một doanh nghiệp vận hành từ con số không: quản lý kiểm kê, kiểm soát doanh số bán hàng và giới thiệu sản phẩm ra thị trường. Ông có thể mất thấy tai nghe một ngành công nghiệp hấp dẫn, đó là kinh doanh dầu. Có một điều lưu ý: Ông sẽ phải tới khắp các mỏ dầu của toàn bộ lưu vực Permian - một khu vực bị cô lập, bụi bặm, cực nóng ở Tây Texas,



nơi cư trú của các chủ trang trại với những đồn điền chăn nuôi rộng lớn và những công nhân trên giàn khoan, cùng rất nhiều dầu.

Đây là cơ hội hấp dẫn cha. Ông đã đọc các bài viết về sự bùng nổ dầu ở Texas, nơi các doanh nhân thành công như H.L. Hunt và Clint Murchison có được vận may. Ông rất thích quãng thời gian ngắn ngủi ở Corpus Christi trong suốt chuyến bay huấn luyện thời ông còn trong lực lượng Hải quân. Và có một điều chắc chắn: ông sẽ tự mình xoay sở. Prescott Bush và G.H. Walker có cái bóng rất lớn, nhưng nó không vươn xa đến Odessa, Texas.

Ngay sau lễ tốt nghiệp, Neil giới thiệu cho cha tôi công việc ở công ty con của Dresser mang tên Ideco, công ty thiết bị Derrick quốc tế. Ông đã chấp nhận. Không có gì ngạc nhiên khi cha tôi có vị trí tốt vì mối quan hệ của gia đình. Tôi được hưởng lợi từ mối quan hệ này trong cuộc đời mình. Tôi thật may mắn khi có bạn bè và người thân trong gia đình tạo cơ hội cho tôi. Nhưng mối liên kết này cũng có giới hạn. Mặc dù họ tạo cơ hội giúp đỡ nhưng cũng không đảm bảo sẽ thành công.

Trong trường hợp của cha tôi, Neil Mallon đã giúp cha tôi có một công việc bán hàng thiết bị tại một nhà kho Ideco tại Odessa với mức lương 375 đô la một tháng. Nhiệm vụ của một nhân viên bán hàng bao gồm lau dọn các tầng, sắp xếp hàng tồn kho, điều khiển giắc cắm. Ông sẽ gặp gỡ nhiều người thú vị và suy nghĩ liệu ông có thích kinh doanh dầu hay không. Ngoài ra, chẳng có gì bảo đảm.

Lần thứ hai trong cuộc sống thời trẻ của mình, George H.W. Bush đã có một quyết định táo bạo và thay đổi cuộc sống. Là một học sinh trung học, ông đã từ bỏ sự an toàn trong các trường đại học để phục vụ cho chiến tranh. Bây giờ ông đã để lại sau lưng cuộc sống tiện nghi ở Greenwich, Connecticut và đưa người vợ trẻ và con trai mới sinh đến Tây Texas.

George Bush đã không đưa ra quyết định một mình. Barbara Bush cũng quyết định cùng với ông. Di chuyển đến Tây Texas không phải là một quyết định dễ dàng đối với mẹ tôi. Bà đã trưởng thành trong gia đình tương đối giàu có ở hạt Westchester, New York. Cha bà, Marvin Pierce, đến từ tiểu bang Ohio, nơi ông ấy đã từng là một vận động viên ngôi sao tại trường Đại học Miami. Ông ấy là một người cao lớn, thân hình vạm vỡ, một người có nguyên tắc làm việc rất nghiêm khắc và nét quyền rũ của người vùng Trung Tây đề xây dựng

một sự nghiệp thành công, trở thành Chủ tịch Tổng công ty McCall, tại thời điểm đó nó là một trong những công ty xuất bản lớn nhất nước Mỹ.

Mẹ của bà, Pauline Robinson Pierce, hậu duệ của James E. Robinson, một Chánh án Tòa án tối cao bang Ohio. Bà ấy thừa hưởng vị trí của gia đình trong hệ thống xã hội và tiêu tiền hoang phí để có cuộc sống mà “mọi thứ đều phải tốt nhất”. Bà ấy giám sát con cái rất chặt chẽ; bà ấy đã mua toàn bộ quần áo cho mẹ tôi và quyết định trường trung học lẫn đại học cho mẹ. Bà ấy cũng chiều hết mực chị gái của mẹ tôi, Martha - một người mẫu thường xuất hiện trên tạp chí thời trang Vogue. Bà Pierce đặt niềm tin vào một cuộc sống được thanh lọc tinh tế.

Tôi có thể tưởng tượng nỗi sợ hãi của bà ấy khi con gái mình có ý tưởng sống ở Tây Texas, nơi chỉ có một thứ duy nhất được thanh lọc là dầu.

May mắn thay, cha tôi đã không phải thuyết phục Pauline Pierce. Ông chỉ cần thiết thuyết phục mẹ. Đó không phải một sự ép buộc. Sau này mẹ nói với tôi, “mẹ còn trẻ và đang yêu. Mẹ đã có thể đi bất cứ nơi nào mà cha con muốn đi”.

Tôi nghĩ rằng mẹ thích đi vì bản thân hơn là hy sinh vì cha. “Giáng sinh là một cơn ác mộng”, bà nói với tôi. “Cả nhà sẽ dành đêm Giáng sinh tại Greenwich với gia đình bên nội Bush. Rồi, vào buổi sáng Giáng sinh với gia đình bên ngoại ở Rye. Sau đó trở lại Greenwich cho bữa trưa Giáng sinh.” Chuyển nhà về miền Tây sẽ giúp bà giảm áp lực của việc làm con trong hai gia đình.

Mặc dù bà có thể không nhận ra rằng vào thời điểm đó, bà có tính độc lập. Nếu không, bà sẽ không trở thành đối tác phù hợp trong việc tìm kiếm cuộc phiêu lưu mới. Tôi chỉ có thể đoán rằng cuộc sống của cha sẽ trở nên khác đi nếu có người vợ thiếu tinh thần cởi mở thích nghi trước những thay đổi. Lịch sử có thể đã khác.

Một trong các câu chuyện gia đình mà tôi yêu thích xảy ra không lâu sau khi cha mẹ tôi kết hôn. Đó là chuyện mẹ châm một điều thuốc, và ông tôi Prescott Bush hỏi đùa, “Cha đã cho phép con hút thuốc chưa?”.

Trước khi có thể tìm lại được, mẹ tôi đáp trả, “Vâng, người con kết hôn không phải là cha, phải không?”.

Thường chẳng ai nói với ông của tôi như thế. Lời đáp lại sắc nét vừa bật ra. May mắn là ông tôi đáp lại với một nụ cười lớn. Chỉ có một điều chắc chắn: Barbara Bush sẵn sàng nói lên suy nghĩ của mình. Đó là điều mà bà thực hiện khá thường xuyên trong những năm sau đó. Đầu óc lạnh lợi và sự tự tin đã giúp bà được hàng triệu người Mỹ yêu mến. Việc bà nói lên suy nghĩ của mình khác nhiều so với những đệ nhất phu nhân khác. Nhưng kết quả của việc giao tiếp thẳng thắn đó của bà đã giúp nhiều người Mỹ hiểu và yêu thương chồng mình. Nhiều người nói thẳng với tôi rằng bất cứ ai kết hôn với Barbara Bush hẳn phải là một người đàn ông tốt phúc.

Mùa hè năm 1948, George H.W. Bush có hai nhiệm vụ trước mắt: một là bắt đầu công việc của ông, và hai là tìm nơi cho mẹ và tôi sống. Trong khi ông tìm nhà ở Odessa, Texas, chúng tôi ở lại với ông cố của tôi, G.H. Walker, tại nhà nghỉ mát của ông ở Kennebunkport, Maine.

Cuộc sống ở Walker's Point thoải mái hơn ở Tây Texas. Trong những ngày đó, Odessa là một thị trấn dưới ba mươi nghìn dân, nằm cách thành phố chị em của nó, Midland, 20 dặm và hơn 350 dặm từ sân bay chính gần nhất tại Dallas. Hầu hết các con đường không lát đá. Vài tòa nhà cao hơn một tầng, đường chân trời có các giàn khoan dầu nằm rải rác. Nhiệt độ mùa hè thường lên tới ba con số<sup>2</sup>, đôi khi trước buổi trưa, và hạn hán kéo dài rất phổ biến. Địa hình phẳng không mang lại sự thoải mái dễ chịu, cũng chẳng có bất kỳ bóng râm tự nhiên nào, vì Tây Texas không có cây bản địa. Và những cơn gió thổi mạnh hơn, thường mang theo những đợt sóng của bụi bẩn.

<sup>2</sup> Theo thang nhiệt độ Fahrenheit (F) đang được sử dụng rộng rãi ở Mỹ.

Tên của Odessa được đặt theo tên của thành phố Ukraina giáp với Biển Đen, và ngay từ đầu, nó như một thành phố xa lạ đối với cha tôi. Ông không quen biết bất kỳ ai khi mới đến. Người ông gặp đều giống như những người trong quân ngũ hơn là những người hàng xóm. Odessa là một thị trấn cổ, người dân đều làm việc ở các mỏ dầu, họ là những người thợ cơ khí sửa chữa thiết bị và những người làm công trên giàn khoan. Một trong những đồng nghiệp của cha tôi đã từng hỏi ông rằng ông đã từng đi học đại học hay chưa. Cha trả lời

thành thật ông vừa tốt nghiệp Đại học Yale. Người đồng nghiệp nghĩ một lúc và nói: “Tôi chưa bao giờ nghe tới tên trường đó”. Thời trang ở Tây Texas cũng khác. Cha từng bước ra khỏi nhà khi ông chỉ mặc quần soóc ngang gối. Sau khi một số tài xế bám còi inh ỏi nhìn ông, ông liền trở về nhà và cất hết quần soóc mãi mãi không mặc lại nữa. Thức ăn thậm chí cũng xa lạ. Cha tôi luôn nhớ lần đầu tiên ông nhìn thấy một người nào đó đã gọi món ăn đặc trưng của Tây Texas: bí tét gà chiên.

Cha tìm được một ngôi nhà trên đường Số 7 phía Đông. Điều đáng mừng là nó có phòng tắm và nhà vệ sinh bên trong, khác với hầu hết các ngôi nhà còn lại trên con đường này có nhà tắm và vệ sinh tách xa nơi ở. Tin xấu là chúng tôi phải dùng chung nhà vệ sinh với hai phụ nữ sống ở phía bên kia tòa nhà, đó là một cặp mẹ và con gái cùng kiếm sống bằng cách mua vui cho khách hàng nam giới hằng đêm. So với ngôi nhà này thì phòng số 13 bên cạnh nhà của Chủ tịch Đại học Yale dường như không đến nỗi tồi tệ.

Cuộc sống ở miền Tây Texas đòi hỏi chúng tôi phải thay đổi nhiều. Ít lâu sau khi tôi cùng mẹ đến ở với cha tại Odessa, mẹ thức giấc lúc nửa đêm khi ngủ thấy mùi khí đốt. Nghĩ rằng ngôi nhà có thể bị nổ, bà chộp lấy tôi và đẩy tôi ra ngoài đường. Người hàng xóm chứng kiến cảnh chúng tôi tháo chạy khỏi ngôi nhà đã vui vẻ giải thích rằng sự thay đổi của hướng gió đã mang mùi của mỏ dầu bay tới đây. Không có vấn đề gì. Tất cả chúng tôi có thể tiếp tục đi ngủ. Kinh nghiệm này của mẹ xác nhận một sự thật về Tây Texas: Cuộc sống xoay quanh dầu. Dầu ở dưới đất, ở trong không khí, và len lỏi vào tâm trí của tất cả những người đang coi nơi này là nhà.

Chìa khóa cho sự thành công của cha mẹ tôi khi đến một môi trường mới là thái độ của họ. Họ không nhìn nhận cuộc sống ở miền Tây Texas như một cuộc sống đầy gian khổ khiến họ phải chịu đựng; họ nắm lấy nó như một cuộc phiêu lưu mạo hiểm đầu tiên giống nhiều cặp vợ chồng khác. Họ quan tâm đến mọi người và kết bạn với nhiều người. Trong quá trình đó, họ nhận ra rằng họ không cần tài xế riêng hay quản gia người Pháp để có thể hưởng thụ cuộc sống. Họ có nhau. Và họ có thể cùng nhau xử lý bất kỳ tình huống nào.

Cả ba chúng tôi đã đón Giáng sinh năm 1948 tại Odessa. Vào đêm Giáng sinh, công ty của cha tổ chức một bữa tiệc cho khách hàng. Cha tình nguyện pha chế đồ uống. Để thể hiện tinh thần ngày lễ, ông đã nâng một ly có pha hầu hết các loại rượu. Đến cuối buổi chiều, những người phục vụ quầy rượu đã

giúp đưa ông vào phía sau chiếc xe tải nhỏ của công ty. Một trong những đồng nghiệp của ông đã đưa ông về nhà, và đẩy ông lăn vào bãi cỏ trước nhà. Gia đình nhà Bush đã thích nghi hoàn toàn với bụi rậm miền Tây Texas.

\* \* \*

Mẹ không bao giờ muốn cha quên câu chuyện trong bữa tiệc Giáng sinh của Odessa, vì nó là điển hình cho cách làm việc của ông: Khi cam kết sẽ làm một cái gì đó, ông sẽ làm tất cả. Nếu George Bush được phân công quét các kho hàng, người quản lý sẽ nhìn thấy sàn sạch nhất mà ông ta chưa bao giờ nhìn thấy. Nếu phải sơn giàn khoan, ông sẽ mang đến một chiếc áo khoác vào buổi sáng thứ Bảy để đảm bảo các công việc thực hiện đúng. Cha tôi làm việc rất chăm chỉ, và ông thích nhìn thấy kết quả của những nỗ lực của mình. Những bài học của bà nội tôi đã ăn sâu vào suy nghĩ của ông: cố gắng làm hết sức mình. Không kiêu ngạo. Không bao giờ phàn nàn.

Sau một thời gian, những người quản lý nhận ra rằng thực tập sinh của họ có khả năng làm những việc lớn hơn. Vậy là vào năm 1949, khi tôi ba tuổi, cha được chuyển đến California. Ở đó, ông làm việc bảy ngày một tuần trong nhà máy bơm dầu, sau đó trở thành một nhân viên chào hàng cho các công ty con của công ty Dresser, rao bán mũi khoan và thiết bị khác. Chúng tôi sống ở bốn thành phố khác nhau trong năm đó: Whittier, Ventura, Bakersfield, and Compton. Ở Whittier và Ventura, chúng tôi đã thuê phòng tại các khách sạn địa phương cho đợt nghỉ dài. Ở Bakersfield, chúng tôi sống một tháng trong một ngôi nhà màu trắng rộng 88 mét vuông. Ở Compton, chúng tôi sống trong một căn hộ thuộc khu liên hợp ở Santa Fe Gardens. (Thật đáng buồn, khu liên hợp này đã bị lên án nhiều năm nay vì ma túy và bạo lực.)

Lối sống nay đây mai đó của chúng tôi tại California nói lên sự kiên cường của mẹ, người phải liên tục đóng gói và dỡ đồ đạc ra, cũng như chăm sóc tôi. Trên hết, bà đã mang thai em gái tôi, Robin, em ra đời vào dịp Giáng sinh năm 1949. Chúng tôi sống ở Compton trong thời gian này. Mẹ tôi muốn chắc chắn rằng ai đó có thể trông nom tôi khi bà ở bệnh viện, vì vậy bà hỏi hàng xóm của chúng tôi, người mà bà coi là bạn bè. Hàng xóm đã đồng ý. Không bao lâu trước khi mẹ chuyển dạ, bà biết được là người hàng xóm ấy đã mang con chạy trốn vì bị người chồng nát rượu bạo hành quá nhiều lần. Có quá nhiều vấn đề với người trông giữ tôi. Bằng cách nào đó mẹ đã tìm được một

người thay thế (không ai nhớ người đó là ai), và em gái Robin của tôi được sinh ra vào ngày 20 tháng 12 năm 1949.

Robin đã được đặt theo tên của bà tôi, Pauline Robinson Pierce, người đã mất trong tai nạn xe cộ ba tháng trước. Ông tôi không chịu để cho mẹ tôi đến tham dự tang lễ vì sợ rằng chuyến đi sẽ gây nguy hiểm cho em bé. Thật khó khăn cho mẹ khi không được ở bên cạnh cha mình - người mà bà quý mến - trong thời gian ông ấy đau buồn nhất.

Những năm tháng ở California cũng không dễ dàng đối với cha tôi. Phần lớn thời gian ông dành để di chuyển trên đường. Ông ước tính rằng mình phải lái xe đi quãng đường một ngàn dặm mỗi tuần. Không phải là người giao hoạt, nhưng ông đã phát triển một phương pháp kinh doanh hiệu quả. Ông vun đắp các mối quan hệ cá nhân, như cách ông đã làm trong trường học và quân đội. Theo thời gian, ông đã mang đến cho khách hàng những thứ còn quý hơn cả mũi khoan: Ông đã giành được sự tin tưởng của họ.

Mùa xuân năm 1950, cha tôi nhận được tin rằng Dresser đã chuyển ông trở lại Tây Texas. Ông có thể chọn sống ở một trong hai nơi: Odessa hoặc Midland. Là một người cha hai mươi lăm tuổi của hai đứa con, ông muốn ổn định cuộc sống. Cha và mẹ đã chọn sống ở Midland, khi đó là trụ sở của 215 công ty dầu với khoảng 21.000 người dân. Chúng tôi sẽ coi Midland là nhà trong chín năm tiếp theo. Đây là thành phố đầu tiên mà tôi nhớ mình đã sống, và nó sẽ mãi mãi là quê hương của tôi.

\* \* \*

Midland, Texas, được lấy tên từ vị trí của khoảng giữa Fort Worth với El Paso Texas và trên tuyến đường sắt Thái Bình Dương. Giống như Odessa, Midland đẩy bạn đến cảm giác của cuộc sống với những cực điểm. Tôi nhớ cha tôi đi vào sân sau của ngôi nhà chúng tôi đang sống ở Midland và phải chiến đấu với một con nhện độc lớn trên mái hiên bằng một cây chổi. Những sinh vật nhiều lông thường chạy rất nhanh. Cha đã phải vận dụng tất cả kỹ năng của một tiền vệ bóng chày để tránh những tổn hại có thể xảy đến với tổ ấm bình yên của mình.

Trong khi Midland và Odessa có địa hình tương tự nhau, thì dân cư ở hai thành phố này lại rất khác nhau. Hầu hết mọi người ở Odessa làm cho công

nghiệp dầu khí; còn người ở Midland làm văn phòng. Giống như Odessa, Midland là một thành phố cảng, và thật khó để tìm được nhà ở. Chúng tôi đã sống một thời gian ngắn tại một khách sạn, sau đó chuyển vào một ngôi nhà 78 mét vuông mới ở vùng ngoại ô thị trấn. Các khu phố được gọi là Dây phố Trứng Lẽ Phục sinh, bởi các kiến trúc sư đã lựa chọn màu sơn rực rỡ để giúp cư dân phân biệt nhà. Trứng Phục sinh của chúng tôi tọa lạc tại số 405 đường Đông Phong (East Maple), có màu xanh dương.

Midland vào những năm 1950 có nét cá tính đa sắc. Có những người tưng quăn trong một ngày và giàu lên ngay sau đó. Có những gia đình làm trang trại nhiều đời trên mảnh đất này trước khi diễn ra các cuộc đình công của công nhân mỏ dầu. Có những người Texas từ các vùng khác của bang, đặc biệt là sinh viên tốt nghiệp của trường Đại học Texas và Đại học Texas A & M. Cha tôi là một phần trong số rất ít sinh viên tốt nghiệp từ nhóm các trường đại học tinh hoa nhất đã từ chối cơ hội phía bờ Đông để cạo xát trong nghề thầu khoán ở vùng có trữ lượng dầu lớn. Có những chuyên gia mang đến các dịch vụ hỗ trợ cho ngành công nghiệp dầu: bác sĩ, chủ ngân hàng, luật sư, giáo viên, và các nhà xây dựng, trong đó có một người đàn ông tên là Harold Welch có cô con gái duy nhất, Laura Lane, người mà tôi sẽ kết hôn vào nhiều năm sau đó tại nhà thờ First United của những người theo Hội Giám lý vùng Midland.

Midland là một vùng đất đầy cạnh tranh. Những người làm trong ngành dầu phải đánh bại hàng xóm của họ để giành hợp đồng thuê đất và quyền sử dụng đất. Sự không chắc chắn của ngành kinh doanh đã có ảnh hưởng công bằng. Bất cứ ai cũng có thể thắng lớn; ai cũng thể khoan một lỗ thăm dò. Ngành kinh doanh đòi hỏi sự chăm chỉ và đầu tư cho khoa học, nên mỗi người bán dầu luôn mong chờ vận may. Tuy nhiên, Midland cũng thúc đẩy ý thức cộng đồng. Mọi người liên kết với nhau trong môi trường khắc nghiệt và bị cô lập.

Cuộc sống ở miền Tây Texas rất đơn giản, giống như tên của các thị trấn dọc theo con đường đầy bụi của nó: Big Lake (chỉ một hồ nước), Big Spring (chỉ một ít nước), và No Trees (thậm chí không một giọt nước). Tôi và những người bạn thân thường ở ngoài trời cả ngày, chơi bóng chày hay bóng đá. Vào những ngày thứ Sáu mùa thu, từng dòng người nối nhau vào sân vận động Memorial Midland để xem đội Midland High Bulldogs. Một trong những cầu thủ tôi yêu thích là Midland Wahoo McDaniel, người sau này là ngôi sao của đội Sooners Oklahoma, New York Jets, và các trận đấu vật chuyên nghiệp.

Vào các buổi sáng Chủ nhật, hầu hết mọi người đến nhà thờ. Bây giờ nhìn lại, tôi có thể thấy lý do tại sao cha mẹ tôi thích Midland nhiều như vậy. Sự hòa trộn của tinh thần cạnh tranh và cộng đồng chính là những gì cha đã được dạy bảo từ nhỏ. Ông đã mang những giá trị đã học được từ quê nhà và gieo chúng xuống giữa sa mạc Texas.

Một vài tháng sau khi chúng tôi tới Midland, cha tôi bất ngờ nhận được lá thư từ Tom McCance, một nhà điều hành tại Brown Brothers Harriman. Công ty này tiếp tục mời cha tôi làm việc. Kiến thức của cha về ngành dầu khí ở Texas sẽ trở nên có giá ở phố Wall. Lời đề nghị này có thể tạo một lối thoát hoàn hảo. Cha mẹ tôi có thể nói rằng họ thích cuộc sống ở Tây Texas, họ đã học được nhiều điều mới lạ và nay sẵn sàng để quay trở lại cội nguồn của mình. Nhưng họ đã không làm như vậy. Cha tôi cảm ơn sự hào phóng của ông McCance, nhưng cha từ chối lời đề nghị làm việc. Ông đã đặt cược sự nghiệp của mình ở Tây Texas.

Những kỷ niệm ám áp nhất của tôi trong những năm ở Midland là khoảng thời gian tôi ở bên cha. Ông luôn bận rộn với công việc gây dựng công ty và những chuyến công tác. Ông tích cực hoạt động trong cộng đồng, giảng dạy ở lớp học Chủ nhật tại nhà thờ First Presbyterian và là trưởng nhóm tài xế quyên góp gây quỹ cho United Way và Hội nam thanh niên Công giáo (YMCA). Tuy nhiên, tôi không bao giờ cảm thấy ông đang đi vắng. Ông luôn cố gắng hết sức giành nhiều thời gian nhất trong khả năng có thể cho các con. Như em trai của tôi, Jeb, đã nói, George H.W. Bush đã sáng tạo ra cụm từ mới, thời gian ông dành cho gia đình là “thời gian chất lượng”. Đi làm về, ông tháo găng tay ra và chơi bóng chày với tôi ngay trong sân nhà của chúng tôi tại 1412 Đại lộ Tây Ohio, nơi chúng tôi chuyển tới từ năm 1951. Ngôi nhà đó hiện là Ngôi nhà Thời thơ ấu của George W. Bush. (Tôi đã luôn thắc mắc tại sao bảo tàng không gọi đó là Ngôi nhà của George H.W. Bush đồng thời là nơi George W. Bush sống thời thơ ấu).

Vào những ngày cuối tuần, cha và bạn bè của ông đưa tôi đi săn chim bồ câu - thú vui vào ngày nghỉ của những người ở miền Tây Texas. Tôi mang theo khẩu 410 được cha tặng dịp Giáng sinh sau khi tôi thuyết phục cha rằng tôi đã nắm vững những bài học sử dụng súng an toàn. Chúng tôi thường tập trung quanh một hồ nước ở giữa vùng đất khô, làm bánh kẹp trong lò nướng xách tay và chờ đến khi mặt trời lặn với hy vọng chim bồ câu sẽ bay đến đây khi



chúng khát nước. Cha cũng đưa tôi đến các giếng dầu, nơi tôi có thể đến gần để xem giàn khoan và những chiếc máy bơm đang vận hành. Những chuyến đi đã kích thích tôi quan tâm tới việc kinh doanh dầu, lĩnh vực mà sau này tôi đã theo đuổi nó bằng cách trở thành một nhà kinh doanh dầu độc lập giữa thập kỷ 70.

Nhà của chúng tôi trở thành trung tâm của các hoạt động. Một hôm cha đưa về một kỹ sư từ Nam Tư ông đã gặp khi kinh doanh dầu. Ông ấy ở lại nhà chúng tôi một tuần, cha tôi dẫn ông ấy đi xem các giếng dầu ở Tây Texas. Có một mùa hè ở Midland, em trai của cha tôi, Bucky, ít hơn cha tôi mười bốn tuổi, và bạn cùng học với chú ấy, Fay Vincent – người sau này trở thành Ủy viên hội đồng Liên đoàn Bóng chày chuyên nghiệp, tới sống với chúng tôi để làm công nhân giàn khoan dầu.

Cha mẹ tôi liên tục mời hàng xóm đến tiệc thịt nướng ngoài trời ở sân sau hoặc thưởng thức các loại rượu pha nước trái cây. Tôi nhớ vào một dịp Giáng sinh, tôi nhận được quà là một chiếc tù và, tôi đã thổi nó nhiều quá, vì thế cha tôi đã lấy lại và đập vỡ nó. Vài ngày sau, một trong những người hàng xóm của tôi mua được chiếc tù và giống như thế, đã gọi điện tới nhà tôi cho tới khi cha tôi nhắc máy trả lời, sau đó thổi còi vào điện thoại. Một lần khác, cha tôi bày trò trêu đùa người bạn tốt và là đồng môn của cha ở Đại học Yale, Earle Craig, người rất thích ăn hành tằm khi uống rượu martini. Một đêm, cha tôi bỏ mấy củ hành bằng cao su vào ly martini của chú ấy. Khi Bá tước (nhiều người bạn gọi vui Earle Craig là Earl Craig, tức Bá tước Craig) ăn hết củ hành bằng cao su một cách đầy kịch tính, tất cả những người bạn đứng xung quanh phá lên cười sảng sặc. Chú Earle lúc đó mới biết mình bị trêu. Cuộc sống ở Midland đã đông đầy tình bằng hữu và vô tư như vậy.

Tôi không nhớ nhiều về các cuộc trò chuyện của chúng tôi trong những năm đó, nhưng có thể dám chắc hầu hết thời gian, tôi nói chuyện với cha về trường học hoặc các môn thể thao. Cha tôi không phải là người thích giảng giải về chính trị và triết học. Ông dạy chúng tôi bằng cách làm gương cho chúng tôi noi theo. Nếu tôi thắc mắc, cha luôn có câu trả lời. Ông luôn đưa ra lời khuyên hữu ích.

Khi mới sáu tuổi, tôi cùng một số người bạn tới một cửa hàng bách hóa ở Midland. Tôi nhìn thấy những chú lính đồ chơi bằng nhựa trong một cái lọ đặt trên kệ hàng. Tôi quyết định lấy chúng cho vào túi và ra khỏi cửa hàng mà

không trả tiền. Vào cuối ngày hôm đó, cha thấy tôi chơi những chú lính đồ chơi ăn cắp ở sân trước.

“Chào con trai”, ông nói. ”Con đang làm gì ở đây?”

“Con chơi lính”, tôi nói.

“Con lấy những chú lính này ở đâu?”, ông hỏi.

Tôi do dự. Ông hỏi một lần nữa.

Sau khi do dự một chút, tôi thú nhận. ”Con đã lấy chúng từ cửa hàng bách hóa”, tôi nói.

“Đi với cha”, ông nói. Chúng tôi ra xe và lái xe tới cửa hàng. Cha bảo tôi tự đi vào cửa hàng một mình, đem trả lại những chú lính và xin lỗi người quản lý vì đã đánh cắp chúng. Tôi đã làm theo những gì ông yêu cầu và cảm thấy hối hận về việc mình đã làm. Khi tôi trở lại xe, cha không nói thêm một lời nào. Ông biết mình đã làm xong những việc cần làm.

Hầu hết công việc chăm sóc các em tôi và tôi đều do mẹ đảm nhận. Mẹ lái xe đưa tôi đến sân tập bóng chày và ghi lại điểm số trong trận đấu của tôi, giống như khi bà ghi điểm số cho các trận bóng của cha. Mẹ trở thành mẹ nuôi của cả nhóm hướng đạo sinh, đi theo chúng tôi lên rừng quốc gia Carlsbad Caverns và sa mạc Sandhills Monahans. Mẹ luôn chào đón bạn bè của tôi đến ăn trưa hoặc ăn tối trong khoảng thời gian kết thúc giờ tập bóng chày chờ sang giờ tập bóng đá. Bà thiết lập kỷ luật khi cần thiết. Không như cha tôi, bà không tin tưởng tính hiệu quả của việc tể nhị và kín đáo với trẻ nhỏ. Một trong những kỷ luật bà thường áp đặt khi tôi còn nhỏ là rửa miệng bằng xà phòng khi tôi nói hoặc làm một điều gì đó “bẩn thỉu”, ví dụ như khi mẹ bắt gặp tôi đi tiểu vào hàng rào. Hầu hết thời gian, bà để tôi tự do vui chơi và là một cậu bé có tinh thần tự do.

Cách cha mẹ nuôi dạy con cái phản ánh thái độ của cả thế hệ. Cha tôi dành nhiều thời gian cho chúng tôi hơn cha của ông dành cho ông, nhưng ông thời đó không dành hết tâm trí cho con cái như những người làm cha thời nay. Và họ cũng chẳng bộc lộ nhiều cảm xúc gần gũi với con như thời nay. Khi tôi còn nhỏ, cha không ôm hôn chúng tôi, và cha cũng không nói “Cha yêu con”.

Nhưng ông chẳng cần nói ra. Chúng tôi luôn biết rằng cha yêu chúng tôi vô điều kiện.

Chúng tôi biết rằng cha mẹ tôi rất yêu nhau. Trong sáu mươi chín năm, tôi đã quan sát cuộc hôn nhân của cha mẹ tôi, tôi không bao giờ nghe thấy họ nói nhau nặng lời. Chắc chắn, có một chút xích mích và bất đồng quan điểm. Nhưng tôi chưa bao giờ cảm nhận thấy sự tức giận hay thất vọng nào. Sự hòa hợp, yêu thương của họ là nguồn gốc của sự vững vàng khi tôi còn nhỏ, và là nguồn cảm hứng cho tôi khi tôi quyết định cưới Laura.

Vào khoảng thời gian đó, các em của tôi và tôi không nhận ra chúng tôi vô cùng may mắn. Những người khác thì nhận ra điều đó. Tại buổi lễ kỷ niệm năm mươi năm tốt nghiệp trường phổ thông của Laura, người bạn thời thơ ấu của tôi, Mike Proctor, kéo tôi sang một bên để trò chuyện. Mike sống ở cùng một con phố với chúng tôi đến khi chúng tôi trưởng thành. Chúng tôi bằng tuổi nhau và học cùng lớp. Mike dành nhiều thời gian ở nhà chúng tôi. Chúng tôi đạp xe cùng nhau, chơi đá bóng với nhau và cùng là thành viên đội thiếu niên hướng đạo sinh. Không như tôi, gia đình của Mike có nhiều vấn đề nghiêm trọng.

Tại buổi họp mặt, Mike nói, “Có một việc mà tôi muốn nói với cậu từ lâu rồi. Tôi cần cậu giúp tôi một việc”.

“Tất nhiên rồi, Mike”, tôi nói. ”Chuyện gì vậy?”

“Hãy chuyển tới mẹ cậu lời cảm ơn của tôi.”

Cậu ấy tiếp tục, “Lúc đó, có lẽ cậu không nhận ra gia đình tôi không hạnh phúc. Chính lòng tốt của mẹ cậu đã cho tôi thấy một gia đình thật sự là như thế nào”.

Ngày hôm sau, tôi gọi điện cho mẹ và nói với bà những gì Mike đã nói. Tôi có thể nói rằng lời cảm ơn của Mike đã chạm tới trái tim bà.

“Nói với Mike là mẹ gửi tình yêu của mẹ cho cậu ấy”, bà nói.

Khi em gái tôi, Robin, được ba tuổi, mẹ nhận thấy em không khỏe. Khi mẹ hỏi em muốn làm gì, Robin nói chỉ muốn ngồi trên giường hoặc nằm trên bãi

cỏ. Điều đó không bình thường với một đứa bé ba tuổi, vì vậy mẹ đã đưa Robin tới bác sĩ gia đình của chúng tôi ở Midland, Dorothy Wyvell.

Bác sĩ Wyvell đã tiến hành một số xét nghiệm. Mẹ lo lắng rằng kết quả không tốt khi bác sĩ gọi điện mời mẹ tôi quay trở lại phòng khám, và đi cùng với cha. Bác phụ huynh nào cũng có thể tưởng tượng được nỗi đau khi bác sĩ thông báo về bệnh của con. Bác sĩ Wyvell nói với cha mẹ tôi rằng kết quả xét nghiệm máu của Robin cho thấy em tôi đã bị bệnh bạch cầu. Không chỉ gây bệnh cho em tôi mà số lượng tế bào máu trắng của em ấy đã cao vượt mức cho phép, chỉ số cao nhất mà bác sĩ Wyvell từng thấy.

Cha mẹ tôi biết là em bị bệnh, nhưng họ không thể tưởng tượng được tình trạng bệnh tật đến mức này. Cuối cùng cha tôi hỏi, “Bước tiếp theo là gì? Chúng tôi nên chăm sóc cháu như thế nào?”.

Khi bác sĩ Wyvell trả lời, đôi mắt của cô ấy đong đầy nước. Cô ấy không chỉ là bác sĩ của gia đình tôi; trong mối quan hệ khăng khít ở Midland, cô ấy còn là một người bạn. “Anh không thể làm được gì”, cô ấy nói. “Con bé có lẽ chỉ còn sống vài tuần nữa. Anh nên đưa con bé về nhà và làm mọi việc có thể làm để cho con bé thoải mái.”

Cha tôi không thể chấp nhận được rằng chẳng có hy vọng gì để cứu cô con gái nhỏ của mình. Ông về nhà và gọi điện cho anh trai của mẹ mình, bác sĩ John Walker, tại Memorial Sloan Kettering, bệnh viện ung thư tốt nhất ở New York. Bác của cha cho biết một số tiên bộ mới nhất trong y học có thể giúp Robin. Ông cũng khẳng định những gì bác sĩ Wyvell đã nói: bệnh bạch cầu ở trẻ em không có cách chữa trị.

Cha mẹ tôi đã đưa Robin đến New York. Họ biết đây là một canh bạc, nhưng họ không thể vứt bỏ con gái mình. Như bác sĩ Walker nói với cha tôi, “Cháu sẽ không bao giờ có thể đối mặt với chính mình nếu cháu không cố gắng để chữa trị cho con bé”.

Cha mẹ tôi chưa bao giờ thực sự nói với tôi những gì đang xảy ra. Họ chỉ nói rằng Robin bị ốm và rằng em ấy cùng mẹ cần đến New York gặp ông John để chữa bệnh. Cha tôi như con thoi qua lại giữa New York và Midland. Đôi khi bệnh thuyên giảm, em tôi được về nhà vài tuần. Sau đó con bé bị đau trở lại, và họ lại bay đi New York. Khi cha mẹ tôi đi, họ để tôi và em trai tôi, Jeb,

mới sinh vài tháng trước đó, ở lại với bạn bè và hàng xóm ở Midland. Họ đã thay thế cha mẹ chúng tôi mà không chút tính toán.

Cha mẹ đối diện với căn bệnh của Robin theo những cách khác nhau. Cha tôi hoạt động như một con lốc. Khi ở New York, ông gặp gỡ với bác sĩ, xem kết quả kiểm tra và hỏi về phương pháp điều trị mới. Ở Texas, ông ra từ sáng sớm, dừng lại ở nhà thờ cầu nguyện cho Robin, và sau đó quăng mình vào công việc. Nhìn lại những việc làm đó, tôi có thể thấy rằng hoạt động điên cuồng là cách ông đối phó với sự bất lực của bản thân. George Bush, phi công Hải quân, người bơi đến chiếc bè cứu sinh và chèo lái ra khỏi cõi chết, có thể cảm thấy không thể chịu đựng nổi khi chẳng thể làm bất cứ điều gì cho cô con gái nhỏ yêu thương.

Trái ngược với chuyến đi liên tục của cha tôi, mẹ tôi dành hầu hết thời gian bên giường bệnh của Robin, chơi với con bé, đọc sách cho con bé nghe, và cố gắng để giữ vững tinh thần. Bà ở với gia đình Walker tại New York, và các thành viên gia đình thường ghé qua bệnh viện để hỗ trợ. Ông cố của tôi, G.H. Walker - bảy mươi tám tuổi, đang sống những năm cuối đời - đã dành thời gian dạy Robin chơi bài. Em Robin gọi là trò chơi bài Poppy, biệt danh gia đình dành cho cha tôi.

Phương pháp điều trị của Robin rất đau đớn. Việc sử dụng hóa trị liệu và truyền máu làm cạn kiệt sức khỏe của con bé. Mẹ tôi đặt ra một quy định: không được khóc trước mặt Robin. Cha tôi có khoảng thời gian vô cùng khổ sở khi tuân thủ nguyên tắc này. Mẹ ngồi nhẫn nại bên cạnh và an ủi con gái mình khi con bé phải chịu đựng những cơn đau của quá trình điều trị. Như người viết tiểu sử Richard Ben Cramer đã mô tả hình ảnh mẹ tôi trong những ngày đó, “Đó là sức mạnh phi thường - một hành động anh dũng của ý chí và tình yêu”.

Một ngày, khi Robin đang nghỉ ngơi, mẹ đi thăm ông bà nội ở Greenwich, Connecticut. Ông tôi, Prescott Bush, vừa được bầu vào Thượng viện Mỹ, đã đưa bà đi một quãng đường dài qua nghĩa trang Putnam ở Greenwich. Ông đã chỉ cho mẹ tôi thấy nơi chôn cất mà ông bà đã chọn là nơi an nghỉ cuối cùng của họ. Ở đó còn chỗ để đặt thêm một tấm bia mộ. Đó là cách ông muốn nói với mẹ tôi rằng ông bà sẽ chăm sóc cho Robin khi chuyện gì phải đến sẽ đến, và rằng ông muốn cháu gái của mình được an nghỉ bên cạnh ông bà. (Nhiều thập kỷ sau đó, cha mẹ tôi đã di dời phần mộ của Robin đến mảnh đất nghĩa

trang gia đình trong khuôn viên sau này sẽ xây thư viện Tổng thống Bush cha tại College Station, Texas.

Cuối cùng chuyện đó cũng xảy đến vào ngày 11 tháng 10 năm 1953, Robin đã ra đi bình an sau bảy tháng điều trị. Trong những khoảnh khắc cuối cùng của con bé với cha tôi, Robin ngược nhìn ông với đôi mắt màu xanh tuyệt đẹp của mình và nói, “Con yêu cha hơn những gì con có thể nói”. Cha có thể đã nhắc đi nhắc lại lời nói đó trong suốt phần đời còn lại của mình.

\* \* \*

Tôi còn nhớ như in ngày cha mẹ nói với tôi Robin đã qua đời. Một trong những giáo viên của tôi tại trường Tiểu học Sam Houston đã yêu cầu tôi và một người bạn cùng lớp mang máy ghi âm sang dãy nhà bên kia trường. Khi chúng tôi ra ngoài, tôi thấy cha mẹ tôi bước ra từ chiếc Oldmobile màu xanh hạt đậu của họ. Tôi không biết lý do tại sao họ lại tới đón tôi vào giữa buổi học. Khi tôi chạy nhanh về phía chiếc xe, tôi nghĩ rằng mình sẽ nhìn thấy những ngọn tóc vàng của Robin ở ghế sau. Tôi rất vui mừng vì nghĩ rằng em tôi được trở về nhà. Nhưng khi tôi tới gần chiếc xe, con bé lại không ở đó. Mẹ ôm chặt tôi và nói rằng em đã rời xa chúng tôi mãi mãi. Trên đường về nhà, lần đầu tiên tôi thấy cha tôi khóc.

Sau cái chết của Robin, cha mẹ tôi bất ngờ thay đổi. Cha trở thành một người mạnh mẽ, giải quyết mọi việc tang lễ và hậu cần. Một trong những quyết định đầu tiên của cha mẹ là tặng thi thể của Robin cho nhóm bác sĩ Memorial Sloan Kettering. Các bác sĩ nói với cha mẹ tôi rằng họ có thể học hỏi từ việc nghiên cứu căn bệnh của con bé, và cha mẹ tôi hy vọng rằng cái chết của Robin có thể mang lại nhiều lợi ích cho những trẻ em đau khổ khác. Nghiên cứu ung thư ở trẻ em đã trở thành một mục tiêu trong cuộc sống của họ. Ngày nay, bệnh viện ung thư của trẻ em tại Trung tâm Ung thư MD Anderson ở Houston mang tên Robin của chúng tôi.

Sau bảy tháng cố gắng mạnh mẽ, mẹ tôi đã gục ngã. Bà phải chịu đựng những cơn trầm cảm trở thành căn bệnh bà thường gặp phải sau này. Ở tuổi hai mươi tám, mái tóc nâu đen của bà bắt đầu chuyển bạc.

Tuy còn quá nhỏ để hiểu một cách chính xác về sự ra đi của Robin, tôi cảm thấy rằng mẹ đã rất đau đớn. Sau đó bà nói với tôi rằng tôi đừng đi chơi với

các bạn nữa để ở nhà với mẹ và cố gắng làm mẹ vui lên bằng những trò đùa. Cha tôi tìm cách để vực dậy tinh thần cho mẹ. Ông lên kế hoạch đưa gia đình đi thăm bạn bè và dần giúp mẹ tôi tiếp tục cuộc sống. Thay vì dằn vặt về sự ra đi của Robin, họ nhớ về khoảng thời gian đã được sống cùng con gái.

Sự ra đi của Robin không ảnh hưởng tới mối quan hệ của cha mẹ tôi, không giống như mối quan hệ của nhiều cặp vợ chồng bị phá vỡ khi một đứa con ra đi. Trong trường hợp của cha mẹ tôi, họ chia sẻ nỗi đau với nhau và cuộc hôn nhân của họ trở nên ổn định hơn. Khi họ cần nhau nhất, cả hai đều sẵn sàng để cùng nhau đi ba phần tư con đường.

Cha tôi không bao giờ nói nhiều về sự ra đi của Robin. Vào khoảng thời gian đó, mọi người không thảo luận về các chủ đề như thế. Một vài năm sau khi Robin qua đời, cha đã viết cho mẹ của ông một lá thư cảm động về cảm giác cô đơn của cha. "Chúng con cần thấy một lọn tóc vàng khi cắt những mái tóc ngắn của tụi con trai. Chúng con cần một ngôi nhà búp bê trong đồng đồ chơi đầy bóng, mũ và gậy", ông viết. "Chúng con cần một cô con gái." Lời cầu nguyện của ông đã được trở thành hiện thực khi em gái tôi, Dorothy, chào đời vào năm 1959. Khi lần đầu tiên nhìn thấy bé trong bệnh viện, ông đã áp mặt lên cửa kính phòng hộ sinh và khóc.

Trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1980, một nhà báo hỏi cha tôi liệu ông đã từng phải đối mặt bất kỳ "khó khăn cá nhân" nào hay chưa. Ấn ý của câu hỏi là liệu một người có một cuộc sống đầy đủ như George Bush có trải qua những khó khăn như của người dân thường không.

Cha tôi có thể nói rằng ông đã bị bắn hạ bởi hỏa lực của địch trong Thế chiến thứ hai, hay rằng ông đã gần như chết vì nhiễm tụ cầu khuẩn ở trường trung học. Nhưng ông đã không kể những chuyện đó, mà nhìn chằm chằm vào phóng viên và hỏi: "Có bao giờ anh ngồi đó và nhìn con mình chết?".

Nhà báo trả lời rằng, "Không".

"Tôi đã trải qua điều đó trong sáu tháng", cha nói.

Kết thúc cuộc phỏng vấn. Bất cứ ai đã từng mất đi một đứa con đều hiểu chính xác những gì ông muốn nói.

Cha tôi không bao giờ ngừng suy nghĩ về con gái mình. Tôi nhớ trong một thời gian dài, ông đã giữ khung ảnh khổ 3x5cm của con gái trên bàn làm việc của mình. Vào cuối cuộc đời mình, khi lập kế hoạch cho tang lễ của chính mình, cha hỏi mục sư của mình rằng liệu ông có thể gặp được Robin và mẹ của ông ở trên thiên đàng. Đó là hai người ông muốn gặp. Ông hỏi liệu Robin sẽ vẫn trông như một đứa trẻ, hay con bé vẫn “lớn lên” trong suốt sáu mươi năm kể từ khi ra đi. Điều đó còn là ẩn số tuyệt vời. Nhưng tôi nghĩ cha biết trong trái tim mình, ông sẽ được gặp lại cô con gái.



# Dấn thân vào con đường chính trị

M

ới sống hai an mươi toàn lăm ở trường tuổi, George đại học Bush để đi chiến đã từ đầu bỏ cuộc bảo vệ tổ quốc với vai trò là một phi công hải quân trong suốt Thế chiến thứ hai. Ông đã từ bỏ công việc kiếm ra tiền ở phố Wall để học về kinh doanh dầu khí tại Tây Texas. Tinh thần phiêu lưu cùng lòng nhiệt huyết trước những thách thức mới đã khiến ông không thể đứng yên một chỗ. Trong vòng hai thập niên tiếp theo, cha đã thúc giục bản thân để dịch chuyển từ ranh giới này tới ranh giới khác. Trong sự nghiệp kinh doanh, ông đã có những bước tiến quan trọng như: từ một nhân viên bán hàng trở thành một doanh nhân, di chuyển từ thành phố nhỏ lên thành phố lớn, và từ kinh doanh dầu trên cạn đến khoan dầu ngoài khơi. Sự thành công trong lĩnh vực tài chính đã tạo động lực để cha tôi tiếp tục chuyển đổi bản thân một lần nữa, ông chuyển từ công ty tư nhân sang lĩnh vực dịch vụ công, từ làm chính trị địa phương đến sân khấu chính trị quốc gia. Không phải sự mạo hiểm nào cha tôi từng trải qua đều có cái kết tốt đẹp. Điều này đã dạy ông một bài học khác: “Nếu bạn không bỏ cuộc, cơ hội sẽ đến với bạn, không chỉ từ chiến thắng, mà còn đến từ sự thất bại”.

Khi còn làm cho Dresser Industries, George Bush từng chứng kiến việc kinh doanh dầu mỏ, và ông đã học hỏi được rất nhiều điều, những điều đó khiến ông rất muốn bước chân vào kinh doanh dầu mỏ bằng chính khả năng của mình. Và ngay sau đó ông đã tự đặt ra mục tiêu mới: trở thành một người kinh doanh dầu độc lập.

Trước khi cha tôi có thể tự bước đi trên con đường riêng, ông đã thông báo cho Neil Mallon rằng ông có kế hoạch rời khỏi Dresser. Như lời cha tôi kể lại, ông lo lắng trước cuộc gặp với Neil. Ông không muốn rời bỏ người đã giúp đỡ ông từ khi chập chững bước chân vào lĩnh vực kinh doanh. Khi cha tôi thông báo ông sẽ rời đi, Neil im lặng. Sau đó ông cầm tập giấy nhắc việc màu vàng lên và dành ba mươi phút để nói cho cha tôi biết rằng ông nên làm gì để bắt đầu khởi nghiệp kinh doanh. Cách giải quyết của Neil trong tình huống này là một ví dụ tuyệt vời cho cha tôi và tôi noi theo. Thay vì trách

móc hay đứng trên lập trường của một người lãnh đạo thông minh, ông đã chọn cách động viên và cố vấn. Cha tôi vẫn biết ơn ông cho đến cuối cuộc đời. Cứ thử hỏi chú em trai tôi Neil Mallon Bush sẽ rõ điều này.

Cha tôi tiếp cận với một người bạn và cũng là người hàng xóm trước đây ở Dãy nhà Trúng Phúc sinh, có tên John Overbey, với ý định bắt đầu một mối quan hệ với đôi tác mới. Overbey tốt nghiệp trường Đại học Texas, rất am tường về các loại giấy phép và đặc quyền khai thác dầu mỏ, đặc biệt, Overbey rất nhanh nhạy khi tìm kiếm thông tin từ những chủ trang trại cũ, những người giám sát các công ty dầu mỏ và từ những người kinh doanh độc lập. Cha tôi có các kỹ năng khác.

Ông có những mối quan hệ tốt với các nhà đầu tư triển vọng, đặc biệt là tại bờ Đông.

Vào mùa xuân năm 1951, công ty dầu khí mang tên Bush - Overbey đã ra đời và đi vào hoạt động. Cha tôi thường xuyên di chuyển đến vùng bờ Đông để kiếm tiền. Những nhà đầu tư chính đầu tiên của công ty là các thành viên trong gia đình hoặc bạn bè, gồm cả ông nội và chú của cha tôi là George Herbert Walker Jr., người đã rất hào hứng đặt cược vào đứa cháu trai yêu quý. Ông còn huy động tiền từ những nhà đầu tư như Eugene Meyer, tiếp đến là Chủ tịch của tờ báo Washington Post. Nhưng không may, tờ báo này đã không thường xuyên ủng hộ những người trong gia đình George Bush trong nhiều năm sau.

Cha tôi hăng hái huy động tiền vốn nhưng vô cùng thận trọng khi tiêu tiền. Bush - Overbey chỉ đầu tư những cổ phần nhỏ vào nhiều dự án, điều này có thể giảm thiểu rủi ro nhưng mang lại ít lợi nhuận. Hầu hết các buổi sáng, cha tôi đều đến văn phòng sớm, khởi động máy đánh chữ của mình, và viết thư cho những người mà ông từng gặp xung quanh thị trấn hoặc người ông gặp trong các chuyến đi, những người cho thuê tiềm năng, cũng như các nhà đầu tư. Trong nhiều năm sau, ông có thể đã áp dụng kỹ năng viết thư cần mẫn vào chính trị và ngoại giao. Tới nay, có hàng nghìn người trên thế giới có thể tìm thấy trong ngăn kéo bàn những lá thư cảm ơn do George Bush gửi tới.

Không quá xa văn phòng tại Bush - Overbey ở trung tâm thành phố là hãng Luật Liedtke và Liedtke. Bill và Hugh Liedtke là hai anh em đến từ Tulsa, bang Oklahoma, nơi cha của họ làm luật sư của tập đoàn Dầu mỏ vùng Vịnh.

Người nhà Liedtke đã có kế hoạch xây dựng một công ty dầu mỏ độc lập, và họ cần đối tác có hoài bão lớn để giúp đỡ thực hiện kế hoạch này. George Bush là một ứng viên hoàn hảo, và cha tôi đã rất háo hức khi tham gia. John Overbey không thích cuộc sống đoàn thể, vì thế sau hai năm hợp tác với cha tôi, ông đã tự bước đi con đường của riêng mình và trở thành một doanh nhân dầu mỏ độc lập thành công.

Cha tôi đã đồng ý kêu gọi một nửa số tiền vốn cho công ty mới. Nhà Liedtke sẽ đầu tư nửa còn lại. Một lần nữa, cha tôi lại nhờ cậy chú của ông, Herbie, và bạn bè trên phố Wall. Họ từng nhận cổ tức đều đặn từ công ty cũ Bush - Overbey, và cha tôi đã thuyết phục họ rằng ông thậm chí có thể chi trả nhiều hơn thế nếu họ đầu tư vào công ty mới. Ông đã kêu gọi được nửa triệu đô la. Và nhà Liedtke cũng làm được như vậy.

Trước khi bắt đầu giao dịch, họ cần chọn tên mới cho công ty. Các đối tác của họ quyết định rằng tên của công ty nên bắt đầu bằng chữ A hoặc Z, để cái tên không bị chìm ngấm vào giữa cuốn sổ danh bạ điện thoại. Tình cờ, khi đó có một phim tên là Viva Zapata, với sự tham gia diễn xuất của ngôi sao điện ảnh Marlon Brando, được trình chiếu tại các rạp trong nội thành Midland. Bộ phim kể về cuộc cách mạng táo bạo của một thủ lĩnh người Mexico để giành độc lập và đề cao tinh thần chiến đấu bất chấp rủi ro. Cộng thêm với việc tên của thủ lĩnh này bắt đầu bằng chữ cái thích hợp. Năm 1953, công ty dầu khí Zapata ra đời.

Không mất quá nhiều thời gian để công ty có thể vận hành đúng theo tên gọi táo bạo này. Hugh Liedtke đã đề xuất rằng Zapata sẽ chi 850.000 đô la để đầu tư vào khu vực mỏ Jameson tại hạt Coke. Một vài cuộc thăm dò gần đây của các công ty khai thác mỏ khác đã chứng minh rằng vùng đất này có chứa dầu, mặc dù không ai biết trữ lượng thật sự của nó. Đánh cược cả công ty vào một lần đầu tư không phải là chiến lược kinh doanh của Bush - Overbey. Tuy nhiên viễn cảnh thành công của một cuộc khám phá lớn đã khiến cha tôi ngày càng say mê lĩnh vực kinh doanh dầu khí này hơn.

Cuối cùng canh bạc này cũng đã được đền đáp. Cuối năm 1954, Zapata đã khoan được 71 hố, và cả 71 hố đều có dầu. Cuối cùng, họ đã đạt chỉ tiêu 127 hố và tất cả đều thu được dầu. Cha tôi cùng nhà Liedtke đã trả cả vốn lẫn lãi cho các nhà đầu tư và bước tiếp trên con đường kinh doanh hái ra tiền. George Bush quá khiêm tốn - và quá thông minh - nên ông không vung tiền

qua cửa sổ. Ông còn có cả một gia đình lớn phải chăm lo, và ông biết kinh doanh dầu là nghề khó dự đoán tương lai. Gia đình tôi đã chuyển đến ngôi nhà mới rộng gần 300 mét vuông tại đường Sentinel vùng ngoại ô Midland. Ngôi nhà có hồ bơi và ngay sát công viên Cowden, nơi tôi đã có những cuộc thi đấu thua thơ ấu. Đối với một đứa trẻ thì đây là điều tuyệt vời nhất mà chúng tôi có thể đạt được. Không lâu sau, George Bush có một ý tưởng kinh doanh khác, và chúng tôi lại phải chuyển đi một lần nữa.

\* \* \*

Biển luôn luôn có sức mê hoặc đối với cha tôi. Địa điểm yêu thích nhất trên thế giới của ông là Walker's Point tại Maine. Khi còn là một cậu bé, cha tôi dành thời gian của kỳ nghỉ hè để đi bơi, chèo thuyền, và câu cá tại Đại Tây Dương. Ông của ông, Bert Walker, đã giới thiệu cho ông biết về tàu thủy cao tốc, thứ mà sau này đã trở thành đam mê cả cuộc đời ông. Khi tám mươi tuổi, cha rất thích chiếc thuyền tốc độ có tên là Fidelity (Trung thành), có thể lái nó xuống nước và làm cho động cơ quay nhanh nhất có thể. Vào những năm 1950, tương lai của việc khai thác dầu khí ngoài khơi đang rất tươi sáng. Là một người kinh doanh dầu trẻ tuổi, George Bush đã bị hấp dẫn bởi kế hoạch khoan dầu dưới lòng đại dương.

Chuyến thăm dò dầu khí đầu tiên diễn ra tại một vùng nước nông ngoài khơi vịnh Mexico bắt đầu vào cuối thập niên 1930. Các nhà địa chất tin rằng những vùng nước càng sâu thì trữ lượng dầu càng nhiều. Việc tiếp cận các mỏ trữ lượng lớn đòi hỏi phải có một giàn khoan đủ lớn để tìm được và chạm đến đáy biển, đủ vững chắc để chống cự lại với sóng và gió, và có thể di chuyển linh hoạt để khai thác tại nhiều địa điểm khác nhau. Thiết bị này cần một khoản kinh phí đáng kể. Năm 1954, công ty dầu khí Zapata đã quyết định thành lập một công ty đầu tư mới, chi nhánh Zapata ngoài khơi, có nhiệm vụ là xây dựng các giàn khoan và di chuyển chúng ra khơi để khai thác dầu. Công ty con mới thành lập do George Bush đứng đầu.

Bước chuyển biến lớn đầu tiên của cha tôi là việc đánh cược vào một kỹ sư xuất sắc nhưng lập dị, R.G. LeTourneau. LeTourneau - trình độ học vấn chỉ đến hết lớp 7 và là người luôn vẽ bản phác thảo cơ khí trên giấy nháp thay vì ngay lập tức đi vào thiết kế chi tiết - đưa ra ý tưởng cho một giàn khoan dầu ngoài khơi. Không giống các mô hình khác được sử dụng trong thời gian đó, giàn khoan này gồm ba chân và có nhiều động cơ, với mục đích tăng độ vững

chải và tốc độ di chuyển. Cha tôi và anh em nhà Liedtke đã bị hấp dẫn bởi ý tưởng này, tuy nhiên chi phí để thực hiện lại quá cao: ba triệu đô la.

LeTourneau đủ tự tin với thiết kế của mình nên ông đề nghị xây dựng giàn khoan với điều kiện Zapata ứng trước cho ông bốn trăm nghìn đô và cho ông cổ phần trong công ty nếu giàn khoan hoạt động thành công. Sự mạo hiểm này đầy rủi ro, nhưng Zapata vẫn quyết định đặt cược vào kỹ sư kỳ dị này.

Năm 1956, giàn khoan mang tính cách mạng của LeTourneau, biệt danh là “Bò Cạp” hay “con quái vật ba chân”, đã chính thức hạ thủy trong vùng vịnh. Mẹ và tôi đã đi trên một chiếc máy bay hạng nhẹ cùng với ba đồng nghiệp trong công ty của cha để đến chứng kiến lễ ra mắt. Tôi đã thực sự bị bất ngờ bởi kích thước của nó. Giàn khoan cao khoảng 56 mét và rộng 45 mét, mỗi chân dài 42 mét, và thiết bị này nặng khoảng bốn nghìn tấn. Nhiều năm sau tại Midland, tôi nhớ lại quá trình thâm nhập vào lĩnh vực kinh doanh dầu khí ngoài khơi của cha khi tôi tình cờ gặp một đồng nghiệp của cha, người đã đi cùng tôi trên chiếc máy bay nhỏ ngày hôm đó. Ông nói rằng tôi vẫn nợ ông một chiếc mũ mới. “Tại sao lại thế?”, tôi hỏi. “Bởi vì cậu đã nôn vào chiếc mũ của tôi trên chuyến bay đó”, ông trả lời.

Một thời gian sau, George Bush và Liedtke đã quyết định tách Zapata thành hai công ty riêng biệt. Cha tôi nhận tài sản ở khu giàn khoan ngoài khơi; Bill và Hugh Liedtke nhận phần công ty trên bờ. Nhà Liedtke sau đó trở thành một hiện tượng thành công vượt trội, sáp nhập với công ty dầu khí phía nam Penn và tạo dựng nên công ty dầu khí lớn mạnh trên toàn thế giới, Pennzoil. Cha tôi kiếm được ít tiền hơn khi kinh doanh dầu ngoài khơi, nhưng ông cũng rất vui khi thấy bạn mình thắng lớn. Ông yêu công việc mà ông đã chọn. Và ông không bao giờ đánh giá năng lực của mình thông qua kích thước của chiếc ví.

Năm 1959, một khoảng thời gian ngắn sau khi Zapata phân tách, cha tôi chuyển gia đình đi xa 500 dặm về phía đông của bang để đến Houston, nơi đặt trụ sở của hầu hết các công ty khoan dầu ngoài khơi. Tôi chắc chắn rằng cha mẹ tôi đã cảm thấy rất khó khăn khi quyết định rời Midland, nơi họ đã có rất nhiều bạn bè. Tuy nhiên họ rất tự tin về khả năng thích nghi ở môi trường mới. Và cuối cùng chúng tôi đã làm được, nhờ một phần lớn vào công lao của mẹ. Bất chấp một sự thật rằng mẹ đã phải nuôi đến bốn người con (tôi; Jeb sinh năm 1953; Neil, sinh năm 1955; Marvin, sinh năm 1956) và tiếp tục mang thai lần thứ năm (Dorothy, sinh vào cuối năm 1959), bà vẫn sắp xếp

hoàn chỉnh tất cả công việc hậu cần và giám sát việc xây dựng ngôi nhà mới của chúng tôi tại đường Briar. Mẹ tôi đã rất nhanh chóng biến ngôi nhà thành một tổ ấm.

Houston thực sự là một thành phố sầm uất, nơi đã mở ra một chân trời mới cho sự nghiệp của cha và của tôi. Tôi nhớ lần đầu tiên chúng tôi chứng kiến một cơn mưa đông trứ danh của vùng đất Houston. Tôi đã cảm tưởng như chúng tôi đang sống trong một rừng rậm nhiệt đới khác hẳn với khi sống tại Midland. Tôi đã bắt đầu đi học ở trường mới, tên là Kinkaid, nơi đã mang đến cho tôi nhiều lựa chọn hơn khi tôi học ở miền Tây Texas. Và không giống như Midland, Houston là nơi có một nền thể thao chuyên nghiệp. Tôi nhớ về trận đấu của đội Houston Oilers với đội Dallas Texans trong giải đấu tranh chức vô địch bóng bầu dục lần thứ nhất. Năm 1962, thành phố đã thu hút được một đội bóng chày trứ danh, có tên Colt. 45s. Họ đã sớm đổi tên thành Astros và chơi tại sân Astrodome, nơi được ví như kỳ quan thứ tám của thế giới. Trong suy nghĩ của một đứa trẻ đam mê thể thao như tôi, thì Houston thật sự là một thiên đường.

Việc kinh doanh dầu ngoài khơi ẩn chứa nhiều rủi ro tài chính. Nếu không có hợp đồng khoan nào, thì giàn khoan và các công nhân của Zapata sẽ không có việc để làm. Cha tôi đã đi khắp thế giới để mở rộng việc kinh doanh. Kinh nghiệm của ông khi làm việc với các doanh nhân và các quan chức chính phủ quốc tế đã đặt một nền móng quan trọng cho những vị trí của ông sau này trong ngành ngoại giao. Việc vận hành công ty cũng giúp ông hiểu thêm về các nguyên tắc quản lý quan trọng. Ông đã học được tầm quan trọng của việc tuyển dụng những người có kiến thức uyên thâm và lắng nghe lời khuyên của họ, để giao phó các nhiệm vụ và giữ lại những người có trách nhiệm, cũng như để họ có thể đưa ra các quyết định cứng rắn và biết chịu trách nhiệm về những việc họ làm. Khi mọi việc suôn sẻ, ông ghi nhận sự đóng góp của mọi người. Khi gặp việc không tốt, ông tự nhận trách nhiệm về mình. Kinh nghiệm này đã giúp ông phát triển phong cách lãnh đạo được áp dụng trong các thập kỷ sau này.

Mặc dù lĩnh vực kinh doanh dầu khí chứa đầy những khó khăn, nhưng cha tôi rất hiếm khi có biểu hiện căng thẳng. Khi có bất kỳ vấn đề nào xảy ra, ông đều giữ trong lòng. Một chế độ tập luyện phù hợp giúp ông mạnh mẽ hơn. Nhưng có những lần tốc độ làm việc không ngừng nghỉ đã ảnh hưởng đến sức

khỏe của ông. Trong chuyến kinh doanh tại Anh năm 1960, cha tôi đã ngã khụy xuống sàn tại phòng riêng trong khách sạn. May mắn thay, ông đã kịp nhấn nút gọi người tới giúp trước khi ngã gục xuống. Vị bác sĩ người Anh nói với ông rằng ông bị ngộ độc thức ăn, nhưng khi ông quay lại Texas, bác sĩ riêng của ông đã chẩn đoán ông có một vết loét dạ dày. Nguyên nhân có thể vì áp lực căng thẳng, hoặc cũng có thể vì kiệt sức. Nhưng dù là vì nguyên nhân nào, vị bác sĩ cho biết cha tôi cũng đã rất may mắn khi vẫn còn sống.

Trong những năm đầu đời, George H.W. Bush không bộc lộ những đặc tính của một chính trị gia. Ông theo dõi tin tức và đi bầu cử khi đến tuổi, nhưng không thiên về bất kỳ một tổ chức chính trị nào. Ngoài cuộc tranh cử vào vị trí Chủ tịch hội học sinh năm cuối tại trường Andover, ông chưa bao giờ tham gia một chiến dịch tranh cử nào.

Nhưng điều này bắt đầu thay đổi vào năm 1950, khi ông nội tôi quyết định tranh cử chức Thượng nghị sĩ Mỹ đại diện bang Connecticut. Cha tôi khi đó hai mươi sáu tuổi và bắt đầu công việc kinh doanh dầu khí, vì vậy ông không có thời gian để giúp đỡ cha mình. Tuy nhiên, ông vẫn theo dõi rất cụ thể công việc của cha mình, và quyết định của ông nội khiến cha tôi suy nghĩ về việc ông có nên làm như thế trong tương lai hay không.

Prescott Bush không phải là một chính khách điển hình. Ở độ tuổi sáu lăm, việc công duy nhất ông từng làm là người điều hành cuộc gặp mặt của hội đồng thành phố Greenwich. Ông coi bản thân là đảng viên Đảng Cộng hòa vì niềm tin trước khi ông khởi nghiệp kinh doanh, và ông đã từng rất tích cực gây quỹ cho Đảng Cộng hòa tại Connecticut. Các thành viên của Đảng đã khích lệ ông tranh cử vào Quốc hội năm 1946, và ông đã rất hào hứng tham gia. Tuy nhiên các đối tác tại Brown Brothers Harriman không khuyến khích ông làm việc này. Họ thấy rằng việc đầu tư nhà đất quan trọng hơn việc trở thành hạ nghị sĩ.

Một cơ hội khác lại đến vào bốn năm sau đó khi Thượng nghị sĩ Mỹ đại diện bang Connecticut, ông Raymond Baldwin, đã rời bỏ chức vụ của mình để tiếp nhận một vị trí trong tòa án tối cao cấp bang. Tháng 11 năm 1950, bang này đã tổ chức một cuộc bầu cử đặc biệt để chọn ra một Thượng nghị sĩ để đảm nhận chức vụ này trong hai năm nhiệm kỳ còn lại của Baldwin. Các đảng viên Đảng Cộng hòa tại Connecticut đã thuyết phục cha tôi tranh cử. Lần này các đối tác tại phố Wall đã ủng hộ ông.

Là một người suốt đời làm việc trong các ban quản trị, ông nội tôi đã cố gắng điều chỉnh cuộc sống để có thể tham gia vận động tranh cử. Ông làm việc chăm chỉ, đi lại khắp bang, và ghi danh vào cuộc thi tài năng ca hát tại Yale Whiffenpoofs để tạo sự chú ý cho cuộc tranh cử của mình. Ông tham gia các quảng cáo truyền hình, một kỹ thuật tương đối mới ở thời điểm này, ông đã học được cách quảng cáo tranh cử khi làm việc trong ban giám đốc của CBS.

Một vài ngày trước cuộc bầu cử, Drew Pearson, một nhà bình luận trên truyền hình đã đưa ra thông tin sai lệch rằng ông tôi đã từng là Chủ tịch của Liên đoàn kiểm soát tỷ lệ sinh đẻ của bang. Cáo buộc này gây tổn thương cho cộng đồng những người theo Công giáo của bang, họ phản đối mạnh mẽ việc kiểm soát tỷ lệ sinh đến mức luật của bang Connecticut cấm bán các dược phẩm phòng tránh thai. Cuối cùng, ông đã thất bại trong cuộc bầu cử khi chỉ còn thiếu hơn một nghìn phiếu bầu, ít hơn người thắng cuộc một phần mười trong tỷ lệ một phần trăm điểm. Đây không phải lần cuối cùng sự cố diễn ra trước ngày bầu cử có ảnh hưởng xấu tới các ứng viên mang họ Bush.

Tôi chắc chắn rằng ông đã rất thất vọng khi không trúng cử, nhưng ông đã thực sự có một chiến dịch mạnh mẽ và đứng lên kiên cường sau thất bại. Ông vẫn tiếp tục tham gia tranh cử một lần nữa vào ghế Thượng nghị sĩ năm 1952. Tuy nhiên, lần này ông lại thua ở vòng bỏ phiếu kín trong nội bộ đảng. Sau khi thất bại, Prescott Bush ngộ ra rằng công việc chính trị của ông dừng lại tại đây. Ông đã làm hết khả năng của mình, nhưng chiếc ghế Thượng nghị sĩ không phải vị trí dành cho ông.

Nhưng số phận lại can thiệp vào sự nghiệp của ông. Khoảng gần hai tháng sau đó, một thượng nghị sĩ khác của Connecticut đột ngột qua đời. Đảng Cộng hòa của bang tiếp tục khuyến khích ông nội tôi tham gia tranh cử, và ông đồng ý. Sự bền bỉ của ông đã được đền đáp, ông đã chiến thắng cuộc bầu cử với số phiếu vượt trội. Prescott Bush, chính trị gia không gặp may trước đó, nay tuyên thệ nhậm chức Thượng nghị sĩ của Connecticut. George Bush đã học được một bài học quan trọng rằng: “Không được để thất bại dập tắt ước mơ. Nếu bạn tiếp tục làm việc và duy trì sự lạc quan, cơ hội sẽ đến trên con đường tiến thân của bạn”.

Nhờ vào tính cách và các mối quan hệ của mình, Prescott Bush đã trở thành một vị thượng nghị sĩ đáng kính. Ông là thành viên trong Ban quản trị của Yale và được làm việc với các lãnh đạo của Thượng Nghị viện, thành viên



của Đảng Cộng hòa, Thượng nghị sĩ của bang Ohio, Robert Taft. Ông cũng kết bạn với các thượng nghị sĩ khác vì mục đích công việc, bao gồm Lyndon Bainers Johnson thuộc bang Texas, người đã trở thành Lãnh đạo đảng cấp bang vào năm 1955, và một thành viên cùng nhóm của đoàn đại biểu New England, John F. Kennedy thuộc bang Massachusetts. Thời trước những năm 1950, các thượng nghị sĩ có xu hướng cùng tốt nghiệp từ một trường đại học nhiều hơn ngày nay.

Người bạn ở thủ đô có ảnh hưởng lớn nhất đến ông nội tôi là Tổng thống Dwight Eisenhower. Chìa khóa để phát triển tình bạn này đó là tên tuổi của cha tôi trong giới chơi golf. Ike (tên thân mật của Tổng thống Eisenhower) rất thích chơi golf, và không có vị nghị sĩ nào chơi golf giỏi hơn Prescott Bush. Ike đặc biệt thích Prescott, vì ông không nhường cho Tổng thống thắng như các chính khách khác vẫn làm. Vài năm sau, anh trai tôi, Marvin, đã mời tôi chơi golf ở gần khu vực của câu lạc bộ Burning Tree tại Maryland, một trong những địa điểm mà ông tôi và Tổng thống Eisenhower đã từng chơi. Marv đã giới thiệu tôi với người nhật bóng đã từng nhật bóng cho ông nội tôi vài thập kỷ trước đây. Sau khi xem tôi đánh khoảng năm lố, ông đánh giá. “Ông nội của ngài đánh tốt hơn ngài đấy”. Ông nói, “Ngài ấy căn trái, căn phải, rồi mới đánh. Còn khi ngài đánh trúng, có thể chỉ do may mắn thôi”. Người nhật bóng không lo sợ nói ra sự thật.

Một trong những đồng nghiệp của Prescott Bush là Nghị sĩ Joseph McCarthy tại Wisconsin. Tại thời điểm này, McCarthy nổi tiếng trong một phân khúc cử tri vì ông rất nhiệt tình chống cộng sản, bao gồm cả việc cáo buộc (đôi khi vô căn cứ) rằng các thành viên cộng sản đã thâm nhập vào bộ phận cấp cao nhất trong chính phủ. Trong suốt chiến dịch bầu cử Nghị sĩ năm 1952, cha tôi đã xuất hiện cùng McCarthy trong các sự kiện của chiến dịch. Một ứng viên của Đảng Cộng hòa tại sự kiện đã ca ngợi McCarthy, điều này đã nhận được sự hưởng ứng lớn từ phía đám đông. Ông tôi nhận ra McCarthy là một tay mị dân và hay bắt nạt người khác. Prescott Bush đã nói: “Trong khi chúng ta ngưỡng mộ mục tiêu chống lại chủ nghĩa cộng sản của ông ấy, chúng ta cũng nên quan tâm đến một số hạn chế đáng kể trong các phương pháp mà đôi khi ông ấy sử dụng”.

Mặc dù đám đông phản đối mạnh mẽ, nhưng ông tôi đã không hề e ngại. Sau này, ông đã từ chối một cuộc vận động ủng hộ từ McCarthy. Vài năm sau, khi

được biết đến lập trường của ông, tôi đã rất ngưỡng mộ sự sẵn sàng của ông khi đối mặt với chủ nghĩa cực đoan. Thị trưởng thành phố Boston, ông James Micheal Curley, đã từng tóm tắt triết lý của rất nhiều chính trị gia như sau: “Mọi người đang đi cả rồi. Tôi phải theo họ, vì tôi là lãnh đạo”. Nhưng Prescott Bush có đủ lòng dũng cảm và tính liêm trực để bác bỏ quan điểm này.

Năm 1956, Prescott tham gia tái tranh cử. Ông đã thiết lập một kỷ lục lớn khi còn là một nghị sĩ, là nhà bảo trợ pháp luật quan trọng cho Luật hệ thống xa lộ Hoa Kỳ và Tổ chức hòa bình. Ông nổi tiếng với phong cách làm việc không mệt mỏi để phục vụ các cử tri của mình. Ông dành các buổi sáng thứ Bảy trong văn phòng để trả lời các bức thư nhận được trong tuần. Ông tôi đã học được một bài học giá trị: Trong lĩnh vực chính trị, không gì thay thế được mối quan hệ với những công dân mà bạn có trách nhiệm phụng sự. Sau này, cha tôi đã tiếp nối công việc của ông tôi khi dành các buổi sáng thứ Bảy để trả lời thư nhận được trong tuần.

Đối thủ của ông tôi năm 1956 là Thomas J. Dodd, một nghị sĩ Đảng Dân chủ và là một luật sư. Dodd đã sử dụng các học thuyết của chủ nghĩa dân túy để chống lại ông tôi. “Tôi cho rằng Nghị sĩ Bush dường như đã dành quá nhiều thời gian để chơi golf”, ông ta nói. “Tôi còn không có đủ điều kiện chơi golf”.

Sau đó, một vài người đã hỏi Dodd rằng sở thích của ông ta là gì. Ông ta nói rằng đó là cưỡi ngựa. Không chần chừ, ông nội tôi đã nói, “Ồ, chúc mừng đối thủ của tôi. Tôi còn không có đủ điều kiện để có một con ngựa”.

Ông nội tôi đã chiến thắng trong cuộc tái bầu cử với hơn mười phần trăm điểm. (Vài năm sau, tôi đã có cơ hội làm việc với cậu bé khá dễ thương Chris Dodd, con trai của đối thủ một thời của ông nội tôi và là Thượng nghị sĩ của bang Connecticut trong suốt ba mươi năm.)

Năm 1962, Prescott Bush đã sáu mươi bảy tuổi, đang phải chịu đựng căn bệnh viêm khớp, và không còn sức để đáp ứng những lịch trình đi lại liên tục. “Sẽ thật ngu ngốc nếu ngài tiếp tục chạy đua”, bác sĩ khuyên, và ông thấy thuyết phục. Tôi nghĩ lúc đó trong ông đã có luồng suy nghĩ khác, đặc biệt là sau khi biết sức khỏe của mình bắt đầu cần được cải thiện. Ông đã sống thêm hơn mười năm, và ai cũng biết rằng ông đã cống hiến hết mình cho chính trị

trong cả một thập kỷ ấy. Kinh nghiệm này của ông thể hiện tầm quan trọng của việc cần biết chọn đúng thời điểm để tham gia chính trị. Đối với Prescott Bush, việc lựa chọn thời điểm quá muộn khiến ông khó tiếp tục trụ lại chính trường. Còn đối với con trai ông, thời gian tham gia chính trường mới chỉ chớm bắt đầu.

Nói điều này hôm nay nghe thật khó tin nhưng gần một thế kỷ kể từ cuộc tái thiết cho tới năm 1961, không có một thành viên Đảng Cộng hòa nào thắng cử tại bang Texas. Khoảng giữa năm 1896 đến 1959, cả bang chưa từng thấy nhiều hơn một ứng viên Đảng Cộng hòa có chân trong Quốc hội Mỹ hoặc là nghị sĩ của bang. Không có nhiều hơn hai thành viên Đảng Cộng hòa phục vụ trong cơ quan lập pháp của bang. Trong cuộc đua giành chức Thủ hiến bang nhiệm kỳ 1950 đến 1954, đảng viên Đảng Dân chủ, Allan Shivers, đã chiến thắng với gần 90% phiếu bầu, đánh bại một đối thủ Đảng Cộng hòa.

Mặc dù Đảng Cộng hòa có vị thế thấp, nhưng tôi không cho rằng cha tôi phủ nhận ông là đảng viên Đảng Cộng hòa. Sự nghiệp chính trị của ông nội đã ảnh hưởng tới cha, và ông cũng tuân thủ theo những mục tiêu nền tảng của Đảng Cộng hòa: Một hệ thống doanh nghiệp tự do sôi động, một chính phủ liên bang gọn nhẹ và có hiệu quả hơn, và đưa ra những quyết định đúng đắn hơn ở cấp độ bang. Tại Texas, các thành viên Đảng Cộng hòa và rất nhiều thành viên Đảng Dân chủ không bị chia rẽ bởi những vấn đề trên. Nhưng khi đó Đảng Dân chủ đang cầm quyền, và hầu hết người dân Texas không thấy có lý do gì để phải thay đổi khuynh hướng chính trị của họ.

Với tư cách là thành viên Đảng Cộng hòa tại Mildland, Texas, cha tôi đã từng nói đùa rằng ông có thể tổ chức một buổi tiệc gặp gỡ tất cả thành viên trong đảng ngay tại phòng khách của gia đình mà vẫn còn thừa chỗ ngồi. Ông tin tưởng mạnh mẽ rằng Texas sẽ có được những lợi ích từ việc hệ thống hai Đảng và những cử tri có quyền chọn lựa nhiều hơn là chỉ chọn cỗ máy của Đảng Dân chủ. Ông đã tham gia vào một tổ chức của Đảng Cộng hòa ở cấp địa phương. Ông hoạt động như một ứng viên của Đảng Cộng hòa tại Midland và như một đại biểu của đảng tại các hội nghị cấp bang. Ông là một lãnh đạo địa phương trong chiến dịch bầu cử tổng thống của Eisenhower năm 1952 và 1956. Những cuộc bầu cử này đã đánh dấu những chiến thắng nhỏ cho Đảng Cộng hòa tại Texas. Lần thứ hai và lần thứ ba trong các cuộc bầu cử, ứng

viên thuộc Đảng Cộng hòa đã chiến thắng cuộc bầu cử với số phiếu đại cử tri bang Texas.

Bước nhảy vọt đáng ghi nhớ đầu tiên của cha tôi đến địa hạt chính trị xảy ra sau khi chúng tôi chuyển đến Houston. Ông đã tham gia Đảng Cộng hòa tại hạt Harris, vùng lớn nhất của bang. Cha tôi đã làm việc chăm chỉ để giúp chọn ra các ứng cử viên Đảng Cộng hòa, trong đó có John Tower, người đã chiến thắng cuộc bầu cử đặc biệt để ngồi vào chiếc ghế Thượng nghị sĩ Mỹ bị bỏ trống vì Lyndon Johnson được lên làm Phó Tổng thống. Tower là một Thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa Mỹ đầu tiên tại Texas kể từ cuộc tái thiết, và cuộc bầu cử của ông đã mang lại bầu không khí lạc quan cho đảng này.

Năm 1962, nhiều người bạn ở Houston đã thúc giục cha tôi tranh cử vào vị trí Chủ tịch Đảng Cộng hòa tại Harris. Ông đã đồng ý và tham gia chiến dịch rất tích cực, ông tới thăm từng đơn vị bầu cử trong số hơn hai trăm đơn vị trong thành phố, gồm cả nơi có những người Mỹ gốc Phi là những nơi trước đây chưa từng nhìn thấy đảng viên Đảng Cộng hòa. Cuối cùng, đối thủ duy nhất trong nội bộ đảng của ông rút lui, và các thành viên trong đảng đều nhất trí bầu công khai cho cha tôi. Khi nhìn lại, tôi đã khá ngạc nhiên khi cha tôi quyết định làm công việc này. Với vai trò là Chủ tịch Đảng Cộng hòa tại địa phương trong một thời gian dài, ông phải tuyển chọn các lãnh đạo từng khu vực bầu cử, lên danh sách cử tri, và thực hiện một số công việc không tên ở các cấp cơ sở. Nhưng như những điều ông đã thể hiện khi kinh doanh dầu khí, George Bush không hề lo sợ khi bắt đầu từ những vị trí thấp nhất.

Công việc của cha tôi trở nên phức tạp hơn do một thành phần hoạt động của Đảng, tổ chức xã hội John Birch. Tổ chức Birch tập hợp những kẻ cực đoan luôn nghĩ ra một loạt thuyết âm mưu. Chúng tuyên bố rằng giới thượng lưu ở bờ Đông như doanh nhân Rockefeller muốn Mỹ từ bỏ chủ quyền để hướng đến một số loại hình tổ chức siêu chính phủ. Kết quả là, những kẻ thuộc tổ chức này muốn lôi kéo Hoa Kỳ ra khỏi Liên Hợp Quốc. Họ cũng muốn buộc tội Chánh án tòa án tối cao Earl Warren và bãi bỏ luật Tu chính án lần thứ mười sáu, luật nhằm cho phép đánh thuế thu nhập liên bang, mà không đưa ra bất kỳ giải pháp hợp lý nào khác. George Bush hiểu rằng chừng nào Đảng Cộng hòa còn gắn kết với những kẻ thuộc tổ chức này, thì càng ít có khả năng Đảng Cộng hòa có thể thay thế Đảng Dân chủ tại Texas.

Ngoại giao là bản năng hàng đầu của cha tôi, và ông đã rất cố gắng để đưa những kẻ trong tổ chức Birch vào một cuộc đàm phán. Ông đã chỉ thị cho các lãnh đạo đảng ngừng đề cập đến các “thành viên tổ chức Birch” như “những tên tội phạm”, và cũng bỏ nhiệm một số thành viên của tổ chức xã hội Birch vào ghế quan trọng trong các khu vực bầu cử. Nhưng sự sắp xếp này không hiệu quả. Các thành viên của tổ chức đã chống lại các lãnh đạo của cha và từ chối làm việc với những người thành lập nên Đảng Cộng hòa. Vì thế, cha tôi đã thay thế toàn bộ các thành viên nhóm Birch ra khỏi các vị trí lãnh đạo và tiếp tục làm việc như không có họ.

Việc điều hành một đảng quốc gia đã giúp cha tôi rút ra được nhiều kinh nghiệm giá trị. Ông học được cách làm thế nào để tuyển dụng và tạo động lực cho các tình nguyện viên. Ông đã có kinh nghiệm quản lí một tổ chức chính trị. Ông xây dựng được mối quan hệ bằng hữu với Chủ tịch Đảng Cộng hòa tại các hạt và toàn bộ lãnh đạo Đảng Cộng hòa trên toàn bang. Và ông cũng ý thức được rằng những người thuộc chủ nghĩa chính trị cực đoan thường đi công kích hơn là hợp tác để làm việc vì mục đích chung.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 1963, George Bush đã tổ chức một cuộc họp báo tại Austin để tuyên bố tranh cử vào Nghị viện Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Lúc đó tôi bắt đầu năm học cuối cấp tại Andover. Tôi không thông thạo về chính trị, nhưng tôi đủ hiểu để nhận ra rằng cuộc đua này khá dài. Cha tôi đã là một doanh nhân ba mươi chín tuổi và là lãnh đạo một đảng tại cấp vùng, là người chưa bao giờ tham gia chính trị. Tên tuổi của ông ít được biết đến ngoài phạm vi Houston và Midland. Và ông cũng là một thành viên Đảng Cộng hòa trong bang mà hầu hết mọi người đều bầu cho Đảng Dân chủ.

Cha tôi chưa bao giờ hỏi quan điểm của tôi về quyết định tranh cử của ông, và tôi cũng không hy vọng ông làm thế. Dĩ nhiên, cha đã nói chuyện với mẹ. Sau đó, mẹ đã nói với tôi rằng điều mẹ lo nhất là cha sẽ thắng trong cuộc bầu cử và chúng tôi sẽ phải tiêu hết sạch tiền. Sau tất cả, không hề có một nguồn quỹ ủy thác nào từ bờ Đông hỗ trợ cha mẹ tôi. Mẹ không cần tiền để mua các món đồ sang trọng; như bà đã cho biết, “Mẹ chỉ muốn chắc chắn rằng chúng ta đủ tiền để các em trai và em gái con vào đại học”. Cha tôi đã thuyết phục bà rằng họ sẽ có sự bảo đảm về tài chính, để bà có thể làm được nhiều việc. Làm việc chăm chỉ để giúp cuộc vận động của George Bush thành công là

một lần nữa mẹ tôi lại đi ba phần tư quãng đường với người đàn ông mà bà yêu thương.

George Bush đã tham gia cuộc tranh cử với những lý do đúng đắn. Ông cảm thấy đây là trách nhiệm để phục vụ người dân giống như điều Prescott Bush cảm nhận khi điều phối những cuộc họp hội đồng thành phố Greenwich và khi từ bỏ sự nghiệp tại phố Wall để bắt đầu công việc thượng nghị sĩ. Ông cũng hiểu được từ việc chứng kiến tấm gương Prescott Bush rằng ông có thể bước vào môi trường chính trị mà vẫn là một người chồng, người cha tốt. Đó là một bài học mà tôi đã học được từ cả cha và ông mình. Không cần phải nói, Prescott Bush đã hoàn toàn ủng hộ quyết định tham gia của con trai ông, thậm chí ông biết rõ rằng đó có thể là cả một quãng đường dài.

Giai đoạn đầu tiên của cuộc đua là đấu tranh với những thành viên khác trong Đảng Cộng hòa, một cuộc đua giữa bốn người, cha tôi với Jack Cox, Robert Morris, và Milton David. Cox là ứng cử viên nặng ký. Giống như cha tôi, ông xuất phát từ việc kinh doanh dầu khí ở Houston. Ông đã làm việc trong cơ quan lập pháp bang Texas trong sáu năm trước khi gia nhập vào làn sóng từ bỏ Đảng Dân chủ để tham gia vào Đảng Cộng hòa. Năm 1962, Cox đã có được 45% số phiếu bầu trong cuộc tranh cử vào chức vụ Thống đốc, vượt trên số phiếu của một thành viên Đảng Dân chủ, John Connally.

Cha tôi đã rất hăng hái tham gia vào các vũ đài tranh cử. Ông không coi nhẹ bất cứ buổi tụ tập cà phê hay các buổi tiệc thương mại nào. Ông đã xem bản thân như người thuộc “chủ nghĩa bảo thủ có trách nhiệm” và mong mỗi bang sẽ đặt dưới sự lãnh đạo của hai đảng. Sau mỗi sự kiện tranh cử, ông đều gửi những bức thư tay cho những người mình đã gặp. Ông phải viết đến hàng nghìn bức như thế vào mùa xuân năm đó. Các đảng viên Đảng Cộng hòa rất ấn tượng với tính cách nồng nhiệt, tâm huyết trong công việc và cả tiểu sử cá nhân đầy thành tích của ông. George Bush thu hút từng người một trở thành người ủng hộ cho ông về mặt chính trị.

Sự chăm chỉ làm việc của cha tôi đã được đền đáp thông qua kết quả của cuộc bầu cử kín trong nội bộ đảng. Ông nhận được 44% phiếu bầu, trong khi Cox chỉ nhận được 32%. Luật bầu cử ở Texas yêu cầu người thắng cử phải có được trên 50% số phiếu bầu, vì vậy cha tôi và Cox vẫn sẽ tiếp tục gặp nhau trong vòng bầu cử tiếp theo. Cha không thể dự lễ tốt nghiệp phổ thông của tôi vì bận tranh cử, nhưng tôi không phiền lòng vì điều đó. Tôi chỉ muốn cha

thắng. Và ông đã làm được. Ông đã chiếm ưu thế trong cuộc bầu cử với khoảng 62% số phiếu bầu.

\* \* \*

Cuộc đua vào vị trí Thượng nghị sĩ bang Texas năm 1964 có sự tham gia của nhiều cựu tổng thống và cả các tổng thống tương lai hơn bất cứ một cuộc tranh cử vào Thượng viện nào khác trong lịch sử. Cha tôi là một trong số các ứng viên, dĩ nhiên là như thế. Tôi đã tham gia vận động cho ông trong suốt mùa hè sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra còn có Richard Nixon, người mà ông nội tôi đã từng biết khi còn làm trong Thượng viện. Dwight Eisenhower, một người bạn thân của ông nội tôi, Prescott Bush. Tổng thống đương nhiệm Lyndon Johnson, tranh cử chức đại diện Đảng Dân chủ và Ralph Yarborough, người đã ở bên cạnh trợ giúp Tổng thống Kennedy trước khi ông bị ám sát.

Thượng nghị sĩ Ralph Yarborough thuộc chủ nghĩa dân túy tự do, ông là người theo dõi toàn bộ các kế hoạch chi tiêu lớn của tổ chức Great Society. Ông ủng hộ Luật quyền công dân năm 1964, bộ luật mà rất nhiều người dân Texas đã phản đối và xem nó như một sự can thiệp thô bạo của chính phủ liên bang về một vấn đề mà họ cảm thấy nên được quyết định bởi các bang. Yarborough tán công vào các mối quan hệ của cha tôi trong nền công nghiệp dầu khí và cố gắng mô tả ông như một ứng cử viên giàu có đến từ vùng Đông Bắc đang tranh cử ở nơi không phải quê hương mình. Một nhà phê bình in ra những tờ rơi đã khẳng định rằng mẹ tôi là một phụ nữ giàu lên nhờ tiền thừa kế, bà đã dành toàn bộ thời gian để hưởng thụ ở khu nghỉ dưỡng Cape Cod. Một thời gian ngắn sau đó, cha tôi nhận được một lá thư từ Marvin Pierce. Ông Pierce đã đưa đến một tin xấu rằng mẹ tôi không được thừa kế. Bà cũng chưa từng đặt chân đến Cape Cod.

Trong bài phát biểu của ông trước cuộc tổng tuyển cử, cha tôi đã gọi Yarborough là “người đã bồi dưỡng, cải thiện và phát triển mạnh mẽ việc kêu gọi thắt chặt chi tiêu - chi tiêu tiền của người đóng thuế”. Cha tôi luôn làm việc dựa trên cơ sở giảm thuế và cân bằng ngân sách, thu hẹp quy mô chính phủ nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tự do, và một chính sách ngoại giao vững vàng để phát triển các quyền tự do.

Sau khi nhận định được rằng số lượng đảng viên Đảng Dân chủ ở Texas lớn hơn rất nhiều so với Đảng Cộng hòa, cha tôi không có lựa chọn nào ngoài

việc cố gắng thu hút những thành phần bảo thủ trong Đảng Dân chủ để loại bỏ đối thủ của mình. Ông đã thuê một chiếc xe bus lấy tên là “Trào lưu Bush”. Tôi đã cùng ông đi trên chiếc xe bus này theo hành trình đến miền Tây Texas, nơi mà chúng tôi dừng chân là tại các ủy ban khu vực bầu cử ủng hộ mạnh cho Đảng Dân chủ như Abilene và Quanah. Các cuộc hành trình này giống như những cuộc trải nghiệm tham quan của cha và tôi. Chúng tôi đã tìm đến quảng trường thành phố, thuê một ban nhạc có tên là Black Mountain Boys với hy vọng sẽ thu hút đám đông. Nhóm Bush Belles gồm các bà nội trợ tài giỏi và nhiệt huyết, tham gia cổ vũ cho sự kiện tranh cử của cha tôi. Công việc của tôi là chạy tới chạy lui trên chiếc xe bus để chắc chắn rằng Belles và các tình nguyện viên chiến dịch đã có đầy đủ vật dụng họ cần. Sau đó, cha sẽ tiến tới bục phát biểu và đọc diễn văn. Đám đông sẽ hò reo và vỗ tay. Một số người khác sẽ nhìn chằm chằm vì lần đầu được thấy một đảng viên Đảng Cộng hòa bằng xương bằng thịt.

Tham gia chiến dịch tranh cử cùng cha là một trải nghiệm tuyệt vời của tôi. Tôi đã rất ngạc nhiên bởi nhiệt huyết và cách điều hành của ông. Tôi đã học được từ cha một số yếu tố của cuộc vận động tranh cử, bao gồm cả “bài phát biểu nguồn”. Thời gian đầu, tôi đã rất ngạc nhiên rằng cha tôi đã sử dụng chung một bài phát biểu cho toàn bộ các buổi lễ vận động tranh cử. Với những người đi cùng ông, việc phải nghe đi nghe lại một bài diễn văn có thể rất nhàm chán (Có lẽ đây là lý do mẹ tôi bắt đầu thêu những chiếc ví cho các tình nguyện viên chủ chốt của cuộc vận động). Tuy nhiên, đối với mỗi đám đông ở các thành phố, thì đó lại là bài diễn văn họ mới nghe lần đầu tiên. Và thậm chí nếu đội cổ vũ thấy chán, ông vẫn không chán. Ông là một diễn giả chân thành và đầy cảm xúc, ông trân quý từng phút giây của cuộc vận động tranh cử. Tôi đã dần dần yêu quý trình tự công việc nhịp nhàng mỗi ngày của cuộc vận động - cả các đám đông và các cuộc tranh cãi. Tất cả bắt đầu từ mùa hè năm 1964 khi con virus chính trị đã ăn vào người tôi.

Cuộc vận động của cha tôi ngày càng tiến triển trong suốt mùa hè và mùa thu, nhưng sau đó tôi đã nhận được một đòn phá hoại nặng nề vào ngày cha tôi bước vào cuộc tranh cử. Trong khi Ralph Yarborough có khả năng bị đánh bại tại Texas năm 1964, thì Tổng thống Lyndon Baines Johnson lại không như vậy. Thậm chí Yarborough đã có được vị trí tay trái của LBJ - và ngay cả khi LBJ rất yêu quý và kính trọng Prescott Bush - thì Tổng thống cũng không thể làm mất đi một ghế của Đảng Dân chủ trong Thượng viện. Johnson ca ngợi



Yarborough như là một người bạn thuộc Đảng Dân chủ và đẩy cha tôi sang phe ứng cử viên chủ tịch Đảng Cộng hòa Barry Goldwater, người đã bị mất nhiều điểm sau khi Tổng thống LBJ chạy các quảng cáo hằng ngày với nhân vật em bé và hoa cúc, miêu tả ông gắn với tham vọng chằm ngoi cho các cuộc chiến tranh hạt nhân.

Tuần cuối cùng trước cuộc bầu cử, quá rõ ràng để thấy rằng sức mạnh của LBJ đã nhân lên tại bang quê nhà của ông ta. Cha đã thuyết phục các tờ báo chính ở Texas để thừa nhận cả ông và LBJ. Việc cùng chia nhau tám vé đường như là con đường duy nhất dẫn đến chiến thắng của George Bush, ứng cử viên kiên trì chạy đua tới từng giây cuối cùng. Trong ngày bầu cử, ông nội và tôi đã đến Houston từ Connecticut, nơi tôi bắt đầu năm học đầu tiên tại Yale. Tôi vẫn nhớ việc đi xe đến khách sạn America để tham dự tiệc mừng chiến thắng sau đợt kiểm phiếu. Chúng tôi đang nghe đài phát thanh thì chương trình bị ngắt đột ngột bởi tin Ralph Yarborough đã thắng cử.

Giống như những đứa trẻ mười tám tuổi rất yêu quý cha mình, tôi coi đây là trận thua thảm hại. Khi đó, tôi cảm thấy giống như mình cần phải ra khỏi căn phòng khách sạn càng nhanh càng tốt. Cha đã giúp tôi mở mang tầm nhìn trước những cách khác nhau để đối mặt với thất bại. Ông có một bài phát biểu đầy cuốn hút và dành cả đêm để bắt tay cảm ơn những người đã giúp đỡ lẫn những nhân viên trong ban vận động tranh cử.

Sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu, George Bush đã có nhiều điều đáng tự hào. Trong khi LBJ đánh bại Goldwater với 700.000 phiếu bầu tại Texas, thì cha tôi chỉ thua Yarborough 300.000 phiếu. Tức là có hơn 1,1 triệu người dân Texas đã bầu cử cho cha tôi - tổng số phiếu cao nhất toàn bang mà không một thành viên Đảng Cộng hòa nào từng nhận được, trong đó có cả Dwight Eisenhower trong hai cuộc vận động tranh cử chức vị Tổng thống của ông.

Chiến thắng long trời lở đất của LBJ lan ra rộng khắp Texas. Sau cuộc bầu cử năm 1964, không có bất kỳ thành viên Đảng Cộng hòa nào có mặt trong Thượng Nghị viện của bang và chỉ có duy nhất một đảng viên Đảng Cộng hòa trong số 150 Hạ nghị sĩ toàn bang, Frank Cahoon đến từ Mildland. Nhìn chung, cha tôi khó có thể làm gì hơn nữa. Bài học năm 1964 đã chỉ ra rằng có những cuộc đua mà ông không có cửa thắng. Tuy nhiên, hai năm sau, ông đã nhận ra có cuộc đua có cửa thắng.

Khoảng giữa năm 1950 và 1960, dân số Texas tăng nhanh từ 7,7 triệu lên 9,6 triệu người. Houston tăng dân số từ dưới 600.000 lên khoảng 1 triệu người. Năm 1965, một khu vực bầu cử Quốc hội ở Houston đã tách thành ba. Cha mẹ tôi sống ở khu vực hành chính mới tại quận 7. Với cương vị là một cựu Chủ tịch của đảng tại thị trấn và là một ứng cử viên nặng ký trong cuộc bầu cử năm 1964, cha ở trong tầm ngắm cho chức vụ ở nơi mới. Thất bại trong cuộc tranh cử vào Thượng Nghị viện (giống như Prescott Bush đã từng thua trong lần tranh cử năm 1952) không làm suy giảm nhiệt huyết của cha đối với chính trị hay ý chí cống hiến của ông. Ông đã thông báo ý định ứng cử của mình vào Nghị viện tháng 1 năm 1966 và không mấy khó khăn để giành được sự đề cử của các đảng viên Đảng Cộng hòa.

Đại diện Đảng Dân chủ tham gia cuộc tổng tuyển cử là Frank Briscoe, một luật sư tại hạt Harris. Không giống như Ralph Yarborough, Briscoe là một người bảo thủ. Vì ông ta và cha tôi có cùng quan điểm về hầu hết các vấn đề chính sách, nên cuộc cạnh tranh nhắm vào tính cách của cả hai. Cha tôi đã thực hiện cuộc vận động bằng cách làm các tấm biển quảng cáo lớn, trong đó ông đang cầm áo comple vắt qua vai, điều này thể hiện hình ảnh trẻ trung đầy năng lượng của ông. Khẩu hiệu chính thức trong chiến dịch bầu cử của ông là “Hãy bỏ phiếu để Bush vào Nghị viện và chứng kiến các hành động của ông”. Ông đã thực hiện hơn một trăm bài phát biểu trong chiến dịch mùa thu. Nguyên Phó Tổng thống Nixon và lãnh đạo đảng thiểu số trong Quốc hội, ngài Gerald Ford đã đích thân đến Houston để vận động cho ông.

Briscoe cũng thực hiện một phương pháp tiếp cận riêng dựa trên tính cách của ông nhằm công kích George Bush. Tương tự Ralph Yarborough, ông cũng coi cha tôi là một kẻ “tây ba lô” (người không xuất thân từ khu vực bầu cử). Nhưng cha tôi đã biết chuyển tính địa phương của mình thành một lợi thế. Ông lặp lại câu thần chú mà mình đã sử dụng vào năm 1964: “Là một công dân Texas là một lựa chọn, không phải là cơ hội”. Câu nói này của ông được hưởng ứng rộng rãi, vì phần lớn các cử tri trong quận là người dân mới đến ngụ cư ở Texas. Câu khẩu hiệu đáng nhớ này, cùng với các biển quảng cáo của ông, là bài học vỡ lòng cho tôi về thông điệp chính trị. Tôi học được rằng, một câu khẩu hiệu dễ nhớ và hình ảnh bắt mắt sẽ ngay lập tức thu hút sự chú ý của cả những cử tri bận rộn, đặc biệt là những người đã có quan điểm cởi mở đủ để họ cân nhắc việc thay đổi từ ủng hộ đảng này sang đảng khác. Tôi thích lối suy nghĩ rằng mình đã thu hút được thêm một số người ủng hộ

khi miêu tả bản thân như một “kẻ đam mê bảo thủ” trong cuộc tranh cử năm 2000.

Khi đã là sinh viên tại bờ Đông, tôi không có cơ hội để giúp đỡ cha trong cuộc tranh cử năm 1966. Tôi đã bay từ Connecticut xuống Houston để tham gia buổi tiệc đêm sau bầu cử. Lần này, bữa tiệc chiến thắng mới đúng là tiệc như tên gọi của nó. Cha tôi đã thắng cử với 57% số phiếu bầu. George Bush đã vào Nghị viện của bang với tư cách là đại diện cho quận thứ 7 của Texas - nơi vẫn còn ủng hộ Đảng Cộng hòa cho đến ngày nay.

# Người đàn ông của gia đình - Nghị sĩ trong Hạ Viện

K

hông tôi quyết như định một chuyến số thành cả viên gia đình trong đến Nghị Washington viện, cha khi ông trúng cử. Cha tôi trước hết là người đàn ông của gia đình, và ông muốn ở bên chúng tôi càng nhiều càng tốt, nhất là khi các em trai của tôi, Neil và Marvin, và em gái tôi, Dorothy, đang còn nhỏ. (Jeb và tôi không sống cùng cha mẹ ở Washington, tôi đang hoàn thành khóa học ở trường đại học, và em trai tôi đang học phổ thông ở Andover). Cha mẹ tôi đã bán căn nhà ở Houston, sau đó mua một căn nhà khác để làm nơi nghỉ lại cho cha tôi khi ông quay lại đây, và chuyển tới một ngôi nhà trong Thung lũng Mùa xuân (Spring Valley) ở Washington. Họ mua một ngôi nhà khuất khỏi tầm nhìn từ ngôi nhà của Thượng nghị sĩ bang Wyoming, ông Milward Simpton, con trai của ông, Alan, sau này đã tiếp bước cha vào Thượng viện, và trở thành một trong những người bạn tri kỷ của cha mẹ tôi.

Tôi không gặp cha mẹ nhiều vào cuối thập niên 1960. Vào thời gian này, tôi phải dành thời gian cho việc học, và muốn tự tìm ra con đường mình muốn đi trong cuộc đời - đây là thời gian trong con người tôi có nhiều sự thay đổi như một lần tôi đã từng mô tả, “Khi còn trẻ và vô lo, tôi không cảm thấy có trách nhiệm với điều gì”. Chỉ có một điều mà tôi dám chắc rằng tôi đã thử thách lòng kiên nhẫn của cha mình trong những năm tháng này. Có lần, tôi và một người bạn của cha tôi, Jimmy Allison, đã cùng nhau chơi quần vợt, sau đó chúng tôi đi uống rượu tới mức cả hai đều say xỉn. Tôi đã lái xe đưa ông ấy và cậu em trai tôi, Marvin, trở về nhà. Mọi thứ đều bình thường cho đến khi tôi đâm phải cái thùng rác của nhà hàng xóm được đặt bên lề đường. Tôi coi đây là điều bình thường và lao thẳng xe vào nhà. Nhưng mẹ tôi đã trông thấy cảnh tượng ấy và rất tức giận.

Mẹ tôi nói với vẻ mặt đầy giận dữ, “Cách cư xử của con thật đáng hổ thẹn”. Tôi cũng nhìn chăm chăm bà mà không thèm chớp mắt. “Lên trên gác và gặp cha ngay”, mẹ nói.

Tôi ngang ngược lên trên gác, và chấp tay ra sau, làm như chẳng có chuyện gì xảy ra cả: “Con biết cha muốn gặp con”.

Cha tôi lúc ấy đang đọc một cuốn sách. Ông nhẹ nhàng đặt cuốn sách xuống, rồi bỏ cái kính đang đeo ra và nhìn chăm chăm vào tôi. Sau đó, ông lại đeo kính vào và tiếp tục đọc sách.

Tôi cảm thấy mình như một kẻ khờ dại vậy, tôi lén lút ra khỏi phòng, cảm thấy náo nức với suy nghĩ rằng mình đã khiến cha thất vọng đến nỗi ông chẳng thèm nói với tôi một lời.

Tôi nghĩ sẽ nổ ra một cuộc tranh cãi, thế nhưng điều đó không xảy ra. Cha tôi không phải loại người thích cãi vã hay lao vào ẩu đả bằng lời nói. Mỗi khi có chuyện gì xảy ra với anh em chúng tôi, ông luôn để chúng tôi tự kiểm điểm bản thân, và mong muốn chúng tôi có thể tự sửa những lỗi lầm mình gây ra. Và quả thực, chúng tôi đã làm được điều ấy.

Món quà tuyệt vời nhất mà George Bush dành tặng nhiều nhất cho những đứa con của mình là tình yêu thương vô bờ. Cho dù chúng tôi chỉ biết đến bản thân mình hay nhiều khi chúng tôi xử sự kém cỏi, ông vẫn yêu chúng tôi. Theo thời gian, tự bản thân tình yêu đó đã là nguồn sức mạnh hình thành nên tính độc lập trong con người chúng tôi. Và tôi nhận ra rằng, thật vô ích khi bỏ thời gian ra cãi cọ với cha tôi về một điều gì đó, chống đối lại ông cũng không ích lợi gì, bởi vì cha tôi luôn yêu thương chúng tôi cho dù điều gì xảy ra đi chăng nữa. Tôi luôn khắc ghi trong tim bài học này khi tôi cũng trở thành một người cha. Khi hai đứa con của tôi, Barbara và Jenna, bước vào độ tuổi thiếu niên, các con cũng có dòng máu độc lập chảy trong huyết quản, điều này gọi cho tôi nhớ lại thời trẻ dại đã qua. Tôi thường nói với các con, “Cha yêu các con. Các con có làm gì đi nữa cũng không thể ngăn được tình yêu của cha dành cho các con. Vì thế đừng có thử làm điều gì dại dột”.

Cha tôi rất thích được làm việc trong Quốc hội. Trong Điện Capitol, ông tạo dựng uy tín bởi là một người luôn làm việc chăm chỉ. Ông cũng hay bay về Houston, nơi đây cha tôi vẫn còn giữ liên lạc với những người bạn thân và các khu vực bầu cử trong quận ông làm đại diện. Như ông nội tôi, cha tôi cũng làm việc sáu ngày mỗi tuần và dành những buổi sáng thứ Bảy để biên thư lần ghi chép những việc quan trọng. Sáng Chủ nhật, chúng tôi đến nhà thờ, và cùng ăn bánh kẹp cho bữa trưa ở sân sau nhà. Bữa ăn này đã trở thành

truyền thống với đặc trưng là có sự góp mặt của rất nhiều người, những thành viên trong gia đình, những nhân viên và đồng nghiệp của ông trong Nghị viện, những người bạn láng giềng của gia đình tôi, những đại diện cử tri, những người làm trong chính quyền Washington như nhà báo Charlie Bartlett. Cha cũng mời những người bạn thời thơ ấu của ông.

Một trong những phẩm chất đáng tự hào nhất của cha tôi là khả năng kết giao với những người bạn mới trong khi vẫn giữ mối quan hệ tốt đẹp với những người bạn cũ. Dù ông có thăng tiến như thế nào đi nữa trong công việc chính trị, hay trong kinh doanh, George Bush chưa bao giờ xa rời bạn bè. Những bữa ăn trưa với bánh kẹp là minh chứng cho sự đa dạng trong những nhóm bạn của cha. Các vị khách ở những địa vị khác nhau, đi lại bình thản trên bãi cỏ, trò chuyện và uống bia, trong khi Nghị sĩ Quốc hội Bush nướng bánh kẹp.

Mẹ tôi là một bà chủ nhà đầy thiện chí. Bà chuyển nhà đến Washington rất nhanh, sắp đặt mọi thứ cho căn nhà mới và giúp các em tôi ổn định việc học ở những ngôi trường mới. Mẹ tôi dễ dàng tìm ra nhóm bạn thân của mình, và bà thường tổ chức những chuyến dã ngoại quanh Điện Capitol cũng như những danh thắng khác ở Washington cho bạn bè cùng người thân tới thăm. Mỗi khi các em tôi có thời gian rảnh rỗi, mẹ lại tận dụng cơ hội đó để các em khám phá lịch sử và văn hóa của thủ đô, của đất nước.

Một trong những ký ức mà đến bây giờ tôi vẫn còn lưu luyến, đó là chuyến đi đến Washington trong thời gian cha tôi làm việc trong Quốc hội, cha tôi đã đưa tôi tới phòng tập thể hình ở đây. Ông biết tên của tất cả nhân viên lẫn những người giúp việc ở phòng tập. Ông rất thích chơi bóng ném, môn thể thao đòi hỏi người chơi phải di chuyển nhanh và kết hợp nhảy bẻ giữa tay với mắt. Cha tôi chơi rất ấn ý cùng Nghị sĩ Sonny Montgomery, một đảng viên của Đảng Dân chủ đại diện bang Mississippi. Họ chơi để giành chiến thắng, họ hò hét, chọc tức nhau và cùng làm nhau cười. Điều đó cũng cho thấy rằng, mặc dầu những nghị sĩ này đến từ những đảng phái khác nhau, thường xuyên phải đối đầu với nhau, nhưng cũng có lúc họ đặt công việc sang một bên và vui với tình bằng hữu.

Giống như những thành viên mới khác trong Quốc hội, Nghị sĩ Bush được giao công việc trong các Ủy ban Lập pháp. Cha tôi mong muốn làm việc trong Ủy ban Chính sách và Tài chính hoặc Ủy ban Phân bổ Ngân sách. Những ủy ban đầy quyền lực này hiếm khi nhận các nghị sĩ mới được bầu vào

Quốc hội, nhưng cha tôi có mối quan hệ tốt với Lãnh đạo đảng thiểu số Gerald Ford ngay từ khi ông vận động tranh cử và cha của ông ấy đã giúp đỡ cha tôi rất nhiều, ông đã gọi cho người bạn già của mình là Wilbur Mills, đại biểu bang Arkansas, Chủ tịch Ủy ban Chính sách và Tài chính của Hạ viện. Ban lãnh đạo Đảng Cộng hòa trong Quốc hội đặt lòng tin vào cha tôi, chính vì thế mà trong suốt sáu mươi ba năm, lần đầu tiên có một đại biểu Quốc hội mới được bầu đã được vào Ủy ban Chính sách và Tài chính, đó chính là cha tôi.

Cha tôi được hưởng lợi rất nhiều từ những mối quan hệ của ông tôi, bên cạnh đó, ông còn học được vô vàn những bài học quý giá từ bà tôi. Ông làm việc không mệt mỏi, luôn giữ lời hứa, và luôn tránh tranh giành công sức với người khác. Những phẩm chất này thật hiếm thấy trong Nghị viện, và điều đó đã làm cho rất nhiều người yêu mến George Bush. Đặc biệt, cha tôi rất gần gũi với những thành viên trẻ trong Nghị viện, trong đó có Bill Steiger, đại biểu bang Wisconsin, Jerry Pettis bang California, John Paul Hammerschmidt bang Arkansas, và Bob Price bang Texas. Những người trong Đảng Cộng hòa đã bầu cha là Chủ tịch của nhóm những nghị sĩ mới vào Quốc hội.

Vào cuối những năm 1960, có hai vấn đề nghiêm trọng đã xảy ra và chi phối cuộc sống tại Washington: đó là cuộc chiến tranh ở Việt Nam và quyền công dân. Ngay từ đầu, cha tôi đã ủng hộ những nỗ lực của người Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Ở thời điểm đó, nước Mỹ cam kết bảo vệ chính phủ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam, và ông cũng tin chắc rằng, người Mỹ sẽ giữ lời.

Vào ngày sau lễ Giáng sinh năm 1967, Nghị sĩ George Bush đã bắt đầu chuyến công tác kéo dài mười sáu ngày của mình tới các quốc gia Việt Nam, Lào, và Thái Lan. Ông đã gặp các quan chức cấp cao của Mỹ ở những nước này. Ông cũng gặp gỡ các sĩ quan trẻ tuổi, những binh nhì, những phi công lái máy bay ném bom đang đóng quân trên một con tàu sân bay trong Vịnh Bắc Bộ và hỏi ý kiến của họ về cuộc chiến tranh này. Phần lớn trong đó nói rằng họ đang làm nhiều thứ tốt hơn là những gì báo chí đồn thổi.

Cha tôi rời đi với ấn tượng sâu sắc về những người lính này, và cảm thấy nước Mỹ đang “có những tiến bộ rõ ràng trong lĩnh vực quân sự”. Ông cũng chứng kiến sự kháng cự của quân du kích Việt cộng. Trong một bức thư gửi

về đơn vị bầu cử của mình, ông mô tả những địa đạo xuyên qua các khu rừng nhiệt đới là bằng chứng cho thấy ý chí không chịu khuất phục của Việt cộng. “Tôi thấy mục tiêu của chúng ta hết sức thực tế”, ông nói với một phóng viên. “Chúng ta có thể thành công nếu chúng ta có ý chí và kiên nhẫn”.

Tại nước Mỹ, thì cuộc chiến này bắt đầu gây chia rẽ. Cha tôi nhận ra những nhà hoạt động chống chiến tranh có quyền bày tỏ quan điểm của họ, nhưng sự quyết liệt của họ đã làm mất nhuệ khí của quân đội. Cha tôi đã bảo vệ LBJ trước các cuộc công kích cá nhân gay gắt từ phía những người phản đối chiến tranh. Nhiều tháng trôi qua, chính quyền của Johnson đã thất bại trong việc đưa ra một lý do thuyết phục trong việc leo thang quân sự của Mỹ. Hàng nghìn thanh niên phải tòng quân và tham gia vào những cuộc chiến tranh mà bản thân họ cũng không hiểu vì sao họ phải tham chiến. Đối với George H.W. Bush, ông rút ra bài học từ cuộc chiến ở Việt Nam là bất cứ khi nào người Mỹ điều quân đến đâu thì cần phải giải thích rõ căn nguyên của sứ mệnh đó. Nhiều thập kỷ sau, khi đưa quân đội Mỹ tới Kuwait để tiêu diệt Saddam Hussein, ông đã áp dụng bài học đó.

Chuyến đi của cha tôi đến Việt Nam đã ảnh hưởng rất nhiều đến quan điểm của ông về một câu hỏi lớn khác đang bùng nổ ở Mỹ: quyền công dân. Những nhà lãnh đạo như Martin Luther King hay Thurgood Marshall đang đẩy vấn đề này lên thành trung tâm trong chính trường Mỹ. Khắp cả khu vực miền Nam nước Mỹ, những nhà hoạt động ủng hộ quyền công dân đều phản đối các chính sách phân biệt chủng tộc bằng các hình thức như: biểu tình ngồi, tuần hành vì quyền tự do, hay diễu hành. Màn hình ti vi ở đất nước này phủ đầy những cảnh máu me bạo lực, trong đó có các cuộc đàn áp không nương tay xuống những người biểu tình do Cảnh sát trưởng Bull Connor chỉ đạo, và do nhóm chuyên ném bom vào những nhà thờ ở Birmingham, Alabama gây ra, cướp đi sinh mạng của bốn nữ sinh trẻ tuổi người Mỹ gốc Phi. Về sau, tôi tìm hiểu được rằng một người trong số họ chính là bạn thân của Ngoại trưởng Condoleezza Rice. Năm 1963, Tổng thống Kennedy ban hành luật cấm phân biệt chủng tộc ở những khu vực công cộng, như khách sạn, xe buýt, và nhà hàng. Một trong những đạo luật gây ấn tượng nhất trong giai đoạn Johnson làm tổng thống là đạo luật quyền công dân do Quốc hội ban hành năm 1964.

Cha tôi luôn ủng hộ mạnh mẽ việc thiết lập quyền bình đẳng giữa người với người. Giống như cha của mình, ông tích cực tham gia vào các quỹ hoạt động



từ thiện, ông đã kêu gọi quyên góp tiền cho Quỹ bảo trợ sinh viên Mỹ gốc Phi. Là Bí thư quận và đại biểu Quốc hội, ông thường xuyên đến thăm những người Mỹ gốc Phi ở Houston. Trong chiến dịch vận động tranh cử năm 1964, cha tôi phản đối đưa luật nhân quyền lên cấp liên bang. Ông tin rằng, các bang, chứ không phải chính phủ liên bang, mới là các cơ quan có trách nhiệm về việc kiểm soát những luật lệ ở những khu vực công cộng.

Chiến tranh ở Việt Nam đã làm thay đổi quan điểm này của cha tôi. Trong chuyến đi đến các vùng chiến sự, cha tôi đã chứng kiến những cảnh người da đen và người da trắng cùng phải liều mạng nơi chiến trường. Tháng 4 năm 1968, Hạ Nghị viện dân biểu đã cho thi hành đạo luật Nhà ở công bằng, nghiêm cấm sự phân biệt chủng tộc trong việc mua bán, thuê nhà, hay đơn giản là quảng cáo bất động sản. Cha tôi hiểu được vấn đề này sẽ gây tranh cãi vì chính phủ liên bang chẳng thể nào can thiệp vào các điều kiện cho thuê nhà đất cá nhân. Nhưng bản chất George Bush là một người tốt. Ông không thể hình dung việc một cựu chiến binh gốc Mỹ bị cấm mua nhà cho cả gia đình chỉ bởi một lý do anh ta là người da đen.

Quận, nơi đã bầu cha tôi làm đại biểu Quốc hội, có gần 90% dân số là người da trắng và họ phản đối kịch liệt dự thảo luật nhà đất cởi mở. Cha tôi ước tính trong những bức thư gửi đến văn phòng của ông thì tỷ lệ phản đối gấp ba mươi lần tỷ lệ ủng hộ dự luật này. Thế nhưng, vào ngày mùng 10 tháng 4 năm 1968, Nghị sĩ Bush bỏ phiếu ủng hộ đạo luật công bằng nhà ở. Ông là người duy nhất trong chín đại biểu bang Texas bỏ phiếu thuận cho luật này (14 người khác trong đoàn đại biểu từ Nghị viện cấp bang Texas, gồm 13 đảng viên Đảng Dân chủ, và một đảng viên Đảng Cộng hòa, tất cả đều bỏ phiếu chống). Tổng thống Johnson đã ký ban hành đạo luật này ngay ngày hôm sau.

Phản ứng từ những người không ủng hộ thuận đến ngay sau đó. Ngay ngày hôm sau, văn phòng của cha tôi nhận được một cuộc điện thoại từ giọng nói đầy tức giận, ít nhất một người trong số họ đe dọa tới tính mạng ông. Văn phòng thư tín của Quốc hội sau đó đã tường thuật lại, cha tôi đã nhận được nhiều thư hơn bất kỳ thành viên nào khác của Nghị viện trong năm đó, đa số thư phản đối việc cha tôi bỏ phiếu thuận cho ban hành đạo luật Nhà ở công bằng.

Khi quay trở về Houston để nghỉ cuối tuần sau khi vừa bỏ phiếu, cha chủ động xử lý vấn đề này. Ông tổ chức cuộc họp hội đồng thành phố, gồm hàng trăm đại diện cử tri. Cử tri chào đón người đại diện cho họ trong Quốc hội

bằng những tiếng huýt sáo, la hét phản đối, giống như phản ứng của đám đông khi Prescott Bush công kích McCarthy.

Luật đó nói lên điều gì, ông ấy nói: “Đó chính là hứa hẹn một hy vọng - là hiện thực hóa giấc mơ Mỹ”. Ông kể lại chi tiết cuộc nói chuyện của mình với những người lính gốc Phi đang tham chiến ở Việt Nam, một vài người trong số họ đã kể về những mơ ước của họ, họ muốn quay trở về, kết hôn và mua một ngôi nhà. “Đó là những nhu cầu cơ bản”, ông nói, “một người, nếu có tiền và có phẩm hạnh tốt, không đáng bị chặn mọi lối đi chỉ vì anh ta là người Mỹ đen hay nói âm sắc Mỹ Latin” (Thời đó người ta vẫn dùng từ “người Mỹ đen” để gọi người Mỹ gốc Phi).

Ông ghi nhận những quan điểm khác nhau. “Tôi bỏ phiếu vì quan điểm đúng đắn”, ông nói. “Tôi biết quan điểm này chưa được nhiều người ủng hộ. Tôi biết nó có thể làm cho nhiều người tức giận, nhưng tôi cũng biết rằng nó hoàn toàn đúng đắn. Tôi có thể nói gì hơn nữa không!”

Ngạc nhiên thay, đám đông bên dưới cùng đứng lên vỗ tay ủng hộ ông. Họ hầu như không thay đổi ý nghĩ về luật nhà đất, thế nhưng, họ lại thực sự thay đổi ý nghĩ về người đại biểu Quốc hội của mình. Họ nhận ra rằng, ông ấy là một con người can đảm và thật thà. Vào mùa thu năm 1968, bảy tháng sau ngày bỏ phiếu cho luật nhà đất, cha tôi lại chạy đua để vận động tái cử mà không vấp phải một sự phản đối nào.

Tôi đã theo dõi buổi tranh luận hôm đó, và tôi thấy rất tự hào về cha mình. Tôi ngưỡng mộ cách ông bảo vệ quan điểm của mình trước những sức ép chính trị mà vẫn giữ được phẩm giá. Bài học từ việc cha tôi bỏ phiếu thuận cho ra đời luật nhà đất là cho dù người dân có thể không đồng tình với quyết định của người lãnh đạo nhưng họ vẫn biết ơn người sẵn sàng vì họ mà đưa ra những quyết định khó khăn. George Bush đã là người như thế trong suốt cuộc đời. Tôi lưu giữ bài học này trong tâm trí khi phải đối mặt với những thử thách trong cuộc đời, như việc đưa quân tới Iraq hay ủng hộ việc chính phủ can thiệp nhằm ngăn chặn chuỗi phá sản trong suốt thời gian diễn ra khủng hoảng tài chính.

Trong cuộc đua tranh ngôi vị tổng thống năm 1968, Richard Nixon đã đánh bại Phó Tổng thống Hubert Humphrey, người tiếp tục tranh cử sau khi LBJ gây sốc toàn nước Mỹ bằng việc từ chối theo đuổi vận động tái tranh cử.

Nixon được sự ủng hộ của 32 bang ở Mỹ và nhận được hơn 3.000 lá phiếu đại cử tri. Ông tuyên thệ nhậm chức ngày 20 tháng 1 năm 1969. Một giờ sau đó, LBJ rời khỏi thủ đô nơi ông ấy đã tham quyền cố vị từ khi được bầu vào Quốc hội năm 1937. Ông ấy có rất ít bạn bè khi rời khỏi nơi này.

Với sự tôn trọng và lòng cảm thông, cha tôi đã đến căn cứ không quân Andrews để tiễn cựu tổng thống. Giữa những người đến tiễn, xuất hiện một vài những nghị sĩ khác, trong đó có người bạn lâu năm của LBJ, JaKe Pickle, thế nhưng cha tôi lại là đảng viên Đảng Cộng hòa duy nhất ở đó. Khi Liz Carpenter, Thư ký báo chí của Lady Bird Johnson (con bọ dừa Johnson, viết tắt giống tên của Lyndon B. Johnson), nhận ra cha tôi cũng trong đám đông, bà ấy đã làm hiệu cho cha tôi tiến lên phía trước để chào vị cựu tổng thống đang đi ra. LBJ đã tiến lại, bắt tay cha tôi và nói, “George, tôi thực sự rất vui vì anh có mặt ở đây. Một ngày nào đó hãy đến thăm tôi và Lady Bird ở nông trang nhé”.

Vài tháng sau đó, cha tôi đã nhận lời mời này. LBJ lái xe đưa ông đi trên những con đường đất ngoằn ngoèo ở nông trang trong thành phố Johnson, bang Texas. Trong bữa trưa hôm đó, cha tôi đã hỏi ông ấy: Liệu tôi có nên từ bỏ chỗ ngồi vững chắc trong Hạ viện để chạy đua vào vị trí trong Thượng viện, cạnh tranh với Ralph Yarborough vào năm 1970 hay không? Cựu Tổng thống, người đã từng làm việc cả trong Hạ viện và Thượng viện, trả lời theo đúng phong cách LBJ:

“George này”, ông nói, “So Thượng viện với Hạ viện khác gì so món nộm thịt gà với phân gà”.

Trong khi đó, tổng thống đương nhiệm khi ấy, Nixon, không nói lời hoa mỹ nhưng vẫn ủng hộ cha tôi chạy đua tranh cử. Ông ấy còn hứa sẽ giúp đỡ cha tôi vận động tranh cử và đảm bảo cho cha tôi hạ cánh an toàn ở một chức vụ tốt nếu như ông thất bại.

Chẳng có ai nghĩ rằng cha tôi lại ra tranh cử. Những người trong quận nơi chúng tôi sinh sống khuyên ông ấy nên tại vị ở vị trí trong Ủy ban Chính sách và Tài chính. Tuy nhiên một lần nữa, ông quyết định mạo hiểm. Vào tháng 1 năm 1970, cha tôi tuyên bố rằng ông sẽ từ bỏ chức vụ hiện thời đang rất yên ổn của mình ở Hạ viện để tranh cử vào Thượng viện. Trong khi có rất nhiều yếu tố khiến cha tôi quyết định điều này, cá nhân tôi cho rằng một phần của lý

do này là bởi ông ấy muốn được làm việc trong cùng một hệ thống giống như cha của ông, Thượng nghị sĩ Prescott Bush, đã từng làm.

Và thời điểm cha tôi bắt đầu chiến dịch tranh cử chức thượng nghị sĩ, tôi đã hoàn thành khóa đào tạo phi công và đang bay trong đội Bảo vệ Vùng trời Quốc gia ở Houston. Tôi dành khoảng thời gian giữa những đợt huấn luyện bay để giúp đỡ cha tôi trong chiến dịch này. Tôi đi cùng cha tới khắp bang trong chuyến công du vận động tranh cử đầu tiên. Lần này tôi rất lạc quan, và cha cũng vậy. Tình hình dư luận bang này đang thay đổi theo hướng có lợi cho cha tôi, uy tín của ông đang lên, ngược lại Thượng nghị sĩ Yarborough lại ngày càng không đáp ứng được kỳ vọng của người dân Texas.

Vào ngày cha tôi đang trên con đường tiến tới chiến thắng trong hội nghị chọn lựa ứng viên Đảng Cộng hòa, cuộc đua tranh có những thay đổi kịch tính đến nghẹt thở. Tôi nhớ mình đang cùng với cha mẹ và những người thực hiện chiến dịch tranh cử đang đi trên ô tô cùng nhau thì đài phát thanh thông báo Lloyd Bentsen đã đánh bại Ralph Yarborough trong hội nghị chọn ứng viên của Đảng Dân chủ. Đây là một tin tức chẳng hề tốt chút nào. Bentsen là một cựu phi công vụt sáng từ thời Thế chiến thứ hai, một cựu thành viên của Hạ viện ở Nam Texas, đồng thời là một doanh nhân thành công ở Houston. Giống như cha tôi, Bentsen trẻ tuổi là một ứng cử đầy mãnh lực, người đã xuất sắc giành vị trí bên phải Yarborough. Sự khác biệt giữa hai ứng cử viên bỗng nhiên không còn nữa, và Bentsen có lợi thế rất lớn vì danh sách cử tri đăng ký đi bầu cử ở địa phương ông ta đông hơn. Và đột nhiên, cha tôi lại phải đối mặt với một trận chiến khó khăn. Cả ô tô im lặng mấy giây. Sau đó, cha giúp chúng tôi bình tĩnh lại: “Không sao”, ông nói, “Chúng ta vẫn có thể thắng”.

Có hai yếu tố có thể khiến cha tôi thất bại trong cuộc đua. Thứ nhất, Bentsen có khả năng thu hút những người Texas có quan điểm chính trị thừa hưởng từ nhiều đời cha ông của họ, với khẩu hiệu: “Texas cần một Thượng nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ”. Thứ hai, luật Texas cho phép mỗi địa hạt được tự quy định có bán rượu theo số ly rượu hay không. Việc hạn chế bán rượu bị phản đối dữ dội nhất là trong những khu vực khô hạn của Texas và nhiều người gọi luật này là “luật quán rượu”. Kết quả là rất nhiều người ở vùng nông thôn Texas đi bỏ phiếu với hy vọng sẽ can thiệp được vào luật bán rượu, những người này từ lâu đã ủng hộ Đảng Dân chủ.

Tôi còn nhớ chuyến về vùng nông thôn Kaufman để thay cha tôi kêu gọi sự ủng hộ năm 1970, khi đến nơi, tôi không thấy một bóng người. Tôi hỏi mọi người đã đi đâu hết, một trong số những người còn ở lại nói rằng: “Nghe nói có người của Đảng Cộng hòa đến nên họ về cả rồi” (Tôi đã nhận được sự tiếp đón nồng hậu của người dân hạt Kaufman khi tôi tới làm việc tại tòa án của họ với tư cách là đại diện Đảng Cộng hòa tranh cử chức thống đốc bang năm 1994. Đây là một dấu hiệu cho thấy sự thay đổi quan điểm chính trị của người dân Texas. Trong ngày bầu cử năm đó, tôi đã giành chiến thắng tại hạt này).

Nhờ những điểm mạnh của cá nhân và tỷ lệ cử tri vùng nông thôn bầu cho Đảng Dân chủ nên Bentsen đã giành chiến thắng trước cha tôi với tỷ lệ phiếu bầu là 53% - 47%. Thất bại này đau đớn hơn thất bại năm 1964 nhiều. Thất bại năm 1964 do ảnh hưởng quá mạnh của Johnson. Thất bại lần này như một hồi chuông báo tử cho tiền đồ chính trị của cha tôi.

Mặc dù thất bại trong cuộc tranh cử, cha tôi vẫn hết sức lịch sự. Ông quay trở lại thủ đô Washington để kết thúc nhiệm kỳ trong Quốc hội, tưởng chừng như đây là những ngày tháng cuối cùng của ông trong vị trí dân biểu. Ông không hận thù hay oán trách gì cả. Ông chấp nhận quyết định của cử tri và đã sẵn sàng cho cuộc sống phía trước. Một hôm, cha tôi nhận được một cuộc điện thoại từ chính Tổng thống Richard Nixon, ông ấy muốn gặp cha tôi ở Nhà Trắng. Từ đồng tro tàn của hai lần tranh cử thất bại, cơ hội đổi đời lại đến với cha tôi.

# Làm việc trong ngành ngoại giao

L

à Trung một đại tâm biểu Vũ trụ Quốc Johnson, hội từ Houston, George Bush nơi đặt dành trụ mỗi sở quan tâm đặc biệt tới các chương trình nghiên cứu không gian. Khi Apollo 8 trở thành con tàu vũ trụ đầu tiên bay quanh mặt trăng vào tháng 12 năm 1968, cha tôi muốn tôn vinh người chỉ huy nhiệm vụ này, đó là một người bạn của ông, Frank Borman. Một số nghị sĩ có thể ban hành thông cáo báo chí, gửi công văn hoặc thư khen. Nhưng đó không phải là phong cách của George Bush. Để chúc mừng thành tựu của Frank Borman, ông đã tổ chức một bữa tối để vinh danh ông ấy tại câu lạc bộ Alibi Club ở Washington, DC. Danh sách khách mời theo phong cách cổ điển của George Bush: một số thành viên của Quốc hội, một số bạn hữu ở Washington, và một số người bạn thân tới từ Houston, như C. Fred và Marion Chambers. Cha đã hào phóng cộng thêm tên tôi vào danh sách đó.

“Con thấy việc bay tới Washington dự bữa tối với một phi hành gia thế nào?”, ông đã gọi điện hỏi tôi.

Lúc đó tôi đang luyện tập tại Căn cứ Lực lượng Hàng không Moody ở Valdosta, bang Georgia, nơi huấn luyện phi công cho Lực lượng Phòng hộ bầu trời Texas. “Ý tưởng thú vị, thưa cha”, tôi nói.

Sau đó ông tiết lộ động cơ sâu xa khiến ông mời tôi. “Cha cũng mời Tricia Nixon. Cha nghĩ con sẽ vui khi đi cùng cô ấy đến buổi tiệc.”

Tôi không nói nên lời. “Con sẽ trả lời cha về chuyện đó sau”, tôi nói.

Tôi đã không chắc chắn lắm về cảm giác của mình khi nghĩ tới chuyến bay đến Washington và hẹn hò với con gái lớn của tổng thống. Tôi kể cho một vài người bạn học nghe về dự định này nhưng họ không tin tôi. Tôi phải đánh cược 50 đô la thì họ mới thôi không trêu chọc tôi nữa. Tôi gọi cho cha.

“Con sẽ tới buổi tiệc, thưa cha”, tôi nói.

Vào buổi tối diễn ra bữa tiệc, tôi đi tới cổng Nhà Trắng bằng chiếc ô tô Gremlin màu tím của cha mẹ tôi, đó là nơi được trang trí hợp với vải bò của hãng Levi's dùng để bọc ghế ngồi. Người dẫn lối trong Nhà Trắng gặp tôi tại cửa tiếp tân ngoại giao và đưa tôi lên lầu. Tôi hỏi người chỉ lối xem tổng thống có nhà không. Người chỉ lối nói Tổng thống và Phu nhân Nixon đang đi du lịch.

Tôi lúng túng ngồi trên ghế nhìn ra vườn hồng và chờ đến cuộc hẹn. Cuối cùng Tricia xuất hiện, tôi giới thiệu về bản thân mình. Chúng tôi bước xuống cầu thang và lên một chiếc Lincoln Town màu trắng. Khi chúng tôi ngồi vào xe, một nhân viên mật vụ ngồi ở phía trước xoay đầu lại và nói, “Chúc một buổi tối tốt lành, thưa cô Nixon”.

Chúng tôi tới câu lạc bộ Alibi, nơi chúng tôi được xếp chỗ ngồi quanh một chiếc bàn gỗ sồi. Là một phi công nhưng đang đóng vai hoàng tử bạch mã, tôi phải bắt đầu uống rượu. Trong bữa tối, tôi với tay lấy một ít bơ, làm đổ một ly rượu, và hoảng sợ nhìn vết rượu vang đỏ chảy ròn trên bàn. Sau đó tôi châm một điếu thuốc lá, và Tricia lịch sự đề nghị tôi không hút. Buổi hò hẹn kết thúc khi cô ấy yêu cầu tôi đưa về Nhà Trắng ngay sau khi vừa dùng bữa xong. Khi tôi quay trở lại buổi tiệc, cha tôi đang trò chuyện với một vài người bạn.

“Thế nào con trai?”, ông hỏi.

Trước khi tôi kịp trả lời, một trong những người bạn của cha đến sát và thì thầm, “Có làm ăn được gì không?”.

Tôi mỉm cười. “Thậm chí còn không đến gần nhau.”

Hơn bốn mươi năm sau, khi tôi ngồi trên xe đi qua cổng Nhà Trắng với tư cách tổng thống, tôi nhớ lại chuyện thăm Nhà Trắng đầu tiên và cười thầm sáng khoái.

Tôi gặp Richard Nixon lần đầu tiên khi cha đưa tôi tới dự một buổi lễ cầu nguyện theo nghi thức nhà thờ do tổng thống tổ chức tại phòng Đông Nhà Trắng. Tôi ngưỡng mộ vẻ đẹp của căn phòng - trần nhà cao, đèn chùm tào nhã, và chân dung George Washington được Gilbert Stuart vẽ bằng kích thước thật được Dolley Madison cứu ra trước khi quân đội Anh đốt Nhà

Trắng vào năm 1814. Ý tưởng tổ chức một lễ cầu nguyện trong Nhà Trắng theo tôi là không bình thường. Tôi cũng nghĩ về tổng thống như vậy. Khi bắt tay, tôi thấy ông ấy có vẻ cứng nhắc và lạnh lùng. Tôi đã bỏ phiếu bầu cho Richard Nixon, nhưng tôi không cảm thấy sự ám áp từ ông ấy.

Một phần của vấn đề là phong cách lãnh đạo của Nixon dường như không phù hợp với thời đại. Trong những năm cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970, người Mỹ phải vật lộn với nhiều cuộc bạo loạn sắc tộc ở những thành phố lớn, các vụ ám sát Martin Luther King, Jr., và Bobby Kennedy, cuộc chiến tranh ở Việt Nam, và mọi nền văn hóa thay đổi, trong đó sử dụng ma túy trở nên phổ biến và phụ nữ đòi hỏi vị trí xứng đáng trong xã hội. Một đất nước mong đợi các nhà lãnh đạo thể hiện cảm xúc của đất nước, và các quốc gia bất ổn cần có một tổng thống đảm bảo cho sự lạc quan, đoàn kết và bình tĩnh. Nhưng ngược lại, Richard Nixon chỉ mang tới bóng tối lẫn chia rẽ. Nhà Trắng dưới thời của ông ấy, được quản lý bởi các trợ lý cấp cao H.R. Haldeman và John Ehrlichman, có vẻ lạnh lùng và kỳ dị. Và đó là trước khi vụ đặt băng ghi âm nghe lén đối thủ bị vỡ lở.

Mặt khác, tôi luôn đánh giá cao Tổng thống Nixon vì những cơ hội ông ấy đã mang đến cho cha tôi. Tháng 12 năm 1970, cha tôi làm việc trong những tháng cuối cùng của nhiệm kỳ ở Hạ viện. Ông đã từ chức ở Hạ viện để chạy đua vào chiếc ghế trong Thượng viện nhưng thất bại, và đã chẳng biết phải làm gì. Với hai lần thua trong cuộc đua tranh vào Thượng viện sáu năm qua, tương lai chính trị của ông không mấy sáng sủa. Nhưng Tổng thống Nixon - sự nghiệp chính trị của ông bị coi là đã chấm dứt sau khi không giành được chức Thống đốc bang California năm 1962 và khi tuyên bố, “Nixon sẽ không còn ở đây cho các người ném đá nữa” - tìm thấy một nơi cho George Bush.

Khoảng một tháng sau cuộc bầu cử năm 1970, cha tôi gặp tổng thống tại Nhà Trắng. Mẹ gọi cho tôi và cho biết cha tôi đã được đề cử làm Đại sứ Mỹ tại Liên Hợp Quốc. Tôi vô cùng ngạc nhiên. Tôi nhớ cha từng nói trong nhiều bài diễn văn hùng hồn rằng Liên Hợp Quốc là một cơ quan hoạt động kém hiệu quả và không có ảnh hưởng gì tới chính sách ngoại giao của Mỹ. Lúc đó, đám đông người Texas đã hò reo tán thưởng bài diễn văn đó của cha. Tôi tự hỏi không biết họ sẽ nói gì khi họ nghe nói Đại sứ Liên Hợp Quốc là Bush.

Nhìn lại, tôi nhận ra lý do tại sao vị trí của Liên Hợp Quốc lại hấp dẫn cha tôi. Các chuyến công cán của ông ở nước ngoài cũng như kinh nghiệm đàm



phán các hợp đồng giàn khoan ngoài khơi với các công ty và chính phủ nước ngoài đã khơi gợi trong ông mối quan tâm tới các vấn đề quốc tế. Vị trí mới cho ông cơ hội thoát khỏi chính quyền Washington và một đường lui sau thất bại. Hơn nữa, công việc đi kèm với một vị trí trong nội các, cho phép cha tham gia trực tiếp vào các hoạt động sắp tới của Nhà Trắng.

Nhiệm vụ đầu tiên của cha tôi là phải được đảm bảo sẽ nhận vị trí đó. Những đại sứ tiền nhiệm tại Liên Hợp Quốc bao gồm nhiều cái tên nặng ký như Adlai Stevenson, cựu Thống đốc bang Illinois đã hai lần được Đảng Dân chủ đề cử làm tổng thống, và Arthur Goldberg, người từ bỏ vị trí tại Tòa án Tối cao, một vị trí ông được làm trọn đời, để đảm nhận công việc đại sứ tại Liên Hợp Quốc. Bài xã luận của tờ New York Times viết “không có gì trong hồ sơ [của George Bush] cho thấy ông ấy phù hợp với vị trí quan trọng này”. Rất may, hầu hết các thượng nghị sĩ đều không đồng ý với quan điểm này và sẵn sàng bỏ qua quan điểm mà cha tôi hoài nghi về Liên Hợp Quốc trong chiến dịch tranh cử 1964. Thượng viện nhanh chóng khẳng định sẽ giao vị trí này cho cha và ông đã tuyên thệ nhậm chức đại sứ vào tháng 2 năm 1971. Một lần nữa, cha mẹ tôi phải chuyển nhà. Lần này họ không phải tự tìm một nơi ở. Một trong những lợi ích của công việc ở Liên Hợp Quốc là được cấp nhà: một căn hộ trên tầng thượng, tầng 42 của khách sạn Waldorf Astoria.

Những năm qua, George Bush đã trở thành một chuyên gia trong việc đảm nhận các công việc mới. Ngay sau khi được bổ nhiệm vào vị trí tại Liên Hợp Quốc, ông đã tìm tới nhiều người để học hỏi kinh nghiệm, bao gồm cả cựu Tổng thống Lyndon John. Khi thực hiện chuyến công cán đầu tiên trong vai trò đại diện cho nước Mỹ tới trụ sở chính của Liên Hợp Quốc ở New York, ông ăn trưa với những nhà quản lý hành chính hàng đầu. Ông đi công du tới các cơ quan Liên Hợp Quốc tại châu Âu và nghe báo cáo chi tiết về hoạt động của từng cơ quan. Dù ngưỡng mộ các công việc của nhiều nhà ngoại giao Mỹ, ông phải thừa nhận rằng Liên Hợp Quốc hoạt động không hiệu quả và mô hình cơ cấu quản lý của tổ chức này không làm được nhiều việc. Ba mươi năm sau, khi tôi trở thành tổng thống, tình hình cũng chưa có nhiều thay đổi. Tôi ngày càng thất vọng với sự bất lực của Liên Hợp Quốc vì họ hiếm khi đạt được kết quả rõ rệt, đồng thời thường đưa ra những tín hiệu không dứt khoát, ví dụ như cho Cuba và Libya ghé trong Hội đồng Nhân quyền hoặc thất bại trong việc ngăn chặn các cuộc diệt chủng ở Rwanda và Darfur. Tuy nhiên, tôi thấy rằng nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới, đặc biệt là ở châu Âu, cần có sự

phê chuẩn của Liên Hợp Quốc để thuyết phục Nghị viện của họ tài trợ các hoạt động ở Afghanistan lẫn Iraq.

Là đại sứ của Liên Hợp Quốc, cha dành sức lực của mình để xây dựng niềm tin với đại sứ khác. Ông liên tục nói chuyện khi được mời tới các bữa tiệc tối hay tiệc cocktail. Ông cũng tạo ra các cơ hội khác để làm quen với người đồng nhiệm của mình. Cha và mẹ đã mời các đại sứ cùng gia đình họ đi xem kịch ở sân khấu Broadway, nghe hòa nhạc John Denven tại Đại sảnh Carnegie, và những trận đấu bóng chày tại sân vận động Shea. Ông đã mời đại sứ Ý và Pháp cùng gia đình họ đến nghỉ tại Walker's Point, nhờ bà nội tôi tổ chức một bữa tiệc trưa dành cho đoàn Trung Quốc tại Greenwich, hộ tống nhóm các đại sứ tới cơ quan Hàng không Vũ trụ Mỹ của NASA ở Houston, và tổ chức một buổi chiếu phim riêng cho bộ phim Bố Già. Ông nhận ra rằng chìa khóa dẫn đến thành công trong ngoại giao là phát triển các mối quan hệ cá nhân - phương pháp này được gọi là “ngoại giao cá nhân”. Thương hiệu ngoại giao cha tôi xây dựng được trong thời gian ông làm việc tại Liên Hợp Quốc đã trở thành một dấu ấn trong chính sách đối ngoại của ông những năm tới, đặc biệt trong nhiệm kỳ tổng thống.

Một trong những địa điểm giải trí ưa thích của cha mẹ tôi là căn hộ trang lệ tại khách sạn Waldorf. Căn hộ chín phòng này từng thuộc về Douglas MacArthur, và nó được thiết kế theo gu thẩm mỹ xa hoa của ông ấy. Lần đầu tiên tới thăm cha mẹ tại Waldorf, tôi thấy cha trong căn phòng khách dài mười lăm mét với sàn gỗ thanh lịch.

“Thế này đã đủ rộng chưa, thưa cha?”, tôi hỏi.

“Đủ rồi”, ông trả lời khi vẫn ngây ngất giữa căn phòng rộng.

Cha mẹ có cuộc sống hạnh phúc tại Waldorf, và tôi có thêm một em gái Doro. Tôi đã nói với John Negroponte khi bổ nhiệm anh ta làm đại sứ Liên Hợp Quốc nhiều năm sau, “Tôi không nghĩ rằng anh sẽ gặp khó khăn khi thích nghi với nơi ở mới”.

Vấn đề về chính sách gây ra tranh cãi nhất đối với Liên Hợp Quốc trong nhiệm kỳ của cha là câu hỏi về việc phái đoàn nào đại diện cho Trung Quốc. Quốc gia này nắm vị trí mà nhiều người thêm muốn trong Hội đồng Bảo an nhưng có hai phe tranh giành - Phe Quốc Dân Đảng, trụ sở tại Đài Loan và

phe Chủ nghĩa Cộng sản Mao Trạch Đông từ Trung Hoa lục địa. Mỹ luôn ủng hộ Quốc Dân Đảng làm đại diện của Trung Quốc tại Liên Hợp Quốc. Tuy nhiên, Mao Trạch Đông và Đảng Cộng sản đang có nhiều quyền lực, họ tuyên bố rằng mình chính là chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc và muốn đẩy Đài Loan ra khỏi Liên Hợp Quốc.

Mùa thu năm 1971, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc bỏ phiếu quyết định phe nào sẽ đại diện cho Trung Quốc. Chính quyền Nixon ủng hộ quy chế “đại diện kép”, có nghĩa là cả Trung Quốc và Đài Loan đều có ghế. Cha tôi khai thác các mối quan hệ cá nhân mà ông đã dày công phát triển, đã tiếp xúc với gần một trăm đại biểu của Liên Hợp Quốc, giải thích mối quan ngại của ông về sự ngạo mạn của phe Cộng sản và thúc giục họ không quay lưng lại với Đài Loan. Tuy nhiên quan điểm của cha bị lung lay khi Tổng thống Nixon cử Cố vấn An ninh Quốc gia Henry Kissinger tới Bắc Kinh để thiết lập một chuyến thăm lịch sử tới Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Chuyến đi của Kissinger làm suy yếu những nỗ lực của cha tôi bằng cách chấp thuận những yêu sách của Mao Trạch Đông khi ông ta tuyên bố là lãnh đạo chính thức của Trung Quốc.

Cha tôi đã làm hết sức mình, nhưng chiến lược đại diện kép đã thất bại và Đài Loan mất ghế tại Liên Hợp Quốc vì thiếu một vài phiếu, 59 phiếu phản đối - 55 phiếu ủng hộ. Một số đoàn đại biểu cam kết hỗ trợ Đài Loan hoặc đã thay đổi quan điểm hoặc bỏ phiếu trắng trong cuộc bỏ phiếu. Trong một động thái thể hiện sự cảm thông, đại sứ Bush đã rời chỗ ngồi của mình trong phòng họp của Đại hội đồng và tháp tùng vị đại sứ Đài Loan bị thất sủng, Lưu Khải, ra khỏi Liên Hợp Quốc. Họ đã bị la ó và chế giễu trên các lối đi giữa các hàng ghế trong phòng họp. Mẹ đến cùng cha để xem cuộc bỏ phiếu lịch sử và đã bị một số đại biểu nhỏ nước bọt vào người. Liên Hợp Quốc, đáng lẽ phải tạo ra một diễn đàn lý tưởng để theo đuổi hòa bình, lại trở thành nơi nuôi dưỡng lòng thù hận nước Mỹ.

Vào tháng 9 năm 1972, một nhóm khủng bố Palestine được biết đến với tên gọi Tháng 9 Đen đã bắt cóc và giết hại mười một vận động viên Israel tại Thế vận hội mùa hè ở Munich. Israel đáp trả bằng cách tung ra các cuộc tấn công chống lại Syria và Liban. Số đông thành viên Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc ủng hộ nghị quyết lên án các phản ứng quân sự của Israel nhưng im lặng trước cuộc tấn công khủng bố các vận động viên. Vì Mỹ giữ một trong năm chiếc ghế thường trực trong Hội đồng Bảo an, Mỹ có quyền phủ quyết

bất cứ quyết định nào của Hội đồng. Chính quyền Mỹ đã chọn sử dụng quyền phủ quyết, đây mới chỉ là lần thứ hai Mỹ phủ quyết ở Liên Hợp Quốc, để ngăn quyết định chống Israel. Trong vài thập kỷ tiếp theo, đại sứ Mỹ tại Liên Hợp Quốc liên tục sử dụng quyền phủ quyết để bảo vệ đồng minh Israel khỏi những kết án bất công.

Ở bất cứ vị trí nào trong chính phủ, George Bush cũng coi trọng công việc. Nhưng ông không bao giờ quá coi trọng bản thân mình. Trong thời gian ông làm đại sứ, tạp chí New York cho đăng một bài viết của cây bút chuyên mục thể thao Dick Schaap với tiêu đề: “Mười người ở New York được xếp hạng cao hơn giá trị thật”. Cha có tên trong danh sách cùng những ngôi sao sáng khác của đất nước và những ngôi sao mới của thành phố, như Thượng nghị sĩ New York, Jacob Javits, Đức Hồng y, Terence Cooke, và chủ sở hữu tờ New York Times, Arthur Sulzberger. Một số người trong danh sách cảm thấy lòng tự trọng bị xúc phạm. Nhưng cha không cảm thấy như vậy. Ông quyết định tổ chức một bữa tiệc dành cho tất cả mọi người có tên trong bản danh sách. Ông viết trong thư mời, “Tôi muốn có cơ hội đánh giá các quý ngài để xem tại sao các ngài lại được đánh giá cao hơn giá trị thực”. Tất cả trong số họ (cộng với Dick Schaap) đều đến dự buổi tiệc tối vui vẻ tại Waldorf.

Công việc ở New York đã cho cha một cơ hội về thăm ông bà nội tôi thường xuyên hơn. Tháng 9 năm 1972, ông tôi, Prescott, đi khám bệnh sau một trận ho dai dẳng. Sau vài xét nghiệm, ông phải vào điều trị tại Memorial Sloan Kettering, bệnh viện nơi Robin đã qua đời năm 1953. Thật không may, kết quả chẩn đoán không mấy khả quan. Ông bị ung thư phổi tiến triển nặng. Ông đã qua đời một tháng sau đó ở tuổi bảy mươi bảy.

Bà tôi muốn đám tang giống như một lễ tưởng nhớ tới cuộc sống của Prescott Bush. Bà đã viết tất cả những lời điếu văn và mời ca đoàn nhà thờ tới hát khúc thánh ca ưa thích của Gampy (tên thân mật bà tôi gọi ông tôi). Bà cất cử em trai tôi, các anh em họ của tôi, và tôi làm những người hộ tang túc trực bên quan tài. Sau buổi lễ, cha, các em trai và em gái của cha tôi đứng trên bậc thềm nhà thờ, bắt tay và cảm ơn tất cả các vị khách đã tới bày tỏ sự kính trọng của họ. Thật khó khăn cho cha để nói lời tạm biệt với người đàn ông đã từng là người cố vấn và tấm gương cho cha noi theo. Ông sẽ mang theo những bài học của Prescott Bush trong suốt những ngày còn lại của cuộc đời mình.

Không lâu sau, tình hình cho thấy sự ra đi của Prescott Bush lại là điều may mắn cho bản thân ông. Ông vốn là người luôn luôn xem trọng tính liên tục trong chính phủ, đã không phải chứng kiến những gì xảy ra tại quốc gia này trong hai năm tiếp theo.

Là đại sứ tại Liên Hợp Quốc, cha tôi không có vai trò gì trong chiến dịch tranh cử năm 1972, khi Tổng thống Nixon tái trúng cử trước ứng cử viên của Đảng Dân chủ, Thượng nghị sĩ George McGovern. Chiến dịch thậm chí kết thúc trước cả khi nó bắt đầu vì người được McGovern chọn là ứng cử viên cho vị trí phó tổng thống, Thượng nghị sĩ Tom Eagleton, đã phải dùng tới các liệu pháp sốc điện để chữa chứng bệnh tâm thần. Nixon đã có một chiến thắng vang dội, nhưng lần này không có nhiều người cùng đảng với ông ta trúng cử. Trong khi tổng thống thắng cử ở mọi tiểu bang trừ Massachusetts (ông cũng thua ở D.C), Đảng Cộng hòa mất hai ghế trong Thượng viện và chỉ còn mười hai ghế trong Hạ viện.

Một vài tuần sau cuộc bầu cử, tổng thống yêu cầu cha tôi đến gặp ông ấy tại Trại David, nơi nghỉ ngơi của ông ấy ở dãy núi Catoctin Maryland, được đặt theo tên cháu trai của Tổng thống Eisenhower, cũng là con rể Tổng thống Nixon (anh ta kết hôn với cô con gái thứ của Tổng thống Nixon, Julie). Tổng thống đã nói với cha tôi rằng ông ấy muốn cha rời khỏi Liên Hợp Quốc và thay thế Thượng nghị sĩ Bob Dole của Kansas trở thành Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Đảng Cộng hòa. Từ góc nhìn của Nixon, sự lựa chọn đó mang rất nhiều ý nghĩa. Cha đã có kinh nghiệm quản lý một tổ chức đảng ở Texas, và ông là một gương mặt mới đầy năng lượng lẫn uy tín để thúc đẩy chương trình nghị sự của Nixon và củng cố sức mạnh Đảng Cộng hòa. Từ góc nhìn của cha, sự nghiệp cần tiến thêm một bước tiến mới. Ông lo ngại rằng một số người có thể nghĩ ông không thành công trong vai trò một nhà ngoại giao. Ông cũng đã ở bộ máy cầm quyền của Nixon tại Nhà Trắng đủ để biết rằng ông không thích những thủ đoạn của họ. Ông không quan tâm tới mưu kế bôi xấu người thuộc phe cánh khác.

Tuy nhiên, nếu việc lãnh đạo Đảng Cộng hòa là cách ông có thể phục vụ tốt nhất cho đất nước, ông cảm thấy có nghĩa vụ phải nhận lời. Một vài ngày sau, Bob Dole đến gặp cha tôi ở New York. Ông ấy hỏi cha có muốn làm người kế nhiệm ông ấy ở Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa hay không. Cha cảm thấy Dole thật đáng thương; không có ai nói với Dole rằng ông ấy đã bị thay

thế. Cha tôi nhẹ nhàng thông báo những tin tức cho Thượng nghị sĩ. Tình thế này cho thấy Nhà Trắng hoặc luôn quanh co giấu giếm hoặc không làm đúng chức năng của nó.

Đầu năm 1973, cha mẹ tôi rời khỏi căn hộ 42A tại tòa tháp Waldorf để quay lại thủ đô. Cha nhận ra rằng công việc theo thời gian biểu ổn định. Ông nghĩ rằng mình sẽ dành phần lớn thời gian để kêu gọi gây quỹ, tuyển dụng ứng cử viên, và gặp gỡ với các quan chức đảng, trong số đó có nhiều người ông quen biết. Ông đã không mong đợi rằng mười chín tháng sau đó, ông sẽ ngồi trong phòng Đông Nhà Trắng, nghe Richard Nixon trở thành tổng thống đầu tiên và duy nhất trong lịch sử nước Mỹ phải từ chức.

Vào mùa hè năm 1972, năm người đàn ông đã bị bắt vì đột nhập vào trụ sở của Ủy ban Quốc gia của Đảng Dân chủ tại khu căn hộ phức hợp Watergate tại Washington, DC. Những tên trộm có mối liên hệ với Ủy ban Tái đắc cử của tổng thống, được gọi là Ủy ban CREEP. Nhà Trắng từ chối bất cứ sự liên quan nào đến những tên trộm, và những lời cáo buộc đã ít tác động tới cuộc bầu cử năm 1972. Đến đầu năm 1973, không lâu sau khi cha tôi giành ghế Chủ tịch Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa, đã có dấu hiệu cho thấy một số người thân cận với Tổng thống Nixon đã tham gia vào sự việc đó.

Tổng thống Nixon cam đoan với đất nước rằng ông không biết gì về vụ Watergate. Trong hơn một năm, cha đã bảo vệ tổng thống. George Bush, người luôn luôn tin tưởng vào những điều tốt đẹp của con người, tin tưởng tổng thống khi ông ấy đưa ra lời hứa. Khi ngày càng có nhiều thông tin chi tiết về vụ Watergate bị rò rỉ, cha ngày càng quan tâm tới vụ này. Thượng viện đã mở một cuộc điều tra. Phụ tá cao cấp Nhà Trắng đã từ chức. Một công tố viên đặc biệt được chỉ định cho vụ việc này. Sau đó, bí mật bị phanh phui là tổng thống đã bí mật ghi âm các cuộc nói chuyện trong Phòng Bầu dục. Ông đã từ chối nộp lại các băng ghi âm khi công tố viên yêu cầu. Tổng chưởng lý và phó chưởng lý đều từ chối thi hành lệnh của Nixon khi ông đòi sa thải công tố viên đặc biệt, Tổng thống đã đích thân làm điều này và chấp nhận đơn từ chức của tổng chưởng lý và phó chưởng lý - một động thái được gọi là cuộc thăm sát đêm thứ bảy. Cuối cùng, Nhà Trắng đưa ra một số lượng hạn chế các ghi chép từ băng ghi âm của các cuộc đàm thoại tại Phòng Bầu dục. Nhưng có lỗi hồng lớn, trong đó có mười tám phút rưỡi đã “vô tình bị xóa”.

Tôi đang ở Cambridge, bang Massachusetts khi vụ bê bối này bại lộ, đây là nơi tôi học trường Kinh doanh Harvard. Không khí trong trường là chống Đảng Cộng hòa, đặc biệt là Richard Nixon. Tôi thu mình lại, chú ý đầu vào học tập, và nói chung không thảo luận về chính trị. Một ngoại lệ đến khi tôi tới thăm em gái duy nhất của cha, dì Nancy tràn đầy năng lượng và tinh thần phóng khoáng, ở Lincoln, Massachusetts. Chúng tôi chơi trên sân golf chín lỗ mà bà yêu thích và cùng ái ngại về đám lầy thối rữa mà George Bush đã lợi vào.

Càng biết nhiều về Watergate, tôi càng trở nên phẫn nộ. Tôi đã bị sốc về việc tổng thống có mối quan hệ với những kẻ có hành động coi thường pháp luật. Và tôi đã tức giận về tình huống tiến thoái lưỡng nan họ đã gây ra cho cha tôi. Một mặt, cha đã cố gắng để bảo vệ vị tổng thống trước người ông cảm thấy có bổn phận phải trung thành. Mặt khác, ông phải bảo vệ đảng của mình khỏi cơn sóng chỉ trích từ phía Đảng Dân chủ để tìm chỗ neo đậu cho mỗi đảng viên Đảng Cộng hòa để họ không chết chìm theo con tàu đắm là chính quyền Nhà Trắng Nixon.

Vào cuối tháng 7 năm 1974, vụ bê bối Watergate lên đến cao trào, cha đã viết một lá thư dài cho các em trai tôi và tôi. Vào thời điểm đó, ông không chia sẻ suy nghĩ của mình về những khó khăn mà ông đang phải trải qua. Luôn luôn là một người lạc quan, ông mở đầu bức thư với suy nghĩ về tất cả những điều ông biết ơn, bao gồm gia đình thân yêu của chúng tôi và những thời cơ để phục vụ đất nước ông yêu mến. Ông ca ngợi những điểm tích cực của Tổng thống Nixon. Sau đó ông viết về sai sót của Nixon: sự thiếu tự tin, kém cỏi trong suy xét, sự thiếu tôn trọng của ông ấy đối với Quốc hội, trên tất cả là sự khắc nghiệt và phi luân trong những điều ông nói về bạn bè thân thuộc của mình trong băng ghi âm ở Nhà Trắng.

Một trong những người bạn đó là George Bush. Nixon đã gọi cha là người chỉ biết lo nghĩ những điều tụn mუნ và phàn nàn rằng cha đã không điều khiển Ủy ban quốc gia của Đảng Cộng hòa đủ mạnh để bảo vệ ông ta. Cha cảm thấy bị tổn thương vì tổng thống nhận xét cha kém cỏi. Sau nhiều tháng nhức nhối, ông đã nói với Richard Nixon. “Nỗi đau vẫn còn nhưng nó không rỉ máu nữa”, ông viết điều đó trong bức thư của mình cho chúng tôi. Ông kết thúc bức thư bằng những bài học ông hy vọng chúng tôi sẽ học được từ những thất bại vụ Watergate:

Lắng nghe lương tâm của con. Đừng sợ hãi phải tranh luận với đám đông - nếu trong thâm tâm con cảm thấy nó là sai. Đừng nhăm lẩn giữa “mềm dẻo” với việc nhìn nhận quan điểm của người khác... Đừng tự cho rằng mình luôn đúng, nhưng tình bạn đúng đắn nghĩa là con phải chia sẻ quan điểm, những đánh giá của con với bạn bè. Đừng lợi dụng người khác nói xấu bạn bè để mình có thêm quyền lực.

Vào lúc đó, cha không nhận ra những lời dặn dò của mình đã đề ra một tiêu chuẩn mà cả Jeb và tôi sẽ cố gắng làm theo khi chúng tôi điều hành các văn phòng nhiệm vụ công.

Giọt nước tràn ly đến vào ngày 5 tháng 8 năm 1974, Tòa án tối cao ra phán quyết Nhà Trắng sẽ phải chuyển tất cả các băng ghi âm tới cho Leon Jaworski, công tố viên đặc biệt đảm trách điều tra vụ Watergate mới và cũng là một người bạn của cha từ Houston. Băng ghi âm tiết lộ rằng Nixon đã nói chuyện với một phụ tá của ông ta về việc cản trở cuộc điều tra của FBI vào Watergate. Đó là bằng chứng cho thấy ông ta có lý do để phải che đậy và ông ta đã nói dối đất nước. Phát hiện này phá hủy hoàn toàn sự tin tưởng của cha tôi với Nixon.

Một ngày sau khi băng ghi âm có mùi thuốc súng bị phanh phui, Nixon đã tổ chức một cuộc họp với các thành viên nội các và cố vấn chính trị chủ chốt. Cha tôi cũng tham dự cuộc họp và chứng kiến một cảnh kỳ quái, tổng thống đã dành cả cuộc họp để nói về nền kinh tế và các vấn đề chính sách chứ không đương đầu với câu hỏi duy nhất của vấn đề cần bàn luận. Cuối ngày hôm đó, cha đã đưa cho Tham mưu trưởng của Nixon, Alexander Haig, một đánh giá thẳng thắn. Sau khi nói chuyện với một số bạn cũ của mình tại Quốc hội, ông đã học được rằng tổng thống sẽ không có phiếu ủng hộ để qua được quy trình điều tra của Quốc hội.

Mặc dù thất vọng sâu sắc, cha tôi đã từ chối lên án công khai Nixon. Trong khi có thể hưởng lợi trong ngắn hạn, cha tôi thấy không có lý do để “té nước theo mưa”, như ông nói vậy. Ông nói lên ý kiến của riêng mình trong một bức thư gửi cho tổng thống ngày 7 tháng 8. Như tôi được biết, cha là Chủ tịch đảng duy nhất trong lịch sử Mỹ phải viết một lá thư với nội dung “Tại thời điểm này, tôi chắc chắn rằng từ chức là điều tốt nhất cho đất nước và tốt nhất cho tổng thống”, ông viết. ”Tôi tin rằng quan điểm này thể hiện ý nguyện chung của các nhà lãnh đạo Đảng Cộng hòa trong cả nước.” Bằng sự thông



cảm đặc trưng, cha viết tiếp, “Rất khó khăn cho tôi khi phải viết ra bức thư này nhưng tôi luôn biết ơn ngài. Nếu ngài từ chức lúc này, lịch sử sẽ lưu danh ngài và những thành tựu của ngài với một sự tôn trọng lâu dài”. Ngày hôm sau, Tổng thống Nixon thông báo từ chức.

Mẹ và cha an tâm bởi quyết định của tổng thống. Họ đến Nhà Trắng để tham dự lễ chia tay tổng thống. Cha tôi đã mô tả buổi lễ đó, Nhà Trắng bao trùm “không khí tang tóc như có ai đó vừa qua đời”. Trong phòng Đông, nơi tôi lần đầu tiên gặp Nixon tại lễ cầu nguyện vài năm trước đó, ông kết thúc bài phát biểu của mình bằng câu nói, “Hãy luôn nhớ, những người khác có thể ghét anh, nhưng những người ghét anh không giành chiến thắng cho đến khi anh ghét họ, và vì thế anh tiêu diệt chính mình”.

Có thể tưởng tượng thời gian đó khó khăn như thế nào, nhưng được giữ chức Chủ tịch đảng trong thời gian nổ ra vụ tai tiếng Watergate đã được chứng minh là một kinh nghiệm có giá trị. Cha đã gặp hàng trăm nhà lãnh đạo các cấp và những nhà hoạt động xã hội ở cấp cơ sở của Đảng Cộng hòa - những người này đã trở thành mạng lưới rất quan trọng cho chiến dịch tranh cử sau này của ông. Mặc dù đã chứng kiến những người lãnh đạo ở vị trí danh dự có thể làm những điều đáng hổ thẹn, ông không cho phép trải nghiệm tồi tệ này phá hỏng quan điểm của mình về quá trình làm nhiệm vụ công.

Kinh nghiệm trong vụ Watergate xác nhận một bài học quan trọng: Một nhà lãnh đạo phải tập hợp xung quanh những người tốt và biết đề ra các tiêu chuẩn cao. Watergate cũng củng cố tầm quan trọng của mối quan hệ cá nhân. Nixon dường như có rất ít những người bạn thực sự. Ông ấy có vẻ hướng nội, bí ẩn và luôn hoài nghi. Cái giá của sự cô lập đó là không có ai để ngăn cản ông ấy làm những điều tồi tệ hoặc khuyên ông ấy thoát khỏi bản năng xấu xa nhất của mình. Ngược lại, cha tôi là người hướng ngoại, lạc quan, và luôn nhìn ra những điểm tốt nhất của người khác. Kết quả là, ông đã thành công trong việc duy trì tình bạn ở Washington trong suốt vụ Watergate - và ông tạo ra những mối quan hệ bằng hữu mới.

Một người có vẻ đối lập với cha tôi là Bob Strauss, người đồng cấp với cha tại Ủy ban Quốc gia Đảng Dân chủ. Họ chia sẻ kinh nghiệm và những nụ cười. Họ tôn trọng lẫn nhau đến nỗi sau này cha đã bổ nhiệm Strauss làm đại sứ của Mỹ tại Liên Xô. Sự tương phản càng rõ ràng hơn. Richard Nixon có

cả danh sách các kẻ thù chính trị, còn George Bush biết cách biến đối thủ chính trị thành bạn bè.

Thật không may, tàn tích của Watergate có ảnh hưởng đến mỗi tổng thống sau Richard Nixon. Một thế hệ các phóng viên cho rằng tờ báo Bưu điện Washington giành giải báo chí Pulitzer vì đã phơi bày vụ bê bối này, và nhiều phóng viên mơ ước nối gót Woodward hoặc Bernstein trở thành nhà báo điều tra. Những tập đoàn báo chí mạnh mẽ và biết phản biện là dấu hiệu tốt cho nền dân chủ. Thông thường, báo chí có bản năng đầu tiên là biến mỗi tin tức thành một câu chuyện giật gân. Tuy nhiên, từ sau vụ việc này, báo chí mang tới hình ảnh một chính phủ méo mó khiến người dân mất lòng tin. Đối với George Bush, cá tính và cách hành xử thông minh đã cho phép ông bước qua vụ Watergate và vẫn bảo toàn uy tín lẫn tính liêm trực - những điều quý giá này ngày càng trở nên ấn tượng theo thời gian.

Sau khi tiễn Richard Nixon lên máy bay trực thăng từ bãi cỏ phía Nam để rời khỏi Nhà Trắng ngày 9 tháng 8 năm 1974, mẹ và cha quay trở lại phòng Đông để dự lễ tuyên thệ nhậm chức của tổng thống mới, Gerald Ford. Cho tới nay, Ford vẫn là tổng thống duy nhất chưa bao giờ do dân bầu, Richard Nixon bổ nhiệm ông ấy sau khi Phó Tổng thống đầu tiên, Spiro Agnew, từ chức để tránh bị truy tố tội trốn thuế.

Ford ngay lập tức hành xử tương phản với Nixon. Ông ấy là mẫu hình tiêu biểu của một người dân vùng Trung Tây khỏe mạnh, lạc quan, biết chính xác những gì quốc gia cần. Khi Tổng thống Ford trình bày bài diễn văn nổi tiếng của ông: “Đồng bào người Mỹ của tôi, cơn ác mộng lâu dài của đất nước chúng ta đã qua”, tôi hiểu rằng dường như ông không chỉ nói đến Watergate. Hy vọng của tôi là một thời kỳ dài căng thẳng và đau khổ - các cuộc bạo động vì phân biệt chủng tộc, cuộc chiến ở Việt Nam, danh sách kẻ thù của Nixon - sắp kết thúc. Ford ngay lập tức đã phải đưa ra một quyết định lớn. Cựu Tổng thống Nixon có thể phải đối mặt với phán quyết về sự dính líu của ông ta trong vụ Watergate. Tổng thống Ford hiểu rằng quá trình xét xử cựu tổng thống khiến cho người dân Mỹ phải luôn dằn vặt vì những tổn thương do Watergate gây ra trong nhiều năm. Ông loại bỏ khả năng này bằng cách quyết định ân xá cho Nixon vô điều kiện. Quyết định của ông không được nhiều người đồng tình, và nhiều người nghĩ rằng ông sẽ phải trả giá trong cuộc bầu

cử năm 1976. George Bush tôn trọng quyết định của tổng thống. Điều đó không chỉ cần thiết mà còn thể hiện can đảm chính trị.

Tôi đã ở Fairbanks, Alaska suốt mùa hè năm 1974, làm việc cho hãng hàng không quốc tế Alaska. Tôi đã đến đó vào giữa năm học thứ nhất và năm thứ hai của trường kinh doanh Harvard để thử cảm giác phiêu lưu cũng như thử sức với các cơ hội kinh doanh. Tôi đã sững sờ trước vẻ đẹp của Alaska và rất thích thú với việc đi bộ đường dài, câu cá, cùng những ngày hè dài. Tuy nhiên, tôi cũng rất ngạc nhiên vì sự phụ thuộc của bang này và các doanh nghiệp vào chính quyền liên bang. Điều đó không cuốn hút tôi, và vào cuối mùa hè, tôi kết luận rằng cơ hội kinh doanh ở Texas tốt hơn ở đây nhiều.

Một buổi sáng, tôi thấy tờ báo địa phương ở Fairbanks đăng tin George Bush có trong danh sách ngắn những người được Gerald Ford đề cử vào chiếc ghế phó tổng thống còn đang bỏ trống. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng cha sẽ là một ứng cử viên cho công việc này. Tôi gọi cho cha, ông xác nhận rằng tin tức đó là đúng.

“Đúng là có một số người nghĩ rằng cha có thể làm tốt việc đó”, ông nói, “nhưng cha không quá bận tâm tới nó”.

Cha tôi có tên trong danh sách một phần là do cuộc trưng cầu ý kiến của lãnh đạo các cấp trong Đảng Cộng hòa, điều đó cho thấy cha đã có nhiều sự ủng hộ hơn so với bất cứ ai khác. Một số bạn bè của cha ở đồi Capitol đã thay mặt ông vận động hành lang tổng thống mới. Nếu cha muốn làm phó tổng thống, tôi sẽ cổ vũ cho ông. Trong thâm tâm, tôi nghĩ Ford sẽ không chọn cha tôi vì cha có mối quan hệ thân cận với Nixon.

Đúng như tôi dự đoán, vài ngày sau, tôi nghe đài phát thanh loan tin Ford đã chọn Nelson Rockefeller, Thống đốc New York, là phó tổng thống mới. Tôi có thể tưởng tượng những suy nghĩ của Prescott Bush về sự lựa chọn đó.

Hai ngày sau, Tổng thống Ford gọi cha tôi đến Phòng Bầu dục để thảo luận về tương lai của ông ấy. Cha nói với ông ấy rằng ông đã có một thời gian làm tại Liên Hợp Quốc và rằng ông muốn mở rộng kinh nghiệm làm việc trong ngành ngoại giao. Tổng thống nói cha tôi có thể chọn tiếp tục làm đại sứ - có thể đi cả Anh hoặc Pháp, đây là hai chức vụ nhiều người thèm muốn, ngay cả John Adams và Thomas Jefferson đều từng làm vị trí này.

Gợi ý của Ford khiến cha biết mục đích của cuộc gặp mặt này, do đó, ông đã có sự chuẩn bị. Ông nói với tổng thống rằng ông muốn đến Trung Quốc. Cha nhận thức được rằng đại diện của Mỹ tại Trung Quốc không có hàm đại sứ, vì Mỹ không có quan hệ ngoại giao chính thức với Trung Quốc. Nhưng ông không bị mắc kẹt trong vấn đề chức danh. Ông đã dành thời gian suy nghĩ về Trung Quốc, và cảm thấy bị thuyết phục rằng mối quan hệ Mỹ - Trung sẽ là yếu tố then chốt trong tương lai - một cái nhìn sâu sắc hiếm có vào lúc bấy giờ. Mùa thu năm 1974, Tổng thống Ford bổ nhiệm cha tôi làm Trưởng Văn phòng liên lạc đầu tiên của Mỹ tại Bắc Kinh.

Nhớ lại chuyến đi đó, quyết định nhận vị trí cao nhất trong Văn phòng Ngoại giao Mỹ tại Trung Quốc có thể là điều ngạc nhiên lớn nhất trong những lần chuyển công việc từ khi cha mẹ tới Tây Texas năm 1948. Cũng giống như việc ông không muốn theo đuổi con đường công danh thông thường của một nhà đầu tư trên phố Wall, ông không muốn bị mắc kẹt trong việc phải tham dự bữa ăn tối ngoại giao ở London hay Paris. Cũng như Tây Texas, Trung Quốc đại diện cho một tiền tuyến mới - một nơi thú vị để sinh sống, với một nền văn hóa đặc biệt và tương lai đầy hứa hẹn. Đối với những người đã quá chán sự tẻ nhạt ở Washington, đến Trung Quốc là một lối thoát lý tưởng.

Trưởng văn phòng liên lạc Bush đến Trung Quốc vào tháng 10 năm 1974. Trước khi rời khỏi Washington, ông đã tìm hiểu rất nhiều về chức vụ mới của mình. Ông đã gặp các chuyên gia Trung Quốc trong chính phủ Mỹ. Trên đường bay, ông dừng lại ở Nhật Bản và tham vấn đại sứ Mỹ tại Tokyo. Cha mẹ tôi học tiếng Trung Quốc. Họ không thông thạo ngôn ngữ này. Nhưng họ biết cách nói xin chào và cảm ơn - một khởi đầu tốt cho bất kỳ nhà ngoại giao nào.

Khi đến nơi, cha nhận bàn giao công việc từ vị Phó đại diện văn phòng, ông John Holdridge, một cán bộ ngoại giao giàu kinh nghiệm, và ông kết bạn với tất cả mọi người trong văn phòng, từ nhân viên mới tới lái xe và người phiên dịch. Ông hỏi han các đồng nghiệp mới về Trung Quốc, gia đình, con cái, sở thích và kinh nghiệm của họ. Cha và mẹ đã làm việc chăm chỉ để biến văn phòng đại diện lần nơi ở của họ trở nên thân thiện và hiếu khách hơn. Họ mời nhân viên tới nhà ăn tối, mua một bàn bóng bàn, và mở rộng thêm mối quan

hệ cá nhân. George Bush có tinh thần đồng đội, và ông đang xây dựng đội ngũ nhân viên ở Trung Quốc.

Một mối ưu tiên khác của ông là phát triển các quan hệ cá nhân với những nhà ngoại giao. Ông tham dự hàng chục buổi tiếp đón tại các đại sứ quán và thường xuyên tiếp đãi đối tác của mình tại văn phòng đại diện. Một số người có thể cho rằng tham dự những sự kiện lễ tân ngoại giao là cực hình. George Bush không nghĩ như vậy. Tại mỗi bữa tiệc rượu hay trong mỗi dòng người đứng đón chờ sự kiện ngoại giao, ông đều tìm thấy cơ hội để gặp gỡ những người mới và xây dựng mối quan hệ mới. Quan điểm của ông là không có quốc gia nào quá nhỏ để bị bỏ qua. Không có gì xúc phạm lòng tự ái của ông nhiều hơn việc bị gọi là vị “quan to”. Người đầu tiên tới văn phòng đại diện của ông là người đứng đầu của đoàn Kuwait, một Vương quốc Trung Đông nhỏ nhưng có vai trò quan trọng trong nhiệm kỳ tổng thống của ông nhiều thập kỷ sau đó.

Cũng giống như khi ở Liên Hợp Quốc, George Bush biết cách kết hợp cuộc sống cá nhân và công việc ngoại giao. Ông thích chơi quần vợt, do đó ông thường xuyên tổ chức thi đấu với những bạn trong ngành ngoại giao tại Câu lạc bộ Quốc tế. Cha tôi thích thể dục, thể thao. Ông cũng nhận ra rằng đồng nghiệp của mình sẽ đáp lại yêu cầu của ông trong công việc nếu như họ đã từng chơi trong giải thể thao ông tổ chức.

Ông dành rất nhiều sự chú ý đến các quan chức Trung Quốc. Ông đã biết bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc, Kiều Quán Hoa, là đại sứ đầu tiên từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tới Liên Hiệp Quốc. Mặc dù cha đã phản đối Trung Quốc khi bỏ phiếu bầu cho Đài Loan, họ vẫn trở thành bạn bè. Bộ trưởng ngoại giao nhớ đến bữa ăn trưa mà bà tôi đã mời các đại biểu Trung Quốc ở Greenwich, và ông đáp lại với lòng hiếu khách nồng nhiệt.

Mặc dù cha tôi đóng vai trò là nhà ngoại giao cấp cao của Mỹ tại Trung Quốc nhưng tầm ảnh hưởng của các chính sách của cha rất hạn chế. Các quyết định lớn đối với Trung Quốc đều do Tổng thống Ford và Henry Kissinger đưa ra. Cha thất vọng bởi sự thiếu hợp tác, nhưng ông hiểu tổng thống muốn quản lý mối quan hệ với Trung Quốc từ Nhà Trắng. Trong thời gian làm tổng thống, ông thường trao đổi trực tiếp với nhà lãnh đạo nước ngoài như Thủ tướng John Major của Vương quốc Anh hay Brian Mulroney của Canada. Tôi cũng

làm như vậy đối với một số đối tác thân thiết, chẳng hạn như Tony Blair của Vương quốc Anh.

Sự kiện lớn nhất trong nhiệm kỳ của cha ở Trung Quốc là chuyến viếng thăm cấp nhà nước của Tổng thống Ford năm 1975, chuyến thăm Trung Quốc này được thực hiện sau chuyến đi lịch sử của Tổng thống Nixon ba năm trước đó. Cha tháp tùng tổng thống đến cuộc họp với Mao Trạch Đông, lãnh tụ cách mạng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Cha tôi rất muốn gặp Chủ tịch Mao, đặc biệt là khi sức khỏe của Mao đang có chiều hướng xấu đi. Quan trọng hơn, chuyến đi này giúp cha tôi gặp một vị Phó Chủ tịch nhỏ bé, hay cười, luôn sát cánh bên Chủ tịch Mao. Tên ông ta là Đặng Tiểu Bình. Mười ba năm sau, ông ta và cha tôi gặp lại nhau - khi đó cả hai đều trên cương vị những nhà lãnh đạo đất nước.

Vị trí công tác mới ở Trung Quốc giúp cho cha mẹ tôi có nhiều thời gian rảnh hơn khoảng thời gian họ đã có nhiều năm trước. Họ khám phá Bắc Kinh bằng xe đạp và đi xung quanh thành phố với C. Fred, chú chó săn được đặt theo tên của một người bạn của cha mẹ ở Houston. C. Fred luôn thu hút sự quan tâm của người dân địa phương, vì chính quyền cấm chó đến nơi công cộng. Mẹ và cha tiếp tục học tiếng Trung Quốc, và vào ngày Chủ nhật, họ cầu nguyện trong một nhà thờ địa phương - một trong số ít những nơi được chính quyền Trung Quốc cho phép tổ chức lễ cầu nguyện với nghi thức được thực hiện bằng tiếng Trung.

Mẹ và cha khuyến khích gia đình và bạn bè đến thăm họ ở Trung Quốc. Một trong những người đầu tiên chấp nhận lời mời là bà tôi, bà tới vào dịp Giáng sinh năm 1974. Đúng theo phong cách điển hình của Dorothy Walker Bush, bà đi trên một chuyến bay dài đầy mệt mỏi từ New York và ngay sau đó cùng cha đạp xe đến Tử Cấm Thành. Tôi có thể nói chắc chắn rằng bà tôi là phụ nữ phương Tây bảy mươi ba tuổi duy nhất đạp xe để đi dạo trong cái lạnh thấu xương của tháng 12 năm đó.

Những người bạn Texas cũng đi du lịch điền dã ở Trung Quốc. Jake Hamon, một người bạn kinh doanh dầu với cha tôi, cùng với vợ của ông, Nancy, đã đến thăm chúng tôi vào tháng 3 năm 1975. Nancy diện bộ áo choàng và mũ lông chồn. Có ít nhất một thành viên trong gia đình chúng tôi ngưỡng mộ bộ trang phục đó. Khi cha mẹ tôi nói chuyện với gia đình Hamon, mẹ kinh hãi nhận ra chú chó C. Fred đang nhai bộ trang phục lông thú. Nhiều năm sau, khi

Laura và tôi mời Nancy đến một bữa tiệc nhân dịp Lễ tình nhân tại Nhà Trắng, bà ấy vẫn cười khúc khích khi nhớ về chiếc mũ bị găm nham nhờ thuở nào.

Tôi đến Trung Quốc thăm cha mẹ ngay sau khi tốt nghiệp trường Kinh doanh Harvard năm 1975. Văn phòng đại diện rất thoải mái, nhưng tôi đã sững sốt bởi điều kiện sống nguyên thủy ở nơi này. Hầu hết mọi người đi lại bằng xe đạp hoặc xe ngựa. Mùa hè khô nóng, và thành phố bị bụi sa mạc bao phủ. Nó nhắc nhở tôi nhớ về Midland, Texas. Tuy nhiên, ở đây không có dấu hiệu của chủ nghĩa tư bản như ở Midland. Tất cả mọi người mặc áo đại cán màu xám, được chính phủ Trung Quốc phân phối. Cha nhận định Trung Quốc sẽ nổi lên như một quyền lực mới của thế giới trong tương lai, và ông đã nói đúng. Tuy nhiên, năm 1975, đất nước này còn một chặng đường dài mới đi đến viễn cảnh đó.

Trong chuyến đi này, tôi chứng kiến cách làm ngoại giao cá nhân thân thiện của cha. Vào ngày mùng 4 tháng 7, ông tổ chức một lễ kỷ niệm lớn tại văn phòng đại diện, bữa tiệc với bánh mì kẹp thịt, xúc xích, và bia Mỹ. Văn phòng không chính thức của người Mỹ chưa bao giờ tổ chức một sự kiện như vậy, do đó, sự kiện này đã thu hút một lượng lớn các đoàn ngoại giao. Tôi nhớ một đại sứ từ một nước Bắc Âu rời khỏi bữa tiệc, hơi ngả nghiêng vì uống say, với một vết mù tạt lớn dây bản trên chiếc áo sơ mi trắng sáng của ông.

Ngày 2 tháng 11 năm 1975, mẹ và cha dậy sớm và có một chuyến đi xe đạp xuyên qua thành phố Bắc Kinh. Họ đã thưởng thức một buổi sáng mùa thu đẹp trời trước khi người đưa tin từ văn phòng đạp xe đi tìm họ. Cha tôi nhận một bức điện từ Nhà Trắng được dán nhãn: “Chỉ George Bush được đọc”. Cha đã bị sốc bởi những gì mình đọc được. Tổng thống Ford muốn ông phải rời khỏi Trung Quốc ngay lập tức và trở về Mỹ để làm giám đốc Cơ quan Tình báo Trung ương CIA.

Từ nguồn truy cập ít ỏi vào tin tức Mỹ, cha mẹ tôi biết CIA đang phải đối mặt với những lời chỉ trích nặng nề từ công chúng, phương tiện truyền thông, và Quốc hội. Tháng 12 năm 1974, tờ New York Times đã công bố một bài báo tiết lộ rằng CIA, qua nhiều đời tổng thống, đã tham gia vào các hoạt động phi pháp, bao gồm giám sát các hoạt động phản chiến trong nước và các nhóm bất đồng chính kiến. Quốc hội thành lập các Ủy ban do Nghị sĩ Church và

Nghị sĩ Pike đứng đầu đề tiên hành các cuộc điều tra nhằm vào CIA. Những nhà lập pháp giận dữ đòi CIA minh bạch hóa và chính đôn toàn diện. Khi cha tôi đọc thư cho mẹ nghe, bà òa khóc. Tổng thống vừa yêu cầu người đàn ông mà bà yêu thương phải quay trở lại đâm lầy.

Mẹ không phải là người duy nhất không hài lòng với lời đề nghị đó. Cha cũng miễn cưỡng nhận lời. Đảng Dân chủ giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1974 sau vụ tai tiếng Watergate, và cha tôi biết rằng đối phó với Quốc hội đang có khuynh hướng tự do sẽ rất khó khăn. Ông cũng muốn giữ chính sách mở để tiếp tục theo đuổi tham vọng chính trị. Ông đã được cân nhắc vào chức vụ Phó Tổng thống năm 1974, và Đảng Cộng hòa ở Texas đã tính tới chuyện để ông ra tranh cử chức thống đốc bang này vào năm 1978. Những kế hoạch sẽ bị phá hỏng nếu ông làm việc cho CIA. Ông viết trong một bức thư gửi anh chị em của mình, CIA là “một nghĩa trang cho chính trị”.

Nhưng một lần nữa, cha ý thức được bản phận của mình. Ông đã từng làm việc với CIA trong thời gian tại LHQ và Trung Quốc, và ông biết tầm quan trọng trong công việc của cơ quan này. Một vài giờ sau khi nhận được bức điện, cha đánh một bức điện tín về Washington để nhận công việc. Ông giải thích với tổng thống và Kissinger, “Cha tôi luôn nhắc nhở con trai rèn luyện những giá trị giúp cho tôi phục vụ tốt trong nhiệm kỳ ngắn của mình. Một trong những giá trị này đơn giản là phụng sự đất nước và tổng thống. Vì vậy, nếu Tổng thống muốn tôi làm việc này thì câu trả lời của tôi là CÓ”.

Vị trí tại CIA đòi hỏi phải có sự phê chuẩn từ Thượng Nghị viện. Sự đề cử gây tranh cãi khi một số thượng nghị sĩ lớn tiếng tuyên bố rằng George Bush quá thiên về chính trị và không thích hợp cho vị trí này. Cha giải thích ông đã giữ những vị trí phi chính trị tại LHQ và Trung Quốc, và bảo đảm với các thượng nghị sĩ rằng khuynh hướng chính trị của ông sẽ không can thiệp vào vị trí công tác mới. Tuy nhiên, họ yêu cầu nhiều hơn nữa. Trong một bức thư đặc biệt trong lịch sử, Tổng thống Ford cam kết bằng văn bản rằng ông sẽ không đề cử George Bush cho vị trí phó tổng thống khi ông tái tranh cử năm 1976. Tổng thống sẵn sàng làm những gì cần thiết để ứng viên ông đề cử được chấp thuận, và cha tôi đã cam kết mạnh mẽ đến mức ông từ bỏ cả quyền lợi hợp pháp của mình trong tranh cử để làm việc cho Văn phòng CIA. Thượng viện chấp thuận cha vào vị trí công việc mới bằng hình thức bỏ phiếu, trong đó 64 phiếu thuận và 27 phiếu chống.



Giám đốc Cơ quan Tình báo Bush bắt đầu công việc mới bằng cách phát triển một mối quan hệ mạnh mẽ và tin tưởng với đồng nghiệp mới của mình. Nhiệm vụ đó đặc biệt quan trọng tại CIA, nơi mà tinh thần làm việc đang sa sút nghiêm trọng sau những chỉ trích của Quốc hội và báo chí. Hình ảnh của cơ quan bị mất uy tín một cách tồi tệ.

Ngay từ đầu, cha làm rõ rằng ông tin tưởng vào nhiệm vụ của cơ quan và sẽ đứng về phe nhân viên của tổ chức này. Khi xuất hiện trước Quốc hội và các phương tiện truyền thông, ông nhấn mạnh tầm quan trọng của năng lực tình báo. Trong khi thừa nhận trong quá khứ năng lực này bị lạm dụng, ông đồng thời đề xuất các biện pháp sẽ thực hiện để sửa chữa lỗi do tổ chức này gây ra. Quan trọng nhất, ông gọi đây là các cán bộ tình báo “yêu nước”, một thuật ngữ ít người sẵn sàng sử dụng khi giao tiếp với công chúng khi các dòng tít báo hàng ngày vẫn râm rộ đăng tin về vi phạm trong quá khứ của CIA.

Ông đã ủng hộ CIA theo những cách khác. Tổng thống Ford giao cho ông văn phòng trong tòa nhà Văn phòng Điều hành cổ xưa, ngay cạnh Nhà Trắng. Chấp nhận văn phòng mới với vị trí quan trọng đáng chú ý ở Washington, nơi gần với tổng thống là một tín hiệu cho thấy quyền lực của cha tôi ở Washington. Thế nhưng ông từ chối nhận văn phòng mà tổng thống giao cho. Ông thấy rằng văn phòng của mình nên đặt trụ sở tại Langley, bang Virginia. Ở đó, ông được đi chung thang máy với nhân viên, chứ không phải đi lối dành riêng cho giám đốc. Giáng sinh năm 1976, ông mời nghệ sĩ nhạc jazz nổi tiếng Lionel Hampton đến biểu diễn cho nhân viên trong “phòng bong bóng”, phòng họp lớn nhất của cơ quan CIA. (Không giống như bữa tiệc Giáng sinh tại Tây Texas, lần này cha đã không thuê quây rượu đến văn phòng.)

Giám đốc Bush đến trụ sở CIA ở nước ngoài để cảm ơn các nhà phân tích và nhân viên. Một số trong các trụ sở bí mật chưa bao giờ gặp người đứng đầu CIA. Ông cũng đã thực hiện một số quyết định khó khăn về nhân sự nhưng đó là việc cần thiết để cải thiện cơ quan - lý do tại sao ông rất coi trọng xây dựng lòng tin ngay từ đầu. Ông nhẹ nhàng loại bớt những điệp viên ở vị trí quản lý đã cao tuổi, điều này cho phép ông bổ nhiệm những người trẻ tuổi hơn và giải quyết vấn đề tuyển dụng nhân viên mới. Và ông thẳng tay loại những người làm rò rỉ thông tin, trong đó có cả đặc vụ cũ của CIA, Philip Agee, người vừa phát hành cuốn hồi ký kể ra nhiều bí mật. Cha tôi có thể tha thứ cho rất nhiều sai lầm, nhưng ông tin rằng việc vi phạm lời tuyên thệ và

tiết lộ bí mật nhà nước là đáng hổ thẹn, đặc biệt là khi điều đó có thể dẫn đến nhiều người Mỹ vô tội thiệt mạng.

Không lâu sau, George Bush đã hiểu biết sâu sắc về địa bàn Langley, nhiệm vụ của CIA và mọi nhân viên ở đây. Ông thấy đây là công việc hấp dẫn; bản chất tò mò và ham tìm hiểu của ông thật thích hợp cho công việc chuyên gia phân tích. Đáng chú ý, chỉ trong một năm, ông phát triển mối quan hệ tốt đẹp với những nhân viên CIA - những người làm việc tận tụy nhưng không được đánh giá cao như họ xứng đáng được như vậy. Một sử gia gọi ông là Giám đốc CIA được nhiều người ngưỡng mộ nhất sau thời Allen Dulles những năm 1950.

Tình cảm của cha dành cho CIA được gây dựng theo thời gian ở Langley. Giống như tổng thống, ông yêu cầu họp giao ban hằng ngày. Khi tôi được bầu làm tổng thống, ông khuyên tôi làm như vậy. Tôi thực hiện lời khuyên của ông và nhận thấy nhân viên CIA thường đưa ra những chỉ dẫn thông minh và có khả năng phân tích, đây chính là một trong những khía cạnh thú vị nhất trong công việc của tôi. Giống như cha, tôi đã đạt được sự tôn trọng từ nhân viên và không hề e ngại các nhiệm vụ tuyệt mật.

Đúng như lời cam kết, ông không tham gia chính trị trong suốt thời gian tại CIA. Cuộc thăm dò ý dân đối với Tổng thống Ford đưa ra kết quả không mấy khả quan sau khi ông tha thứ cho Nixon, và nền kinh tế đang chật vật. Tháng 11 năm 1976, Tổng thống Jimmy Carter thua trong cuộc bầu cử. Cha đã gặp Carter trong chiến dịch tranh cử khi Thống đốc bang Georgia yêu cầu điệp viên phải cung cấp thông tin phân tích xem liệu ông có thể thắng cử. Sau chiến thắng của Carter, cha tôi muốn tiếp tục ở lại CIA. Ông mới làm cho CIA được một năm, và ông cảm thấy rằng mình có thể ở lại để tạo ra sự ổn định trong khi tổng thống bận thành lập đội an ninh quốc gia.

Jimmy Carter đã quyết định để cha đi, một động thái mà tôi nghĩ là sai lầm. Khi trở thành tổng thống mười hai năm sau, cha giữ lại Giám đốc CIA William Webster, người được chỉ định bởi Ronald Reagan. Khi tôi nhậm chức, tôi giữ lại giám đốc George Tenet, người được chỉ định bởi Bill Clinton. Tôi nghĩ rằng quyết định của tôi sẽ phát đi một dấu hiệu biểu hiện tính kế thừa và không phân biệt đảng phái trong một nhiệm vụ an ninh quốc gia quan trọng. Tôi đã thất vọng khi Tổng thống Obama chọn không giữ lại Michael Hayden, một nhà quản lý lâu năm do tôi đã bỏ nhiệm vụ lãnh đạo CIA

từ năm 2007. Không ai biết công việc tình báo tốt hơn Mike, một người chuyên nghiệp trong lĩnh vực này, và kiến thức của ông sẽ rất có giá trị cho tổng thống.

Cuối cùng, một Tổng thống Đảng Dân chủ đã ghi nhận đóng góp của cha tôi cho CIA. Năm 1998, Bill Clinton đã ký quyết định do văn phòng Nghị sĩ Rob Portman bang Ohio đề xuất, đổi tên thành trụ sở của CIA. Khi tôi thực hiện chuyến thăm đầu tiên tới Langley, Giám đốc George Tenet đã nói, “Thưa tổng thống, chào mừng ngài đến Trung tâm Tình báo George Bush”.

Trong một thập kỷ, George Bush đã làm đại sứ tại Liên Hợp Quốc, chủ tịch Đảng Cộng hòa, trưởng văn phòng đại diện tại Trung Quốc và Giám đốc CIA. Ông đã nhìn thấy sự sụp đổ của một nhiệm kỳ tổng thống và một quyền lực thế giới mới bắt đầu nổi lên. Ông đã thành công trong mối quan hệ với các nhà ngoại giao, cộng sản, và cả điệp viên. Ông đã lãnh đạo các tổ chức vượt qua khủng hoảng và vực dậy tổ chức cùng với danh tiếng của ông. Tuy nhiên, khi George Bush lên chuyến bay thương mại về Houston sau lễ nhậm chức của Jimmy Carter, hầu hết các nhà quan sát tin rằng sự nghiệp chính trị của ông kết thúc tại đây. Thông thường, không một công việc nào trong số các công việc ông đã đảm nhận trong thập niên 1970 được xem như một bước đệm để có được sự nghiệp chính trị thành công.

Tất nhiên, George Bush không bao giờ đầu tư quá nhiều vốn vào con đường bình thường. Ông tin rằng các công việc ngoại giao của mình là sự chuẩn bị tốt cho quá trình phụng sự nhân dân. Và hóa ra những điều ông tính toán lại đúng. Cha không chỉ là tổng thống duy nhất nắm giữ tất cả bốn trong số nhiều vị trí, ông còn là tổng thống duy nhất nắm giữ bốn vị trí đó. Sau này nhìn lại, kinh nghiệm và những quyết định của ông có được trong thập niên này đã khiến ông trở thành một trong các tổng thống có sự chuẩn bị tốt nhất của thời hiện đại.

# Người đứng thứ hai

G

George và chính Bush trị của đã điều mình hướng qua rất cuộc nhiều sống tình kinh hoảng doanh bất thường. Mùa xuân năm 1977, một khoảng thời gian ngắn sau khi cha tôi rời khỏi CIA vào thời kỳ cuối của chính quyền Ford, cha mẹ tôi chạm trán với một thử thách mới: Sống một mình.

Cha mẹ tôi đã quay lại Houston ngay sau khi Jimmy Carter tuyên thệ nhậm chức. Họ mua một ngôi nhà tại đây, ngôi nhà thứ hai mươi lăm của họ sau ba mươi hai năm kết hôn. Con cái đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Cha mẹ tôi đã sử dụng thời gian của cuộc sống mới để liên lạc lại với bạn bè ở Texas và chăm sóc đứa cháu đầu tiên của họ, George Prescott Bush, con trai của em trai tôi, Jeb và vợ chú ấy, Columba. Họ đã tận hưởng thời gian nghỉ ngơi sau đấu trường chính trị. Mẹ tôi đã gọi khoảng thời gian này là “tuần trăng mật thứ hai”. Tuy nhiên, cha không tận hưởng sự thoải mái này lâu. Ông nhớ công việc. Và ông tin rằng mình có thể cống hiến hơn nữa. Như lời ông đã viết cho bạn của mình, Gerry Bemiss, “Tôi không muốn tiếp tục đắm chìm trong tiệc rượu của giới nhà giàu nữa. Vẫn còn quá nhiều thứ mà tôi cần phải học”.

Cha tôi không phải là người duy nhất trong gia đình có mong ước được cống hiến cho đất nước. Tại quê hương của chúng tôi ở Midland, tôi chuẩn bị bước vào đấu trường chính trị, nơi mà cha tôi vừa rời đi - và ông đang chuẩn bị trở lại theo cách hoành tráng hơn.

Suốt mười năm chỉ sống bằng tiền lương nhà nước, cộng với các chi phí nuôi nấng con ăn học, cha mẹ tôi đã phải chịu không ít gánh nặng tài chính. Năm 1977, chú của cha tôi, Herbie - một trong những người sáng lập ra Đội cảnh sát New York, người đã truyền cho tôi cảm hứng và mơ ước được sở hữu một đội bóng chày - đã qua đời ở tuổi bảy mươi hai. Vợ của ông, Mary, quyết định bán ngôi nhà ở Walker's Point. Căn biệt thự lớn bị tàn phá bởi một cơn bão vào mùa xuân năm trước, và bà không muốn chi tiền để sửa lại. Bà đã đồng ý lời đề nghị mua từ một người không phải trong gia đình. May mắn

thay, bà đồng ý bán cho cha tôi nếu cha trả bằng giá mà người khách kia đề nghị. Cha tôi vô cùng yêu quý Walker's Point, và ông rất khó chịu khi nghĩ đến việc nơi này sẽ không còn là nơi tụ họp truyền thống của cả gia đình - nơi ông đã từng “buông neo đón gió”. Tại thời điểm này, cha không có tiền để mua ngôi nhà đó. Ông đã xin cô của mình cho thêm thời gian để tiết kiệm tiền. Bà đồng ý, và cuối cùng ông đã mua được nó vào năm 1981.

Cha tôi không thích những dính dáng đến tiền bạc trong chính trị, nhưng ông vẫn luôn quan tâm đến thị trường kinh doanh của thế giới. Việc tham gia vào một vài hội đồng quản trị của các doanh nghiệp đã mang lại cho ông một cơ hội tham gia vào kinh doanh để tăng thêm thu nhập. Ông đã tiếp nhận một ghế trong hội đồng quản trị của công ty Eli Lilly, tập đoàn dầu khí Texasgulf, và công ty First International Bancshares tại Dallas. Ông cũng được nhận một lời mời quay lại kinh doanh dầu khí từ H. Ross Perot, một doanh nhân tại Dallas, người đã thành lập nên một công ty công nghệ hết sức thành công. Cha tôi cảm ơn lời mời từ Ross nhưng ông từ chối. Cha giải thích rằng ông không muốn thực hiện bất kỳ cam kết kinh tế lâu dài nào cả. Đây không phải lần cuối cùng George Bush nhận được yêu cầu từ Ross Perot.

Trong khi cha tôi đảm nhiệm thêm vai trò kinh doanh, thì chính trị và các dịch vụ công vẫn là niềm đam mê của ông. Một vài người bạn Texas đã khuyến khích ông tranh cử chức thống đốc bang năm 1978. Nhưng mối quan tâm của ông lúc đó lại đặt vào một nơi khác. Cha tôi đã làm trong nội các chính phủ trong suốt hai nhiệm kỳ tổng thống, và ông biết được làm cách nào để vượt qua những áp lực trong chính trị và chính sách. Mẹ tôi đã cố gắng hưởng thụ một cách thoải mái nhất cuộc sống yên bình của riêng hai người, vì bà đoán biết rằng tuần trăng mật thứ hai này sẽ rất ngắn ngủi. Cha tôi muốn quay lại với chính trị, và được chơi trên sân khấu lớn. Và họ đã sớm bắt đầu cuộc du ngoạn quanh đất nước, để bắt đầu tìm kiếm cơ hội cho chiến dịch tranh cử chức tổng thống.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Kinh doanh Harvard năm 1975, tôi quay lại Midland, Texas. Giống như thế hệ của cha, tôi cũng bị vùng đất Midland mê hoặc bởi môi trường kinh doanh và bị kích thích với tiềm năng dầu khí nơi đây. Trải nghiệm đầu tiên của tôi trong lĩnh vực kinh doanh dầu là làm nhân viên trên bờ. Công việc của tôi là kiểm tra số liệu kinh doanh, giao dịch quặng và trả thuế tài nguyên. Đôi khi tôi nhận được một phần nhỏ lợi nhuận từ

một hợp đồng. Tôi đã có một vài thành công nhỏ và lúc đó cuộc sống của tôi chưa cần nhiều tiền.

Tháng 6 năm 1977 - sinh nhật lần như ba mươi mốt của tôi, đó cũng là ngày Nghị sĩ Quốc hội đại diện cho Midland, ông George Mahon, tuyên bố nghỉ hưu sau bốn mươi bốn năm làm việc tại Hạ viện Hoa Kỳ. Tôi đã bị cuốn hút bởi viễn cảnh tranh cử vào chiếc ghế của Nghị sĩ Mahon. Tôi thích lĩnh vực chính trị, và cũng đã lĩnh hội được nhiều kinh nghiệm từ các chiến dịch tranh cử của cha trong các năm từ 1964 đến 1970, cũng như cuộc đua vào Thượng Nghị viện ở Florida (Edward Gurney là người chiến thắng) và tại Alabama (Red Blount là người thua cuộc). Tôi cảm thấy rất tự tin về chiến dịch lần này. Tôi tin rằng đất nước đã có một hướng đi sai lệch kể từ khi Jimmy Carter lãnh đạo, đặc biệt là về vấn đề các quy định năng lượng và chính sách thuế. Nền chính trị lúc này đã thực sự gặp phải những sai lầm khó giải quyết.

Cha tôi đã rất ngạc nhiên khi tôi nói rằng tôi đang cân nhắc về việc tham gia chiến dịch tranh cử vào Quốc hội. Ông khuyên tôi đi gặp một người bạn cũ của ông, cựu Thống đốc Allan Shivers để xin ông ấy cho tôi một vài lời khuyên về cuộc tranh cử. Shivers là một biểu tượng của lĩnh vực chính trị. Trong nhiều thập kỷ, ông đã nắm giữ kỷ lục liên tiếp trúng cử vào chính phủ Texas (cho đến người làm vị trí này trước tôi, Thống đốc Rick Perry, vượt lên ông để giành ghế). Khi tôi nói với Thống đốc Shivers về việc tôi đang cân nhắc tranh cử vào một ghế trong Quốc hội, đại diện cho quận 19, ông nhìn thẳng vào mắt tôi và nói rằng tôi sẽ không thắng. Một đảng viên dân chủ bảo thủ đã ngồi chiếc ghế này trong suốt bốn mươi bốn năm, và quận này được vẽ ra để dành cho Thượng sĩ nghị Đảng Dân chủ đến từ vùng nông thôn, ông Kent Hance.

Tôi cảm ơn vị thống đốc vì buổi gặp mặt và ra về lòng nặng trĩu lo âu. Có phải cha tôi biết trước những điều Shivers muốn nói? Nếu vậy, tại sao ông lại bảo tôi đến đây? Việc can thiệp vào quyết định cuộc sống của tôi không phải là phong cách của cha. Đối với quyết định to lớn này, ông muốn tôi phải suy nghĩ thật kỹ. Sau cùng, tôi đã nhận ra rằng việc cha giới thiệu Shivers cho tôi là để cảnh báo tôi rằng cuộc tranh cử sẽ rất khó khăn và tôi nên chuẩn bị tinh thần đón nhận sự thất vọng.

Dù sao tôi cũng đã tham gia tranh cử. Tôi đã có những ý nghĩ độc lập, hoặc như nhiều người biết, tôi bước đến mức quyết định phải dần thân. Như tôi

mong đợi, khi tôi báo với cha rằng tôi đã quyết định tranh cử, cha đã hoàn toàn ủng hộ tôi.

Chiến dịch tranh cử vào Quốc hội của tôi có quy mô nhỏ. Hầu hết người tham gia là bạn bè, gia đình hoặc những tình nguyện viên. Em trai tôi, Neil, là quản lý chiến dịch. Người quản lý tài chính của cuộc vận động là Joe O'Neill, một người bạn thời thơ ấu của tôi - người đã tốt nghiệp Đại học Notre Dame và trường Kinh doanh Michigan, cũng đã phục vụ trong lực lượng quân đội đặc biệt của Mỹ, sau đó quay lại Midland làm việc trong lĩnh vực dầu khí. Một đêm hè năm 1977, Joe và vợ của anh, Jan, đã mời tôi đến dự một bữa tiệc nướng ở sân sau nhà họ. Họ nói với tôi là có người muốn gặp tôi: Đó là một người bạn tốt của Jan đến từ Midland, Laura Welch.

Tôi bị hạ gục trước vẻ đẹp của Laura. Cô ấy có đôi mắt màu xanh dương tuyệt đẹp và nụ cười tươi luôn tỏa sáng trước những câu nói đùa của tôi. Khi nói chuyện với nhau, chúng tôi nhận ra rất nhiều điểm tương đồng. Laura cũng lớn lên ở Midland cùng thời với tôi, và chúng tôi có một năm cùng học tại trường phổ thông San Jacinto. Thậm chí chúng tôi đã sống trong cùng một tòa nhà ở Houston sau khi tốt nghiệp đại học (cô ấy tốt nghiệp Đại học Nam Methodist tại Dallas, sau đó học bằng thạc sĩ ngành khoa học thư viện tại trường Đại học Texas). Cô ấy thông minh, quý phái, điềm tĩnh và cư xử tự nhiên. Điều này hoàn toàn không giống như khi George Bush gặp Barbaca Piere tại buổi khiêu vũ trong bữa tiệc Giáng sinh năm 1941. Không có ai nhảy điệu waltz trong sân sau nhà Joe và Jan; buổi hẹn thứ hai của chúng tôi là tại một buổi chơi golf. Giống như cha mẹ tôi, chúng tôi nhanh chóng yêu nhau. Cả hai đều đã ngoài ba mươi tuổi và đều đã sẵn sàng để ổn định cuộc sống. Chúng tôi kết hôn vài tháng sau đó.

Laura hiểu rằng cô ấy đã trở thành một thành viên trong gia đình chính trị. Cô ấy có ít đam mê với chính trị và thích chăm sóc gia đình hơn. Vì là con một trong gia đình, nên Laura rất vui mừng khi có thêm ba người anh trai và chị gái bên nhà chồng. Cô ấy nhanh chóng kết thân với cha mẹ tôi, và họ cũng đối xử với Laura như con gái của mình. Trong các mối quan hệ khác, Laura học được từ mẹ tôi trách nhiệm khi làm vợ của một đảng viên ra tranh cử. Cô ấy cũng là người tiếp sức cho chiến dịch tranh cử của tôi nhưng lại không muốn đứng vào vị trí ngôi sao. Tôi thích điều này ở cô ấy. Tôi không tìm kiếm một người vợ phải thật sự theo khuôn mẫu của một “người vợ chính trị”. Cô ấy

thậm chí đã thề rằng sẽ không bao giờ phát biểu gì về chính trị. Nhưng thật may, cô ấy đã phá vỡ lời thề này. Laura đã trở thành một người vận động rất hiệu quả trong chiến dịch tranh cử vào Quốc hội của tôi năm 1978 và các cuộc tranh cử mà tôi tham gia sau đó.

Người dẫn đầu cuộc bỏ phiếu trong Đảng Cộng hòa năm 1978, Jim Reese, ông là cựu Thị trưởng của vùng Odessa, đã thắng Mahon trong cuộc tranh cử năm 1976. Reese được một số người ủng hộ, bao gồm cả cựu Thống đốc California, ông Ronald Reagan. Tôi đã gặp vị thống đốc này tại một buổi biểu tình ở Jacksonville, Florida, trong thời gian tôi tranh cử vào thượng viện. Reagan là người tạo được ấn tượng mạnh mẽ. Ngoại hình cao lớn và điển trai khiến ông trông giống ngôi sao Hollywood, quả thực trước đây ông làm diễn viên. Ông có một bài diễn thuyết tuyệt hảo và gây sốc cho cử tri. Tôi không ngạc nhiên khi ông đánh bại Tổng thống Gerald Ford vào năm 1976 hay việc ông được cân nhắc là một ứng viên tiềm năng trong lần đề cử của Đảng Dân chủ năm 1980.

Sự thật là tôi đã khá thất vọng khi Thống đốc Reagan ủng hộ đối thủ của tôi. Khi tôi đề cập việc này với cha, ông ngay lập tức nói rằng, “Reagan sẽ gọi cho con nếu con chiến thắng vòng bầu cử trong nội bộ đảng”. Quả nhiên, khi tôi làm cho Jim Reese phải nếm mùi thất bại trong vòng đề cử của Đảng Cộng hòa, thì ngay hôm sau điện thoại của tôi đổ chuông. “George, tôi là Reagan”, ông nói. “Chúc mừng cậu vì đã chứng minh rằng tôi sai. Tôi chỉ muốn cho cậu biết tôi sẽ làm mọi thứ có thể để giúp cậu chiến thắng trong lần tranh cử này.” Tôi nói cảm ơn và gác máy với sự ấn tượng về lòng quảng đại của ông. Tôi đã không nhờ đến sự trợ giúp của ông. Tôi đã ngây thơ nghĩ rằng cử tri sẽ đánh giá cao việc tôi sẵn sàng tham gia cuộc vận động mà không cần mời Reagan hay cha tôi đến khi tôi đi gặp cử tri ở các quận.

Chiến dịch vận động tranh cử của tôi vào mùa hè và mùa thu năm 1978 rất khó khăn. Sau cuộc vận động đầu tiên, Laura và tôi đã rời khỏi ngôi nhà tại Midland và thuê một căn nhà khác tại Lubbock, thành phố lớn nhất trong khu vực tôi ra tranh cử. Tôi đã yêu cầu vị hôn thê mới cưới của mình rời khỏi nhà càng sớm càng tốt ngay sau khi kết hôn. Nhưng cô ấy vẫn chấp nhận thử thách. Khi chúng tôi thực hiện một chuyến du lịch ngắn tới Mexico sau lễ cưới, cô ấy đã suy nghĩ về chiến dịch tranh cử như một tuần trăng mật thực sự. Chúng tôi đã dành nhiều giờ để đi cùng nhau trên đường trường, lái xe qua các quận



trong khu vực bầu cử như các làng nhỏ ở Levelland, Plainview, và Brownfield. Vào ngày mùng 4 tháng 7, chúng tôi đã đi trên một chiếc xe tải màu trắng trong cuộc diễu hành của Đảng Cộng hòa ở phía nam của quận. Không ai vẫy chào chúng tôi - ít nhất là họ không dùng đủ năm ngón tay trên bàn tay để vẫy chúng tôi. Chắc chắn Laura không thể hình dung được tất cả những điều này sẽ xảy ra trong khi cô ấy chỉ chuẩn bị kế hoạch để trở thành thủ thư trong một thư viện công. Đối với tôi, cho dù như vậy thì cô ấy cũng đã đi ba phần tư quãng đường.

Vào đêm bầu cử, tôi chỉ được xuất hiện rất ít. Tôi đã chiến thắng ở quê hương Midland và một vài quận ở phía bắc. Nhưng đúng như Thống đốc Shivers dự đoán, quận này đã hoàn toàn tin tưởng để bầu cử cho Kent Hance. Anh ta đã nhấn mạnh nguồn gốc Texas của mình và miêu tả về tôi như một anh chàng một sách tốt nghiệp từ những trường thuộc nhóm tinh hoa Ivy League và không biết gì về Texas. Cuối cùng, anh ta đã thắng với 53% phiếu trong khi tôi chỉ được 47%.

Dù thua trong cuộc tranh cử này, nhưng bù lại tôi học được khá nhiều - về cuộc tranh cử, và về những đối tác luôn sát cánh bên mình. Và từ ví dụ của cha tôi, tôi biết cuộc sống vẫn tiếp diễn sau thất bại. Hiểu theo nhiều cách khác thì thua trong cuộc bầu cử này sẽ dẫn đến các thành công lớn hơn. Ngày hôm đó, đối thủ của tôi, Kent Hance, đã khiến mọi người có suy nghĩ rằng ông là chính trị gia duy nhất đã chiến thắng tôi. “Chính tôi đã gánh trọng trách đưa George W. Bush trở thành một tổng thống”, ông nói. “Nếu không thua tôi, anh ta giờ vẫn bị mắc kẹt với một chân trong Quốc hội.”

\* \* \*

Tôi không nhớ chính xác thời điểm khi cha nói với tôi rằng ông muốn tham gia tranh cử tổng thống. Nhưng có một điều chắc chắn rằng ông đã có ý định theo con đường này từ khi thành lập Quỹ dành cho Chính phủ Hạn chế<sup>3</sup> năm 1977, đó là một ủy ban chính trị cho phép ông gây quỹ khi bắt đầu thực hiện một công việc nào đó.

<sup>3</sup> Một mô hình chính trị mà trong đó, các công dân có sức mạnh đáng kể trong việc định hình các quy định của pháp luật, còn quyền hạn của chính phủ bị hạn chế xuống mức tối thiểu.

Có lẽ không cần phải mất công tìm hiểu cũng biết rằng George Bush phải đối mặt với cả núi việc khó khăn để được Đảng Cộng hòa đề cử. Không giống như các ứng viên tiềm năng khác, cha tôi không phải là một viên chức do dân bầu. Ông không có khu vực bầu cử và nhóm cử tri riêng. Các cuộc thăm dò ban đầu về các ứng viên chức tổng thống cho thấy tên tuổi của ông không được biết đến nhiều để đưa vào kết quả thăm dò. Tên của ông cũng được liệt kê dưới dấu \* trong mục “các ứng cử viên khác”. Chiến dịch tranh cử sớm của ông cũng thuộc “câu lạc bộ đánh dấu \*”. George Bush đã vượt lên trong nhiều lần bị xếp thứ hạng thấp, vì vậy ông sẵn sàng vượt lên một lần nữa.

Cuộc cạnh tranh để được Đảng Cộng hòa đề cử năm 1980 rất căng thẳng. Ngoài Thống đốc Reagan, cuộc cạnh tranh còn có cả Thượng nghị sĩ Bob Dole của bang Kansas, là cựu Chủ tịch của Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa và là người ra tranh cử chức vị phó tổng thống cùng với Tổng thống Gerald Ford năm 1976. Một ứng viên tổng thống khác là John Connally, cựu Thống đốc bang Texas, theo Đảng Dân chủ nhưng đã được Richard Nixon kêu gọi chuyển sang Đảng Cộng hòa để được bổ nhiệm trở thành Bộ trưởng Bộ Tài chính. Connally đi cùng xe với John F. Kennedy vào ngày ông bị ám sát tại Dallas, là người có sức thu hút lớn và sự ủng hộ mạnh mẽ từ ban quản trị của các doanh nghiệp Mỹ. Bị loại khỏi vòng này là Howard Baker, một Thượng Nghị sĩ đáng kính đến từ bang Tennessee, và hai Nghị sĩ Quốc hội đến từ Illinois, là John Anderson và Phil Crane.

Chủ tịch của quỹ dành cho chính phủ giới hạn là một người bạn thân của cha tôi đến từ Houston, James A. Baker III. Cha tôi và Jimmy Baker gặp nhau lần đầu tiên không lâu sau khi cha và mẹ rời khỏi Houston năm 1959. Trong khi cha tôi kinh doanh dầu ngoài khơi, thì Jimmy làm luật sư. Sau khi tốt nghiệp trường Princeton và Đại học Luật Texas, Jimmy là một chiến lược gia xuất sắc, một nhà đàm phán khéo léo, và là một người luôn có thể khiến cha tôi cười. Ông là một trong những người kể chuyện cười hay nhất mà tôi từng nghe (hầu hết các câu chuyện cười của ông không bị lặp lại). Ông và cha tôi có mối quan hệ bạn bè vì họ cùng chơi tennis khi ở Houston. Họ từng giành cúp vô địch trong giải đấu đôi nam.

Jimmy thậm chí còn thân thiết với cha mẹ tôi hơn từ khi vợ của ông, Mary, qua đời vì bệnh ung thư vú năm 1970. Cha mẹ tôi đã ở bên để an ủi người bạn của họ trong lúc đau buồn. Cha tôi đã nói về cái chết của em gái Robin

của tôi có tác động thế nào tới công việc của ông ấy, và cũng hỏi ý kiến của Jimmy về việc ông ấy có muốn dành nhiều thời gian hơn cho cuộc tranh cử của cha vào Thượng Nghị viện năm 1970 hay không. Jimmy đã đồng ý lời đề nghị này. Trong suốt quãng đời sau này của cha tôi, James Baker là người bạn mà cha tôi tin tưởng nhất và cũng là người cho cha tôi những lời khuyên bổ ích trong lĩnh vực chính trị - bao gồm cả cuộc tranh cử tổng thống năm 1980.

Một người bạn khác ở Houston có ảnh hưởng quan trọng với cha tôi trong lần tranh cử năm 1980 là Bob Mosbacher, người đã tình nguyện dẫn đầu trong nỗ lực gây quỹ cho cha tôi. Công việc của ông là kiếm đủ tiền để cha tôi đi tranh cử khắp đất nước và thành lập các văn phòng vận động cho cha tôi ở một vài bang chủ chốt trên nước Mỹ. Một trong những nhân viên đầu tiên được ông thuê là Karl Rove, một nhà chính trị hai mươi tám tuổi, lãnh đạo của những sinh viên theo Đảng Cộng hòa trong thời gian cha tôi làm việc ở Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa. Karl có vai trò quan trọng trong cuộc tranh cử của cha tôi và sau đó trở thành người bạn thân thiết, người cố vấn đáng tin cậy của tôi.

Đội của George Bush sẽ không hoàn chỉnh nếu thiếu Don Rhoders. Don gặp cha tôi lần đầu tiên vào năm 1964 khi tình nguyện giúp cha tranh cử vào Thượng viện. Don là một nhân viên bán hàng ở cửa hàng tiện lợi, ông thường tạt qua văn phòng tình nguyện viên khi kết thúc công việc ở cửa hàng. Ông rất vất vả dán phong bì và kiểm tra danh sách thư từ. Mới đầu, không có nhiều người coi trọng Don. Ông khác mọi người. Ông ít nói. Khi đã nói thì nói rất to, và bị lấp. Nhiều tình nguyện viên khác thương hại Don. Ít người nghĩ rằng ông có khả năng làm việc gì khác ngoài công việc tạp vụ.

Don không bao giờ nói về hoàn cảnh của mình, ngoại trừ một khía cạnh: Ông yêu thích đội bóng trường Texas A&M. Dần dần, câu chuyện về cuộc đời ông được nhiều người biết tới. Ông nói lấp vì là người khiếm thính. Ông vụng về vì những vấn đề trong gia đình. Một người bạn thời thơ ấu của Don sau này đã nói với chúng tôi rằng mẹ của Don là gái mại dâm và bà đã mất khi Don còn nhỏ, sau đó Don được gửi đến một trại trẻ mồ côi tại Houston.

Qua nhiều năm, Don Rhodes đã trở thành một trong số những người trung thành và đáng tin cậy nhất của cha tôi. Cha tôi đã tìm thấy một vài phẩm chất trong người bán hàng tạp hóa này mà người khác không nhận thấy: đó là một người cần có bạn bè, và cũng là một người có thể tin tưởng tuyệt đối. Cha tôi

tin tưởng Don đến mức giao cho ông ta quản lý chi tiêu hằng ngày. Vì vậy sẽ không phải là một điều lạ khi Don thường gọi điện cho các anh chị em của tôi để nhắc nhở việc trả hóa đơn hoặc kiểm tra thông tin từ tài khoản ngân hàng.

Một trong những kỷ niệm đáng nhớ nhất của tôi về Don là cuộc đình công khiến cho mùa giải bóng chày chính thức năm 1994 phải dừng lại. Don đã rất tức giận khi thề rằng ông sẽ không đi xem bất kỳ trận bóng chày nào trong vòng mười năm. Khi một sân chơi bóng chày mới tuyệt đẹp được mở ra tại Houston Astros năm 2000, cha tôi đã hỏi Don có muốn đi cùng tới dự lễ khánh thành sân bóng hay không. Dĩ nhiên, chỗ ngồi ở hàng ghế VIP. Don đã nhìn vào mắt cha tôi và nói: “Tôi đã nói với anh rằng tôi sẽ không đi xem đấu bóng trong mười năm, và bây giờ chưa hết mười năm”.

Khi Don qua đời vào năm 2011, cha tôi đã gọi Don là “người vị tha và biết quan tâm đến bạn bè nhất” mà ông từng biết. Đó là một lời khen tặng vinh danh Don. Sau đám tang, tro cốt của Don được lưu giữ tại khu mộ trong tương lai của cha mẹ tôi nằm ở khu Thờ viếng của Tổng thống George Bush. Đó là sự tôn vinh xứng đáng dành cho Don Rhodes. Ông đã không chỉ là một nhân viên, mà còn là một thành viên trong gia đình tôi.

Vào ngày mùng 1 tháng 5 năm 1979, cha tôi đã chính thức tuyên bố tranh cử tổng thống. Những giới hạn về quyền và sự hạn chế về số lượng nhân viên đã ảnh hưởng nhiều đến chiến lược của cha tôi trong vòng bầu cử sơ bộ. Năm 1976, Jimmy Carter đã đầu tư tất cả nguồn lực cho hai bang bầu cử sớm là Iowa và New Hampshire. Chiến thắng tại những nơi đó đã tạo tiền đề để ông tiến tới tất cả các đề cử sau này. Cha tôi cũng áp dụng chiến thuật tương tự như thế.

Giống như trong các cuộc chạy đua tranh cử trước đó, lần này George Bush phải giải quyết nhiều việc để vượt qua các đối thủ. Ông đã đi thăm 99 hạt thuộc bang Iowa, và quay trở lại một số nơi nhiều lần. George Bush xuất hiện trong chương trình giới thiệu về các món bánh trong các bữa ăn sáng, các hội chợ thương mại ở địa phương, các bữa tiệc tối của giới kinh doanh thương mại và uống cà phê cùng những người dân tại nhà của họ. Ông đã trả lời hàng trăm lá thư viết tay. Khoảng một tháng trước cuộc bỏ phiếu kín, ông đã tổ chức hàng tá sự kiện tranh cử. Ông nói về nền kinh tế đang có nhiều vấn đề, lạm phát gia tăng và sự suy giảm quyền lực của Mỹ ở nước ngoài. Thông điệp

của cha là Jimmy Carter phải ra đi - và cha có đủ năng lực lẫn kinh nghiệm để thay thế ông ta.

Cha tôi không phải là người duy nhất làm việc chăm chỉ. Em trai tôi, Jeb, từ bỏ công việc trong một chi nhánh nước ngoài của ngân hàng Texas ở Venezuela, để dành toàn bộ thời gian vận động tranh cử cho cha tôi. Neil phụ trách cuộc vận động ở bang New Hampshire, và Marvin đã dành gần như cả năm để vận động tại bang Iowa. Doro ghi danh vào một lớp học đánh máy và tình nguyện tham gia cuộc vận động tại bang Massachusetts. Anh trai và chị gái của cha đều giúp đỡ hết mình. Còn mẹ tôi thì duy trì một lịch trình tranh cử bận rộn, nói chuyện trong các phòng khách và hội trường ở Iowa để thuyết phục cử tri nhận thấy George Bush là người thích hợp nhất với chiếc ghế tổng thống. Tình yêu của chúng tôi với cha rất lớn, đủ để cả gia đình chúng tôi cùng nhau dốc lòng giúp đỡ ông.

Tôi vận động tại bang Iowa trong những tuần cuối cùng trước cuộc bỏ phiếu trong đảng. Tôi đã đi tới từng góc phố trong khu vực phía đông bắc của bang với Nghị sĩ Tom Tauke. Chúng tôi đã gặp gỡ một số lãnh đạo tham dự cuộc bỏ phiếu kín và cố gắng thuyết phục đề họ bầu cho George Bush. Tôi yêu quý từng phút giây làm việc trong ngành “bán lẻ” chính trị này.

Ronald Reagan rõ ràng là người dẫn đầu trong cuộc bỏ phiếu kín trong đảng, nhưng cha tôi cũng đã nhận được sự ủng hộ từ những công dân Iowa đáng kính như cựu Chủ tịch Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa, Mary Louise Smith và Nghị sĩ Tauke. Quan trọng hơn, cha đã dành nhiều thời gian ở tại bang này hơn Reagan. Điều này rất quan trọng. Người dân Iowa đánh giá ứng viên nào quan tâm tới họ. Vào đêm diễn ra cuộc bỏ phiếu kín trong đảng, những nỗ lực hết mình của cha đã gặt được thành quả. Ông là người đầu tiên giành được hơn 30% trăm số phiếu bầu. Ứng viên trước đây bị xếp vào nhóm đầu \* ít ai để ý tới, giờ đã chiến thắng trong cuộc thi đấu chính thức đầu tiên của cuộc chạy đua vào ghế tổng thống.

Chiến thắng gây sốc lần này đã gây ra một làn sóng trên báo chí toàn quốc. Tên của George Bush xuất hiện trên những dòng tin trên truyền hình; hình ảnh của cha tràn ngập các mặt báo. Trong khi phấn khích vì sự thành công ở Iowa, cha tôi vẫn không hề tỏ ra khoe khoang. Tới bang New Hampshire, ông nói, “Chúng ta thậm chí sẽ làm tốt hơn nữa ở bang này”. Ông tiếp tục, “Sẽ không có gì có thể khiến tôi dừng lại”. Trong một bài báo đáng nhớ nhất về cha, ông

tuyên bố rằng mình có một “Bệ phóng lớn” trong sự nghiệp. Điều đó đúng, nhưng nó không tồn tại lâu.

Khi nhìn lại, “Bệ phóng lớn” này thật ra lại là một cơ hội bị bỏ lỡ. Nhận được sự chú ý sau khi giành chiến thắng tại Iowa, cha đã có cơ hội để nhấn mạnh tầm nhìn của mình cho người dân cả nước biết. Thay vào đó, cha lại bị vướng vào thế giới của ganh đua chính trị, cuối cùng ông để cho những người khác nói về mình nhiều hơn là tự ông nói. Tôi đã học được một bài học giá trị: Bất cứ khi nào bạn nói vào chiếc micro trong cuộc vận động chính trị, bạn nên sử dụng thời gian đó để nói về tầm nhìn trong tương lai của mình (Dĩ nhiên, tôi không phải lúc nào cũng chú ý áp dụng điều này. Năm 2000, tôi chiến thắng tại bang Iowa và thua tại bang New Hampshire sau John McCain, một phần bởi vì tôi đã để ông ta nói về bản thân tôi).

So sánh với Iowa, New Hampshire dường như là một lãnh thổ thân thuộc hơn. Cha tôi sinh ra ở Massachusetts, là bang giáp ranh với New Hampshire, lớn lên ở gần đó, bang Connecticut, và thường đi nghỉ mát mùa hè ở bang Maine. Cha đã có một lực lượng đông đảo người ủng hộ tại bang New Hampshire của Thống đốc Hugh Gregg (Vài năm sau đó, con trai của ông, cũng là bạn thân của tôi, Judd Gregg, cũng làm Thống đốc, Thượng nghị sĩ, và cũng là Chủ tịch của Ủy ban vận động bầu cử cho tôi tại New Hampshire).

Mặc dù có lợi thế như ở quê hương, nhưng thái độ của người dân tại New Hampshire có nhiều điểm khác biệt so với Iowa. Các cử tri tại New Hampshire đều rất độc lập, và họ có truyền thống không bầu cho người nổi bật trong các chiến dịch tranh cử. Hình ảnh dẫn đầu cuộc tranh cử của cha cũng dẫn đến sự hoài nghi của báo chí. Trong một cuộc phỏng vấn mẹ tôi, Jane Pauley đã hỏi, “Thưa Phu nhân Bush, mọi người nói rằng chồng bà là một người đàn ông của thập kỷ tám mươi còn bà là người phụ nữ của thập kỷ bốn mươi. Phu nhân nghĩ gì về câu nói này?”. Mẹ tôi đã đáp trả câu hỏi nhạo báng này bằng một câu châm biếm: “Ồ, ý cô là mọi người nghĩ rằng tôi giống một phụ nữ bốn mươi tuổi ư?”. Cuộc sống của một người dẫn đầu trong cuộc tranh cử tổng thống thật không dễ dàng.

Khoảnh khắc quyết định ở New Hampshire đã đến trong một cuộc tranh luận diễn ra vào hai đêm trước cuộc bầu cử chính thức của đảng. Trong nỗ lực kích thích hóa sự kiện này, ban tổ chức cuộc tranh luận đã quyết định chỉ mời hai ứng viên dẫn đầu, đó là Ronal Reagan và George Bush. Những người ủng

hộ Reagan đã chọn kịch bản cho chương trình và trả tiền thuê phòng thảo luận. Không ai tư vấn cho cha tôi phải nói gì, nhưng ông biết nắm bắt cơ hội để đối đầu trực tiếp với Reagan.

Theo một cách tự nhiên, các ứng viên khác đã khá tức giận khi họ không được mời. Họ đã quyết định phản đối việc không được mời bằng cách đến dự cuộc tranh luận và yêu cầu phải cho họ nói. Việc này sau đó đã trở nên khá rõ ràng rằng chính những người ủng hộ Reagan đã dàn xếp để các ứng viên khác xuất hiện, và sắp đặt tình thế chính trị: Họ muốn đặt George Bush vào thế bị động phải tự vệ trong cuộc tranh luận - và họ đã làm được.

Sau khi người dẫn chương trình, Jon Breen, của Tờ báo Nashua Telegraph, giới thiệu cha tôi và Reagan với khán giả, các ứng cử viên khác đã bước ra khỏi bức màn và đứng trên sân khấu một cách giận dữ. Reagan đã lý giải rằng nên cho phép họ tham gia tranh luận, nhưng người dẫn chương trình lại muốn thực hiện theo kế hoạch. Cha tôi ngồi trên chiếc ghế của mình và lúng túng trước những cảnh tượng đang diễn ra xung quanh. Bản năng của cha lúc này thể hiện rõ nhất. Luật là luật, và cha đã được nuôi dạy để tuân thủ các luật lệ lần nguyên tắc. Cộng với việc ông không muốn làm mất mặt Breen trên sóng truyền hình toàn quốc.

Ngược lại, Reagan không gặp trở ngại gì khi thể hiện mình là chủ nhà. Khi Breen nhắc nhở sẽ thu lại chiếc micro, Reagan đã quát lên rằng, “Chính tôi đã trả tiền để có chiếc micro này, ông Green”. Đám đông đã âm ỉ đồng ý với Reagan (Họ không hề quan tâm rằng tên của anh ta là Breen chứ không phải Green). Họ nhắc lại một câu của nhân vật Spencer Tracy trong bộ phim State of the Union, và vị cựu minh tinh màn bạc đã giành được một lượng lớn khán giả hâm mộ ông ta suốt nhiều năm. Sự im lặng của cha tôi khiến ông trông yếu đuối và làm các ứng viên khác tức giận hơn. Cuộc tranh luận đã kết thúc như một trận đấu một - một, nhưng khán giả chỉ nhớ câu chuyện tranh cãi về chiếc micro. Một tờ báo đã bình luận rằng cha tôi như “xương sống của loài sứa”. Bob Dole đã nói rằng George Bush “muốn trở thành vua” và so sánh hành động của ông với Gestapo - viên cảnh sát mật của chính quyền Đức quốc xã. Các ứng viên khác cũng đánh đồng như vậy.

Tôi đã rất đau lòng khi phải nghe những ứng viên sắp thua cuộc giáng đòn hội đồng vào cha. Nhìn lại thời điểm đó, cuộc tranh luận tại New Hampshire là lần đầu tiên tôi trải nghiệm nỗi đau mà chỉ những đứa con của các nhân vật

của công chúng mới hiểu được. Tôi đã từng nghe về những chỉ trích mà cha tôi phải chịu đựng tại cuộc vận động ở Texas và công việc của ông tại Washington. Nhưng cảm giác lần này rất khác. Sân khấu lớn hơn, phần việc phải gánh vác cũng nhiều hơn, và những lời công kích cũng mang tính cá nhân hơn. Tại sao người ta có thể buộc tội George Bush là người ích kỷ và không biết quan tâm tới người khác? Họ không biết gì về cuộc sống của ông. Điều đó làm tôi giận phát điên.

Nhiều năm sau, tôi đã phải trải qua cảm giác đó một lần nữa. Khi tôi trở thành tổng thống, mọi người thường hỏi làm thế nào tôi có thể đối diện với những lời chỉ trích. Câu trả lời là những lời lẽ tấn công tôi vẫn còn rất nhẹ nhàng nếu so sánh với những lời tôi đã nghe người khác chống lại người đàn ông mà tôi vô cùng yêu quý và ngưỡng mộ. Có một điều có thể khiến nổi đau vơi đi: Cha tôi dường như không bao giờ bận tâm đến việc bị công kích. Mặc cho nó có thể làm ông khó chịu hay có những lời cáo buộc không đúng sự thật được đưa ra, cha vẫn không hề phàn nàn hay bộc lộ sự thất vọng trước mặt gia đình. Nhìn lại sự kiện này, tôi có thể thấy rằng ông đã cố để gửi đến chúng tôi một thông điệp rằng: Sự chỉ trích không thể làm ảnh hưởng đến ông, vì vậy chúng tôi không nên để những điều đó ảnh hưởng đến mình. Tôi đã truyền đạt lại điều tương tự cho hai con gái tôi khi các con cảm thấy buồn vì những lời chỉ trích tôi khi tôi làm tổng thống.

Như mong đợi, cuộc bầu cử trong đảng tại New Hampshire đã không diễn ra suôn sẻ đối với George Bush. Ronald Reagan đã giành chiến thắng với khoảng cách biệt lớn, chiếm được 50% số phiếu bầu. Cha tôi đứng thứ hai với 23%. Bob Dole đã rút khỏi cuộc tranh cử ngay sau đó. John Connally, người đã hy vọng sẽ thắng ở bang Nam Carolina, cũng đã bỏ cuộc khi ông chỉ chiếm vị trí thứ hai cách xa Reagan tại vùng đất này. Vào giữa tháng Ba, cuộc lựa chọn ứng viên của Đảng Cộng hòa năm 1980 đã thật sự trở thành cuộc đua của hai ứng cử viên.

Thất bại ở New Hampshire và Nam Carolina khiến cha tôi rơi vào tình trạng yếu thế. Reagan có nhiều tiền hơn, tên tuổi của ông ta cũng được nhiều người biết đến hơn, và đến lượt ông ta là một ứng viên có “Bệ phóng lớn”. Bản năng cạnh tranh của cha tôi rất mạnh mẽ. Ông đã đấu tranh thực sự và giành chiến thắng. Cha đã thắng trong cuộc bầu cử chọn ứng viên của đảng ở các bang Massachusetts, Connecticut, và Pennsylvania. Để trở thành ứng viên của



Đảng Cộng hòa, cha phải đưa ra những quan điểm đối lập hẳn với Reagan. Nhưng đưa ra những lời thóa mạ đối thủ không phải là cách làm của cha, nhất là đối thủ cùng là đảng viên Đảng Cộng hòa. Khẩu hiệu trong cuộc tranh cử của ông là “Một tổng thống không cần phải đào tạo lại” - như để nhắc rằng Thống đốc Reagan có rất ít trải nghiệm bên ngoài bang California. Cha thường xuyên chạy bộ để thể hiện sự trẻ trung và năng động của mình (và cũng để đốt cháy năng lượng của đồ ăn nhanh sau những buổi vận động khuya). Ông cũng thỉnh thoảng đề cập đến sự khác nhau giữa hai người trong các vấn đề chính sách, ông gọi kế hoạch cắt giảm thuế và cân bằng ngân sách của Reagan là “tà thuật kinh tế”.

Thời điểm khó khăn nhất đối với cha trong cuộc bầu chọn ứng viên của Đảng Cộng hòa năm 1980 xảy ra tại Texas vào nửa đầu của tháng 5. Đây là lần thứ ba trong sự nghiệp chính trị, cha phải vận động bầu cử tại bang quê hương ông. Nhưng Ronald Reagan có ảnh hưởng lớn tại Texas. Ông ta đã chiến thắng 100% số phiếu của các đại biểu trong đảng, đánh bại Gerald Ford năm 1976, và năm 1980, những cán bộ chủ chốt của Đảng Cộng hòa như Thống đốc Bill Clements đã quyết định ngôi ghé dự bị chứ không ra tranh cử. Như các cuộc vận động vào Thượng viện, cuộc bầu cử trong nội bộ đảng tại Texas đã khiến cha tôi thất vọng. Reagan giành được 53% phiếu bầu trong khi cha tôi chỉ được 46%.

Cha tôi vẫn tiếp tục cuộc tranh đấu. Ông giành chiến thắng ấn tượng ở Michigan vào cuối tháng 5. Tuy nhiên, Reagan cũng có cơ hội được chọn bởi một số lượng lớn các đại biểu tại bang quê nhà của ông ta ở California, điều này về cơ bản sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả chung cuộc. Nhưng George Bush không phải là một người dễ bỏ cuộc. Bản năng thúc giục ông phải thắng. Jimmy Baker có quan điểm khác. Ông khuyên cha tôi rút lui trước khi vấp phải những thiệt hại không thể khắc phục cho tương lai chính trị của cha.

Cuối cùng, cha cũng đã thực hiện lời khuyên từ người bạn của ông. Sau khi dành một ngày cuối tuần đáng nhớ tại ngôi nhà ở Houston, ông công bố rằng mình sẽ dừng cuộc tranh cử và ủng hộ cho Reagan. Ông đã có rất nhiều điều để tự hào. Một, hai năm trước, không ai nghĩ ông sẽ ra tranh cử. Thậm chí khi thất bại, cha cũng cho thấy tính cách hài hước của mình. Trong chuyến bay cuối cùng của cuộc vận động, ông đã bật bài hát của Kenny Rogers - Người

đánh bạc: “Bạn phải biết khi nào cần giữ, khi nào thì phải buông”. George Bush đã buông tay, nhưng ông vẫn sẽ không rời bỏ cuộc chơi.

Bảy tuần sau khi cuộc bầu cử đầu kết thúc, cha mẹ tôi đã tham dự Hội nghị Quốc gia Đảng Cộng hòa tại Detroit. Câu hỏi lớn nhất được đưa ra là ai sẽ là người tranh cử vào chức phó tổng thống cho Reagan. Tin đồn xoay quanh hội nghị là Reagan đang cân nhắc để đưa ra một loại hình “đồng tổng thống” bằng việc lựa chọn cựu Tổng thống Gerald Ford. Tôi không hiểu cách làm này. Sẽ không có một vị cựu tổng thống nào quay lại làm một phó tổng thống, và tôi cũng chưa được chứng kiến xem làm thế nào tổng thống đương nhiệm lại có thể chấp nhận chia sẻ quyền lực với người tiền nhiệm.

Laura và tôi không tham gia Hội nghị này. Thay vào đó, chúng tôi tới New York để gặp các nhà đầu tư để bàn về công ty khai thác và thăm dò dầu khí do tôi khai trương năm 1979.

Một người bạn ở New York mời chúng tôi đến ăn tối tại Câu lạc bộ 21. Gần cuối bữa ăn, người đầu bếp tiến đến và nói một cách hào hứng, “Ngài Bush, có một vài tin tức mà tôi nghĩ là ngài sẽ muốn xem”. Anh ta đẩy ra một chiếc ti vi xách tay, Laura và tôi ngỡ ngàng khi phát thanh viên Lesley Stahl của đài CBS công bố với khán giả cả nước rằng Ronald Reagan đã chọn George Bush làm người bạn cùng tranh cử. Chúng tôi nhanh chóng quay về khách sạn, tôi gọi điện cho cha để bày tỏ sự ngạc nhiên lẫn vui sướng và chúc mừng ông, ngay sau đó tôi đặt vé bay về Detroit.

Lựa chọn phó tổng thống là quyết định lớn đầu tiên của một ứng viên tổng thống. Không có gì đáng ngạc nhiên, tôi đã nghĩ rằng sự lựa chọn của Reagan là gửi đi những tín hiệu chính xác. Lựa chọn này đã mang lại cho ông một người bạn đồng hành có kiến thức lẫn kinh nghiệm về chính sách quốc tế, kinh nghiệm tại Washington, và có uy tín về lòng trung thành. Một lần nữa, nghề nghiệp chính trị dường như không còn hy vọng đã được hồi sinh.

Cuộc đua năm 1980 đã được chứng minh là một sự chuyển đổi trong bầu cử. Quốc gia đang phải gánh chịu hậu quả của nạn thất nghiệp, lạm phát, và các vấn đề về mức lãi suất. Việc Liên Xô đưa quân đến Afghanistan và Iran dẫn đến sự kiện rất nhiều nhân viên đại sứ quán Mỹ bị bắt làm con tin. Jimmy Carter không có giải pháp thỏa đáng cho sự buồn phiền và bất ổn của quốc gia. Người Mỹ đã sẵn sàng cho sự thay đổi, và Ronald Reagan hứa mang đến

sự thay đổi. Với sự lạc quan luôn hiện hữu và niềm tin vào đất nước, ông đã mang đến những tia hy vọng cho người Mỹ về một tương lai tốt đẹp hơn.

Vào ngày bầu cử, Ronald Reagan thắng ở 44 bang và giành 489 phiếu đại cử tri, số phiếu bầu lớn nhất mà chưa một ứng viên nào trước đây từng có được. Cha và mẹ tôi quay lại Washington, nơi George Bush sẽ trở thành Phó Tổng thống thứ 43 của nước Mỹ.

# Trong khoảnh khắc một nhịp tim

G

George và chính Bush trị của đã điều mình hướng qua rất cuộc nhiều sống tình kinh hoảng doanh bất thường. Mùa xuân năm 1977, một khoảng thời gian ngắn sau khi cha tôi rời khỏi CIA vào thời kỳ cuối của chính quyền Ford, cha mẹ tôi chạm trán với một thử thách mới: Sống một mình.

Cha mẹ tôi đã quay lại Houston ngay sau khi Jimmy Carter tuyên thệ nhậm chức. Họ mua một ngôi nhà tại đây, ngôi nhà thứ hai mươi lăm của họ sau ba mươi hai năm kết hôn. Con cái đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Cha mẹ tôi đã sử dụng thời gian của cuộc sống mới để liên lạc lại với bạn bè ở Texas và chăm sóc đứa cháu đầu tiên của họ, George Prescott Bush, con trai của em trai tôi, Jeb và vợ chú ấy, Columba. Họ đã tận hưởng thời gian nghỉ ngơi sau đấu trường chính trị. Mẹ tôi đã gọi khoảng thời gian này là “tuần trăng mật thứ hai”. Tuy nhiên, cha không tận hưởng sự thoải mái này lâu. Ông nhớ công việc. Và ông tin rằng mình có thể cống hiến hơn nữa. Như lời ông đã viết cho bạn của mình, Gerry Bemiss, “Tôi không muốn tiếp tục đắm chìm trong tiệc rượu của giới nhà giàu nữa. Vẫn còn quá nhiều thứ mà tôi cần phải học”.

Cha tôi không phải là người duy nhất trong gia đình có mong ước được cống hiến cho đất nước. Tại quê hương của chúng tôi ở Midland, tôi chuẩn bị bước vào đấu trường chính trị, nơi mà cha tôi vừa rời đi - và ông đang chuẩn bị trở lại theo cách hoành tráng hơn.

Suốt mười năm chỉ sống bằng tiền lương nhà nước, cộng với các chi phí nuôi nấng con ăn học, cha mẹ tôi đã phải chịu không ít gánh nặng tài chính. Năm 1977, chú của cha tôi, Herbie - một trong những người sáng lập ra Đội cảnh sát New York, người đã truyền cho tôi cảm hứng và mơ ước được sở hữu một đội bóng chày - đã qua đời ở tuổi bảy mươi hai. Vợ của ông, Mary, quyết định bán ngôi nhà ở Walker's Point. Căn biệt thự lớn bị tàn phá bởi một cơn bão vào mùa xuân năm trước, và bà không muốn chi tiền để sửa lại. Bà đã đồng ý lời đề nghị mua từ một người không phải trong gia đình. May mắn

thay, bà đồng ý bán cho cha tôi nếu cha trả bằng giá mà người khách kia đề nghị. Cha tôi vô cùng yêu quý Walker's Point, và ông rất khó chịu khi nghĩ đến việc nơi này sẽ không còn là nơi tụ họp truyền thống của cả gia đình - nơi ông đã từng “buông neo đón gió”. Tại thời điểm này, cha không có tiền để mua ngôi nhà đó. Ông đã xin cô của mình cho thêm thời gian để tiết kiệm tiền. Bà đồng ý, và cuối cùng ông đã mua được nó vào năm 1981.

Cha tôi không thích những dính dáng đến tiền bạc trong chính trị, nhưng ông vẫn luôn quan tâm đến thị trường kinh doanh của thế giới. Việc tham gia vào một vài hội đồng quản trị của các doanh nghiệp đã mang lại cho ông một cơ hội tham gia vào kinh doanh để tăng thêm thu nhập. Ông đã tiếp nhận một ghế trong hội đồng quản trị của công ty Eli Lilly, tập đoàn dầu khí Texasgulf, và công ty First International Bancshares tại Dallas. Ông cũng được nhận một lời mời quay lại kinh doanh dầu khí từ H. Ross Perot, một doanh nhân tại Dallas, người đã thành lập nên một công ty công nghệ hết sức thành công. Cha tôi cảm ơn lời mời từ Ross nhưng ông từ chối. Cha giải thích rằng ông không muốn thực hiện bất kỳ cam kết kinh tế lâu dài nào cả. Đây không phải lần cuối cùng George Bush nhận được yêu cầu từ Ross Perot.

Trong khi cha tôi đảm nhiệm thêm vai trò kinh doanh, thì chính trị và các dịch vụ công vẫn là niềm đam mê của ông. Một vài người bạn Texas đã khuyến khích ông tranh cử chức thống đốc bang năm 1978. Nhưng mối quan tâm của ông lúc đó lại đặt vào một nơi khác. Cha tôi đã làm trong nội các chính phủ trong suốt hai nhiệm kỳ tổng thống, và ông biết được làm cách nào để vượt qua những áp lực trong chính trị và chính sách. Mẹ tôi đã cố gắng hưởng thụ một cách thoải mái nhất cuộc sống yên bình của riêng hai người, vì bà đoán biết rằng tuần trăng mật thứ hai này sẽ rất ngắn ngủi. Cha tôi muốn quay lại với chính trị, và được chơi trên sân khấu lớn. Và họ đã sớm bắt đầu cuộc du ngoạn quanh đất nước, để bắt đầu tìm kiếm cơ hội cho chiến dịch tranh cử chức tổng thống.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Kinh doanh Harvard năm 1975, tôi quay lại Midland, Texas. Giống như thế hệ của cha, tôi cũng bị vùng đất Midland mê hoặc bởi môi trường kinh doanh và bị kích thích với tiềm năng dầu khí nơi đây. Trải nghiệm đầu tiên của tôi trong lĩnh vực kinh doanh dầu là làm nhân viên trên bờ. Công việc của tôi là kiểm tra số liệu kinh doanh, giao dịch quặng và trả thuế tài nguyên. Đôi khi tôi nhận được một phần nhỏ lợi nhuận từ

một hợp đồng. Tôi đã có một vài thành công nhỏ và lúc đó cuộc sống của tôi chưa cần nhiều tiền.

Tháng 6 năm 1977 - sinh nhật lần như ba mươi mốt của tôi, đó cũng là ngày Nghị sĩ Quốc hội đại diện cho Midland, ông George Mahon, tuyên bố nghỉ hưu sau bốn mươi bốn năm làm việc tại Hạ viện Hoa Kỳ. Tôi đã bị cuốn hút bởi viễn cảnh tranh cử vào chiếc ghế của Nghị sĩ Mahon. Tôi thích lĩnh vực chính trị, và cũng đã lĩnh hội được nhiều kinh nghiệm từ các chiến dịch tranh cử của cha trong các năm từ 1964 đến 1970, cũng như cuộc đua vào Thượng Nghị viện ở Florida (Edward Gurney là người chiến thắng) và tại Alabama (Red Blount là người thua cuộc). Tôi cảm thấy rất tự tin về chiến dịch lần này. Tôi tin rằng đất nước đã có một hướng đi sai lệch kể từ khi Jimmy Carter lãnh đạo, đặc biệt là về vấn đề các quy định năng lượng và chính sách thuế. Nền chính trị lúc này đã thực sự gặp phải những sai lầm khó giải quyết.

Cha tôi đã rất ngạc nhiên khi tôi nói rằng tôi đang cân nhắc về việc tham gia chiến dịch tranh cử vào Quốc hội. Ông khuyên tôi đi gặp một người bạn cũ của ông, cựu Thống đốc Allan Shivers để xin ông ấy cho tôi một vài lời khuyên về cuộc tranh cử. Shivers là một biểu tượng của lĩnh vực chính trị. Trong nhiều thập kỷ, ông đã nắm giữ kỷ lục liên tiếp trúng cử vào chính phủ Texas (cho đến người làm vị trí này trước tôi, Thống đốc Rick Perry, vượt lên ông để giành ghế). Khi tôi nói với Thống đốc Shivers về việc tôi đang cân nhắc tranh cử vào một ghế trong Quốc hội, đại diện cho quận 19, ông nhìn thẳng vào mắt tôi và nói rằng tôi sẽ không thắng. Một đảng viên dân chủ bảo thủ đã ngồi chiếc ghế này trong suốt bốn mươi bốn năm, và quận này được vẽ ra để dành cho Thượng sĩ nghị Đảng Dân chủ đến từ vùng nông thôn, ông Kent Hance.

Tôi cảm ơn vị thống đốc vì buổi gặp mặt và ra về lòng nặng trĩu lo âu. Có phải cha tôi biết trước những điều Shivers muốn nói? Nếu vậy, tại sao ông lại bảo tôi đến đây? Việc can thiệp vào quyết định cuộc sống của tôi không phải là phong cách của cha. Đối với quyết định to lớn này, ông muốn tôi phải suy nghĩ thật kỹ. Sau cùng, tôi đã nhận ra rằng việc cha giới thiệu Shivers cho tôi là để cảnh báo tôi rằng cuộc tranh cử sẽ rất khó khăn và tôi nên chuẩn bị tinh thần đón nhận sự thất vọng.

Dù sao tôi cũng đã tham gia tranh cử. Tôi đã có những ý nghĩ độc lập, hoặc như nhiều người biết, tôi bước đến mức quyết định phải dấn thân. Như tôi

mong đợi, khi tôi báo với cha rằng tôi đã quyết định tranh cử, cha đã hoàn toàn ủng hộ tôi.

Chiến dịch tranh cử vào Quốc hội của tôi có quy mô nhỏ. Hầu hết người tham gia là bạn bè, gia đình hoặc những tình nguyện viên. Em trai tôi, Neil, là quản lý chiến dịch. Người quản lý tài chính của cuộc vận động là Joe O'Neill, một người bạn thời thơ ấu của tôi - người đã tốt nghiệp Đại học Notre Dame và trường Kinh doanh Michigan, cũng đã phục vụ trong lực lượng quân đội đặc biệt của Mỹ, sau đó quay lại Midland làm việc trong lĩnh vực dầu khí. Một đêm hè năm 1977, Joe và vợ của anh, Jan, đã mời tôi đến dự một bữa tiệc nướng ở sân sau nhà họ. Họ nói với tôi là có người muốn gặp tôi: Đó là một người bạn tốt của Jan đến từ Midland, Laura Welch.

Tôi bị hạ gục trước vẻ đẹp của Laura. Cô ấy có đôi mắt màu xanh dương tuyệt đẹp và nụ cười tươi luôn tỏa sáng trước những câu nói đùa của tôi. Khi nói chuyện với nhau, chúng tôi nhận ra rất nhiều điểm tương đồng. Laura cũng lớn lên ở Midland cùng thời với tôi, và chúng tôi có một năm cùng học tại trường phổ thông San Jacinto. Thậm chí chúng tôi đã sống trong cùng một tòa nhà ở Houston sau khi tốt nghiệp đại học (cô ấy tốt nghiệp Đại học Nam Methodist tại Dallas, sau đó học bằng thạc sĩ ngành khoa học thư viện tại trường Đại học Texas). Cô ấy thông minh, quý phái, điềm tĩnh và cư xử tự nhiên. Điều này hoàn toàn không giống như khi George Bush gặp Barbaca Piere tại buổi khiêu vũ trong bữa tiệc Giáng sinh năm 1941. Không có ai nhảy điệu waltz trong sân sau nhà Joe và Jan; buổi hẹn thứ hai của chúng tôi là tại một buổi chơi golf. Giống như cha mẹ tôi, chúng tôi nhanh chóng yêu nhau. Cả hai đều đã ngoài ba mươi tuổi và đều đã sẵn sàng để ổn định cuộc sống. Chúng tôi kết hôn vài tháng sau đó.

Laura hiểu rằng cô ấy đã trở thành một thành viên trong gia đình chính trị. Cô ấy có ít đam mê với chính trị và thích chăm sóc gia đình hơn. Vì là con một trong gia đình, nên Laura rất vui mừng khi có thêm ba người anh trai và chị gái bên nhà chồng. Cô ấy nhanh chóng kết thân với cha mẹ tôi, và họ cũng đối xử với Laura như con gái của mình. Trong các mối quan hệ khác, Laura học được từ mẹ tôi trách nhiệm khi làm vợ của một đảng viên ra tranh cử. Cô ấy cũng là người tiếp sức cho chiến dịch tranh cử của tôi nhưng lại không muốn đứng vào vị trí ngôi sao. Tôi thích điều này ở cô ấy. Tôi không tìm kiếm một người vợ phải thật sự theo khuôn mẫu của một “người vợ chính trị”. Cô ấy

thậm chí đã thề rằng sẽ không bao giờ phát biểu gì về chính trị. Nhưng thật may, cô ấy đã phá vỡ lời thề này. Laura đã trở thành một người vận động rất hiệu quả trong chiến dịch tranh cử vào Quốc hội của tôi năm 1978 và các cuộc tranh cử mà tôi tham gia sau đó.

Người dẫn đầu cuộc bỏ phiếu trong Đảng Cộng hòa năm 1978, Jim Reese, ông là cựu Thị trưởng của vùng Odessa, đã thắng Mahon trong cuộc tranh cử năm 1976. Reese được một số người ủng hộ, bao gồm cả cựu Thống đốc California, ông Ronald Reagan. Tôi đã gặp vị thống đốc này tại một buổi biểu tình ở Jacksonville, Florida, trong thời gian tôi tranh cử vào thượng viện. Reagan là người tạo được ấn tượng mạnh mẽ. Ngoại hình cao lớn và điển trai khiến ông trông giống ngôi sao Hollywood, quả thực trước đây ông làm diễn viên. Ông có một bài diễn thuyết tuyệt hảo và gây sốc cho cử tri. Tôi không ngạc nhiên khi ông đánh bại Tổng thống Gerald Ford vào năm 1976 hay việc ông được cân nhắc là một ứng viên tiềm năng trong lần đề cử của Đảng Dân chủ năm 1980.

Sự thật là tôi đã khá thất vọng khi Thống đốc Reagan ủng hộ đối thủ của tôi. Khi tôi đề cập việc này với cha, ông ngay lập tức nói rằng, “Reagan sẽ gọi cho con nếu con chiến thắng vòng bầu cử trong nội bộ đảng”. Quả nhiên, khi tôi làm cho Jim Reese phải nếm mùi thất bại trong vòng đề cử của Đảng Cộng hòa, thì ngay hôm sau điện thoại của tôi đổ chuông. “George, tôi là Reagan”, ông nói. “Chúc mừng cậu vì đã chứng minh rằng tôi sai. Tôi chỉ muốn cho cậu biết tôi sẽ làm mọi thứ có thể để giúp cậu chiến thắng trong lần tranh cử này.” Tôi nói cảm ơn và gác máy với sự ấn tượng về lòng quảng đại của ông. Tôi đã không nhờ đến sự trợ giúp của ông. Tôi đã ngây thơ nghĩ rằng cử tri sẽ đánh giá cao việc tôi sẵn sàng tham gia cuộc vận động mà không cần mời Reagan hay cha tôi đến khi tôi đi gặp cử tri ở các quận.

Chiến dịch vận động tranh cử của tôi vào mùa hè và mùa thu năm 1978 rất khó khăn. Sau cuộc vận động đầu tiên, Laura và tôi đã rời khỏi ngôi nhà tại Midland và thuê một căn nhà khác tại Lubbock, thành phố lớn nhất trong khu vực tôi ra tranh cử. Tôi đã yêu cầu vị hôn thê mới cưới của mình rời khỏi nhà càng sớm càng tốt ngay sau khi kết hôn. Nhưng cô ấy vẫn chấp nhận thử thách. Khi chúng tôi thực hiện một chuyến du lịch ngắn tới Mexico sau lễ cưới, cô ấy đã suy nghĩ về chiến dịch tranh cử như một tuần trăng mật thực sự. Chúng tôi đã dành nhiều giờ để đi cùng nhau trên đường trường, lái xe qua các quận



trong khu vực bầu cử như các làng nhỏ ở Levelland, Plainview, và Brownfield. Vào ngày mùng 4 tháng 7, chúng tôi đã đi trên một chiếc xe tải màu trắng trong cuộc diễu hành của Đảng Cộng hòa ở phía nam của quận. Không ai vẫy chào chúng tôi - ít nhất là họ không dùng đủ năm ngón tay trên bàn tay để vẫy chúng tôi. Chắc chắn Laura không thể hình dung được tất cả những điều này sẽ xảy ra trong khi cô ấy chỉ chuẩn bị kế hoạch để trở thành thủ thư trong một thư viện công. Đối với tôi, cho dù như vậy thì cô ấy cũng đã đi ba phần tư quãng đường.

Vào đêm bầu cử, tôi chỉ được xuất hiện rất ít. Tôi đã chiến thắng ở quê hương Midland và một vài quận ở phía bắc. Nhưng đúng như Thống đốc Shivers dự đoán, quận này đã hoàn toàn tin tưởng để bầu cử cho Kent Hance. Anh ta đã nhấn mạnh nguồn gốc Texas của mình và miêu tả về tôi như một anh chàng một sách tốt nghiệp từ những trường thuộc nhóm tinh hoa Ivy League và không biết gì về Texas. Cuối cùng, anh ta đã thắng với 53% phiếu trong khi tôi chỉ được 47%.

Dù thua trong cuộc tranh cử này, nhưng bù lại tôi học được khá nhiều - về cuộc tranh cử, và về những đối tác luôn sát cánh bên mình. Và từ ví dụ của cha tôi, tôi biết cuộc sống vẫn tiếp diễn sau thất bại. Hiểu theo nhiều cách khác thì thua trong cuộc bầu cử này sẽ dẫn đến các thành công lớn hơn. Ngày hôm đó, đối thủ của tôi, Kent Hance, đã khiến mọi người có suy nghĩ rằng ông là chính trị gia duy nhất đã chiến thắng tôi. “Chính tôi đã gánh trọng trách đưa George W. Bush trở thành một tổng thống”, ông nói. “Nếu không thua tôi, anh ta giờ vẫn bị mắc kẹt với một chân trong Quốc hội.”

\* \* \*

Tôi không nhớ chính xác thời điểm khi cha nói với tôi rằng ông muốn tham gia tranh cử tổng thống. Nhưng có một điều chắc chắn rằng ông đã có ý định theo con đường này từ khi thành lập Quỹ dành cho Chính phủ Hạn chế 3 năm 1977, đó là một ủy ban chính trị cho phép ông gây quỹ khi bắt đầu thực hiện một công việc nào đó.

Có lẽ không cần phải mất công tìm hiểu cũng biết rằng George Bush phải đối mặt với cả núi việc khó khăn để được Đảng Cộng hòa đề cử. Không giống như các ứng viên tiềm năng khác, cha tôi không phải là một viên chức do dân bầu. Ông không có khu vực bầu cử và nhóm cử tri riêng. Các cuộc thăm dò

ban đầu về các ứng viên chức tổng thống cho thấy tên tuổi của ông không được biết đến nhiều để đưa vào kết quả thăm dò. Tên của ông cũng được liệt kê dưới dấu \* trong mục “các ứng cử viên khác”. Chiến dịch tranh cử sớm của ông cũng thuộc “câu lạc bộ đánh dấu \*”. George Bush đã vượt lên trong nhiều lần bị xếp thứ hạng thấp, vì vậy ông sẵn sàng vượt lên một lần nữa.

3 Một mô hình chính trị mà trong đó, các công dân có sức mạnh đáng kể trong việc định hình các quy định của pháp luật, còn quyền hạn của chính phủ bị hạn chế xuống mức tối thiểu.

Cuộc cạnh tranh để được Đảng Cộng hòa đề cử năm 1980 rất căng thẳng. Ngoài Thống đốc Reagan, cuộc cạnh tranh còn có cả Thượng nghị sĩ Bob Dole của bang Kansas, là cựu Chủ tịch của Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa và là người ra tranh cử chức vị phó tổng thống cùng với Tổng thống Gerald Ford năm 1976. Một ứng viên tổng thống khác là John Connally, cựu Thống đốc bang Texas, theo Đảng Dân chủ nhưng đã được Richard Nixon kêu gọi chuyển sang Đảng Cộng hòa để được bổ nhiệm trở thành Bộ trưởng Bộ Tài chính. Connally đi cùng xe với John F. Kennedy vào ngày ông bị ám sát tại Dallas, là người có sức thu hút lớn và sự ủng hộ mạnh mẽ từ ban quản trị của các doanh nghiệp Mỹ. Bị loại khỏi vòng này là Howard Baker, một Thượng Nghị sĩ đáng kính đến từ bang Tennessee, và hai Nghị sĩ Quốc hội đến từ Illinois, là John Anderson và Phil Crane.

Chủ tịch của quỹ dành cho chính phủ giới hạn là một người bạn thân của cha tôi đến từ Houston, James A. Baker III. Cha tôi và Jimmy Baker gặp nhau lần đầu tiên không lâu sau khi cha và mẹ rời khỏi Houston năm 1959. Trong khi cha tôi kinh doanh dầu ngoài khơi, thì Jimmy làm luật sư. Sau khi tốt nghiệp trường Princeton và Đại học Luật Texas, Jimmy là một chiến lược gia xuất sắc, một nhà đàm phán khéo léo, và là một người luôn có thể khiến cha tôi cười. Ông là một trong những người kể chuyện cười hay nhất mà tôi từng nghe (hầu hết các câu chuyện cười của ông không bị lặp lại). Ông và cha tôi có mối quan hệ bạn bè vì họ cùng chơi tennis khi ở Houston. Họ từng giành cúp vô địch trong giải đấu đôi nam.

Jimmy thậm chí còn thân thiết với cha mẹ tôi hơn từ khi vợ của ông, Mary, qua đời vì bệnh ung thư vú năm 1970. Cha mẹ tôi đã ở bên để an ủi người bạn của họ trong lúc đau buồn. Cha tôi đã nói về cái chết của em gái Robin của tôi có tác động thế nào tới công việc của ông ấy, và cũng hỏi ý kiến của

Jimmy về việc ông ấy có muốn dành nhiều thời gian hơn cho cuộc tranh cử của cha vào Thượng Nghị viện năm 1970 hay không. Jimmy đã đồng ý lời đề nghị này. Trong suốt quãng đời sau này của cha tôi, James Baker là người bạn mà cha tôi tin tưởng nhất và cũng là người cho cha tôi những lời khuyên bổ ích trong lĩnh vực chính trị - bao gồm cả cuộc tranh cử tổng thống năm 1980.

Một người bạn khác ở Houston có ảnh hưởng quan trọng với cha tôi trong lần tranh cử năm 1980 là Bob Mosbacher, người đã tình nguyện dẫn đầu trong nỗ lực gây quỹ cho cha tôi. Công việc của ông là kiếm đủ tiền để cha tôi đi tranh cử khắp đất nước và thành lập các văn phòng vận động cho cha tôi ở một vài bang chủ chốt trên nước Mỹ. Một trong những nhân viên đầu tiên được ông thuê là Karl Rove, một nhà chính trị hai mươi tám tuổi, lãnh đạo của những sinh viên theo Đảng Cộng hòa trong thời gian cha tôi làm việc ở Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa. Karl có vai trò quan trọng trong cuộc tranh cử của cha tôi và sau đó trở thành người bạn thân thiết, người cố vấn đáng tin cậy của tôi.

Đội của George Bush sẽ không hoàn chỉnh nếu thiếu Don Rhoders. Don gặp cha tôi lần đầu tiên vào năm 1964 khi tình nguyện giúp cha tranh cử vào Thượng viện. Don là một nhân viên bán hàng ở cửa hàng tiện lợi, ông thường tạp qua văn phòng tình nguyện viên khi kết thúc công việc ở cửa hàng. Ông rất vất vả dán phong bì và kiểm tra danh sách thư từ. Mới đầu, không có nhiều người coi trọng Don. Ông khác mọi người. Ông ít nói. Khi đã nói thì nói rất to, và bị lấp. Nhiều tình nguyện viên khác thương hại Don. Ít người nghĩ rằng ông có khả năng làm việc gì khác ngoài công việc tạp vụ.

Don không bao giờ nói về hoàn cảnh của mình, ngoại trừ một khía cạnh: Ông yêu thích đội bóng trường Texas A&M. Dần dần, câu chuyện về cuộc đời ông được nhiều người biết tới. Ông nói lấp vì là người khiếm thính. Ông vụng về vì những vấn đề trong gia đình. Một người bạn thời thơ ấu của Don sau này đã nói với chúng tôi rằng mẹ của Don là gái mại dâm và bà đã mất khi Don còn nhỏ, sau đó Don được gửi đến một trại trẻ mồ côi tại Houston.

Qua nhiều năm, Don Rhodes đã trở thành một trong số những người trung thành và đáng tin cậy nhất của cha tôi. Cha tôi đã tìm thấy một vài phẩm chất trong người bán hàng tạp hóa này mà người khác không nhận thấy: đó là một người cần có bạn bè, và cũng là một người có thể tin tưởng tuyệt đối. Cha tôi tin tưởng Don đến mức giao cho ông ta quản lý chi tiêu hàng ngày. Vì vậy sẽ

không phải là một điều lạ khi Don thường gọi điện cho các anh chị em của tôi để nhắc nhở việc trả hóa đơn hoặc kiểm tra thông tin từ tài khoản ngân hàng.

Một trong những kỷ niệm đáng nhớ nhất của tôi về Don là cuộc đình công khiến cho mùa giải bóng chày chính thức năm 1994 phải dừng lại. Don đã rất tức giận khi thề rằng ông sẽ không đi xem bất kỳ trận bóng chày nào trong vòng mười năm. Khi một sân chơi bóng chày mới tuyệt đẹp được mở ra tại Houston Astros năm 2000, cha tôi đã hỏi Don có muốn đi cùng tới dự lễ khánh thành sân bóng hay không. Dĩ nhiên, chỗ ngồi ở hàng ghế VIP. Don đã nhìn vào mắt cha tôi và nói: “Tôi đã nói với anh rằng tôi sẽ không đi xem đấu bóng trong mười năm, và bây giờ chưa hết mười năm”.

Khi Don qua đời vào năm 2011, cha tôi đã gọi Don là “người vị tha và biết quan tâm đến bạn bè nhất” mà ông từng biết. Đó là một lời khen tặng vinh danh Don. Sau đám tang, tro cốt của Don được lưu giữ tại khu mộ trong tương lai của cha mẹ tôi nằm ở khu Thờ viếng của Tổng thống George Bush. Đó là sự tôn vinh xứng đáng dành cho Don Rhodes. Ông đã không chỉ là một nhân viên, mà còn là một thành viên trong gia đình tôi.

Vào ngày mùng 1 tháng 5 năm 1979, cha tôi đã chính thức tuyên bố tranh cử tổng thống. Những giới hạn về quyền và sự hạn chế về số lượng nhân viên đã ảnh hưởng nhiều đến chiến lược của cha tôi trong vòng bầu cử sơ bộ. Năm 1976, Jimmy Carter đã đầu tư tất cả nguồn lực cho hai bang bầu cử sớm là Iowa và New Hampshire. Chiến thắng tại những nơi đó đã tạo tiền đề để ông tiến tới tất cả các đề cử sau này. Cha tôi cũng áp dụng chiến thuật tương tự như thế.

Giống như trong các cuộc chạy đua tranh cử trước đó, lần này George Bush phải giải quyết nhiều việc để vượt qua các đối thủ. Ông đã đi thăm 99 hạt thuộc bang Iowa, và quay trở lại một số nơi nhiều lần. George Bush xuất hiện trong chương trình giới thiệu về các món bánh trong các bữa ăn sáng, các hội chợ thương mại ở địa phương, các bữa tiệc tối của giới kinh doanh thương mại và uống cà phê cùng những người dân tại nhà của họ. Ông đã trả lời hàng trăm lá thư viết tay. Khoảng một tháng trước cuộc bỏ phiếu kín, ông đã tổ chức hàng tá sự kiện tranh cử. Ông nói về nền kinh tế đang có nhiều vấn đề, lạm phát gia tăng và sự suy giảm quyền lực của Mỹ ở nước ngoài. Thông điệp của cha là Jimmy Carter phải ra đi - và cha có đủ năng lực lẫn kinh nghiệm để thay thế ông ta.

Cha tôi không phải là người duy nhất làm việc chăm chỉ. Em trai tôi, Jeb, từ bỏ công việc trong một chi nhánh nước ngoài của ngân hàng Texas ở Venezuela, để dành toàn bộ thời gian vận động tranh cử cho cha tôi. Neil phụ trách cuộc vận động ở bang New Hampshire, và Marvin đã dành gần như cả năm để vận động tại bang Iowa. Doro ghi danh vào một lớp học đánh máy và tình nguyện tham gia cuộc vận động tại bang Massachusetts. Anh trai và chị gái của cha đều giúp đỡ hết mình. Còn mẹ tôi thì duy trì một lịch trình tranh cử bận rộn, nói chuyện trong các phòng khách và hội trường ở Iowa để thuyết phục cử tri nhận thấy George Bush là người thích hợp nhất với chiếc ghế tổng thống. Tình yêu của chúng tôi với cha rất lớn, đủ để cả gia đình chúng tôi cùng nhau dốc lòng giúp đỡ ông.

Tôi vận động tại bang Iowa trong những tuần cuối cùng trước cuộc bỏ phiếu trong đảng. Tôi đã đi tới từng góc phố trong khu vực phía đông bắc của bang với Nghị sĩ Tom Tauke. Chúng tôi đã gặp gỡ một số lãnh đạo tham dự cuộc bỏ phiếu kín và cố gắng thuyết phục đề họ bầu cho George Bush. Tôi yêu quý từng phút giây làm việc trong ngành “bán lẻ” chính trị này.

Ronald Reagan rõ ràng là người dẫn đầu trong cuộc bỏ phiếu kín trong đảng, nhưng cha tôi cũng đã nhận được sự ủng hộ từ những công dân Iowa đáng kính như cựu Chủ tịch Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa, Mary Louise Smith và Nghị sĩ Tauke. Quan trọng hơn, cha đã dành nhiều thời gian ở tại bang này hơn Reagan. Điều này rất quan trọng. Người dân Iowa đánh giá ứng viên nào quan tâm tới họ. Vào đêm diễn ra cuộc bỏ phiếu kín trong đảng, những nỗ lực hết mình của cha đã gặt được thành quả. Ông là người đầu tiên giành được hơn 30% trăm số phiếu bầu. Ứng viên trước đây bị xếp vào nhóm đầu \* ít ai để ý tới, giờ đã chiến thắng trong cuộc thi đấu chính thức đầu tiên của cuộc chạy đua vào ghế tổng thống.

Chiến thắng gây sốc lần này đã gây ra một làn sóng trên báo chí toàn quốc. Tên của George Bush xuất hiện trên những dòng tin trên truyền hình; hình ảnh của cha tràn ngập các mặt báo. Trong khi phấn khích vì sự thành công ở Iowa, cha tôi vẫn không hề tỏ ra khoe khoang. Tới bang New Hampshire, ông nói, “Chúng ta thậm chí sẽ làm tốt hơn nữa ở bang này”. Ông tiếp tục, “Sẽ không có gì có thể khiến tôi dừng lại”. Trong một bài báo đáng nhớ nhất về cha, ông tuyên bố rằng mình có một “Bệ phóng lớn” trong sự nghiệp. Điều đó đúng, nhưng nó không tồn tại lâu.

Khi nhìn lại, “Bệ phóng lớn” này thật ra lại là một cơ hội bị bỏ lỡ. Nhận được sự chú ý sau khi giành chiến thắng tại Iowa, cha đã có cơ hội để nhân mạnh tầm nhìn của mình cho người dân cả nước biết. Thay vào đó, cha lại bị vướng vào thế giới của ganh đua chính trị, cuối cùng ông để cho những người khác nói về mình nhiều hơn là tự ông nói. Tôi đã học được một bài học giá trị: Bất cứ khi nào bạn nói vào chiếc micro trong cuộc vận động chính trị, bạn nên sử dụng thời gian đó để nói về tầm nhìn trong tương lai của mình ( Dĩ nhiên, tôi không phải lúc nào cũng chú ý áp dụng điều này. Năm 2000, tôi chiến thắng tại bang Iowa và thua tại bang New Hampshire sau John McCain, một phần bởi vì tôi đã để ông ta nói về bản thân tôi).

So sánh với Iowa, New Hampshire dường như là một lãnh thổ thân thuộc hơn. Cha tôi sinh ra ở Massachusetts, là bang giáp ranh với New Hampshire, lớn lên ở gần đó, bang Connecticut, và thường đi nghỉ mát mùa hè ở bang Maine. Cha đã có một lực lượng đông đảo người ủng hộ tại bang New Hampshire của Thống đốc Hugh Gregg (Vài năm sau đó, con trai của ông, cũng là bạn thân của tôi, Judd Gregg, cũng làm Thống đốc, Thượng nghị sĩ, và cũng là Chủ tịch của Ủy ban vận động bầu cử cho tôi tại New Hampshire).

Mặc dù có lợi thế như ở quê hương, nhưng thái độ của người dân tại New Hampshire có nhiều điểm khác biệt so với Iowa. Các cử tri tại New Hampshire đều rất độc lập, và họ có truyền thống không bầu cho người nổi bật trong các chiến dịch tranh cử. Hình ảnh dẫn đầu cuộc tranh cử của cha cũng dẫn đến sự hoài nghi của báo chí. Trong một cuộc phỏng vấn mẹ tôi, Jane Pauley đã hỏi, “Thưa Phu nhân Bush, mọi người nói rằng chồng bà là một người đàn ông của thập kỷ tám mươi còn bà là người phụ nữ của thập kỷ bốn mươi. Phu nhân nghĩ gì về câu nói này?”. Mẹ tôi đã đáp trả câu hỏi nhạo báng này bằng một câu châm biếm: “Ồ, ý cô là mọi người nghĩ rằng tôi giống một phụ nữ bốn mươi tuổi ư?”. Cuộc sống của một người dẫn đầu trong cuộc tranh cử tổng thống thật không dễ dàng.

Khoảnh khắc quyết định ở New Hampshire đã đến trong một cuộc tranh luận diễn ra vào hai đêm trước cuộc bầu cử chính thức của đảng. Trong nỗ lực kịch tính hóa sự kiện này, ban tổ chức cuộc tranh luận đã quyết định chỉ mời hai ứng viên dẫn đầu, đó là Ronald Reagan và George Bush. Những người ủng hộ Reagan đã chọn kịch bản cho chương trình và trả tiền thuê phòng thảo

luận. Không ai tư vấn cho cha tôi phải nói gì, nhưng ông biết nắm bắt cơ hội để đối đầu trực tiếp với Reagan.

Theo một cách tự nhiên, các ứng viên khác đã khá tức giận khi họ không được mời. Họ đã quyết định phản đối việc không được mời bằng cách đến dự cuộc tranh luận và yêu cầu phải cho họ nói. Việc này sau đó đã trở nên khá rõ ràng rằng chính những người ủng hộ Reagan đã dàn xếp để các ứng viên khác xuất hiện, và sắp đặt tình thế chính trị: Họ muốn đặt George Bush vào thế bị động phải tự vệ trong cuộc tranh luận - và họ đã làm được.

Sau khi người dẫn chương trình, Jon Breen, của Tờ báo Nashua Telegraph, giới thiệu cha tôi và Reagan với khán giả, các ứng cử viên khác đã bước ra khỏi bức màn và đứng trên sân khấu một cách giận dữ. Reagan đã lý giải rằng nên cho phép họ tham gia tranh luận, nhưng người dẫn chương trình lại muốn thực hiện theo kế hoạch. Cha tôi ngồi trên chiếc ghế của mình và lúng túng trước những cảnh tượng đang diễn ra xung quanh. Bản năng của cha lúc này thể hiện rõ nhất. Luật là luật, và cha đã được nuôi dạy để tuân thủ các luật lệ lần nguyên tắc. Cộng với việc ông không muốn làm mất mặt Breen trên sóng truyền hình toàn quốc.

Ngược lại, Reagan không gặp trở ngại gì khi thể hiện mình là chủ nhà. Khi Breen nhắc nhở sẽ thu lại chiếc micro, Reagan đã quát lên rằng, “Chính tôi đã trả tiền để có chiếc micro này, ông Green”. Đám đông đã ầm ầm đồng ý với Reagan (Họ không hề quan tâm rằng tên của anh ta là Breen chứ không phải Green). Họ nhắc lại một câu của nhân vật Spencer Tracy trong bộ phim State of the Union, và vị cựu minh tinh màn bạc đã giành được một lượng lớn khán giả hâm mộ ông ta suốt nhiều năm. Sự im lặng của cha tôi khiến ông trông yếu đuối và làm các ứng viên khác tức giận hơn. Cuộc tranh luận đã kết thúc như một trận đấu một - một, nhưng khán giả chỉ nhớ câu chuyện tranh cãi về chiếc micro. Một tờ báo đã bình luận rằng cha tôi như “xương sống của loài sứa”. Bob Dole đã nói rằng George Bush “muốn trở thành vua” và so sánh hành động của ông với Gestapo - viên cảnh sát mật của chính quyền Đức quốc xã. Các ứng viên khác cũng đánh đồng như vậy.

Tôi đã rất đau lòng khi phải nghe những ứng viên sắp thua cuộc giáng đòn hội đồng vào cha. Nhìn lại thời điểm đó, cuộc tranh luận tại New Hampshire là lần đầu tiên tôi trải nghiệm nỗi đau mà chỉ những đứa con của các nhân vật của công chúng mới hiểu được. Tôi đã từng nghe về những chỉ trích mà cha

tôi phải chịu đựng tại cuộc vận động ở Texas và công việc của ông tại Washington. Nhưng cảm giác lần này rất khác. Sân khấu lớn hơn, phần việc phải gánh vác cũng nhiều hơn, và những lời công kích cũng mang tính cá nhân hơn. Tại sao người ta có thể buộc tội George Bush là người ích kỷ và không biết quan tâm tới người khác? Họ không biết gì về cuộc sống của ông. Điều đó làm tôi giận phát điên.

Nhiều năm sau, tôi đã phải trải qua cảm giác đó một lần nữa. Khi tôi trở thành tổng thống, mọi người thường hỏi làm thế nào tôi có thể đối diện với những lời chỉ trích. Câu trả lời là những lời lẽ tấn công tôi vẫn còn rất nhẹ nhàng nếu so sánh với những lời tôi đã nghe người khác chống lại người đàn ông mà tôi vô cùng yêu quý và ngưỡng mộ. Có một điều có thể khiến nổi đau vơi đi: Cha tôi dường như không bao giờ bận tâm đến việc bị công kích. Mặc cho nó có thể làm ông khó chịu hay có những lời cáo buộc không đúng sự thật được đưa ra, cha vẫn không hề phàn nàn hay bộc lộ sự thất vọng trước mặt gia đình. Nhìn lại sự kiện này, tôi có thể thấy rằng ông đã cố để gửi đến chúng tôi một thông điệp rằng: Sự chỉ trích không thể làm ảnh hưởng đến ông, vì vậy chúng tôi không nên để những điều đó ảnh hưởng đến mình. Tôi đã truyền đạt lại điều tương tự cho hai con gái tôi khi các con cảm thấy buồn vì những lời chỉ trích tôi khi tôi làm tổng thống.

Như mong đợi, cuộc bầu cử trong đảng tại New Hampshire đã không diễn ra suôn sẻ đối với George Bush. Ronald Reagan đã giành chiến thắng với khoảng cách biệt lớn, chiếm được 50% số phiếu bầu. Cha tôi đứng thứ hai với 23%. Bob Dole đã rút khỏi cuộc tranh cử ngay sau đó. John Connally, người đã hy vọng sẽ thắng ở bang Nam Carolina, cũng đã bỏ cuộc khi ông chỉ chiếm vị trí thứ hai cách xa Reagan tại vùng đất này. Vào giữa tháng Ba, cuộc lựa chọn ứng viên của Đảng Cộng hòa năm 1980 đã thật sự trở thành cuộc đua của hai ứng cử viên.

Thất bại ở New Hampshire và Nam Carolina khiến cha tôi rơi vào tình trạng yếu thế. Reagan có nhiều tiền hơn, tên tuổi của ông ta cũng được nhiều người biết đến hơn, và đến lượt ông ta là một ứng viên có “Bệ phóng lớn”. Bản năng cạnh tranh của cha tôi rất mạnh mẽ. Ông đã đấu tranh thực sự và giành chiến thắng. Cha đã thắng trong cuộc bầu cử chọn ứng viên của đảng ở các bang Massachusetts, Connecticut, và Pennsylvania. Để trở thành ứng viên của Đảng Cộng hòa, cha phải đưa ra những quan điểm đối lập hẳn với Reagan.



Nhưng đưa ra những lời thóa mạ đối thủ không phải là cách làm của cha, nhất là đối thủ cùng là đảng viên Đảng Cộng hòa. Khẩu hiệu trong cuộc tranh cử của ông là “Một tổng thống không cần phải đào tạo lại” - như để nhắc rằng Thống đốc Reagan có rất ít trải nghiệm bên ngoài bang California. Cha thường xuyên chạy bộ để thể hiện sự trẻ trung và năng động của mình (và cũng để đốt cháy năng lượng của đồ ăn nhanh sau những buổi vận động khuya). Ông cũng thỉnh thoảng đề cập đến sự khác nhau giữa hai người trong các vấn đề chính sách, ông gọi kế hoạch cắt giảm thuế và cân bằng ngân sách của Reagan là “tà thuật kinh tế”.

Thời điểm khó khăn nhất đối với cha trong cuộc bầu chọn ứng viên của Đảng Cộng hòa năm 1980 xảy ra tại Texas vào nửa đầu của tháng 5. Đây là lần thứ ba trong sự nghiệp chính trị, cha phải vận động bầu cử tại bang quê hương ông. Nhưng Ronald Reagan có ảnh hưởng lớn tại Texas. Ông ta đã chiến thắng 100% số phiếu của các đại biểu trong đảng, đánh bại Gerald Ford năm 1976, và năm 1980, những cán bộ chủ chốt của Đảng Cộng hòa như Thống đốc Bill Clements đã quyết định ngồi ghế dự bị chứ không ra tranh cử. Như các cuộc vận động vào Thượng viện, cuộc bầu cử trong nội bộ đảng tại Texas đã khiến cha tôi thất vọng. Reagan giành được 53% phiếu bầu trong khi cha tôi chỉ được 46%.

Cha tôi vẫn tiếp tục cuộc tranh đấu. Ông giành chiến thắng ấn tượng ở Michigan vào cuối tháng 5. Tuy nhiên, Reagan cũng có cơ hội được chọn bởi một số lượng lớn các đại biểu tại bang quê nhà của ông ta ở California, điều này về cơ bản sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả chung cuộc. Nhưng George Bush không phải là một người dễ bỏ cuộc. Bản năng thúc giục ông phải thắng. Jimmy Baker có quan điểm khác. Ông khuyên cha tôi rút lui trước khi vấp phải những thiệt hại không thể khắc phục cho tương lai chính trị của cha.

Cuối cùng, cha cũng đã thực hiện lời khuyên từ người bạn của ông. Sau khi dành một ngày cuối tuần đáng nhớ tại ngôi nhà ở Houston, ông công bố rằng mình sẽ dừng cuộc tranh cử và ủng hộ cho Reagan. Ông đã có rất nhiều điều để tự hào. Một, hai năm trước, không ai nghĩ ông sẽ ra tranh cử. Thậm chí khi thất bại, cha cũng cho thấy tính cách hài hước của mình. Trong chuyến bay cuối cùng của cuộc vận động, ông đã bật bài hát của Kenny Rogers - Người đánh bạc: “Bạn phải biết khi nào cần giữ, khi nào thì phải buông”. George Bush đã buông tay, nhưng ông vẫn sẽ không rời bỏ cuộc chơi.

Bảy tuần sau khi cuộc bầu cử đầu kết thúc, cha mẹ tôi đã tham dự Hội nghị Quốc gia Đảng Cộng hòa tại Detroit. Câu hỏi lớn nhất được đưa ra là ai sẽ là người tranh cử vào chức phó tổng thống cho Reagan. Tin đồn xoay quanh hội nghị là Reagan đang cân nhắc để đưa ra một loại hình “đồng tổng thống” bằng việc lựa chọn cựu Tổng thống Gerald Ford. Tôi không hiểu cách làm này. Sẽ không có một vị cựu tổng thống nào quay lại làm một phó tổng thống, và tôi cũng chưa được chứng kiến xem làm thế nào tổng thống đương nhiệm lại có thể chấp nhận chia sẻ quyền lực với người tiền nhiệm.

Laura và tôi không tham gia Hội nghị này. Thay vào đó, chúng tôi tới New York để gặp các nhà đầu tư để bàn về công ty khai thác và thăm dò dầu khí do tôi khai trương năm 1979.

Một người bạn ở New York mời chúng tôi đến ăn tối tại Câu lạc bộ 21. Gần cuối bữa ăn, người đầu bếp tiến đến và nói một cách hào hứng, “Ngài Bush, có một vài tin tức mà tôi nghĩ là ngài sẽ muốn xem”. Anh ta đẩy ra một chiếc ti vi xách tay, Laura và tôi ngỡ ngàng khi phát thanh viên Lesley Stahl của đài CBS công bố với khán giả cả nước rằng Ronald Reagan đã chọn George Bush làm người bạn cùng tranh cử. Chúng tôi nhanh chóng quay về khách sạn, tôi gọi điện cho cha để bày tỏ sự ngạc nhiên lẫn vui sướng và chúc mừng ông, ngay sau đó tôi đặt vé bay về Detroit.

Lựa chọn phó tổng thống là quyết định lớn đầu tiên của một ứng viên tổng thống. Không có gì đáng ngạc nhiên, tôi đã nghĩ rằng sự lựa chọn của Reagan là gửi đi những tín hiệu chính xác. Lựa chọn này đã mang lại cho ông một người bạn đồng hành có kiến thức lẫn kinh nghiệm về chính sách quốc tế, kinh nghiệm tại Washington, và có uy tiếng về lòng trung thành. Một lần nữa, nghề nghiệp chính trị dường như không còn hy vọng đã được hồi sinh.

Cuộc đua năm 1980 đã được chứng minh là một sự chuyển đổi trong bầu cử. Quốc gia đang phải gánh chịu hậu quả của nạn thất nghiệp, lạm phát, và các vấn đề về mức lãi suất. Việc Liên Xô đưa quân đến Afghanistan và Iran dẫn đến sự kiện rất nhiều nhân viên đại sứ quán Mỹ bị bắt làm con tin. Jimmy Carter không có giải pháp thỏa đáng cho sự buồn phiền và bất ổn của quốc gia. Người Mỹ đã sẵn sàng cho sự thay đổi, và Ronald Reagan hứa mang đến sự thay đổi. Với sự lạc quan luôn hiện hữu và niềm tin vào đất nước, ông đã mang đến những tia hy vọng cho người Mỹ về một tương lai tốt đẹp hơn.

Vào ngày bầu cử, Ronald Reagan thắng ở 44 bang và giành 489 phiếu đại cử tri, số phiếu bầu lớn nhất mà chưa một ứng viên nào trước đây từng có được. Cha và mẹ tôi quay lại Washington, nơi George Bush sẽ trở thành Phó Tổng thống thứ 43 của nước Mỹ.

# Đường tới nhà trắng

G

George và chính Bush trị của đã điều mình hướng qua rất cuộc nhiều sống tình kinh hoảng doanh bất thường. Mùa xuân năm 1977, một khoảng thời gian ngắn sau khi cha tôi rời khỏi CIA vào thời kỳ cuối của chính quyền Ford, cha mẹ tôi chạm trán với một thử thách mới: Sống một mình.

Cha mẹ tôi đã quay lại Houston ngay sau khi Jimmy Carter tuyên thệ nhậm chức. Họ mua một ngôi nhà tại đây, ngôi nhà thứ hai mươi lăm của họ sau ba mươi hai năm kết hôn. Con cái đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Cha mẹ tôi đã sử dụng thời gian của cuộc sống mới để liên lạc lại với bạn bè ở Texas và chăm sóc đứa cháu đầu tiên của họ, George Prescott Bush, con trai của em trai tôi, Jeb và vợ chú ấy, Columba. Họ đã tận hưởng thời gian nghỉ ngơi sau đấu trường chính trị. Mẹ tôi đã gọi khoảng thời gian này là “tuần trăng mật thứ hai”. Tuy nhiên, cha không tận hưởng sự thoải mái này lâu. Ông nhớ công việc. Và ông tin rằng mình có thể cống hiến hơn nữa. Như lời ông đã viết cho bạn của mình, Gerry Bemiss, “Tôi không muốn tiếp tục đắm chìm trong tiệc rượu của giới nhà giàu nữa. Vẫn còn quá nhiều thứ mà tôi cần phải học”.

Cha tôi không phải là người duy nhất trong gia đình có mong ước được cống hiến cho đất nước. Tại quê hương của chúng tôi ở Midland, tôi chuẩn bị bước vào đấu trường chính trị, nơi mà cha tôi vừa rời đi - và ông đang chuẩn bị trở lại theo cách hoành tráng hơn.

Suốt mười năm chỉ sống bằng tiền lương nhà nước, cộng với các chi phí nuôi nấng con ăn học, cha mẹ tôi đã phải chịu không ít gánh nặng tài chính. Năm 1977, chú của cha tôi, Herbie - một trong những người sáng lập ra Đội cảnh sát New York, người đã truyền cho tôi cảm hứng và mơ ước được sở hữu một đội bóng chày - đã qua đời ở tuổi bảy mươi hai. Vợ của ông, Mary, quyết định bán ngôi nhà ở Walker's Point. Căn biệt thự lớn bị tàn phá bởi một cơn bão vào mùa xuân năm trước, và bà không muốn chi tiền để sửa lại. Bà đã đồng ý lời đề nghị mua từ một người không phải trong gia đình. May mắn

thay, bà đồng ý bán cho cha tôi nếu cha trả bằng giá mà người khách kia đề nghị. Cha tôi vô cùng yêu quý Walker's Point, và ông rất khó chịu khi nghĩ đến việc nơi này sẽ không còn là nơi tụ họp truyền thống của cả gia đình - nơi ông đã từng “buông neo đón gió”. Tại thời điểm này, cha không có tiền để mua ngôi nhà đó. Ông đã xin cô của mình cho thêm thời gian để tiết kiệm tiền. Bà đồng ý, và cuối cùng ông đã mua được nó vào năm 1981.

Cha tôi không thích những dính dáng đến tiền bạc trong chính trị, nhưng ông vẫn luôn quan tâm đến thị trường kinh doanh của thế giới. Việc tham gia vào một vài hội đồng quản trị của các doanh nghiệp đã mang lại cho ông một cơ hội tham gia vào kinh doanh để tăng thêm thu nhập. Ông đã tiếp nhận một ghế trong hội đồng quản trị của công ty Eli Lilly, tập đoàn dầu khí Texasgulf, và công ty First International Bancshares tại Dallas. Ông cũng được nhận một lời mời quay lại kinh doanh dầu khí từ H. Ross Perot, một doanh nhân tại Dallas, người đã thành lập nên một công ty công nghệ hết sức thành công. Cha tôi cảm ơn lời mời từ Ross nhưng ông từ chối. Cha giải thích rằng ông không muốn thực hiện bất kỳ cam kết kinh tế lâu dài nào cả. Đây không phải lần cuối cùng George Bush nhận được yêu cầu từ Ross Perot.

Trong khi cha tôi đảm nhiệm thêm vai trò kinh doanh, thì chính trị và các dịch vụ công vẫn là niềm đam mê của ông. Một vài người bạn Texas đã khuyến khích ông tranh cử chức thống đốc bang năm 1978. Nhưng mối quan tâm của ông lúc đó lại đặt vào một nơi khác. Cha tôi đã làm trong nội các chính phủ trong suốt hai nhiệm kỳ tổng thống, và ông biết được làm cách nào để vượt qua những áp lực trong chính trị và chính sách. Mẹ tôi đã cố gắng hưởng thụ một cách thoải mái nhất cuộc sống yên bình của riêng hai người, vì bà đoán biết rằng tuần trăng mật thứ hai này sẽ rất ngắn ngủi. Cha tôi muốn quay lại với chính trị, và được chơi trên sân khấu lớn. Và họ đã sớm bắt đầu cuộc du ngoạn quanh đất nước, để bắt đầu tìm kiếm cơ hội cho chiến dịch tranh cử chức tổng thống.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Kinh doanh Harvard năm 1975, tôi quay lại Midland, Texas. Giống như thế hệ của cha, tôi cũng bị vùng đất Midland mê hoặc bởi môi trường kinh doanh và bị kích thích với tiềm năng dầu khí nơi đây. Trải nghiệm đầu tiên của tôi trong lĩnh vực kinh doanh dầu là làm nhân viên trên bờ. Công việc của tôi là kiểm tra số liệu kinh doanh, giao dịch quặng và trả thuế tài nguyên. Đôi khi tôi nhận được một phần nhỏ lợi nhuận từ

một hợp đồng. Tôi đã có một vài thành công nhỏ và lúc đó cuộc sống của tôi chưa cần nhiều tiền.

Tháng 6 năm 1977 - sinh nhật lần như ba mươi mốt của tôi, đó cũng là ngày Nghị sĩ Quốc hội đại diện cho Midland, ông George Mahon, tuyên bố nghỉ hưu sau bốn mươi bốn năm làm việc tại Hạ viện Hoa Kỳ. Tôi đã bị cuốn hút bởi viễn cảnh tranh cử vào chiếc ghế của Nghị sĩ Mahon. Tôi thích lĩnh vực chính trị, và cũng đã lĩnh hội được nhiều kinh nghiệm từ các chiến dịch tranh cử của cha trong các năm từ 1964 đến 1970, cũng như cuộc đua vào Thượng Nghị viện ở Florida (Edward Gurney là người chiến thắng) và tại Alabama (Red Blount là người thua cuộc). Tôi cảm thấy rất tự tin về chiến dịch lần này. Tôi tin rằng đất nước đã có một hướng đi sai lệch kể từ khi Jimmy Carter lãnh đạo, đặc biệt là về vấn đề các quy định năng lượng và chính sách thuế. Nền chính trị lúc này đã thực sự gặp phải những sai lầm khó giải quyết.

Cha tôi đã rất ngạc nhiên khi tôi nói rằng tôi đang cân nhắc về việc tham gia chiến dịch tranh cử vào Quốc hội. Ông khuyên tôi đi gặp một người bạn cũ của ông, cựu Thống đốc Allan Shivers để xin ông ấy cho tôi một vài lời khuyên về cuộc tranh cử. Shivers là một biểu tượng của lĩnh vực chính trị. Trong nhiều thập kỷ, ông đã nắm giữ kỷ lục liên tiếp trúng cử vào chính phủ Texas (cho đến người làm vị trí này trước tôi, Thống đốc Rick Perry, vượt lên ông để giành ghế). Khi tôi nói với Thống đốc Shivers về việc tôi đang cân nhắc tranh cử vào một ghế trong Quốc hội, đại diện cho quận 19, ông nhìn thẳng vào mắt tôi và nói rằng tôi sẽ không thắng. Một đảng viên dân chủ bảo thủ đã ngồi chiếc ghế này trong suốt bốn mươi bốn năm, và quận này được vẽ ra để dành cho Thượng sĩ nghị Đảng Dân chủ đến từ vùng nông thôn, ông Kent Hance.

Tôi cảm ơn vị thống đốc vì buổi gặp mặt và ra về lòng nặng trĩu lo âu. Có phải cha tôi biết trước những điều Shivers muốn nói? Nếu vậy, tại sao ông lại bảo tôi đến đây? Việc can thiệp vào quyết định cuộc sống của tôi không phải là phong cách của cha. Đối với quyết định to lớn này, ông muốn tôi phải suy nghĩ thật kỹ. Sau cùng, tôi đã nhận ra rằng việc cha giới thiệu Shivers cho tôi là để cảnh báo tôi rằng cuộc tranh cử sẽ rất khó khăn và tôi nên chuẩn bị tinh thần đón nhận sự thất vọng.

Dù sao tôi cũng đã tham gia tranh cử. Tôi đã có những ý nghĩ độc lập, hoặc như nhiều người biết, tôi bước đến mức quyết định phải dần thân. Như tôi

mong đợi, khi tôi báo với cha rằng tôi đã quyết định tranh cử, cha đã hoàn toàn ủng hộ tôi.

Chiến dịch tranh cử vào Quốc hội của tôi có quy mô nhỏ. Hầu hết người tham gia là bạn bè, gia đình hoặc những tình nguyện viên. Em trai tôi, Neil, là quản lý chiến dịch. Người quản lý tài chính của cuộc vận động là Joe O'Neill, một người bạn thời thơ ấu của tôi - người đã tốt nghiệp Đại học Notre Dame và trường Kinh doanh Michigan, cũng đã phục vụ trong lực lượng quân đội đặc biệt của Mỹ, sau đó quay lại Midland làm việc trong lĩnh vực dầu khí. Một đêm hè năm 1977, Joe và vợ của anh, Jan, đã mời tôi đến dự một bữa tiệc nướng ở sân sau nhà họ. Họ nói với tôi là có người muốn gặp tôi: Đó là một người bạn tốt của Jan đến từ Midland, Laura Welch.

Tôi bị hạ gục trước vẻ đẹp của Laura. Cô ấy có đôi mắt màu xanh dương tuyệt đẹp và nụ cười tươi luôn tỏa sáng trước những câu nói đùa của tôi. Khi nói chuyện với nhau, chúng tôi nhận ra rất nhiều điểm tương đồng. Laura cũng lớn lên ở Midland cùng thời với tôi, và chúng tôi có một năm cùng học tại trường phổ thông San Jacinto. Thậm chí chúng tôi đã sống trong cùng một tòa nhà ở Houston sau khi tốt nghiệp đại học (cô ấy tốt nghiệp Đại học Nam Methodist tại Dallas, sau đó học bằng thạc sĩ ngành khoa học thư viện tại trường Đại học Texas). Cô ấy thông minh, quý phái, điềm tĩnh và cư xử tự nhiên. Điều này hoàn toàn không giống như khi George Bush gặp Barbaca Piere tại buổi khiêu vũ trong bữa tiệc Giáng sinh năm 1941. Không có ai nhảy điệu waltz trong sân sau nhà Joe và Jan; buổi hẹn thứ hai của chúng tôi là tại một buổi chơi golf. Giống như cha mẹ tôi, chúng tôi nhanh chóng yêu nhau. Cả hai đều đã ngoài ba mươi tuổi và đều đã sẵn sàng để ổn định cuộc sống. Chúng tôi kết hôn vài tháng sau đó.

Laura hiểu rằng cô ấy đã trở thành một thành viên trong gia đình chính trị. Cô ấy có ít đam mê với chính trị và thích chăm sóc gia đình hơn. Vì là con một trong gia đình, nên Laura rất vui mừng khi có thêm ba người anh trai và chị gái bên nhà chồng. Cô ấy nhanh chóng kết thân với cha mẹ tôi, và họ cũng đối xử với Laura như con gái của mình. Trong các mối quan hệ khác, Laura học được từ mẹ tôi trách nhiệm khi làm vợ của một đảng viên ra tranh cử. Cô ấy cũng là người tiếp sức cho chiến dịch tranh cử của tôi nhưng lại không muốn đứng vào vị trí ngôi sao. Tôi thích điều này ở cô ấy. Tôi không tìm kiếm một người vợ phải thật sự theo khuôn mẫu của một “người vợ chính trị”. Cô ấy

thậm chí đã thề rằng sẽ không bao giờ phát biểu gì về chính trị. Nhưng thật may, cô ấy đã phá vỡ lời thề này. Laura đã trở thành một người vận động rất hiệu quả trong chiến dịch tranh cử vào Quốc hội của tôi năm 1978 và các cuộc tranh cử mà tôi tham gia sau đó.

Người dẫn đầu cuộc bỏ phiếu trong Đảng Cộng hòa năm 1978, Jim Reese, ông là cựu Thị trưởng của vùng Odessa, đã thắng Mahon trong cuộc tranh cử năm 1976. Reese được một số người ủng hộ, bao gồm cả cựu Thống đốc California, ông Ronald Reagan. Tôi đã gặp vị thống đốc này tại một buổi biểu tình ở Jacksonville, Florida, trong thời gian tôi tranh cử vào thượng viện. Reagan là người tạo được ấn tượng mạnh mẽ. Ngoại hình cao lớn và điển trai khiến ông trông giống ngôi sao Hollywood, quả thực trước đây ông làm diễn viên. Ông có một bài diễn thuyết tuyệt hảo và gây sốc cho cử tri. Tôi không ngạc nhiên khi ông đánh bại Tổng thống Gerald Ford vào năm 1976 hay việc ông được cân nhắc là một ứng viên tiềm năng trong lần đề cử của Đảng Dân chủ năm 1980.

Sự thật là tôi đã khá thất vọng khi Thống đốc Reagan ủng hộ đối thủ của tôi. Khi tôi đề cập việc này với cha, ông ngay lập tức nói rằng, “Reagan sẽ gọi cho con nếu con chiến thắng vòng bầu cử trong nội bộ đảng”. Quả nhiên, khi tôi làm cho Jim Reese phải nếm mùi thất bại trong vòng đề cử của Đảng Cộng hòa, thì ngay hôm sau điện thoại của tôi đổ chuông. “George, tôi là Reagan”, ông nói. “Chúc mừng cậu vì đã chứng minh rằng tôi sai. Tôi chỉ muốn cho cậu biết tôi sẽ làm mọi thứ có thể để giúp cậu chiến thắng trong lần tranh cử này.” Tôi nói cảm ơn và gác máy với sự ấn tượng về lòng quảng đại của ông. Tôi đã không nhờ đến sự trợ giúp của ông. Tôi đã ngây thơ nghĩ rằng cử tri sẽ đánh giá cao việc tôi sẵn sàng tham gia cuộc vận động mà không cần mời Reagan hay cha tôi đến khi tôi đi gặp cử tri ở các quận.

Chiến dịch vận động tranh cử của tôi vào mùa hè và mùa thu năm 1978 rất khó khăn. Sau cuộc vận động đầu tiên, Laura và tôi đã rời khỏi ngôi nhà tại Midland và thuê một căn nhà khác tại Lubbock, thành phố lớn nhất trong khu vực tôi ra tranh cử. Tôi đã yêu cầu vị hôn thê mới cưới của mình rời khỏi nhà càng sớm càng tốt ngay sau khi kết hôn. Nhưng cô ấy vẫn chấp nhận thử thách. Khi chúng tôi thực hiện một chuyến du lịch ngắn tới Mexico sau lễ cưới, cô ấy đã suy nghĩ về chiến dịch tranh cử như một tuần trăng mật thực sự. Chúng tôi đã dành nhiều giờ để đi cùng nhau trên đường trường, lái xe qua các quận



trong khu vực bầu cử như các làng nhỏ ở Levelland, Plainview, và Brownfield. Vào ngày mùng 4 tháng 7, chúng tôi đã đi trên một chiếc xe tải màu trắng trong cuộc diễu hành của Đảng Cộng hòa ở phía nam của quận. Không ai vẫy chào chúng tôi - ít nhất là họ không dùng đủ năm ngón tay trên bàn tay để vẫy chúng tôi. Chắc chắn Laura không thể hình dung được tất cả những điều này sẽ xảy ra trong khi cô ấy chỉ chuẩn bị kế hoạch để trở thành thủ thư trong một thư viện công. Đối với tôi, cho dù như vậy thì cô ấy cũng đã đi ba phần tư quãng đường.

Vào đêm bầu cử, tôi chỉ được xuất hiện rất ít. Tôi đã chiến thắng ở quê hương Midland và một vài quận ở phía bắc. Nhưng đúng như Thống đốc Shivers dự đoán, quận này đã hoàn toàn tin tưởng để bầu cử cho Kent Hance. Anh ta đã nhấn mạnh nguồn gốc Texas của mình và miêu tả về tôi như một anh chàng một sách tốt nghiệp từ những trường thuộc nhóm tinh hoa Ivy League và không biết gì về Texas. Cuối cùng, anh ta đã thắng với 53% phiếu trong khi tôi chỉ được 47%.

Dù thua trong cuộc tranh cử này, nhưng bù lại tôi học được khá nhiều - về cuộc tranh cử, và về những đối tác luôn sát cánh bên mình. Và từ ví dụ của cha tôi, tôi biết cuộc sống vẫn tiếp diễn sau thất bại. Hiểu theo nhiều cách khác thì thua trong cuộc bầu cử này sẽ dẫn đến các thành công lớn hơn. Ngày hôm đó, đối thủ của tôi, Kent Hance, đã khiến mọi người có suy nghĩ rằng ông là chính trị gia duy nhất đã chiến thắng tôi. “Chính tôi đã gánh trọng trách đưa George W. Bush trở thành một tổng thống”, ông nói. “Nếu không thua tôi, anh ta giờ vẫn bị mắc kẹt với một chân trong Quốc hội.”

\* \* \*

Tôi không nhớ chính xác thời điểm khi cha nói với tôi rằng ông muốn tham gia tranh cử tổng thống. Nhưng có một điều chắc chắn rằng ông đã có ý định theo con đường này từ khi thành lập Quỹ dành cho Chính phủ Hạn chế 3 năm 1977, đó là một ủy ban chính trị cho phép ông gây quỹ khi bắt đầu thực hiện một công việc nào đó.

Có lẽ không cần phải mất công tìm hiểu cũng biết rằng George Bush phải đối mặt với cả núi việc khó khăn để được Đảng Cộng hòa đề cử. Không giống như các ứng viên tiềm năng khác, cha tôi không phải là một viên chức do dân bầu. Ông không có khu vực bầu cử và nhóm cử tri riêng. Các cuộc thăm dò

ban đầu về các ứng viên chức tổng thống cho thấy tên tuổi của ông không được biết đến nhiều để đưa vào kết quả thăm dò. Tên của ông cũng được liệt kê dưới dấu \* trong mục “các ứng cử viên khác”. Chiến dịch tranh cử sớm của ông cũng thuộc “câu lạc bộ đánh dấu \*”. George Bush đã vượt lên trong nhiều lần bị xếp thứ hạng thấp, vì vậy ông sẵn sàng vượt lên một lần nữa.

3 Một mô hình chính trị mà trong đó, các công dân có sức mạnh đáng kể trong việc định hình các quy định của pháp luật, còn quyền hạn của chính phủ bị hạn chế xuống mức tối thiểu.

Cuộc cạnh tranh để được Đảng Cộng hòa đề cử năm 1980 rất căng thẳng. Ngoài Thống đốc Reagan, cuộc cạnh tranh còn có cả Thượng nghị sĩ Bob Dole của bang Kansas, là cựu Chủ tịch của Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa và là người ra tranh cử chức vị phó tổng thống cùng với Tổng thống Gerald Ford năm 1976. Một ứng viên tổng thống khác là John Connally, cựu Thống đốc bang Texas, theo Đảng Dân chủ nhưng đã được Richard Nixon kêu gọi chuyển sang Đảng Cộng hòa để được bổ nhiệm trở thành Bộ trưởng Bộ Tài chính. Connally đi cùng xe với John F. Kennedy vào ngày ông bị ám sát tại Dallas, là người có sức thu hút lớn và sự ủng hộ mạnh mẽ từ ban quản trị của các doanh nghiệp Mỹ. Bị loại khỏi vòng này là Howard Baker, một Thượng Nghị sĩ đáng kính đến từ bang Tennessee, và hai Nghị sĩ Quốc hội đến từ Illinois, là John Anderson và Phil Crane.

Chủ tịch của quỹ dành cho chính phủ giới hạn là một người bạn thân của cha tôi đến từ Houston, James A. Baker III. Cha tôi và Jimmy Baker gặp nhau lần đầu tiên không lâu sau khi cha và mẹ rời khỏi Houston năm 1959. Trong khi cha tôi kinh doanh dầu ngoài khơi, thì Jimmy làm luật sư. Sau khi tốt nghiệp trường Princeton và Đại học Luật Texas, Jimmy là một chiến lược gia xuất sắc, một nhà đàm phán khéo léo, và là một người luôn có thể khiến cha tôi cười. Ông là một trong những người kể chuyện cười hay nhất mà tôi từng nghe (hầu hết các câu chuyện cười của ông không bị lặp lại). Ông và cha tôi có mối quan hệ bạn bè vì họ cùng chơi tennis khi ở Houston. Họ từng giành cúp vô địch trong giải đấu đôi nam.

Jimmy thậm chí còn thân thiết với cha mẹ tôi hơn từ khi vợ của ông, Mary, qua đời vì bệnh ung thư vú năm 1970. Cha mẹ tôi đã ở bên để an ủi người bạn của họ trong lúc đau buồn. Cha tôi đã nói về cái chết của em gái Robin của tôi có tác động thế nào tới công việc của ông ấy, và cũng hỏi ý kiến của

Jimmy về việc ông ấy có muốn dành nhiều thời gian hơn cho cuộc tranh cử của cha vào Thượng Nghị viện năm 1970 hay không. Jimmy đã đồng ý lời đề nghị này. Trong suốt quãng đời sau này của cha tôi, James Baker là người bạn mà cha tôi tin tưởng nhất và cũng là người cho cha tôi những lời khuyên bổ ích trong lĩnh vực chính trị - bao gồm cả cuộc tranh cử tổng thống năm 1980.

Một người bạn khác ở Houston có ảnh hưởng quan trọng với cha tôi trong lần tranh cử năm 1980 là Bob Mosbacher, người đã tình nguyện dẫn đầu trong nỗ lực gây quỹ cho cha tôi. Công việc của ông là kiếm đủ tiền để cha tôi đi tranh cử khắp đất nước và thành lập các văn phòng vận động cho cha tôi ở một vài bang chủ chốt trên nước Mỹ. Một trong những nhân viên đầu tiên được ông thuê là Karl Rove, một nhà chính trị hai mươi tám tuổi, lãnh đạo của những sinh viên theo Đảng Cộng hòa trong thời gian cha tôi làm việc ở Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa. Karl có vai trò quan trọng trong cuộc tranh cử của cha tôi và sau đó trở thành người bạn thân thiết, người cố vấn đáng tin cậy của tôi.

Đội của George Bush sẽ không hoàn chỉnh nếu thiếu Don Rhoders. Don gặp cha tôi lần đầu tiên vào năm 1964 khi tình nguyện giúp cha tranh cử vào Thượng viện. Don là một nhân viên bán hàng ở cửa hàng tiện lợi, ông thường tạp qua văn phòng tình nguyện viên khi kết thúc công việc ở cửa hàng. Ông rất vất vả dán phong bì và kiểm tra danh sách thư từ. Mới đầu, không có nhiều người coi trọng Don. Ông khác mọi người. Ông ít nói. Khi đã nói thì nói rất to, và bị lấp. Nhiều tình nguyện viên khác thương hại Don. Ít người nghĩ rằng ông có khả năng làm việc gì khác ngoài công việc tạp vụ.

Don không bao giờ nói về hoàn cảnh của mình, ngoại trừ một khía cạnh: Ông yêu thích đội bóng trường Texas A&M. Dần dần, câu chuyện về cuộc đời ông được nhiều người biết tới. Ông nói lấp vì là người khiếm thính. Ông vụng về vì những vấn đề trong gia đình. Một người bạn thời thơ ấu của Don sau này đã nói với chúng tôi rằng mẹ của Don là gái mại dâm và bà đã mất khi Don còn nhỏ, sau đó Don được gửi đến một trại trẻ mồ côi tại Houston.

Qua nhiều năm, Don Rhodes đã trở thành một trong số những người trung thành và đáng tin cậy nhất của cha tôi. Cha tôi đã tìm thấy một vài phẩm chất trong người bán hàng tạp hóa này mà người khác không nhận thấy: đó là một người cần có bạn bè, và cũng là một người có thể tin tưởng tuyệt đối. Cha tôi tin tưởng Don đến mức giao cho ông ta quản lý chi tiêu hàng ngày. Vì vậy sẽ

không phải là một điều lạ khi Don thường gọi điện cho các anh chị em của tôi để nhắc nhở việc trả hóa đơn hoặc kiểm tra thông tin từ tài khoản ngân hàng.

Một trong những kỷ niệm đáng nhớ nhất của tôi về Don là cuộc đình công khiến cho mùa giải bóng chày chính thức năm 1994 phải dừng lại. Don đã rất tức giận khi thề rằng ông sẽ không đi xem bất kỳ trận bóng chày nào trong vòng mười năm. Khi một sân chơi bóng chày mới tuyệt đẹp được mở ra tại Houston Astros năm 2000, cha tôi đã hỏi Don có muốn đi cùng tới dự lễ khánh thành sân bóng hay không. Dĩ nhiên, chỗ ngồi ở hàng ghế VIP. Don đã nhìn vào mắt cha tôi và nói: “Tôi đã nói với anh rằng tôi sẽ không đi xem đấu bóng trong mười năm, và bây giờ chưa hết mười năm”.

Khi Don qua đời vào năm 2011, cha tôi đã gọi Don là “người vị tha và biết quan tâm đến bạn bè nhất” mà ông từng biết. Đó là một lời khen tặng vinh danh Don. Sau đám tang, tro cốt của Don được lưu giữ tại khu mộ trong tương lai của cha mẹ tôi nằm ở khu Thờ viếng của Tổng thống George Bush. Đó là sự tôn vinh xứng đáng dành cho Don Rhodes. Ông đã không chỉ là một nhân viên, mà còn là một thành viên trong gia đình tôi.

Vào ngày mùng 1 tháng 5 năm 1979, cha tôi đã chính thức tuyên bố tranh cử tổng thống. Những giới hạn về quyền và sự hạn chế về số lượng nhân viên đã ảnh hưởng nhiều đến chiến lược của cha tôi trong vòng bầu cử sơ bộ. Năm 1976, Jimmy Carter đã đầu tư tất cả nguồn lực cho hai bang bầu cử sớm là Iowa và New Hampshire. Chiến thắng tại những nơi đó đã tạo tiền đề để ông tiến tới tất cả các đề cử sau này. Cha tôi cũng áp dụng chiến thuật tương tự như thế.

Giống như trong các cuộc chạy đua tranh cử trước đó, lần này George Bush phải giải quyết nhiều việc để vượt qua các đối thủ. Ông đã đi thăm 99 hạt thuộc bang Iowa, và quay trở lại một số nơi nhiều lần. George Bush xuất hiện trong chương trình giới thiệu về các món bánh trong các bữa ăn sáng, các hội chợ thương mại ở địa phương, các bữa tiệc tối của giới kinh doanh thương mại và uống cà phê cùng những người dân tại nhà của họ. Ông đã trả lời hàng trăm lá thư viết tay. Khoảng một tháng trước cuộc bỏ phiếu kín, ông đã tổ chức hàng tá sự kiện tranh cử. Ông nói về nền kinh tế đang có nhiều vấn đề, lạm phát gia tăng và sự suy giảm quyền lực của Mỹ ở nước ngoài. Thông điệp của cha là Jimmy Carter phải ra đi - và cha có đủ năng lực lẫn kinh nghiệm để thay thế ông ta.

Cha tôi không phải là người duy nhất làm việc chăm chỉ. Em trai tôi, Jeb, từ bỏ công việc trong một chi nhánh nước ngoài của ngân hàng Texas ở Venezuela, để dành toàn bộ thời gian vận động tranh cử cho cha tôi. Neil phụ trách cuộc vận động ở bang New Hampshire, và Marvin đã dành gần như cả năm để vận động tại bang Iowa. Doro ghi danh vào một lớp học đánh máy và tình nguyện tham gia cuộc vận động tại bang Massachusetts. Anh trai và chị gái của cha đều giúp đỡ hết mình. Còn mẹ tôi thì duy trì một lịch trình tranh cử bận rộn, nói chuyện trong các phòng khách và hội trường ở Iowa để thuyết phục cử tri nhận thấy George Bush là người thích hợp nhất với chiếc ghế tổng thống. Tình yêu của chúng tôi với cha rất lớn, đủ để cả gia đình chúng tôi cùng nhau dốc lòng giúp đỡ ông.

Tôi vận động tại bang Iowa trong những tuần cuối cùng trước cuộc bỏ phiếu trong đảng. Tôi đã đi tới từng góc phố trong khu vực phía đông bắc của bang với Nghị sĩ Tom Tauke. Chúng tôi đã gặp gỡ một số lãnh đạo tham dự cuộc bỏ phiếu kín và cố gắng thuyết phục đề họ bầu cho George Bush. Tôi yêu quý từng phút giây làm việc trong ngành “bán lẻ” chính trị này.

Ronald Reagan rõ ràng là người dẫn đầu trong cuộc bỏ phiếu kín trong đảng, nhưng cha tôi cũng đã nhận được sự ủng hộ từ những công dân Iowa đáng kính như cựu Chủ tịch Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hòa, Mary Louise Smith và Nghị sĩ Tauke. Quan trọng hơn, cha đã dành nhiều thời gian ở tại bang này hơn Reagan. Điều này rất quan trọng. Người dân Iowa đánh giá ứng viên nào quan tâm tới họ. Vào đêm diễn ra cuộc bỏ phiếu kín trong đảng, những nỗ lực hết mình của cha đã gặt được thành quả. Ông là người đầu tiên giành được hơn 30% trăm số phiếu bầu. Ứng viên trước đây bị xếp vào nhóm đầu \* ít ai để ý tới, giờ đã chiến thắng trong cuộc thi đấu chính thức đầu tiên của cuộc chạy đua vào ghế tổng thống.

Chiến thắng gây sốc lần này đã gây ra một làn sóng trên báo chí toàn quốc. Tên của George Bush xuất hiện trên những dòng tin trên truyền hình; hình ảnh của cha tràn ngập các mặt báo. Trong khi phấn khích vì sự thành công ở Iowa, cha tôi vẫn không hề tỏ ra khoe khoang. Tới bang New Hampshire, ông nói, “Chúng ta thậm chí sẽ làm tốt hơn nữa ở bang này”. Ông tiếp tục, “Sẽ không có gì có thể khiến tôi dừng lại”. Trong một bài báo đáng nhớ nhất về cha, ông tuyên bố rằng mình có một “Bệ phóng lớn” trong sự nghiệp. Điều đó đúng, nhưng nó không tồn tại lâu.

Khi nhìn lại, “Bệ phóng lớn” này thật ra lại là một cơ hội bị bỏ lỡ. Nhận được sự chú ý sau khi giành chiến thắng tại Iowa, cha đã có cơ hội để nhân mạnh tầm nhìn của mình cho người dân cả nước biết. Thay vào đó, cha lại bị vướng vào thế giới của ganh đua chính trị, cuối cùng ông để cho những người khác nói về mình nhiều hơn là tự ông nói. Tôi đã học được một bài học giá trị: Bất cứ khi nào bạn nói vào chiếc micro trong cuộc vận động chính trị, bạn nên sử dụng thời gian đó để nói về tầm nhìn trong tương lai của mình ( Dĩ nhiên, tôi không phải lúc nào cũng chú ý áp dụng điều này. Năm 2000, tôi chiến thắng tại bang Iowa và thua tại bang New Hampshire sau John McCain, một phần bởi vì tôi đã để ông ta nói về bản thân tôi).

So sánh với Iowa, New Hampshire dường như là một lãnh thổ thân thuộc hơn. Cha tôi sinh ra ở Massachusetts, là bang giáp ranh với New Hampshire, lớn lên ở gần đó, bang Connecticut, và thường đi nghỉ mát mùa hè ở bang Maine. Cha đã có một lực lượng đông đảo người ủng hộ tại bang New Hampshire của Thống đốc Hugh Gregg (Vài năm sau đó, con trai của ông, cũng là bạn thân của tôi, Judd Gregg, cũng làm Thống đốc, Thượng nghị sĩ, và cũng là Chủ tịch của Ủy ban vận động bầu cử cho tôi tại New Hampshire).

Mặc dù có lợi thế như ở quê hương, nhưng thái độ của người dân tại New Hampshire có nhiều điểm khác biệt so với Iowa. Các cử tri tại New Hampshire đều rất độc lập, và họ có truyền thống không bầu cho người nổi bật trong các chiến dịch tranh cử. Hình ảnh dẫn đầu cuộc tranh cử của cha cũng dẫn đến sự hoài nghi của báo chí. Trong một cuộc phỏng vấn mẹ tôi, Jane Pauley đã hỏi, “Thưa Phu nhân Bush, mọi người nói rằng chồng bà là một người đàn ông của thập kỷ tám mươi còn bà là người phụ nữ của thập kỷ bốn mươi. Phu nhân nghĩ gì về câu nói này?”. Mẹ tôi đã đáp trả câu hỏi nhạo báng này bằng một câu châm biếm: “Ồ, ý cô là mọi người nghĩ rằng tôi giống một phụ nữ bốn mươi tuổi ư?”. Cuộc sống của một người dẫn đầu trong cuộc tranh cử tổng thống thật không dễ dàng.

Khoảnh khắc quyết định ở New Hampshire đã đến trong một cuộc tranh luận diễn ra vào hai đêm trước cuộc bầu cử chính thức của đảng. Trong nỗ lực kịch tính hóa sự kiện này, ban tổ chức cuộc tranh luận đã quyết định chỉ mời hai ứng viên dẫn đầu, đó là Ronald Reagan và George Bush. Những người ủng hộ Reagan đã chọn kịch bản cho chương trình và trả tiền thuê phòng thảo

luận. Không ai tư vấn cho cha tôi phải nói gì, nhưng ông biết nắm bắt cơ hội để đối đầu trực tiếp với Reagan.

Theo một cách tự nhiên, các ứng viên khác đã khá tức giận khi họ không được mời. Họ đã quyết định phản đối việc không được mời bằng cách đến dự cuộc tranh luận và yêu cầu phải cho họ nói. Việc này sau đó đã trở nên khá rõ ràng rằng chính những người ủng hộ Reagan đã dàn xếp để các ứng viên khác xuất hiện, và sắp đặt tình thế chính trị: Họ muốn đặt George Bush vào thế bị động phải tự vệ trong cuộc tranh luận - và họ đã làm được.

Sau khi người dẫn chương trình, Jon Breen, của Tờ báo Nashua Telegraph, giới thiệu cha tôi và Reagan với khán giả, các ứng cử viên khác đã bước ra khỏi bức màn và đứng trên sân khấu một cách giận dữ. Reagan đã lý giải rằng nên cho phép họ tham gia tranh luận, nhưng người dẫn chương trình lại muốn thực hiện theo kế hoạch. Cha tôi ngồi trên chiếc ghế của mình và lúng túng trước những cảnh tượng đang diễn ra xung quanh. Bản năng của cha lúc này thể hiện rõ nhất. Luật là luật, và cha đã được nuôi dạy để tuân thủ các luật lệ lần nguyên tắc. Cộng với việc ông không muốn làm mất mặt Breen trên sóng truyền hình toàn quốc.

Ngược lại, Reagan không gặp trở ngại gì khi thể hiện mình là chủ nhà. Khi Breen nhắc nhở sẽ thu lại chiếc micro, Reagan đã quát lên rằng, “Chính tôi đã trả tiền để có chiếc micro này, ông Green”. Đám đông đã ầm ầm đồng ý với Reagan (Họ không hề quan tâm rằng tên của anh ta là Breen chứ không phải Green). Họ nhắc lại một câu của nhân vật Spencer Tracy trong bộ phim State of the Union, và vị cựu minh tinh màn bạc đã giành được một lượng lớn khán giả hâm mộ ông ta suốt nhiều năm. Sự im lặng của cha tôi khiến ông trông yếu đuối và làm các ứng viên khác tức giận hơn. Cuộc tranh luận đã kết thúc như một trận đấu một - một, nhưng khán giả chỉ nhớ câu chuyện tranh cãi về chiếc micro. Một tờ báo đã bình luận rằng cha tôi như “xương sống của loài sứa”. Bob Dole đã nói rằng George Bush “muốn trở thành vua” và so sánh hành động của ông với Gestapo - viên cảnh sát mật của chính quyền Đức quốc xã. Các ứng viên khác cũng đánh đồng như vậy.

Tôi đã rất đau lòng khi phải nghe những ứng viên sắp thua cuộc giáng đòn hội đồng vào cha. Nhìn lại thời điểm đó, cuộc tranh luận tại New Hampshire là lần đầu tiên tôi trải nghiệm nỗi đau mà chỉ những đứa con của các nhân vật của công chúng mới hiểu được. Tôi đã từng nghe về những chỉ trích mà cha

tôi phải chịu đựng tại cuộc vận động ở Texas và công việc của ông tại Washington. Nhưng cảm giác lần này rất khác. Sân khấu lớn hơn, phần việc phải gánh vác cũng nhiều hơn, và những lời công kích cũng mang tính cá nhân hơn. Tại sao người ta có thể buộc tội George Bush là người ích kỷ và không biết quan tâm tới người khác? Họ không biết gì về cuộc sống của ông. Điều đó làm tôi giận phát điên.

Nhiều năm sau, tôi đã phải trải qua cảm giác đó một lần nữa. Khi tôi trở thành tổng thống, mọi người thường hỏi làm thế nào tôi có thể đối diện với những lời chỉ trích. Câu trả lời là những lời lẽ tấn công tôi vẫn còn rất nhẹ nhàng nếu so sánh với những lời tôi đã nghe người khác chống lại người đàn ông mà tôi vô cùng yêu quý và ngưỡng mộ. Có một điều có thể khiến nổi đau vơi đi: Cha tôi dường như không bao giờ bận tâm đến việc bị công kích. Mặc cho nó có thể làm ông khó chịu hay có những lời cáo buộc không đúng sự thật được đưa ra, cha vẫn không hề phàn nàn hay bộc lộ sự thất vọng trước mặt gia đình. Nhìn lại sự kiện này, tôi có thể thấy rằng ông đã cố để gửi đến chúng tôi một thông điệp rằng: Sự chỉ trích không thể làm ảnh hưởng đến ông, vì vậy chúng tôi không nên để những điều đó ảnh hưởng đến mình. Tôi đã truyền đạt lại điều tương tự cho hai con gái tôi khi các con cảm thấy buồn vì những lời chỉ trích tôi khi tôi làm tổng thống.

Như mong đợi, cuộc bầu cử trong đảng tại New Hampshire đã không diễn ra suôn sẻ đối với George Bush. Ronald Reagan đã giành chiến thắng với khoảng cách biệt lớn, chiếm được 50% số phiếu bầu. Cha tôi đứng thứ hai với 23%. Bob Dole đã rút khỏi cuộc tranh cử ngay sau đó. John Connally, người đã hy vọng sẽ thắng ở bang Nam Carolina, cũng đã bỏ cuộc khi ông chỉ chiếm vị trí thứ hai cách xa Reagan tại vùng đất này. Vào giữa tháng Ba, cuộc lựa chọn ứng viên của Đảng Cộng hòa năm 1980 đã thật sự trở thành cuộc đua của hai ứng cử viên.

Thất bại ở New Hampshire và Nam Carolina khiến cha tôi rơi vào tình trạng yếu thế. Reagan có nhiều tiền hơn, tên tuổi của ông ta cũng được nhiều người biết đến hơn, và đến lượt ông ta là một ứng viên có “Bệ phóng lớn”. Bản năng cạnh tranh của cha tôi rất mạnh mẽ. Ông đã đấu tranh thực sự và giành chiến thắng. Cha đã thắng trong cuộc bầu cử chọn ứng viên của đảng ở các bang Massachusetts, Connecticut, và Pennsylvania. Để trở thành ứng viên của Đảng Cộng hòa, cha phải đưa ra những quan điểm đối lập hẳn với Reagan.



Nhưng đưa ra những lời thóa mạ đối thủ không phải là cách làm của cha, nhất là đối thủ cùng là đảng viên Đảng Cộng hòa. Khẩu hiệu trong cuộc tranh cử của ông là “Một tổng thống không cần phải đào tạo lại” - như để nhắc rằng Thống đốc Reagan có rất ít trải nghiệm bên ngoài bang California. Cha thường xuyên chạy bộ để thể hiện sự trẻ trung và năng động của mình (và cũng để đốt cháy năng lượng của đồ ăn nhanh sau những buổi vận động khuya). Ông cũng thỉnh thoảng đề cập đến sự khác nhau giữa hai người trong các vấn đề chính sách, ông gọi kế hoạch cắt giảm thuế và cân bằng ngân sách của Reagan là “tà thuật kinh tế”.

Thời điểm khó khăn nhất đối với cha trong cuộc bầu chọn ứng viên của Đảng Cộng hòa năm 1980 xảy ra tại Texas vào nửa đầu của tháng 5. Đây là lần thứ ba trong sự nghiệp chính trị, cha phải vận động bầu cử tại bang quê hương ông. Nhưng Ronald Reagan có ảnh hưởng lớn tại Texas. Ông ta đã chiến thắng 100% số phiếu của các đại biểu trong đảng, đánh bại Gerald Ford năm 1976, và năm 1980, những cán bộ chủ chốt của Đảng Cộng hòa như Thống đốc Bill Clements đã quyết định ngồi ghế dự bị chứ không ra tranh cử. Như các cuộc vận động vào Thượng viện, cuộc bầu cử trong nội bộ đảng tại Texas đã khiến cha tôi thất vọng. Reagan giành được 53% phiếu bầu trong khi cha tôi chỉ được 46%.

Cha tôi vẫn tiếp tục cuộc tranh đấu. Ông giành chiến thắng ấn tượng ở Michigan vào cuối tháng 5. Tuy nhiên, Reagan cũng có cơ hội được chọn bởi một số lượng lớn các đại biểu tại bang quê nhà của ông ta ở California, điều này về cơ bản sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả chung cuộc. Nhưng George Bush không phải là một người dễ bỏ cuộc. Bản năng thúc giục ông phải thắng. Jimmy Baker có quan điểm khác. Ông khuyên cha tôi rút lui trước khi vấp phải những thiệt hại không thể khắc phục cho tương lai chính trị của cha.

Cuối cùng, cha cũng đã thực hiện lời khuyên từ người bạn của ông. Sau khi dành một ngày cuối tuần đáng nhớ tại ngôi nhà ở Houston, ông công bố rằng mình sẽ dừng cuộc tranh cử và ủng hộ cho Reagan. Ông đã có rất nhiều điều để tự hào. Một, hai năm trước, không ai nghĩ ông sẽ ra tranh cử. Thậm chí khi thất bại, cha cũng cho thấy tính cách hài hước của mình. Trong chuyến bay cuối cùng của cuộc vận động, ông đã bật bài hát của Kenny Rogers - Người đánh bạc: “Bạn phải biết khi nào cần giữ, khi nào thì phải buông”. George Bush đã buông tay, nhưng ông vẫn sẽ không rời bỏ cuộc chơi.

Bảy tuần sau khi cuộc bầu cử đầu kết thúc, cha mẹ tôi đã tham dự Hội nghị Quốc gia Đảng Cộng hòa tại Detroit. Câu hỏi lớn nhất được đưa ra là ai sẽ là người tranh cử vào chức phó tổng thống cho Reagan. Tin đồn xoay quanh hội nghị là Reagan đang cân nhắc để đưa ra một loại hình “đồng tổng thống” bằng việc lựa chọn cựu Tổng thống Gerald Ford. Tôi không hiểu cách làm này. Sẽ không có một vị cựu tổng thống nào quay lại làm một phó tổng thống, và tôi cũng chưa được chứng kiến xem làm thế nào tổng thống đương nhiệm lại có thể chấp nhận chia sẻ quyền lực với người tiền nhiệm.

Laura và tôi không tham gia Hội nghị này. Thay vào đó, chúng tôi tới New York để gặp các nhà đầu tư để bàn về công ty khai thác và thăm dò dầu khí do tôi khai trương năm 1979.

Một người bạn ở New York mời chúng tôi đến ăn tối tại Câu lạc bộ 21. Gần cuối bữa ăn, người đầu bếp tiến đến và nói một cách hào hứng, “Ngài Bush, có một vài tin tức mà tôi nghĩ là ngài sẽ muốn xem”. Anh ta đẩy ra một chiếc ti vi xách tay, Laura và tôi ngỡ ngàng khi phát thanh viên Lesley Stahl của đài CBS công bố với khán giả cả nước rằng Ronald Reagan đã chọn George Bush làm người bạn cùng tranh cử. Chúng tôi nhanh chóng quay về khách sạn, tôi gọi điện cho cha để bày tỏ sự ngạc nhiên lẫn vui sướng và chúc mừng ông, ngay sau đó tôi đặt vé bay về Detroit.

Lựa chọn phó tổng thống là quyết định lớn đầu tiên của một ứng viên tổng thống. Không có gì đáng ngạc nhiên, tôi đã nghĩ rằng sự lựa chọn của Reagan là gửi đi những tín hiệu chính xác. Lựa chọn này đã mang lại cho ông một người bạn đồng hành có kiến thức lẫn kinh nghiệm về chính sách quốc tế, kinh nghiệm tại Washington, và có uy tín về lòng trung thành. Một lần nữa, nghề nghiệp chính trị dường như không còn hy vọng đã được hồi sinh.

Cuộc đua năm 1980 đã được chứng minh là một sự chuyển đổi trong bầu cử. Quốc gia đang phải gánh chịu hậu quả của nạn thất nghiệp, lạm phát, và các vấn đề về mức lãi suất. Việc Liên Xô đưa quân đến Afghanistan và Iran dẫn đến sự kiện rất nhiều nhân viên đại sứ quán Mỹ bị bắt làm con tin. Jimmy Carter không có giải pháp thỏa đáng cho sự buồn phiền và bất ổn của quốc gia. Người Mỹ đã sẵn sàng cho sự thay đổi, và Ronald Reagan hứa mang đến sự thay đổi. Với sự lạc quan luôn hiện hữu và niềm tin vào đất nước, ông đã mang đến những tia hy vọng cho người Mỹ về một tương lai tốt đẹp hơn.

Vào ngày bầu cử, Ronald Reagan thắng ở 44 bang và giành 489 phiếu đại cử tri, số phiếu bầu lớn nhất mà chưa một ứng viên nào trước đây từng có được. Cha và mẹ tôi quay lại Washington, nơi George Bush sẽ trở thành Phó Tổng thống thứ 43 của nước Mỹ.

# Tổng thống thứ 41

S

Cha chính hai phủ thập và kỹ đồng làm hành việc cùng ở vị công trí cấp việc cao của trong Tổng thống Reagan tại Nhà Trắng suốt tám năm, George Bush hiểu rõ trọng trách của một tổng thống. Vì thế ông không mất nhiều thời gian khi mới bắt đầu công việc. Một ngày sau cuộc bầu cử, ông đã công bố đề cử James A. Baker làm Ngoại trưởng Mỹ. Ngay sau đó, ông đã bổ nhiệm John Sununu trở thành Chánh văn phòng Nhà Trắng. Tiếp theo, ông bổ nhiệm Brent Scowcroft làm Cố vấn An ninh Quốc gia. Brent Scowcroft là một đại tướng tinh nhuệ từng làm việc trong lực lượng Không quân, và từng giữ chức Cố vấn An ninh Quốc gia dưới thời Tổng thống Ford (Cho tới nay, Scowcroft vẫn là người duy nhất làm tại vị trí này trong hai nhiệm kỳ tổng thống).

Cha đã tận dụng các chuyến công cán như một cơ hội để tiếp tục quảng bá tầm nhìn phát triển đất nước. Ông đã giải quyết các vấn đề khác nhau từ kinh tế cho đến Chiến tranh Lạnh bằng việc đưa ra những nội dung mệnh lệnh. Hiệu suất làm việc của cha đã gây ấn tượng cho cả những nhà báo từng đánh giá thấp về ông trong thời gian ông làm phó tổng thống.

Một phát thanh viên truyền hình đã miêu tả cha trong cương vị mới như “nhân vật Clark Kent biến hình thành Siêu nhân”.

Một ngày sau cuộc bầu cử, cha và mẹ đã mời gia đình chúng tôi cùng đi lễ tại nhà thờ Thánh Martin ở Houston. Cha mẹ giao cho tôi dẫn đầu gia đình cùng cầu nguyện. “Xin Chúa hãy chỉ đường và bảo vệ chúng con trong các cuộc hành trình - đặc biệt xin Ngài soi rọi đường đi của cha và mẹ con”, tôi nói. “Chúng con cầu nguyện rằng cuộc sống của chúng con sẽ được soi sáng bởi Ngài, bằng việc ghi nhớ câu nói của David: “Xin hãy để điều con nói và điều con có trong trái tim được Người chấp nhận, ơn Chúa”. Khi tôi bước trở lại băng ghế, vị tổng thống mới đắc cử vẫn khiêm nhường tiếp tục cầu nguyện.

Khoảnh khắc đó đã thể hiện đức tin thầm lặng của cha tôi. Ông là một người sùng đạo, nhưng không thấy thoải mái khi thể hiện đức tin chỗ đông người.

Tôi ít hạn chế điều đó hơn. Tại cuộc tranh luận giữa các ứng cử viên tổng thống của Đảng Cộng hòa vào cuối năm 1999, người dẫn chương trình đã hỏi các ứng viên rằng nhà triết học nào chúng tôi tâm đắc nhất. Tôi trả lời: “Chúa Giê-su, bởi Ngài đã thay đổi trái tim tôi”. Đó không phải là câu trả lời được chuẩn bị trước, tôi chỉ buột miệng nói ra sự thật. Cha đã gọi điện cho tôi ngay sau khi kết thúc buổi tranh luận, như ông vẫn thường làm. “Làm tốt lắm, con trai”, ông nói. Chúng tôi đã thảo luận một chút về các khoảnh khắc máu chột. Sau đó ông nói, “Cha không nghĩ rằng câu trả lời Chúa sẽ làm ảnh hưởng đến con quá nhiều”.

Có lẽ suy nghĩ đầu tiên của cha là những lời bình phẩm về câu trả lời của tôi sẽ làm tổn thương tôi. Phản ứng này đã phản ánh sự ngần ngại của cha khi làm bất cứ điều gì có thể được hiểu là sự áp đặt tôn giáo cho người khác. Trong suy nghĩ sâu kín, khoảnh khắc đó và cách giải quyết của cha đã nhắc tôi nhớ về một câu Kinh Thánh yêu thích của các chính trị gia (trích từ cuốn sách của Matthew): “Tại sao con cứ mãi nhìn vào mảnh bụi nhỏ trong mắt anh em của con, mà không chú ý đến những cái dằm đang đâm vào mắt con?”.

Cha và mẹ đã rất hào phóng khi mời Laura và tôi bay đến Washington cùng họ sau ngày bầu cử. Tôi hoảng sợ khi biết Barbara và Jenna đã nghịch giấy làm tắc nhà vệ sinh trên chiếc chuyên cơ Không lực số 2. Tới tận hôm nay, mẹ bọn trẻ vẫn truy hỏi liệu có phải chúng cố tình nghịch ngợm. Nhưng thật may, dường như không ai để ý đến điều đó. Tất cả mọi người vẫn sống trong niềm hân hoan chiến thắng của cha tôi.

Gia đình chúng tôi tổ chức kỷ niệm lễ Giáng sinh năm đó tại dinh thự của phó tổng thống, đó là lần cuối cùng chúng tôi cùng nhau trải qua lễ kỷ niệm tại ngôi nhà tuyết vời này trên căn cứ của Đài quan sát Hải quân. Cha đã trải qua tuần đầu tiên từ khi nhậm chức tổng thống, và ông vẫn chưa có biểu hiện căng thẳng. Có một kỷ niệm đầy kịch tính duy nhất mà tôi nhớ là trò chơi ném móng ngựa giữa đội cha và tôi với đội một phụ tá Hải quân và George Plimpton, biên tập viên tạp chí thể thao Sports Illustrated. Plimpton dẫn đầu khi mới chơi. Nhưng sau đó cha tôi đã ném chiếc móng ngựa để giành chiến thắng cuối cùng. “Lội ngược dòng ngoạn mục”, Plimpton cảm thán. Sau đó anh ta đã viết một bài báo về trải nghiệm thi đấu với cha, con người dồi dào năng lượng, hài hước, và đầy nhiệt huyết. Đó cũng là những điểm tôi yêu thích nhất trong tiểu sử của George Bush.

Buổi sáng Chủ nhật nắng đẹp ngày 20 tháng 1 năm 1989, cả gia đình chúng tôi xuất hiện trên sân khấu của lễ nhậm chức. Bill Graham đọc diễn văn chào mừng, và Alvy Powell cùng dàn hợp xướng quân đội hát quốc ca Mỹ “The Star - Spangled Banner”. Một ít phút sau buổi trưa, cha bước lên khán đài để tuyên thệ. Mẹ tôi giữ cuốn Kinh Thánh, đó chính là cuốn Kinh Thánh mà George Washington từng sử dụng để tuyên thệ nhậm chức khoảng hai trăm năm trước, năm 1789. Tổng chưởng lý William Rehnquist đề nghị cha giơ cánh tay phải lên để nhắc lại lời thề. Khi chứng kiến cảnh cha tuyên thệ, tôi cảm thấy như có một làn sóng tự hào dâng tràn, cùng với nỗi lo âu về những gì sẽ diễn ra.

Nhưng có lẽ tiết mục thú vị nhất trong ngày hôm đó chính là sinh nhật tám mươi bảy tuổi của Dorothy Walker Bush. Bà tôi yếu đến mức đã phải đến Washington trên một chuyến bay chở đầy bác sĩ và y tá. Không gì có thể ngăn cản bà chứng kiến khoảnh khắc này. Điều nuối tiếc duy nhất của bà là ông, người đã vô cùng tự hào về con trai mình, lại không thể có mặt để chia sẻ niềm hạnh phúc này. Cha đã hỏi bà về các buổi lễ nhậm chức mà bà từng tham gia trong hơn sáu mươi năm qua. “Dĩ nhiên đây là lần tuyệt vời nhất”, bà nói, “bởi vì mẹ được ngồi tại đây, nắm tay con trai mình, Tổng thống của nước Mỹ”. Đó gần như là cảm giác khoa trương mà Dorothy Walker Bush chưa từng trải qua trước đây.

Nước Mỹ đã phát triển một chặng đường dài kể từ khi Ronald Reagan đứng trên bục tuyên thệ nhậm chức tám năm về trước. Năm 1981, Tổng thống Reagan bắt đầu giải quyết các vấn đề kinh tế từ việc miêu tả “một cuộc lạm phát tồi tệ nhất và kéo dài nhất trong lịch sử quốc gia”. Nhờ vào công lao to lớn của chính sách quản lý của Reagan, cha tôi đã nhận trọng trách điều hành khi nền kinh tế tăng trưởng 3,8% và tỷ lệ thất nghiệp giảm 5,3%. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán đã sụp đổ vào tháng 9 năm 1987, và vài ngành công nghiệp trở nên khốn đốn. Trên chính trường thế giới, Tổng thống Reagan và Gorbachev đã có những bước tiến để giải quyết căng thẳng của cuộc Chiến tranh Lạnh. Họ đã ký kết Hiệp ước tên lửa tầm trung và tầm ngắn INF, Liên bang Xô Viết đã rút quân khỏi Afghanistan. Tuy nhiên, Liên bang Xô Viết vẫn tiếp tục thống trị châu Âu, can thiệp vào công việc của các nước Mỹ Latin, và vẫn đề ra những mối đe dọa hiện hữu từ kho vũ khí hạt nhân của họ. Các vấn đề quốc tế khác cũng đã nổ ra, từ những tên khủng bố đánh bom chuyến bay

Pan Am 103 qua bầu trời Lockerbie, Scotland một tháng trước khi diễn ra những bất ổn Trung Đông.

Ngay khi bắt đầu với thử thách lớn nhất trong sự nghiệp, hành động đầu tiên của George Bush là thể hiện lòng biết ơn. Ông cảm ơn Tổng thống Reagan về những điều ông ấy đã làm cho đất nước. Sau đó ông đã nói với người dân cả nước lời cầu nguyện: “Hỡi đức Chúa, chúng con xin cúi đầu và cảm ơn Người vì tình yêu của Người dành cho chúng con”. Ông kết luận, “Nhưng chỉ có một mục đích quyền năng để được sử dụng sức mạnh, và đó là để bảo vệ và phục vụ nhân dân. Xin người hãy giúp chúng con ghi nhớ, lạy Chúa, Amen”.

“Tôi đứng trước các bạn và hình dung rằng thời điểm này là lúc những tổng thống mới nhậm chức phải đưa ra rất nhiều lời hứa”, ông tiếp tục, “Chúng ta đang sống trong thời kỳ hòa bình, thịnh vượng, nhưng chúng ta có thể làm cho đất nước phát triển hơn nữa”. Ông thể hiện sự lạc quan về tương lai: “Để có được một làn gió mới, và một đất nước mới với sự tự do sẽ được hồi sinh. Trong trái tim mỗi người, và sự thật là như vậy, ngày của chế độ độc tài đã kết thúc. Kỷ nguyên độc tài đang qua đi, những ý tưởng độc tài xưa cũ sẽ rụng xuống như những chiếc lá của cây cổ đại đang héo khô”.

Sau đó cha nói về tình hình trong nước. “Các bạn của tôi”, ông nói, “Chúng ta không cần quan tâm tới tổng tài sản. Đó không phải là thước đo cho cuộc sống của chúng ta. Trong trái tim chúng ta, ta biết rõ vấn đề nào là quan trọng. Chúng ta không thể chỉ hy vọng con cái chúng ta sẽ có ô tô lớn hơn hay tài khoản ngân hàng nhiều chữ số hơn. Chúng ta phải hy vọng đem đến cho con cái chúng ta hiểu biết đúng nghĩa thế nào là một người bạn trung thành, một người cha, người mẹ biết yêu thương, một công dân có thể làm cho ngôi nhà, hàng xóm và quê hương trở thành nơi tốt hơn so với khi mới đến”. Ông tiếp tục, kết hợp các mục tiêu trong nước và nước ngoài, “Nước Mỹ không bao giờ hoàn thiện được nếu thiếu những đòi hỏi khắt khe về đạo đức”. Ông nói, “Chúng ta là những con người có cùng một mục đích sống. Đó là làm cho bộ mặt quốc gia trở nên thân thiện và nhẹ nhàng hơn khi cư xử với thế giới”.

Sau bài phát biểu, cha và mẹ tôi đã hộ tống gia đình Reagan về điểm khởi hành lên chiếc trực thăng riêng của tổng thống. Sau đó, họ đã tham dự một bữa ăn trưa tại Đồi Capitol và cùng xuống đường diễu hành trên Đại lộ Pennsylvania. Đêm đó, họ dự mười hai vũ hội mừng lễ nhậm chức trước khi

quay về Nhà Trắng trong cảm giác mệt mỏi. Thật may, nơi ở mới rộng rãi đến mức họ không thể nghe được tiếng hò reo vui vẻ của mười đứa cháu nội mà họ đã mời đến chơi vào đêm đầu tiên chuyển đến nhà mới. Buổi sáng tiếp theo, cha đã dậy khá sớm, chuẩn bị để đi làm nhiệm vụ của vị Tổng thống thứ 41 của Hoa Kỳ.

\* \* \*

George Bush nhận chức vụ tổng thống như bản năng tự nhiên của ông, đặc biệt là về các khía cạnh ngoại giao trong công việc. Quyết định ngoại giao chính thức đầu tiên của ông là tham dự lễ tang của Hoàng đế Nhật Bản Hirohito. Lựa chọn này của cha đã thu hút sự chú ý của một số đồng đội từng tham gia Thế chiến thứ hai, họ vẫn còn nhớ về những hành động tàn bạo của quân lính dưới quyền của hoàng đế Hirohito. Cha tôi hiểu được phản ứng của họ; sau tất cả, ông đã từng phải tranh đấu với cùng một kẻ thù giống như các đồng đội. Nhưng cha tin rằng, một quốc gia, cũng như một con người, đều có thể thay đổi. Và Nhật Bản đã thay đổi về cơ bản. Sau chiến tranh thế giới, Hirohito đã giúp giám sát quá trình Nhật Bản chuyển đổi sang nền dân chủ. Năm 1989, Nhật Bản đã trở thành một đồng minh thân cận nhất của Mỹ, và cha vẫn muốn tôn vinh mối quan hệ giữa hai chế độ dân chủ. Các lãnh đạo của Nhật Bản đã rất vui mừng vì hành động đáng kính này của cha. Và trong nhiệm kỳ tổng thống của tôi, mười hai năm sau đó, tôi đã có người bạn thân nhất trên vũ đài chính trị thế giới là Thủ tướng Nhật Bản Junichiro Koizumi.

Nhưng thật không may cho cha tôi, giới truyền thông không chú ý đến các chính sách ngoại giao trong suốt cuộc hành trình của ông đến Nhật. Các phóng viên đều tập trung vào Thượng nghị sĩ Mỹ, John Tower, một ứng cử viên của chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, đã gặp khó khăn trong một cuộc tranh luận. Tower có một số kẻ thù ở phía bên kia khán phòng, và họ đã xuất hiện trong suốt các buổi phát biểu. Những buổi tranh luận tràn ngập những lời nói bóng gió về cuộc sống cá nhân của Tower. George Bush cảm thấy buồn vì người bạn của ông bị đối xử bất công như vậy, và ông cũng cố gắng để bảo vệ ứng cử viên của mình. Mặc dù Tower có được sự bảo vệ mạnh mẽ từ cha tôi, nhưng lần đầu tiên trong ba mươi năm, Nghị viện đã bỏ phiếu không chấp nhận ứng cử viên do Nội các đề cử. Một quyết định sẽ ảnh hưởng tới chúng tôi trong vài năm tới, đó là người đại diện nhóm Thiểu số, một Nghị sĩ bang



Wyoming, đã được đề cử thay thế Tower. Thượng viện sau đó đã chấp thuận bổ nhiệm Bộ trưởng Quốc phòng Dick Cheney.

Điểm dừng chân tiếp theo trong chuyến đi châu Á của cha tôi là Trung Quốc. Là một trong những chuyên gia Mỹ có nhiều kinh nghiệm và kiến thức về Trung Quốc, ông biết tất cả những đối tác có liên quan ở Bắc Kinh. Cha mẹ tôi đã nhận được một sự chào đón nồng nhiệt từ Chủ tịch Đặng Tiểu Bình và Thủ tướng Lý Bằng, người đã tặng cho họ hai chiếc xe đạp - điều này gợi nhớ về một hoạt động yêu thích của cả hai trong quãng thời gian làm việc ở văn phòng liên lạc mười sáu năm về trước. Vào một buổi sáng Chủ nhật, cha mẹ tôi đã tham dự một buổi lễ nhà thờ, cũng là nơi em gái Doro của tôi thực hiện Lễ rửa tội năm 1975. Theo những phản ánh sau này của cha, buổi lễ nhà thờ đã lưu giữ lại những niềm vui của họ trong thời gian họ đến Trung Quốc - hay như cách nói của cha - “nơi đây là ngôi nhà thứ hai”.

Nhưng không phải toàn bộ chuyến thăm Trung Quốc đều diễn ra suôn sẻ. Buổi tiệc nướng ngoài trời mà cha mẹ tôi thực hiện dành cho các quan chức Trung Quốc đã xảy ra những thảm họa không lường trước. Đại sứ Winson Lord đã mời một danh sách dài các khách mời thuộc các tổ chức xã hội Trung Quốc, trong đó có cả nhà hoạt động nhân quyền Phương Lệ Chi. Sau này cha tôi mới biết được rằng phía an ninh Trung Quốc đã cấm Phương tham gia vào sự kiện. Sau ngày hôm đó, sự việc này đã tràn ngập các mặt báo. Cùng với tin tức về sự đề cử Tower, thì tin này đã áp đảo toàn bộ những thông điệp khác của chuyến thăm.

Câu chuyện dài tập về Phương Lệ Chi báo trước một loạt những rắc rối sẽ xảy ra tại Trung Quốc. Vài tháng sau đó, các nhà hoạt động xã hội dân chủ Trung Quốc đã quyết định biểu tình đòi tự do trên quảng trường Thiên An Môn. Các cuộc biểu tình đã thu hút sự chú ý của truyền thông trên toàn thế giới, một phần bởi vì nó trùng thời điểm với chuyến thăm của Mikail Gorbachev tới Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc đã công bố thiết quân luật và triển khai xe tăng để chống lại các cuộc biểu tình. Lần đó, thế giới được trực tiếp chứng kiến màn kịch xảy ra. Hình ảnh một người thanh niên Trung Quốc đứng một mình trước bốn chiếc xe tăng đang lao tới đã trở thành biểu tượng của sự mất mát sắp xảy ra...

Vụ việc tại quảng trường Thiên An Môn đã đặt tổng thống vào tình thế nhay cảm. Một mặt, cha vẫn ủng hộ quá trình cải cách dân chủ của Trung Quốc.

Nhưng mặt khác, ông cũng đã chứng kiến một chiến lược quan trọng của việc duy trì mối quan hệ kinh tế và ngoại giao chặt chẽ với nhóm quyền lực mới nổi. Ông tin rằng, và tôi cũng tin vậy, tiến độ phát triển kinh tế ở Trung Quốc sẽ kéo theo phát triển chính trị. Và điều ông rút ra được từ nhiệm kỳ làm việc tại Bắc Kinh là chính phủ Trung Quốc sẽ rất nhạy cảm với bất kỳ động thái nào của Mỹ mà được coi là đang can thiệp vào công việc nội bộ của họ.

Cha tôi đã có những giải pháp cân bằng để phản ứng với vụ việc Thiên An Môn. Ông đã lên án chính phủ Trung Quốc vì sử dụng vũ khí và bắt đầu áp đặt các hình thức giới hạn kinh tế. Cùng thời điểm này, ông đã phủ quyết những lời kêu gọi của Quốc hội yêu cầu ngừng các ưu đãi thương mại, vốn trước đó đã mở ra nhiều dòng chảy mới cho thương mại và tiền tệ. Trung Quốc đã từ chối trả lời các đề nghị ngoại giao chính thức. Vì vậy, cha giải quyết bằng mối liên hệ cá nhân và viết một lá thư riêng tới Đặng Tiểu Bình. “Tôi viết lá thư này trên tinh thần bằng hữu”, ông tiếp tục, “lá thư này được gửi vì tôi chắc chắn rằng ngài hiểu một cách sâu sắc rằng mối quan hệ tốt đẹp giữa Mỹ và Trung Quốc là nền tảng cơ bản mang lại lợi ích cho cả hai quốc gia”. Cha đề xuất gửi một nhóm đặc phái viên đến Bắc Kinh nhằm thảo luận một số phương án làm giảm căng thẳng.

Trong vòng hai mươi tư giờ đồng hồ, Đặng đã chấp nhận đề nghị của Cha tôi là cần một nhóm đặc phái viên. Cố vấn an ninh quốc gia - ông Brent Scowcroft và Thứ trưởng Bộ Ngoại giao - ông Lawrence Eagleburger đã được cử đến Bắc Kinh, nơi họ sẽ có cuộc gặp với những quan chức cấp cao của Trung Quốc. Cha đã tiếp tục gửi một lá thư khác cho Đặng, người ông xem như một “bạn thân”. Ông viết: “Chúng ta đều có thể làm được nhiều hơn cho hòa bình thế giới cũng như mang lại hạnh phúc cho nhân dân hai quốc gia nếu chúng ta có thể khiến cho mối quan hệ giữa hai bên trở lại đúng hướng như trước... Nếu thực sự có một giai đoạn tối tăm, thì điều đó không thể tránh khỏi; nhưng chúng ta hãy cố gắng thấp sáng lên những ngọn nến”.

Không ai biết về chuyến đi của Scowcroft và Eagleburger cho đến khi họ trở lại Trung Quốc vài tháng sau đó và có một đoạn ghi hình họ đang chạm cốc với các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Hình ảnh đó đã làm cha tôi tổn thương trong một số khía cạnh, và Bill Clinton đã phê bình cha thực hiện những chính sách mềm mỏng với Trung Quốc trong chiến dịch tranh cử năm 1992. Nhưng về lâu dài, cách xử lý khủng hoảng mềm mỏng của George Bush đã thể hiện

sự khéo léo. Bằng việc điều hướng quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc qua nhiều giai đoạn khó khăn, ông đã giúp cả hai quốc gia vạch ra con đường riêng trong hai thập kỷ phát triển kinh tế và đem lại lợi nhuận song phương. Tổng trưởng của Trung Quốc đã đưa hàng trăm triệu người dân thoát khỏi đói nghèo và tạo một thị trường to lớn mới cho hàng hóa và dịch vụ của Mỹ, đồng thời mang lại triển vọng hưng thịnh cho cải cách chính trị tại Trung Quốc. Tại Olympic Bắc Kinh năm 2008, Tổng thống Hồ Cẩm Đào đã tổ chức một bữa trưa nhằm vinh danh một người vô cùng được kính trọng tại Trung Quốc trong vòng hơn ba mươi năm, và người đó là George H.W. Bush.

Mối quan hệ với Trung Quốc là bài kiểm tra trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ tổng thống của cha tôi. Liên bang Xô Viết là một thử nghiệm khác. Ngay từ đầu, cha đã rất hy vọng về đối tác tại Mát-cơ-va của ông, Mikhail Gorbachev. Khi còn là phó tổng thống năm 1985, với tư cách là một quan chức cấp cao Mỹ đầu tiên gặp gỡ nhà lãnh đạo Liên Xô, cha rất ngưỡng mộ cách tiếp đón đầy trân trọng của Gorbachev, sự cởi mở với phương Tây, và cam kết cải cách hệ thống Xô Viết - mà Gorbachev gọi là perestroika - “công cuộc cải tổ Xô Viết”. Khi lên làm tổng thống, cha đã yêu cầu đội ngũ an ninh quốc gia của ông tiến hành rà soát tất cả chính sách của Mỹ đối với Liên Xô. Trong một bài phát biểu tóm tắt về chiến lược của ông năm 1989, cha đã thông báo rằng nước Mỹ sẽ vượt qua “sự ngăn chặn” - vượt qua những tác động tiêu cực của việc hủy diệt lẫn nhau - và hướng tới một mối quan hệ hợp tác với một Liên Xô đang thay đổi.

Cam kết về việc thay đổi của Gorbachev đã được kiểm chứng bởi rất nhiều sự kiện kịch tính tại vùng Đông Âu. Tại Ba Lan, là phong trào Công đoàn Đoàn kết<sup>4</sup>, dẫn đầu bởi Lech Walesa - và được truyền cảm hứng bởi Giáo hoàng John Paul II, người Ba Lan đầu tiên giữ trọng trách Giáo hoàng - đã tổ chức các cuộc đình công tại các xưởng đóng tàu tại Gdansk. Tại Hungary đã diễn ra nhiều cuộc biểu tình lớn vinh danh một nhà lãnh đạo dân chủ, Imre Nagy, người đã tử vì đạo sau cuộc cách mạng ngăn ngui tại Hungary năm 1956. Tại Cộng hòa Séc, nhà viết kịch Václav Havel đã tổ chức cho giới văn nghệ sĩ và các công dân khác bác bỏ chủ nghĩa cộng sản mà sau này được gọi là cuộc Cách mạng Nhung. Và tại Đông Đức, các nhóm chống cộng đã tổ chức các buổi cầu nguyện hằng tuần tại nhà thờ của những thành phố lớn.

<sup>4</sup> Phong trào chính trị xã hội được thành lập vào tháng 9 năm 1980 tại Xưởng đóng tàu Gdańsk, Ba Lan. Đây là tổ chức then chốt trong việc chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa tại Ba Lan.

Từ chuỗi sự kiện có tính chất quyết định đã lần lượt nổ ra trong năm 1989, câu hỏi đặt ra là liệu Gorbachev có đàn áp dữ dội các phong trào tự do, như Liên Xô đã làm tại Hungary năm 1956 và Praha năm 1968, mà Trung Quốc vừa thực hiện đối với cuộc biểu tình tại quảng trường Thiên An Môn hay không. Cha tôi nhận ra rằng thái độ của ông đối với các cuộc cách mạng có thể làm ảnh hưởng đến phản ứng của Liên Xô. Tháng 7 năm 1989, ông tới Hungary và Ba Lan, nơi ông có một cuộc diễn thuyết với quần chúng. Ông tránh nói ra bất kỳ một tuyên bố nào có thể gây kích động những phần tử cứng rắn tại các quốc gia này hay tại Liên Xô. Và ngay lập tức, ông đã đến gặp Gorbachev nhằm củng cố mong muốn thiết lập mối quan hệ gần gũi. “Ngài chủ tịch thân mến”, ông viết thư khi ngồi trên khoang máy bay Không lực số 1. “Tôi viết lá thư này cho ngài trên đường từ châu Âu về Mỹ. Tôi sẽ trình bày nhanh chóng về quan điểm của bức thư này”, ông tiếp tục. “Tôi vô cùng mong muốn chúng ta cùng ngồi lại và nói chuyện trong thời gian sớm nhất.”

Gorbachev chấp nhận lời đề nghị của cha tôi, và họ đã lên kế hoạch về một cuộc họp thượng đỉnh tại Malta vào tháng 12 năm 1989. Trong thời gian này, các cuộc cách mạng đang ở thời kỳ đỉnh điểm. Vào tháng 11 năm 1989, Đông Đức đã công bố rằng họ sẽ mở biên giới tới Tây Đức. Chỉ trong vòng vài giờ, hàng chục ngàn người đã lũ lượt kéo đến đập vỡ Bức tường Berlin. Cha tôi đã phải đối mặt với một áp lực rất lớn với kỷ niệm này. Đảng Dân chủ trong Quốc hội thúc ép ông phải đi Berlin. Cánh nhà báo háo hức để viết ra những câu chuyện đầy kịch tính, và yêu cầu được biết là tại sao cha tôi lại không thể hiện cảm xúc gì. “Tư tưởng của Bush chính là tư tưởng của Reagan trừ đi khát vọng tự do”, một cây bút đã châm biếm như vậy. Cha đã từ chối bình luận để không làm tăng thêm áp lực. Cả cuộc đời mình, George Bush đã là một người đàn ông khiêm tốn. Ông chưa bao giờ cố gắng để ghi điểm cho bản thân; ông chỉ quan tâm đến kết quả. Và ông biết được rằng cách tốt nhất để đạt được kết quả là suy nghĩ về tình huống đó với quan điểm của người khác: Sẽ có một cơ hội tốt để có được tự do cho miền Trung và Đông Âu nếu ông không khiêu khích Liên Xô can thiệp vào các cuộc cách mạng vừa chớm nở.

“Tôi sẽ không đến để nhảy múa trên bức tường đó”, ông trả lời.

Cha đã rất háo hức trước cuộc gặp gỡ với Gorbachev. Vào tháng 12 năm 1989, hai nhà lãnh đạo đã có cuộc gặp gỡ trong một hội nghị thượng đỉnh lịch sử tại Malta. Cha đã dành một đêm trước cuộc gặp trên tàu sân bay USS Belknap trên biển Địa Trung Hải. Khi chuẩn bị cho một cuộc gặp gỡ lớn nhất trong nhiệm kỳ tổng thống, cha hồi tưởng lại những ngày ở trên tàu USS San Jacinto trong Thế chiến thứ hai. “Tôi yêu lực lượng hải quân”, ông đã viết trong cuốn nhật ký như vậy, “và tôi cảm thấy mình như một người đàn ông ba mốt tuổi đang tản bộ trên boong tàu”. Ông thậm chí còn đi câu cá bên trên cánh quạt của tàu (Lạy Thánh, cha không câu được con nào mà còn bị cá rĩa mất mồi).

Ngày tiếp theo, cha tôi và Gorbachev đã có cuộc gặp gỡ trong bốn giờ trên du thuyền Maxim Gorky. Họ đã thảo luận về hàng loạt vấn đề và nhất trí tiếp tục những nỗ lực để cải thiện các mối quan hệ. Nước Mỹ đã cung cấp một gói viện trợ kinh tế giúp Gorbachev khôi phục nền kinh tế đang suy sụp. Cùng thời điểm đó, cha tôi đã thể hiện rõ ràng rằng ông hy vọng Liên Xô sẽ duy trì các động thái hòa bình với những biến động tại Trung và Đông Âu.

Chiến lược này gây nhiều tranh cãi. Các nhà phê bình cho rằng cha không đủ cứng rắn. Cuối cùng, cách làm của ông đã được chứng minh là một thành công có tính lịch sử. Không giống những bậc tiền bối đã thực hiện trong điện Kremlin thế hệ trước, Mikhail Gorbachev cho phép các phong trào cải cách tại miền Trung và Đông Âu được tiến hành một cách hòa bình. Lần đầu tiên trong lịch sử, bức tường Berlin không còn là nơi ngăn cách giữa hai miền Đông - Tây. Và đó cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, châu lục này tiến gần hơn tới tầm nhìn mà George Bush đã nhận định, và nó sẽ chỉ lỗi cho các chính sách của Mỹ trong những năm tiếp theo: hướng đến một mục tiêu đoàn kết, tự do và hòa bình chung toàn châu Âu.

Một thời gian ngắn sau khi bức tường Berlin sụp đổ, một khủng hoảng khác nổ ra. Vấn đề này đã xảy ra gần nước Mỹ. Quốc gia Panama vốn là một đồng minh của Mỹ và có địa thế chiến lược với kênh đào Panama. Nhà độc tài người Panama, Manuel Noriega, đã từng một lần hợp tác với Mỹ để đấu tranh với chủ nghĩa cộng sản. Qua một thời gian, khi Noriega ngày càng lún sâu vào buôn bán ma túy, sức mạnh mới và sự giàu có đã khiến hắn trở mặt chống

lại nước Mỹ. Chính quyền dưới thời Reagan đã thu được một bản cáo trạng chống lại tội buôn bán ma túy của hắn.

Tính hiếu chiến của Noriega ngày càng nguy hiểm, nhất là sau khi cha tôi nhậm chức. Vào tháng 5 năm 1989, hắn đã hủy bỏ kết quả của cuộc bầu cử dân chủ. Khi nỗ lực của một cuộc đảo chính tiếp theo thất bại, hắn đã hành quyết các lãnh đạo của cuộc nổi dậy. Vài tháng sau, Noriega ban bố “tình trạng chiến tranh” với Mỹ. Quân đội Panama đã gây khó khăn cho lực lượng quân đội Mỹ đóng quân tại đây. Một lính thủy đã bị bắn chết trên đường đi. Lực lượng quân đội Panama sau đó đã hành hung một lính thủy khác và làm nhục vợ anh ta.

Đó là giọt nước làm tràn ly. Những nỗ lực ngoại giao nhằm thay đổi cách hành động của Noriega đều không có hiệu quả. Cha tôi đã phê duyệt một kế hoạch can thiệp nhằm lật đổ Noriega. Biệt đội Just Cause đã được thiết lập và được triển khai vào buổi sáng ngày 20 tháng 12 năm 1989. Khoảng hai mươi nghìn binh sĩ Mỹ - lần ra quân lớn nhất kể từ cuộc chiến tranh ở Việt Nam - sẽ ập vào quốc đảo đó - để loại trừ Noriega, và dọn đường cho chính phủ mới do dân bầu lên nắm quyền.

Cha trằn trọc cả đêm trước kế hoạch bí mật. “Tôi nghĩ về những đứa trẻ”, ông viết, “rất nhiều thanh niên ở độ tuổi mười chín đang ra trận đêm nay”. Ông hiểu rằng trong số những người tham gia trận đánh hôm nay sẽ có những người không còn cơ hội được sống sót trở về. Mệnh lệnh này chính là quyết định khó khăn nhất trong nhiệm kỳ tổng thống mới mẻ của cha.

Gia đình tôi đã đến Trại David ít ngày sau để nghỉ lễ Giáng sinh. Suốt thời gian này, tính khí cha khá thất thường và có phần trầm tư. Áp lực về việc quyết định ra quân đè nặng lên ông. Ông dành phần lớn thời gian trong văn phòng nhỏ ộp ộp để nghe tin về tiến độ của cuộc chiến đấu. Các báo cáo ban đầu khả quan. Các cuộc đình công đã xóa bỏ chính quyền đương thời, và một chính phủ mới đã tuyên thệ nhậm chức. Nhưng thế lực của Noriega vẫn còn rất lớn.

Vào đêm Giáng sinh, các em trai và tôi đã chơi trò “wallyball” (bóng chuyền trong phòng quần vợt) thi đấu với vài lính thủy đánh bộ đang đóng quân tại Trại David. Đột nhiên, cha xuất hiện tại ban công cùng với Chánh văn phòng Colin Powell.

“Chúng ta đã bắt được hắn!”, cha reo lên.

Chúng tôi đều hiểu rõ ai đã bị bắt. Cả căn phòng vỡ òa vì tiếng reo hò. Một trung sĩ người đầm mồ hôi đã ôm chầm lấy tôi. Cha đã thông báo rằng Noriega đã xin được tị nạn trong một giáo xứ tại thành phố Panama. Ít ngày sau, hắn đã bị áp giải đến Mỹ, và bay đến Miami, nơi hắn cuối cùng bị xét xử, kết án, và phải ngồi tù.

Nhiệm vụ đã thành công vang dội. Noriega đã ra đi, và nền dân chủ Panama được phục hồi. Nhưng chiến thắng nào cũng có giá của nó. Hai mươi ba người Mỹ đã thiệt mạng, và hơn ba trăm người khác bị thương. Là một cựu chiến binh đã từng tham gia chiến đấu, cha cảm thấy có sự gắn bó đặc biệt giữa ông và các binh sĩ. Ông hiểu rõ nỗi thống khổ trong chiến tranh. Và ông tin rằng với tư cách là một Tổng tư lệnh, ông cần phải thể hiện sự quan tâm đến từng cá nhân đã giúp mình thực hiện nhiệm vụ. Vào đêm giao thừa, mẹ và cha đã đến thăm bệnh viện quân đội tại San Antonio, nơi vài binh sĩ bị thương từ cuộc chiến tại Panama đang nằm điều trị. Một lính thủy tặc cho cha tôi lá cờ Mỹ nhỏ, và ông giữ nó trong ngăn kéo bàn làm việc trong Phòng Bầu dục cho tới tận khi kết thúc nhiệm kỳ tổng thống của mình.

Ngay sau chuyến thăm, cha đã nói với tôi về một lính hải quân SEAL mà ông thăm trong bệnh viện. Anh ta là một người hâm mộ của đội Rangers bang Texas. Tôi vừa mới mua một số cổ phần nhỏ của Rangers và đang làm đối tác quản lý chính ở đây. Chúng tôi đã liên lạc với binh sĩ SEAL bị thương và nói với anh ta rằng đội Rangers sẽ rất tự hào nếu anh ta là người đánh cú bóng đầu tiên khai mạc mùa giải năm 1990. Anh ấy đồng ý, và đám đông tung hô vang dội. Đó chỉ là việc rất nhỏ, nhưng tôi cảm thấy rất vui vì được đóng một vai trò quan trọng trong việc tôn vinh quân đội nước nhà. Một bài học tôi rút ra là lực lượng quân đội phải được biết rằng tổng thống luôn ủng hộ họ. Tôi sẽ không thể hiểu được trọn vẹn mối quan hệ đặc biệt giữa tổng thống với quân đội cho tới hơn chục năm sau, khi tôi phải ra lệnh điều quân vào cuộc chiến nguy hiểm.

Không gì khiến George Bush cảm thấy vui vẻ hơn về thăm Walker's Point. Mùa hè năm 1990, ông cần lấy lại tinh thần phấn chấn. Sau chiến thắng tại Panama, ông đã phải trải qua sáu tháng với những tin tức ảm đạm. Nền kinh tế đang suy giảm. Ông bị mắc vào trận chiến ngân sách với Đảng Dân chủ trong Quốc hội. Và em trai tôi, Neil, đang bị điều tra về vai trò của chú ấy trong hệ

thông tiết kiệm và cho vay bị thất bại. Cuối tháng 7, Laura, Barbara, Jenna, và tôi đã đến thăm bang Maine - một địa chỉ nghỉ dưỡng để tránh cái nóng của Texas. Như thường lệ, George Bush vẫn có những hoạt động không ngừng nghỉ. Ông muốn chơi golf hay quần vợt vào buổi sáng, và câu cá vào buổi chiều. Nhưng vài ngày sau khi chúng tôi đi nghỉ, cha tuyên bố ông phải quay lại Washington. Tháng 2 năm 1990, nổ ra tin tức về việc Iraq đã xâm chiếm Kuwait.

Người đứng sau cuộc xâm lược này là Saddam Hussein, một nhà độc tài áp bức và tàn nhẫn, người đã tàn phá Iraq từ năm 1979. Ngoài việc trấn áp tất cả những người bất đồng quan điểm, Saddam đã sử dụng vũ trang để chống lại nhân dân và bắt đầu một cuộc chiến tranh vô nghĩa với Iran làm thiệt mạng hàng trăm nghìn người dân vô tội của hai đất nước. Sau đó, ông ta đã xâm chiếm quốc gia nhỏ nhưng có trữ lượng dầu mỏ lớn là Kuwait - một đồng minh quan trọng của Hoa Kỳ với các mỏ có trữ lượng vô giá ở vùng Vịnh. Khi gia đình hoàng gia Kuwait chạy trốn, lực lượng quân xâm lược Iraq đã tra tấn người dân Kuwait và cướp bóc tài sản của đất nước này. Có tin đồn rằng Ả-rập Xê-út, một đồng minh thân cận khác của Hoa Kỳ, có thể sẽ trở thành mục tiêu tiếp theo của Saddam. Điều này sẽ khiến Saddam nắm giữ một lượng lớn nguồn cung dầu mỏ trên thế giới. Và từ đó, các lợi ích ngoại giao lẫn kinh tế quan trọng của Mỹ ở Trung Đông sẽ bị đe dọa.

Cha đã triệu tập cố vấn An ninh Quốc gia đến Trại David. Nhóm thường lệ có thêm một thành viên mới, đó là Tướng Norman Schwarzkopf - một con người gai góc, một nhà chỉ huy đầy tự tin của Trung tâm Tư lệnh Hoa Kỳ. Cha yêu cầu các cố vấn đưa ra phương án. Một số thành viên trong đội tin rằng các biện pháp trừng phạt kinh tế mạnh mẽ có thể sẽ thuyết phục Saddam rút khỏi Kuwait. Một số khác lại nghĩ rằng có thể phải thi hành một cuộc oanh tạc trên không. Tất cả đều đồng ý rằng có thể một cuộc đổ bộ cuối cùng sẽ xảy ra. Hội đồng Bảo an Quốc gia cũng thảo luận về vấn đề làm thế nào để bảo vệ Ả-rập Xê-út. Cha đã có cuộc nói chuyện với Quốc vương Fahd về khả năng triển khai quân đội Mỹ đến vương quốc của ông để ngăn chặn cuộc xâm lược từ Iraq và tạo tiền đề cho việc giải phóng Kuwait. Vì là nơi có hai thánh địa linh thiêng nhất của đạo Hồi là Mecca và Medina, Ả-rập Xê-út đã vô cùng lo lắng khi cho phép quân đội nước ngoài vào lãnh thổ nước mình. Quốc vương đã đồng ý cân nhắc vấn đề này, và Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Dick Cheney, đã được cử đi làm nhiệm vụ.



Khi cha quay lại Nhà Trắng từ Trại David, rất nhiều phóng viên đã tập trung tại bãi cỏ phía nam. Cha đã nói với họ rằng ông vẫn chưa quyết định làm theo cách nào. Sau đó ông cho biết thêm, “Cuộc xâm lược Kuwait này sẽ không thể tồn tại”. Đó không phải là những lời sáo rỗng. George Bush hiểu rằng tổng thống phải có trách nhiệm với lời nói của mình.

Colin Powell sau đây đã nói rằng ông ta biết tuyên bố đó của cha đã đánh dấu thời điểm quân đội sẽ phải chuẩn bị cho chiến tranh. Đó sẽ là con đường khó khăn đối với tôi, ít nhất là trong tiềm thức. Một thập kỷ sau, sau cuộc tấn công của al Qaeda vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, tôi đã phát biểu trước quốc gia tuyên bố đầu tiên của mình, “Thế lực khủng bố chống lại đất nước chúng ta sẽ không thể tồn tại”.

Chiến lược của cha là tập hợp liên minh các quốc gia để tạo áp lực khiến Saddam Hussein rút khỏi Kuwait. Dựa vào kinh nghiệm của những năm làm ngoại giao cá nhân, George Bush đã tạo dựng được lòng tin từ rất nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới. Và bây giờ ông có thể tận dụng lòng tin đó. Quốc vương Fahd đã đồng ý cho quân đội Hoa Kỳ vào Ả-rập Xê-út (một quyết định mà sau này bin Laden đã vin vào như là một cái cớ dẫn đến cuộc tấn công chính phủ Xê-út). Các nhà lãnh đạo Ả-rập ở Trung Đông đã đồng ý tố cáo cuộc xâm lược của Kuwait, đây là một bước tiến quan trọng trong khi Saddam Hussein vẫn còn là một nhân vật chủ chốt của Liên đoàn các quốc gia Ả-rập. Các đồng minh châu Âu như Margaret Thatcher của Vương quốc Anh và Helmut Kohl của Tây Đức đã ủng hộ mạnh mẽ. Và trong số những người ủng hộ còn có cả Thủ tướng Nhật Bản Toshiki Kaifu, người vẫn nhớ công việc đầu tiên của cha tôi khi mới lên làm tổng thống là tham dự lễ tang của Hoàng đế Hirohito. Thật ngạc nhiên vì người ủng hộ có cả François Mitterrand, Tổng thống Pháp. Cha đã rất khó khăn trong việc phát triển mối quan hệ với ông ta, trong những năm đầu của nhiệm kỳ, cha đã mời ông ta đến Walker’s Point, và bây giờ Tổng thống Pháp đã lên tiếng ủng hộ ông.

Diễn biến đáng lưu ý nhất là sự kết hợp của Liên Xô với Mỹ để lên án Iraq xâm lược Kuwait. Jim Baker và Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô, Eduard Shevardnadze, đã ban hành một tuyên bố chung một ngày sau cuộc tấn công - một khoảnh khắc mà Baker sau đó cho rằng Chiến tranh Lạnh đã chấm dứt. Vào đầu tháng 9, cha và Gorbachev đã có cuộc gặp mặt tại Midland, nơi họ đã cùng nhau tạo áp lực khiến Iraq rút khỏi Kuwait. Thỏa thuận của họ đã

đánh một dấu mốc chiến lược quan trọng cho sự hợp tác giữa Mỹ và các nhà lãnh đạo Liên Xô kể từ sau thời Tổng thống Franklin Delano Roosevelt và Stalin. Tại phiên họp toàn thể Quốc hội tháng 9 năm 1990, cha đã trình bày ý tưởng về một “trật tự thế giới mới” nơi tất cả các quốc gia văn minh, bao gồm cả Liên Xô, có thể hợp tác nhằm ngăn chặn xâm lược và thúc đẩy hòa bình.

Chiến dịch ngoại giao của chính quyền Bush còn bao gồm nỗ lực phối hợp của Liên Hợp Quốc. Hội đồng Bảo an đã thông qua mười một nghị quyết trừng phạt Iraq và yêu cầu rút quân khỏi Kuwait. Saddam đã phớt lờ tất cả. Vì vậy vào ngày 29 tháng 11 năm 1990, Hội đồng Bảo an đã thi hành Nghị quyết số 678, tuyên bố cho Saddam Hussein “cơ hội cuối cùng” để tuân thủ theo yêu cầu của thế giới. Nghị quyết này cũng thiết lập một thời hạn cuối cùng là ngày 15 tháng 1 năm 1991, để Iraq rút quân khỏi Kuwait. Nếu Saddam tiếp tục thách đố với Liên Hợp Quốc, thì nghị quyết cho phép các quốc gia thành viên được thực hiện “tất cả những điều cần thiết” để buộc ông ta phải tuân thủ. Nghị quyết đã được thông qua với mười hai nước bỏ phiếu thuận và hai nước chống, Trung Quốc không bỏ phiếu. Sự kiên trì của cha trong mối quan hệ với François Mitterrand đã có được thành quả; Sự ủng hộ của Pháp là minh chứng quan trọng cho sự đảm bảo của Nghị quyết. Chỉ có Cuba và Yemen phản đối Nghị quyết này. Sau bốn tháng hoạt động ngoại giao cá nhân không ngừng nghỉ, George Bush đã đoàn kết được thế giới để chống lại Saddam Hussein.

Năm 1990, gia đình tôi đã nghỉ lễ Giáng sinh tại Trại David. Đó là năm thứ hai trong chuỗi những năm khủng hoảng quân sự lần át cả kỳ nghỉ. Một lần nữa, cha đã làm hết sức mình để gia đình đoàn tụ. Ông không bao giờ để những gánh nặng công việc làm hỏng thời gian đoàn tụ gia đình. Nhưng có một điều rõ ràng rằng tâm trí ông vẫn đặt ở nơi khác. Vào đêm Giao thừa, ông đã viết một lá thư cho các em tôi và cả tôi. “Cha đã có một suy nghĩ từ rất lâu và khó khăn về những điều cần phải thực hiện”, ông viết, “Điều cha muốn các con hiểu với tư cách là một người cha là: Sinh mạng của mỗi con người đều vô cùng quý giá. Khi gặp phải một câu hỏi ‘Ông sẵn sàng hy sinh bao nhiêu quân’ - trái tim cha như vỡ nát. Câu trả lời là dĩ nhiên, không hy sinh ai cả”. Ông tiếp tục, ”Quy tắc phải được thiết lập - Saddam không thể được hưởng lợi từ việc xâm lược và tấn công người dân Kuwait”.

Khoảng mười ngày trước thời hạn chót của Liên Hợp Quốc vào ngày 15 tháng 1, cha đã tạo ra một cơ hội cuối cùng thông qua đường ngoại giao. Như đã nói, ông sẽ đi “thêm một dặm cho hòa bình”. Ông đã viết một lá thư cá nhân gửi cho Saddam Hussein để thúc giục ông ta tuân theo bản nghị quyết của Liên Hợp Quốc. Ông công bố rằng mình đã giao cho Ngoại trưởng Jim Baker chuyển lá thư cho Saddam. Ngoại trưởng Iraq, Tariq Aziz, đã có cuộc gặp với Baker tại Geneva, nhưng ông ta từ chối nhận thư. Saddam đã bỏ lỡ mất một cơ hội đổi lấy hòa bình.

Trước khi ra lệnh triển khai các hoạt động quân sự, cha tôi còn phải thực hiện một quyết định khác: Có nên hỏi ý kiến Quốc hội cho phép sử dụng vũ lực hay không. Quốc hội đã không chính thức công bố chiến tranh kể từ Thế chiến thứ hai, và một số hoạt động quân sự - như cuộc chiến tại Hàn Quốc, Grenada, và Panama - đã được thực hiện theo Điều II của Hiến pháp, điều này quy định tổng thống là Tổng tư lệnh quân đội mà không cần sự ủy quyền của Quốc hội. Cha và những cố vấn của ông đã tin rằng Điều II đã cung cấp đủ thẩm quyền cho ông để tiến hành quyết định một mình, nhưng ông vẫn tin rằng sẽ khôn ngoan hơn nếu giao cho Quốc hội quyết. Cuộc bỏ phiếu có kết quả rất sát nhau, đặc biệt là trong Thượng viện, nơi những tiếng nói phản chiến đã dùng đến hình ảnh ám ảnh về hàng chục nghìn túi đựng xác. Vào ngày 12 tháng 1, Thượng viện đã thông qua nghị quyết sử dụng vũ lực với 52 phiếu thuận và 47 phiếu chống, và Quốc hội đã thông qua với số phiếu 183-250.

Vào ngày 15 tháng 1 năm 1991, hạn chót do Liên Hợp Quốc đưa ra đã qua mà vẫn không có bất kỳ phản ứng nào từ Saddam Hussein. Vào lúc 9 giờ 1 phút tối ngày tiếp theo, George Bush đã có bài diễn văn phát sóng toàn quốc từ Phòng Bầu dục. “Năm tháng trước, Saddam Hussein đã bắt đầu tội ác gây chiến tranh chống lại Kuwait”, ông nói, “Tôi nay, cuộc chiến đã có thêm thành phần tham gia”.

Giai đoạn đầu tiên của cuộc tấn công có tên là Bão Sa mạc, diễn ra cuộc oanh tạc trên không quy mô lớn vào các mục tiêu quân sự Iraq. Mục đích là làm suy yếu lực lượng của Saddam và thuyết phục ông ta rút quân ra khỏi Kuwait. Nếu không, lực lượng liên quân hai mươi tám quốc gia đã chuẩn bị để tiến hành đổ bộ.

Thời gian cho thời điểm này đã đến rất gần. Mẹ đã nói với tôi rằng cha đã không có được một giấc ngủ ngon trong nhiều ngày. Bạn của ông là Giáo sĩ Billy Graham đến Nhà Trắng để tổ chức một lễ cầu nguyện đặc biệt. Cha hiểu rõ những hệ lụy của quyết định ông sắp sửa đưa ra. “Đó là quyết định của tôi”, ông đã viết như vậy trong nhật ký, “quyết định của tôi là đưa những thanh niên trai trẻ đó vào cuộc chiến, quyết định của tôi có thể ảnh hưởng tới cuộc sống của những người vô tội... Quyết định của tôi có thể ảnh hưởng tới những người chồng, người bạn gái, hay những người vợ đang ngóng chờ”. Ông tiếp tục, “Và từ đó tôi càng hiểu rõ hơn điều mình phải làm”.

Tôi ngưỡng mộ cách cha giải quyết tình huống này. Ông đã dành thời gian suy xét. Ông đã cân nhắc tất cả các phương án. Ông đã làm mọi cách có thể để bảo vệ lợi ích của những người dân Mỹ, xây dựng khối đồng minh, và thúc đẩy hòa bình lâu dài. Ông đã liên kết cả thế giới và Quốc hội cùng tham gia vào quyết định này. Điều đó nghĩa là cả cuộc đời từ trước tới nay của ông - từ thời gian ông tham gia quân đội cho tới khi làm việc tại Đồi Capital hay những năm tháng làm trong ngành ngoại giao - đều để chuẩn bị cho thời điểm này.

Khi cha phát biểu từ Phòng Bầu dục, bầu trời phía trên Baghdad sáng rực lên. Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh, toàn thế giới có thể xem truyền hình trực tiếp các trận chiến phát sóng trên kênh CNN. Tôi đã rất ngạc nhiên khi xem những quả bom phá hủy chính xác những mục tiêu quân sự trong khi giảm thiểu tối đa tổn thất dân sự.

Mặc dù các chiến dịch trên không đạt tiên độ ổn định, Saddam vẫn không chịu rút khỏi Kuwait. Rõ ràng là cách duy nhất để giải phóng đất nước này là phải triển khai lực lượng trên bộ. Cha đã ra lệnh cho các lực lượng quân đội Mỹ đóng tại Ả-rập Xê-út tiến đến biên giới Kuwait từ ngày 23 tháng 2 năm 1991. Tại buổi lễ nhà thờ vào sáng ngày hôm sau, Dick Cheney đã thông báo cho cha tôi bản tin chiến trường mới cập nhật. Nhiệm vụ này đã mang lại thành công lớn. Các binh sĩ đã cắt hàng thép gai, vượt qua bãi mìn tại biên giới và bắt đầu hướng tới đường cao tốc tiến vào thành phố Kuwait.

Những diễn biến tiếp theo thực sự đáng kinh ngạc. Lực lượng đồng minh đã đánh tan quân đội của Saddam. Hàng ngàn binh sĩ Iraq phải hạ vũ khí và xin đầu hàng. Chính xác là một trăm giờ sau khi cha điều lực lượng đổ bộ tới Kuwait, Chiến tranh vùng Vịnh đã kết thúc. “Kuwait đã được giải phóng.

Quân đội Iraq đã bị tiêu diệt. Các mục tiêu quân sự đã hoàn thành.” Cha đã phát biểu từ Phòng Bầu dục, “Chúng tôi đã tuyên bố rằng sự xâm lược chống lại Kuwait sẽ không thể tồn tại. Và đêm nay, nước Mỹ và thế giới đã giữ lời hứa”.

Cha thông báo rằng lực lượng quân đồng minh sẽ ngay lập tức chấm dứt các hoạt động chiến đấu. Tổng cộng, có 148 binh sĩ Mỹ thiệt mạng và 467 người bị thương. Dự đoán về thảm kịch về một bãi chiến trường có hàng chục nghìn xác chết đã được chứng minh là không chính xác. Hội chứng cuộc chiến tranh ở Việt Nam - sự miễn cưỡng của việc triển khai quân đội Mỹ ở nước ngoài vì sợ bị mắc kẹt - đều đã tan biến.

Saddam Hussein đã rút khỏi Kuwait, nhưng ông ta vẫn cầm quyền tại Iraq. Một vài người đã thúc giục cha tôi mở rộng sứ mệnh để loại bỏ hoàn toàn quyền lực của Saddam, nhưng ông từ chối. Quốc hội và lực lượng đồng minh đã ký kết mang lại hòa bình cho Kuwait. Đó là nhiệm vụ chính. Và nhiệm vụ đó đã đạt được. Đây là thời gian để các binh sĩ trở về nhà. Tỷ lệ ủng hộ Tổng thống George W.H. Bush đã đạt 89%, mức cao nhất từ trước tới nay chưa một vị tổng thống nào đạt được.

Vào tháng 3 và tháng 4 năm 1991, phiến quân Iraq tại một số vùng trong nước đã liên kết chống lại Saddam, nhưng nhanh chóng chịu thất bại dưới tay của lực lượng bộ binh và quân đoàn máy bay trực thăng của Saddam, sau đó họ bị vùi lấp trong những hố chôn người tập thể. Trong nhiều năm, các nhà phê bình đã đề xuất Mỹ can thiệp để ngăn chặn Saddam đàn áp phiến quân nổi dậy, trong đó có một số nhóm được Mỹ hậu thuẫn. Cha luôn trả lời rằng ông chưa được Quốc hội hoặc các đối tác quốc tế ủy nhiệm cho can thiệp quân sự.

Tin tình báo thu thập được trong Chiến tranh vùng Vịnh cho thấy vũ khí sinh học, hóa học và các chương trình vũ khí hạt nhân của Saddam tiến bộ hơn nhiều so với những dự đoán trước đây của CIA. Trong thập niên 90, ông ta đang tiếp tục là một mối đe dọa. Ông ta đã thách thức Nghị quyết của Liên Hợp Quốc yêu cầu về việc giải giáp vũ khí, công bố và giao nộp các vũ khí hủy diệt hàng loạt. Ông ta đã qua mặt hầu hết các nghị quyết của Liên Hợp Quốc mà không phải đối mặt với bất kỳ sự trừng phạt đáng kể nào. Và ông ta cũng thường xuyên xâm phạm các vùng cấm bay được tạo ra để bảo vệ người dân Iraq ở phía bắc và phía nam của quốc gia này. Năm 1998, Quốc hội đã

thông qua nghị quyết cho phép Tổng thống Clinton ký kết Đạo luật Giải phóng Iraq, theo đó loại bỏ Saddam và thiết lập nhà nước Iraq dân chủ được coi là chính sách chính thức của Hoa Kỳ.

Khi tôi nhậm chức năm 2001, cách tốt nhất để theo đuổi chính sách này là phải bắt giữ Saddam và thực hiện những biện pháp trừng phạt cứng rắn hơn. Hy vọng là nếu chúng ta tạo được những áp lực đủ cứng rắn, thế trận sẽ thay đổi. Ngày 11 tháng 9 năm 2001, cục diện thế giới đã thay đổi. Lực lượng khủng bố al Qaeda đã mở rộng phạm vi hoạt động của chúng ra khỏi Afghanistan và sát hại ba nghìn người trên lãnh thổ Mỹ. Trong nhiều năm, chúng ta nhận được một dòng thông tin tình báo liên tục rằng lực lượng khủng bố muốn tấn công Hoa Kỳ một lần nữa, lần này là với quy mô rộng lớn hơn - bao gồm cả vũ khí sinh học, hóa học và vũ khí hạt nhân. Lực lượng tình báo trên thế giới tin rằng Saddam Hussein đã chế tạo được vũ khí sinh học và hóa học, cũng như các chương trình vũ khí hạt nhân. Một trong những điều chúng tôi lo lắng nhất đó là Saddam sẽ có thể chia sẻ các trang thiết bị này cho lực lượng khủng bố. Chúng tôi hiểu rằng Saddam đã trả tiền thuê nhiều gia đình ở Palestin đi đánh bom liều chết, chúng đã từng sử dụng vũ khí hóa học để tàn sát chính người dân của chúng, xâm lược hai trong số những nước láng giềng, thường xuyên bắn các máy bay tuần tra Mỹ trong khu vực cấm bay, và vẫn giữ vị trí là kẻ thù không đội trời chung với Mỹ.

Tóm lại, sau nỗi kinh hoàng ngày 11 tháng 9 và những đe dọa mà chúng tôi đã nhận được, mối họa Saddam Hussein cần được xử lý. Ngay từ đầu năm 2002, tôi đã thiết lập một chiến dịch ngoại giao bền vững, được hỗ trợ bởi lực lượng quân đội, nhằm thuyết phục Saddam tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế. Tôi đã không cố gắng “làm tiếp những điều cha tôi đã đề ra” như nhiều người từng gợi ý. Động lực của tôi đó là bảo vệ nước Mỹ, như tôi đã thề trong buổi lễ tuyên thệ nhậm chức.

Tôi nghĩ về cách lãnh đạo của cha trong Chiến tranh vùng Vịnh. Giống như cha, tôi đã nhờ tới Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc để gia tăng sức ép quốc tế lên Saddam. Tại thời điểm đó, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đã thông qua mười sáu điều luật yêu cầu những điều khoản khác nhau, như yêu cầu Saddam giải giáp vũ khí, thông kê và công bố vũ khí hóa học, sinh học, cũng như các chương trình vũ khí hạt nhân của hắn. Saddam đã phớt lờ tất cả mười sáu Nghị quyết này. Vào tháng 11 năm 2002, tôi đã làm việc với lãnh đạo các

quốc gia trên thế giới nhằm thông qua Nghị quyết thứ 17 về việc nhất trí tuyên bố rằng Iraq đã “vi phạm quy định về vũ khí” trong các nghị quyết trước đây, tạo cho Saddam một “cơ hội cuối cùng để hoàn thành” nghĩa vụ của mình, nếu không sẽ phải gánh chịu những “hậu quả nghiêm trọng”.

Ngoài việc tiến hành nhiều hoạt động ngoại giao với Liên Hợp Quốc, tôi đã thiết lập một liên minh lớn giữa các quốc gia có cùng chí hướng nhằm gây áp lực lên Saddam. Giống như cha, tôi đã tìm đến Quốc hội, nơi cả Thượng viện và Hạ viện bỏ phiếu bầu của hai đảng cho một nghị quyết ủy quyền cho tôi có những hành động quân sự để thực thi nghị quyết của Liên Hợp Quốc và bảo vệ đất nước khỏi những mối đe dọa từ Saddam Hussein. Thượng viện đã thông qua Nghị quyết với số phiếu 77 - 23, và Hạ viện đã thông qua với số phiếu 296 - 133. (Thật thú vị, năm 1990, một số Thượng nghị sĩ đã bỏ phiếu không đồng ý triển khai quân tới vùng Vịnh thì tới năm 2000 họ lại tiếp tục bỏ phiếu chống cuộc chiến tranh Iraq). Tôi cũng đã diễn thuyết về những hành vi bạo lực khủng khiếp của Saddam chà đạp lên phẩm giá con người và kêu gọi các công dân lẫn đồng minh của chúng tôi hỗ trợ chống lại Saddam vì đây là vấn đề nhân quyền. Và giống như cha, tôi đã làm việc chặt chẽ với các tướng lĩnh của lực lượng quân sự để cùng xây dựng kế hoạch nhằm thực hiện mục tiêu của chúng tôi - trong tình huống này, mục tiêu là loại bỏ chế độ của Saddam tại Baghdad - và tất nhiên đảm bảo thiệt hại dân sự ở mức tối thiểu nếu những nỗ lực ngoại giao thất bại.

Thật không may, lần thứ hai trong một thập kỷ, Saddam Hussein đã thách thức nước Mỹ, lực lượng liên minh, và Liên Hợp Quốc. Như vậy, rõ ràng việc sử dụng lực lượng vũ trang là lựa chọn duy nhất còn lại để giải quyết mối đe dọa từ Iraq. Tôi đã cử các điệp viên tình báo đến thông báo với cha về tình huống này (Tôi cũng đã gửi điệp viên đến báo cáo dưới thời cựu Tổng thống Clinton). Tôi không bao giờ hỏi cha nên làm gì. Chúng tôi đều hiểu rằng đây là một quyết định mà chỉ ai làm tổng thống mới có thể đưa ra. Chúng tôi chỉ nói về những vấn đề xảy ra, tuy nhiên, sau lễ Giáng sinh năm 2002 tại Trại David, tôi đã báo cáo với cha về chiến lược của chúng tôi.

“Con hiểu được chiến tranh khắc nghiệt đến thế nào, con trai, và con phải làm tất cả mọi điều có thể để ngăn chặn chiến tranh xảy ra”, ông nói. “Nhưng nếu ông ta không chịu thỏa hiệp, thì con không còn sự lựa chọn nào khác.”

Đầu năm 2003, Saddam đã nhanh chóng cho phép các thanh tra viên vũ khí vào Iraq, nhưng ông ta không cho họ đi đến những nơi cần thiết để xác minh rằng ông ta đã tuân thủ nghĩa vụ tiêu hủy các vũ khí hủy diệt hàng loạt. Nhớ lại những cam kết của cha về việc “tiến thêm vài dặm nữa cho hòa bình” năm 1991, tôi đã thực hiện nỗ lực ngoại giao cuối cùng để cho Saddam một lối thoát. Các quan chức trong chính quyền của tôi đã hội đàm với các nhà lãnh đạo tại Trung Đông về việc cho phép Saddam hưởng quy chế tị nạn. Nhưng rõ ràng ông ta không có ý định rời khỏi nơi này. Ngày 17 tháng 3 năm 2003, tôi đã cho ông ta bốn mươi tám giờ cuối cùng để rời khỏi đất nước. Nhưng một lần nữa, ông ta từ chối. Hết lần này đến lần khác, Saddam Hussein có thể lựa chọn con đường hòa bình. Nhưng thay vì điều đó, ông ta đã chọn chiến tranh.

Vào ngày 19 tháng 3 năm 2003, tôi đã ra lệnh khởi động chiến dịch Tự do cho Iraq. Cuối buổi sáng hôm đó, tôi đã viết một lá thư cho cha, “Con biết mình đang thực hiện những hành động đúng đắn và cầu nguyện để hạn chế đến mức thấp nhất số người chết”, tôi viết. “Iraq sẽ được tự do, thế giới sẽ an toàn hơn. Cảm xúc của khoảnh khắc quyết định đã qua đi và hiện tại con đang chờ đợi kết quả từ các hành động quyết liệt đang diễn ra. Con đã hiểu được những gì cha từng trải qua trước đây.”

Vài giờ sau, ông trả lời, “Cha rất xúc động khi nhận được những dòng con viết. Con đang làm những điều đúng đắn... Hãy nhớ những lời của em gái Robin - ‘yêu hơn ngàn lời nói’. Đúng vậy, cha cũng yêu con như thế”.

Các hoạt động quân sự nhận được ủng hộ từ ba mươi lăm quốc gia, đã nhanh chóng thành công. Trong vòng một tháng, lực lượng của chúng tôi đã lập lại hòa bình cho thủ đô Baghdad và lật đổ chế độ Saddam. Chúng tôi đã làm việc với nhiều nhóm đồng minh và các lãnh đạo của Iraq nhằm đáp ứng một mục tiêu: Thiết lập chính phủ Iraq tự do và do dân bầu thay thế chế độ độc tài tàn bạo của Saddam, một nền dân chủ tại trung tâm của khu vực Trung Đông, và một đồng minh trong cuộc chiến tranh chống khủng bố. Với vô vàn các lý do, nhiệm vụ này đã được chứng minh là khó khăn hơn rất nhiều so với dự đoán.

Đầu tiên, chúng tôi chưa bao giờ tìm ra các kho dự trữ vũ khí hủy diệt hàng loạt mà các lực lượng tình báo trên khắp thế giới đều tin rằng Saddam đang có (Chúng tôi đã làm được, tuy nhiên, chỉ tìm thấy bằng chứng rằng ông ta



vẫn có năng lực để chế tạo ra các vũ khí sinh hóa và đã dự định sẽ bắt đầu chương trình vũ khí hạt nhân sau khi sự trừng phạt kết thúc).

Thứ hai, sau khi Iraq nhanh chóng được giải phóng, các hoạt động bạo lực bùng nổ. Mầm mống bạo lực được chôn ngòi trong các nhóm thuộc dòng thiểu số do Saddam dung dưỡng trong nhiều thập kỷ và một phần do được hậu thuẫn bởi Iran và Syria, cả hai nước này đều có những động cơ lợi ích để can thiệp vào Iraq, ngăn chặn sự phát triển của hệ thống dân chủ và chống phá nước này tham gia vào nhóm liên kết thế giới vì hòa bình. Nhưng lực lượng nguy hiểm và bất ngờ nhất sau cuộc nổi dậy là al Qaeda. Trong những năm sau khi loại trừ Saddam và bị dồn đến Afghanistan, al Qaeda đã chọn vị thế đối lập với các cơ sở của Mỹ tại Iraq. Các thủ lĩnh của al Qaeda đã công khai tuyên bố xây dựng các căn cứ tại Iraq, từ đó chúng sẽ tổ chức những vụ tấn công khủng bố quy mô quốc tế. Và các thủ lĩnh của al Qaeda đã công bố một chiến lược tạo ra các cuộc bạo lực sắc tộc ở Iraq nhằm giết chết những người dân Iraq theo dòng Shia, cũng là cách chúng tạo ra sự hỗn loạn để trục lợi. Mặc cho những nỗ lực của lực lượng quân đội Mỹ, al Qaeda và những đồng minh của chúng tại Iraq vẫn thực thi chiến lược dùng vũ lực với sự tàn bạo khủng khiếp và có được những kết quả đáng sợ.

Năm 2007, tôi quyết định rằng chiến lược của chúng tôi tại Iraq sẽ được thay đổi. Tôi đã đưa ra một lực lượng tăng cường để hỗ trợ chính quyền dân chủ mới tại Iraq nhằm đánh bại lực lượng khủng bố và phiến quân nổi dậy. Nhờ vào những nỗ lực có tính lịch sử của quân đội, các sĩ quan tình báo và các nhà ngoại giao, lực lượng tăng cường đã có được thành công. Vài tháng sau cuộc chiến khắc nghiệt, al Qaeda đã bị đánh bại tại Iraq và nhân dân Iraq đã có thể giành lại đất nước.

Nhưng thật đáng tiếc, chính vì những diễn biến này, một tổ chức lấy al Qaeda làm nguồn cảm hứng đã được lập ra với tên gọi là Nhà nước hồi giáo Iraq và Syria - ISIS. Tổ chức này tập hợp sức mạnh từ Syria, hoạt động xuyên sang biên giới đến Iraq, để tàn phá nền dân chủ còn non nớt của Iraq, và nỗ lực thiết lập căn cứ hình thành lực lượng khủng bố. Tương lai của Iraq là không có gì đảm bảo, như tôi đã viết vào năm 2014. Vì lợi ích an ninh của chúng ta và của người dân Iraq, tôi hy vọng rằng chúng ta sẽ làm những gì cần thiết để đánh bại ISIS và trao cho chính quyền dân chủ một cơ hội để thành công. Có một điều chắc chắn rằng: Người dân Iraq, người dân Mỹ, và toàn thể người

dân trên thế giới đã có một cuộc sống tốt hơn sau khi Saddam Hussein không còn. Tôi tin rằng quyết định của cha năm 1991 là chính xác - và quyết định mà tôi đã đưa ra mười hai năm sau đó cũng hoàn toàn chính xác.

Chỉ trong vòng hai năm làm tổng thống, George Bush đã khéo léo quản lý chính sách của Mỹ liên quan đến các phong trào dân chủ tại Đông Âu, giải phóng Panama, và loại bỏ Saddam Hussein ra khỏi Kuwait. Chính sách ngoại giao của ông có thể đã được ghi nhận ưu việt hơn của bất kỳ vị tổng thống đương thời nào. Sau đó lịch sử đã thử thách ông thêm một lần nữa: khi Liên Xô sụp đổ.

Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, Liên Xô từ một đối thủ siêu cường của Mỹ đã trở thành một đế chế đổ nát. Mikhail Gorbachev không bộc lộ rõ quan điểm khi các quốc gia Trung và Đông Âu nổi dậy, nhưng không một ai biết được rằng điện Kremlin sẽ phản ứng ra sao khi các nước cộng hòa thuộc Liên bang Xô viết đòi tách ra độc lập.

Chiến lược của cha tôi là phát triển mối quan hệ cá nhân với Gorbachev trong khi thúc giục ông ta cho phép Liên Xô phân tách trong hòa bình. Chiến lược này đã đạt kết quả tốt vào đầu năm 1991 khi Gorbachev đồng ý cho phép một cuộc bầu cử tổng thống tự do cho Liên bang Nga. Các cử tri đã bầu ra một nhà cải cách uy tín có tên Boris Yeltsin.

Cách tiếp cận kiên trì của cha tôi đã vấp phải những lời phản đối. Bài phát biểu của ông tại Kiev, Ukraine, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của một quá trình chuyển đổi dần sang nền dân chủ và bị cười nhạo là quá trình “Con gà Kiev”. George Bush bác bỏ tất cả những lời chỉ trích. Ông tin tưởng rằng phong trào tự do sẽ thành công miễn là không bị đàn áp dữ dội. Và ông tin rằng việc thuyết phục Gorbachev - không kích động những phần tử Xô viết cứng rắn - sẽ là cách tốt nhất để tránh bị đàn áp.

Mối đe dọa từ những thành phần cực đoan tại cung điện Kremlin đã trở nên rõ ràng vào tháng 8 năm 1991. Chúng tôi đang ở bang Marine cùng cha khi Brent Scowcroft thông báo cho ông rằng các quan chức Liên Xô đã phản đối chính sách của Gorbachev và cuộc cải cách biến thành cuộc đảo chính. Họ đã quần thúc Gorbachev tại nhà trong kỳ nghỉ của ông tại Crimea. Cha đã cố gắng liên lạc với Gorbachev, nhưng không một ai cho ông biết làm thế nào để tìm được ông ấy. Có vẻ như người bạn của ông đã bại trận trước những cực

binh. Sau đó, trong một cảnh tượng đáng nhớ, Boris Yeltsin đã leo lên nóc một chiếc xe tăng và kêu gọi các nhà lãnh đạo của cuộc đảo chính dừng lại. Cuối cùng họ đã làm thế, và Gorbachev trở lại nắm quyền. Cha đã gọi điện cảm ơn Yeltsin và khuyến khích ông ta giữ thái độ mạnh mẽ khi đối mặt với những phần tử cứng rắn. Mặc dù Gorbachev vẫn tồn tại, nhưng Liên Xô đã thay đổi không gì cưỡng lại được.

Ngày mùng 7 tháng 12 năm 1991, cha và mẹ đã có một chuyến đi đến Hawaii để tham dự lễ kỷ niệm lần thứ 50 của trận Trân Châu Cảng. Đó là một ngày đầy cảm xúc đối với ông, làm ông nhớ lại kỷ niệm thời chiến và đồng đội đã hy sinh. Cuộc tưởng niệm tổ chức trên tàu USS Arinoza, nơi có hơn 1.100 lính thủy Mỹ đã thiệt mạng. Cha dành một phút mặc niệm vào đúng thời điểm khi xưa máy bay ném bom của Nhật Bản lần đầu tiên xuất hiện. Cha và mẹ đã gặp những binh sĩ còn sống sót và thả hoa xuống dòng nước để tôn vinh những người đã khuất. Trong bài diễn văn tưởng niệm, cha đã nhấn mạnh sự tha thứ: “Từ trái tim tôi, không hề có thù oán với Đức hay Nhật”, ông nói. “Và tôi hy vọng rằng, mặc dù đã có nhiều mất mát, nhưng sự thù hận không tồn tại trong con người bạn. Lúc này không phải là thời gian để trả thù. Thế chiến thứ hai đã kết thúc. Nó đã trở thành lịch sử. Và chúng ta đã thắng. Chúng ta đã nghiền nát chế độ độc tài, và khi làm được điều đó thì chúng ta hãy giúp kẻ thù lập ra những nền dân chủ”.

Ngày tiếp theo, cha nhận được một cuộc gọi từ Boris Yeltsin, người đã thông báo cho ông rằng Chủ tịch các nước cộng hòa thuộc Liên Xô đã bỏ phiếu chọn giải thể Liên bang Xô viết. Điều đó nghĩa là Mikhail Gorbachev sẽ không còn được nắm giữ vị trí cũ.

Giáng sinh năm đó, Gorbachev đã ký một văn bản giấy tờ giải thể Liên bang Xô viết. Lá cờ Liên Xô trên nóc điện Kremlin trong nhiều thập kỷ đã bị hạ xuống. Trước khi rời văn phòng của mình, Gorbachev đã thực hiện một cuộc gọi cuối cùng.

Gorbachev nói với cha tôi rằng ông ta sắp đọc tuyên bố từ chức và ông ta đã đặt sẵn trên bàn một sắc lệnh giải thể Liên bang Xô viết. Gorbachev đã cảm ơn tổng thống vì sự ủng hộ của ông, và cha tôi cũng chắc chắn với ông ta rằng lịch sử sẽ ghi nhớ sự lựa chọn của ông ta. Sau đó, họ đã trao đổi những lời cuối cùng với tư cách là một nhà lãnh đạo Liên Xô và một vị Tổng thống Mỹ.

“Tại thời điểm đặc biệt này của năm và vào thời điểm lịch sử này, chúng tôi kính chào ngài và cảm ơn ngài vì những gì ngài đã làm cho nền hòa bình thế giới. Vô cùng cảm ơn ngài”, cha nói.

“Cảm ơn anh, George”, Gorbachev nói. “Tôi tạm biệt và bắt tay anh.”

Sự kết thúc của cuộc gọi ấy là một trong những thành tựu ngoại giao tuyệt vời nhất trong lịch sử: một kết cục hòa bình cho cuộc Chiến tranh Lạnh.

Sau này nhìn lại, kết thúc của cuộc Chiến tranh Lạnh dường như không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, đối với nhiều thế hệ người Mỹ, những người lớn lên trong các cuộc tập trận phòng không, phải chịu hậu quả của bụi phóng xạ và cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba - dường như Chiến tranh Lạnh chưa bao giờ kết thúc - chưa kể tới việc nó diễn ra âm thầm không tiếng súng. Ronald Reagan đã công nhận điều này trước tiên, và quyết tâm đánh bại Liên Xô, chính việc đó làm cho uy tín của ông ta lên cao và được coi là người đầu tiên kiến tạo ra sự chiến thắng của Mỹ trong Chiến tranh Lạnh. Tương tự như vậy, Mikhail Gorbachev cũng hiểu được rằng Liên Xô cần phải được cải tổ để tồn tại. Nhưng cuối cùng ông đã thất bại trong nhiệm vụ này. Tuy nhiên quyết định của ông ta đã làm cho Liên Xô tan rã mà không cần đến bạo lực.

Tôi không cho rằng Gorbachev sẽ có thể làm được điều đó nếu không có đối tác Hoa Kỳ. Trong cuộc chuyển giao quyền lực hồi tháng 8 năm 1991, ông ta đã phải đối mặt với sự phản đối dữ dội từ trong nội bộ chính phủ của mình. Quan sát những phản ứng khác nhau của các tiểu bang Mỹ trước sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu - hạ hê trên chiến thắng hay thù hận với lực lượng cứng rắn tại Liên Xô - có thể nói Gorbachev không thể có khả năng chống cự nếu có những can thiệp bằng vũ lực. Tội tệ hơn, ông ta đã có thể bị lật đổ bởi một thủ lĩnh của Liên Xô trong một cơn mưa tên lửa hạt nhân. Dù bằng cách nào, sự sụp đổ của Liên bang Xô Viết đã chấm dứt thời kỳ nguy hiểm nhất của cuộc Chiến tranh Lạnh.

Rất may, Hoa Kỳ đã có một vị tổng thống phù hợp với thời đại. Trong những tháng tại vị, George Bush nhận ra tiềm năng của Gorbachev, sử dụng năng khiếu ngoại giao để giúp đỡ ông ta, biết khiêm tốn để tránh khiêu khích, có cá tính mạnh mẽ để đứng vững trước những áp lực từ những người chỉ trích. Tổng thống đã chuyển hướng cuộc Chiến tranh Lạnh đến một kết cục hòa bình bền vững, đó là một người đàn ông khiêm tốn, biết suy nghĩ thấu đáo mà tôi

từng biết trong cả cuộc đời mình. Không quá phóng đại khi nói rằng bài học mà Dorothy Walker Bush đã dạy con trai bà từ những năm đầu của cuộc đời - giành chiến thắng với lòng biết ơn, không khoe khoang, biết nghĩ cho người khác - đã trực tiếp cống hiến cho hòa bình thế giới. Không có nhiều bà mẹ có thể làm được điều này.

Những nhà lịch sử tương lai sẽ không nghi ngờ uy tín lãnh đạo của George Bush trong việc chấm dứt Chiến tranh Lạnh. Tuy nhiên, tại thời điểm ấy, thành công phải trả bằng một cái giá bất ngờ. Vì loại bỏ các vấn đề trong chính sách đối ngoại ra khỏi chương trình nghị sự trong cuộc bầu cử năm 1992, ông đã xóa bỏ sức mạnh lớn nhất của mình. Một trong những thay đổi kịch tính nhất trong lịch sử chính trị là việc George Bush đang từ vị trí một nhà lãnh đạo được ngưỡng mộ với tỷ lệ ủng hộ cao trên 80% trở thành một người thất nghiệp.

# Những năm tháng khó khăn nhất

T

rong cơn bão ngày với hội sức hóa tàn trang phá Halloween kinh hoàng năm đã đổ 1991, bộ một vào khu vực duyên hải bang Maine. Sức gió vô cùng khủng khiếp, giạt 75 dặm một giờ và với những con sóng biển lên tới hơn 9 mét, cơn bão này gây ra tổng thiệt hại lên tới hơn hai trăm triệu đô. Cơn bão đã phá hủy dinh thự của gia tộc Bush tại Walker's Point. Căn nhà tranh có tên Cơn sóng mà gia đình tôi dành riêng cho khách đã bị phá hủy tan tành từ móng. Nhà của cha mẹ tôi bị thiệt hại nghiêm trọng vì những tảng đá khổng lồ bị sóng đánh vào phòng khách. Bàn ghế bị cuốn trôi ra biển. Cha tôi mô tả trong một bức thư gửi một người bạn của ông, Kennebunkport đã thực sự trải qua “một thảm họa tàn phá khủng khiếp nhất trong lịch sử”. Người dân địa phương gọi thiên tai trong kỳ nghỉ lễ Halloween năm 1991 là “trận siêu bão”.

Cơn bão quét qua khu nhà ở Walker's Point như một điềm báo một năm đầy biến động đang chờ George Bush. Chỉ vài tháng trước đó, cách xử lý quyết đoán của cha trong Chiến tranh vùng Vịnh và sự sụp đổ của khối Đông Âu đã giúp cho cha tôi giành được tỷ lệ ủng hộ cao chưa từng thấy. Thế nhưng, nền kinh tế nước Mỹ vẫn trong cơn suy thoái và người dân Mỹ rất thất vọng về điều này. Và kết quả là, trong vòng chưa đầy một năm, tỷ lệ ủng hộ cha tôi giảm tới hơn 40 điểm. Cha tôi phải đối mặt với một thách thức thực sự khi một tỷ phú, và là một thành viên của Đảng Dân chủ, đã quyết định giành lại Nhà Trắng từ tay những người Đảng Cộng hòa sau mười hai năm bỏ bê chính trị. Đối với những người ủng hộ cha tôi, 1992 quả là một năm khó khăn.

Dù cho chính sách ngoại giao chi phối tới chính quyền tổng thống của cha tôi, cha vẫn mang tới Nhà Trắng những chương trình nghị sự nghiêm túc với những vấn đề đối nội: cải tiến giáo dục, giảm tội phạm, khuyến khích chủ nghĩa tình nguyện, và thúc đẩy nền kinh tế của đất nước bằng việc duy trì mức thuế thấp.

Những kế hoạch này nhanh chóng vấp phải thực tế khó khăn vì nền kinh tế đang suy sụp. Nền kinh tế Mỹ đã dần ổn định kể từ cuộc đại suy thoái đã

được Tổng thống Ronald Reagan giải quyết từ đầu những năm 1980. Thế nhưng lạm phát gia tăng, kết hợp với cuộc khủng hoảng tiết kiệm và nợ, đã làm cho kinh tế Mỹ đình trệ đầu những năm 1990. Chẳng bao lâu sau, nước Mỹ lại rơi vào suy thoái. Thâm hụt ngân khố quốc gia đã lên hơn 200 tỷ đô, bằng gần 4% tổng sản phẩm quốc nội của quốc gia. Những nhà cố vấn kinh tế cảnh báo rằng, sự thâm hụt thậm chí còn có thể khiến kinh tế Mỹ suy thoái tồi tệ hơn nhiều.

Chiến dịch của Nhà Trắng nhằm vực dậy nền kinh tế bằng cách giảm thâm hụt ngân sách qua cắt giảm chi tiêu. Nhóm chuyên gia chính sách kinh tế hy vọng rằng giảm thâm hụt ngân sách sẽ làm giảm lãi suất và phục hồi lòng tin của người tiêu dùng, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy nhiên, năm 1990, Đảng Dân chủ đã kiểm soát cả Hạ viện và Nghị viện, và họ muốn giảm thâm hụt bằng việc tăng thuế chứ không cắt giảm chi tiêu. Sau nhiều tháng làm việc và đàm phán với những nhà lãnh đạo của hai đảng, cha tôi chấp thuận một thỏa hiệp về ngân sách: Để đổi lấy việc cắt giảm chi tiêu, cha tôi phải đồng ý tăng những khoản thuế. Tổng thống Ronald Reagan cũng đã làm như vậy trong năm 1982 khi ông đồng ý việc tăng thuế như là một giải pháp giảm thâm hụt. Thế nhưng có một sự khác biệt giữa hai năm 1982 và 1990. Không giống như vị tiền nhiệm của mình, George Bush lại từng hứa khi tranh cử rằng “Tôi cam kết không có chính sách thuế mới”.

Quốc hội cân nhắc thỏa hiệp từ mùa thu năm 1990. Đảng Cộng hòa, đứng đầu là Nghị sĩ Newt Gingrich của bang Georgia - xét về khía cạnh nào đó ông ta cũng ủng hộ thỏa hiệp này - đã ngăn chặn và luật mới không được thông qua. Vì không thông qua được luật chi tiêu, chính phủ phải đóng cửa ngay sau đó. Đảng Dân chủ chớp lấy thời cơ này để yêu cầu điều chỉnh việc tăng thuế thu nhập cá nhân ngoài những mục tăng thuế khác. (Trong suốt nhiều năm chúng ta đã thấy rằng người dân Mỹ mong chờ chính phủ của mình thực hiện bổn phận, và việc Đảng Cộng hòa khởi xướng đóng cửa chính phủ chỉ càng thúc đẩy sự lớn mạnh của Đảng Dân chủ). Vào thời điểm đó, cha tôi đã cho triển khai quân đội tới khu vực Ả-rập Xê-út, chuẩn bị để trục xuất Saddam Hussein khỏi Kuwait. Cha cảm thấy không thể đáp ứng để chi trả hết cho cuộc khủng hoảng ngân sách trong nước trong khi ông cũng đang phải quản lý và giải quyết vấn đề khủng hoảng an ninh quốc gia ở nước ngoài. Và cha tin rằng cắt giảm thâm hụt ngân sách là điều rất quan trọng để phục hồi nền kinh tế. Ông

đồng ý xem xét lại các thỏa thuận, trong đó có cả đề xuất tăng thuế do Đảng Dân chủ đưa ra.

Xét về khía cạnh kinh tế, dự luật ngân sách thật sự có ý nghĩa. Nó thiết lập kỷ luật chi tiêu thông qua thiết lập những khoản trần điều chỉnh chi tiêu đòi hỏi chính phủ cắt giảm những lĩnh vực khác để tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe và an ninh xã hội. Với mỗi một đô la cha tôi chấp nhận tăng thuế lên thì đòi lại, Đảng Dân chủ đồng ý cắt giảm chi tiêu hai đô la.

Tuy nhiên xét về khía cạnh chính trị, thì sự thỏa hiệp ngân sách là một thảm họa. Cha tôi phải quyết định phá vỡ cam kết “không đề ra chính sách thuế mới”, việc này làm mất uy tín của Đảng Cộng hòa. Nhà Trắng rất kém trong việc truyền thông cho người dân hiểu nguyên nhân sâu xa đằng sau giải pháp đối phó với thâm hụt ngân sách. Theo tôi hiểu, không có một nỗ lực nào đúng tính chất quy mô cần thiết được thực hiện để bảo vệ chính sách này. Tôi không biết chắc tại sao những cố vấn cấp cao của Perhaps lại không thu hút sự chú ý của công luận đến việc cha phá vỡ cam kết trong vấn đề thuế. Nếu họ làm như vậy thì thật thiên cặn.

Nhìn lại, đáng lẽ ra, Nhà Trắng nên thực hiện chiến dịch quan hệ công chúng một cách mạnh mẽ hơn nhằm giải thích cho người dân về chính sách ngân sách đó. Nếu đưa vấn đề này ra bàn với người dân, tổng thống có thể giành chắc sự ủng hộ của công chúng và thay đổi suy nghĩ của quan chức chính quyền Washington. Thật không may, cha tôi đã không thực hiện điều này trong thỏa hiệp ngân sách năm 1990, và việc cha tôi không thực hiện đúng cam kết về thuế đã ảnh hưởng rất nhiều tới thanh danh của ông trong nội bộ đảng.

Cuối cùng, sau này có rất nhiều nhà kinh tế học đã đưa ra kết quả nghiên cứu cho rằng quyết định của cha tôi đã đặt nền móng cho sự phát triển kinh tế bùng nổ những năm 1990. Thật buồn cho Tổng thống George Bush, dấu hiệu tăng trưởng kinh tế tích cực chỉ xuất hiện sau kỳ bầu cử năm 1992.

Luật cắt giảm thâm hụt làm lu mờ những thành tựu phát triển khác trong nhiệm kỳ tổng thống của cha tôi. Ông đã thực hiện được điều ông từng cam kết trong chiến dịch tranh cử là ban hành Luật Người khuyết tật, một dấu mốc cho hàng triệu công dân Mỹ bị khuyết tật thể chất có thể tham gia đầy đủ hơn vào hoạt động xã hội. Tôi đã trực tiếp thấy được sự ảnh hưởng tích cực của luật này.



Khi đó, tôi đang làm quản lý cho đội bóng Rangers bang Texas, chúng tôi thiết kế một sân chơi bóng mới ở Arlington trong đó có cả đường đi và chỗ ngồi riêng cho những người khuyết tật, như vậy tất cả những người hâm mộ đều có thể đến cổ vũ cho đội Rangers.

Cha tôi cũng ký ban hành Luật Quyền Công dân năm 1991 - một sự bổ sung hợp lý cho Luật Mở cửa nhà đất mà ông ủng hộ từ năm 1968. Điều luật mới này cho phép những nạn nhân của nạn phân biệt chủng tộc có thể dễ dàng tiếp cận tòa án mà không cần có giấy chứng nhận tài sản. Cha tôi còn ban hành Luật Không khí Sạch sửa đổi năm 1990, văn bản pháp luật quan trọng nhất về vấn đề môi trường trong suốt hai thập kỷ. Luật này bắt buộc thị trường giảm tác hại của mưa axit theo cách có hiệu quả nhất về mặt kinh tế. Và nó thực sự đã có hiệu quả. Năm 2002, tạp chí Kinh tế Economist đã đánh giá điều luật này là “câu chuyện môi trường thành công nhất trong thập kỷ vừa qua”.

Một trong những thành tựu cá nhân khiến cha tôi hài lòng nhất là việc ông đã yêu cầu thiết lập chương trình ghi nhận và khuyến khích các tổ chức tình nguyện. Cha tôi từng nói trong diễn văn nhậm chức, ông gọi sáng kiến này là Các điểm sáng. Mỗi ngày, Nhà Trắng vinh danh một người tình nguyện đã và đang có đóng góp cho cộng đồng, và trao giải thưởng Điểm sáng trong ngày. Tính đến cuối nhiệm kỳ của cha tôi, đã có hơn 1.000 người được nhận giải thưởng này. Cha không chỉ dừng lại ở đó. Khi rời Nhà trắng, cha tôi có một sáng kiến mới, đó là chuyển chương trình Các điểm sáng sang một tổ chức tư nhân quản lý, do em trai tôi, Neil, làm Chủ tịch và tiếp tục thúc đẩy chủ nghĩa tình nguyện. Năm 2013, Tổng thống Barack Obama đã mời cha tôi đến Nhà Trắng để dự lễ vinh danh Điểm Sáng Trong Ngày lần thứ năm nghìn cho hai tình nguyện viên đến từ bang Iowa, những người đã khởi xướng chương trình cung cấp thức ăn và nước uống cho trẻ em gặp hoàn cảnh khó khăn.

Giống như những vị tổng thống tiền nhiệm, cha tôi cũng có cơ hội để tạo ảnh hưởng lên quyền lực thứ ba của chính phủ - bộ máy tư pháp. Cha tôi đã cách chức hai vị thẩm phán Tòa án Tối cao, William Brennan và Thurgood Marshall, hai vị thẩm phán có tư tưởng tự do nhất thế kỷ XX, và thay thế bằng David Souter và Clarence Thomas. Trong khi Souter, một nguyên thẩm phán Tòa án Tối cao của bang New Hampshire được đề cử bởi John Sununu và Nghị sĩ Warren Rudman, người mà sau này cũng thể hiện tư tưởng tự do, phóng khoáng giống hai người tiền nhiệm Brennan và Marshall. Clarence

Thomas, một người Mỹ gốc Phi, lớn lên ở một vùng nông thôn nghèo khó tại Pin Point, Georgia, sau đó được vào trường Đại học Công giáo Holy Cross và trường Luật Yale, ông nổi tiếng là một thẩm phán kiên định và vô cùng quy củ của tòa án tối cao.

Để có được vị trí này, thẩm phán Thomas đã trải qua một quy trình bổ nhiệm vô cùng khó khăn và bất công nhất trong lịch sử Thượng Nghị viện. Các phiên điều trần không tập trung vào bằng cấp và năng lực chuyên môn của ông mà nhằm vào những chuyện đời tư. Phe Dân chủ tại Thượng viện dẫn vào cả đoàn nhân chứng để cáo buộc ông tội quấy rối tình dục - một màn trình diễn đáng hổ thẹn và Thomas gọi đó là cách “hành hình bằng công nghệ cao”. Trong suốt phiên điều trần, áp lực rất khủng khiếp buộc Thomas phải từ bỏ không ứng cử vào vị trí chánh án. Tôi biết George Bush sẽ chẳng bao giờ bỏ rơi một người tốt như vậy. Tôi nhớ mình đã nói với cha sau khi theo dõi chương trình truyền hình trực tiếp phiên điều trần.

“Tên Thomas đơ dáy này ngày càng trở nên kinh tởm.”

“Con biết những gì con trai”, cha nói. “Người ta càng đối xử tàn tệ với ông ta bao nhiêu thì cha càng quyết tâm giao vị trí này cho ông ta bấy nhiêu.”

Cha tôi đã làm được những điều mình nói. Sau nhiều nỗ lực vận động hành lang, Thượng Nghị viện đã thông qua đề cử Thomas làm Thẩm phán với tỷ lệ 54 và 48%, và có 11 đảng viên Đảng Dân chủ bỏ phiếu ủng hộ.

Chúng kiến quá trình cha tôi bổ nhiệm thẩm phán Tòa án Tối cao đã mang lại cho tôi rất nhiều lợi ích khi sau này tôi có cơ hội bổ nhiệm những vị thẩm phán trong nhiệm kỳ của mình. Tôi học được rằng tổng thống rất cần xem xét toàn diện những người sẽ được bổ nhiệm. Thời gian đầu trong nhiệm kỳ tổng thống, tôi đã ủy nhiệm cho tổ chức tư vấn của mình tìm hiểu kỹ càng về những ứng cử viên có tiềm năng cho chức vụ tại Tòa án Tối cao. Khi thẩm phán Sandra Day O'Connor tuyên bố từ chức năm 2005, tôi đã mời tới năm nhà luật học và phỏng vấn từng người một tại dinh thự ở Nhà Trắng. Tôi đã nhìn nhận tổng quát những triết lý, quan điểm của họ một cách công bằng; những gì tôi thực sự muốn tìm hiểu đó là nhân cách của họ và liệu rằng triết lý của họ có thay đổi theo thời gian hay không. Tôi phải thừa nhận rằng tất cả các ứng viên đều rất xuất sắc, thế nhưng tôi thực sự ấn tượng với luật gia John Roberts, một con người hào phóng và khiêm tốn, ông đã tham gia tranh tụng

hàng chục vụ án tại Tòa án Tối cao và được xem như là một trong những luật sư tài giỏi nhất ở thế hệ của ông.

Thoạt đầu, tôi chọn John để thay vào vị trí của O'Connor, thế nhưng, về sau tôi lại đưa ra quyết định khác, thay vì thế, tôi bổ nhiệm ông ấy vào vị trí chánh án Tòa án Tối cao thay cho vị trí của Rehnquist sau khi ông này qua đời. Thay thế chức vụ của Thẩm phán O'Connor, tôi chọn Sam Alito, một thẩm phán có tài ăn nói và cũng là một con người hết sức thông minh, ông là một người rất say mê ngành luật được cho là chịu ảnh hưởng của chính trị gia người bang Philadelphia, Phillies. Cả hai người đàn ông này khiến tôi cảm thấy rất tự hào trong suốt thời gian họ làm việc trong Tòa án Tối cao.

Trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên của cha tôi, hầu hết người dân đều nghĩ rằng cha tôi sẽ lại ra tranh cử trong lần tới. Cha tôi yêu thích công việc này, và quả thực ông đã làm rất xuất sắc. Thế nhưng quyết định ra tranh cử lần tới không phải là hành động bột phát. Mỗi quan tâm hàng đầu của ông là sự tác động của việc tranh cử tới gia đình. Một lý do nữa đó là em trai tôi, Neil. Cậu ấy làm việc trong Ủy ban những giám đốc của Quỹ Tiết kiệm và cho vay Ngân hàng Silverado. Giống như hàng nghìn những hội viên của hiệp hội tiết kiệm và cho vay ngân hàng, Silverado đã mở rộng quá mức việc cho vay tiền, kết quả là nó không thể trả nợ được khi lãi suất tăng, và Silverado đã phải nhờ tới tiền đóng thuế liên bang để hoàn trả tiền cho những người gửi. Giới truyền thông và những người chống đối cha tôi trong chính trường đã mô tả em trai tôi như là một “con gười khoác lác” và buộc tội cậu ấy phải chịu trách nhiệm cho cuộc khủng hoảng ngân hàng. Cậu ấy phải ra trả lời chất vấn trước Ủy ban Quốc hội để giải trình những vấn đề hóc búa. Tập đoàn Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang Mỹ đã mở một cuộc điều tra, và cuối cùng đưa việc này ra tòa dân sự (việc này sau đó được giải quyết mà không phải đưa ra tòa).

Cha tôi đã bị áp lực rất lớn. Ông bày tỏ sự đau đớn đối với cậu con trai thứ. Sau này ông đã viết, ông cảm thấy như muốn chết đi khi chứng kiến Neil bị cô lập chỉ vì cậu ấy là con trai của tổng thống. George Bush sẵn sàng nhận hết áp lực của vị trí tổng thống. Thế nhưng, khi công việc này ảnh hưởng tới gia đình thì đó lại là chuyện hoàn toàn khác. Một ngày, cha và tôi đi câu cá ở Maine, ông nói với tôi với vẻ mặt buồn rầu: “Con trai này, cha đang suy nghĩ về việc sẽ không ra tranh cử nữa”.

“Tại sao thưa cha?”, tôi hỏi.

“Bởi vì những gì Neil, em trai con, đang phải trải qua”, ông nói.

“Con biết việc này hết sức khó khăn”, tôi nói, “thế nhưng cha vẫn phải làm những gì cần làm, nước Mỹ cần có cha”.

Cha tôi không nói gì. Rõ ràng cha tôi đang thực sự băn khoăn liệu có nên ra tranh cử lần tới không, khi mà em trai tôi đang vấp phải quá nhiều tổn thương.

Một ngày kia, tôi bắt gặp cảnh Neil đang tập thể dục trong một phòng tập ở Dallas. Tôi nghe thấy có người nói, “Kia là con trai của Tổng thống, hẳn ta sắp bị ra tòa”. Lúc đó tôi cảm thấy giận sôi trong người, tôi đã đi tới chỗ họ và hét lên, “Tôi chẳng có tội gì mà phải ra tòa, em trai tôi cũng vậy. Làm ơn nói đúng sự thật, đừng phát tán tin đồn nhảm nhí”. Người lạ mặt đó đã quay lại, lắp bắp nói những lời xin lỗi. Những điều không tốt đẹp của tôi về cuộc khủng hoảng ngân hàng Silverado nhanh chóng qua đi. Đối với em trai tôi, Neil, khủng hoảng này ám ảnh cậu ấy mãi mãi.

Nhiều năm sau đó, tôi vẫn nhớ những trải nghiệm của Neil khi tôi đang băn khoăn có nên ra tranh cử tổng thống hay không. Tôi thấy do dự trong việc nói với gia đình tôi, đặc biệt là hai cô con gái nhỏ, về cách xử sự không tốt đẹp mà Neil đã phải trải qua. Cuối cùng, giống như cha tôi, tôi đã quyết định rằng gia đình tôi có đủ sức mạnh vượt lên sự hoài nghi của công chúng. Làm tổng thống tất nhiên sẽ vấp phải nhiều lời chỉ trích, và một trong những khó khăn lớn nhất của bất kỳ tổng thống nào đó là chứng kiến những lời chỉ trích có thể ảnh hưởng tồi tệ đến gia đình những người thân yêu của họ.

Cha tôi còn có một lý do khác khiến ông lưỡng lự không muốn tái tranh cử. Năm 1989, mẹ tôi bị chẩn đoán với căn bệnh tuyến giáp, có thể gây ra tình trạng giảm cân trầm trọng và những vấn đề về mắt. Hai năm sau, cha tôi lại mắc chứng tim đập không ổn định và suy nhược. Tháng 5 năm 1991, khi Laura và tôi đến tham dự một bữa tiệc tối với Nữ hoàng Anh, tôi đã rất bàng hoàng khi trông thấy bộ dạng của cha, trông ông rất mệt mỏi và tiều tụy. Cha tôi chưa bao giờ phàn nàn về việc này, thế nhưng tôi có thể cảm nhận được những gì cha đang phải chịu đựng. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy cha già yếu như vậy. Thật kỳ lạ, các bác sĩ kết luận cha tôi cũng mắc căn bệnh tuyến giáp. Họ đã làm những gì tốt nhất có thể để chữa trị cho căn bệnh của ông, thế nhưng chữa bệnh này phải mất rất nhiều thời gian. Và có vẻ như cha tôi sẽ chẳng bao giờ có thể lấy lại được sức khỏe như trước kia. Đó là một vấn đề

rất nghiêm trọng, nó sẽ ảnh hưởng rất nhiều tới công việc của cha lẫn việc ra tranh cử lần tới. Thế nhưng George Bush là một người luôn phấn đấu. Ông đã giải thích trong đại hội năm 1988 rằng ông coi việc làm tổng thống như một sứ mệnh - và cha quyết tâm hoàn thành sứ mệnh ấy.

Khoảng mùa hè năm 1991, tôi bắt đầu cảm thấy lo lắng về chiến dịch tái tranh cử. Người Mỹ đang rất chú trọng vào kinh tế. Và thời kỳ suy thoái này không phải là dấu hiệu tốt cho tổng thống đương nhiệm - nhất là Tổng thống đó đã làm cho đảng viên mất lòng vì phá vỡ cam kết ông đã từng hứa khi tranh cử.

Ngoài vấn đề kinh tế, tôi cũng rất lo lắng về vấn đề tâm lý chính trị của nước Mỹ. Trong tám năm cha tôi làm phó tổng thống và bốn năm làm tổng thống, ông đã thực sự được rất nhiều người biết đến. Bản thân những người Mỹ, họ muốn tìm ở tâm điểm của sự chú ý quá lâu. Người dân Mỹ tất nhiên muốn tìm kiếm những gương mặt mới. Thế hệ bùng nổ dân số được sinh ra trong những năm 30, 40 ngày càng tham gia tích cực vào chính trị. Những nhà lãnh đạo từ thế hệ Thế chiến thứ hai bắt đầu trở nên lỗi thời. Thậm chí, trong số những người ủng hộ nhà Bush, năng lượng và nhiệt huyết không còn giữ được ở mức cao như năm 1988.

Để thuyết phục người dân Mỹ rằng cha tôi xứng đáng làm việc thêm bốn năm nữa, ông cần đưa ra những thông điệp tích cực và hướng tới tương lai nhiều hơn. Thế nhưng, thật là một thảm họa khi chiến lược gia hàng đầu của cha tôi, ông Lee Atwater, đã qua đời vì căn bệnh ung thư não năm 1991. Chẳng có ai trong số những người còn lại đủ tài năng như Lee để đứng lên điều hành chiến dịch tái tranh cử. Những hiểm họa về một viễn cảnh chính trị không mấy tốt đẹp trở nên rõ ràng hơn vào tháng 12 năm 1991 khi Dick Thornburgh, cựu Tổng chưởng lý của cha tôi và là Thống đốc nổi tiếng của bang Pennsylvania, đã bất ngờ thua trong cuộc đua vào Thượng Nghị viện bang. Đó là một hồi chuông báo động về những mối đe dọa mà George Bush sắp phải đối đầu.

Mọi người trong gia đình tôi tránh phàn nàn để không chất thêm gánh nặng lo lắng lên cha tôi. Nhưng vào đầu mùa thu năm 1991, tôi đã phải nói với cha rằng, tôi thực sự rất quan ngại về việc cha tham gia tranh cử một lần nữa. Tôi biết rằng cha cũng đồng tình với tôi, bằng chứng là ông đã yêu cầu tôi đảm nhiệm một công việc hết sức nhạy cảm. Ông muốn tôi phân tích làm sao để cải thiện hoạt động của Nhà Trắng và đề xuất cách xây dựng chiến dịch năm 1992. Cha tôi đã gửi một bức thư tới tất cả những cố vấn cấp cao của ông,

ông yêu cầu họ gặp tôi và chia sẻ những suy nghĩ thẳng thắn của họ. Ban đầu tôi giật mình vì cha giao cho tôi một việc quan trọng đến thế. Nhưng ngay sau đó, tôi cảm thấy xúc động vì cha tin tưởng tuyệt đối vào tôi.

Tôi đã nhận nhiệm vụ này một cách nghiêm túc. Tôi đi lại nhiều lần từ Dallas tới Washington để phỏng vấn những quan chức cấp cao của Nhà Trắng và những người tham gia chiến dịch vận động tranh cử. Rõ ràng là nhiều vị cố vấn cấp cao cảm thấy rằng họ đang dần xa cách và không hợp tác chặt chẽ với tổng thống. Họ cảm thấy tổng thống bị tách biệt và họ không dễ dàng để tiếp cận, đó là một điểm yếu của cha. Những cuộc phỏng vấn đi đến một kết luận tổng hợp rằng cha tôi nên thay đổi cách hoạt động của Nhà Trắng, bắt đầu từ Chánh Văn phòng Nhà Trắng.

Cuối tháng 11 năm 1991, cha mẹ và tôi cùng nhau ăn tối trong phòng ăn của gia đình tại Nhà Trắng. Trong khi ăn món súp khai vị, tôi đã tổng kết cho cha nghe về những cuộc phỏng vấn mà tôi đã thực hiện. Cha tôi nghe tất cả, và ông không nói gì nhiều trong khi ăn món chính. Cuối cùng, khi dùng món tráng miệng, cha tôi nói, ông đồng ý với kết luận rằng Nhà Trắng cần được tổ chức lại và chức vụ Chánh Văn phòng cần được thay thế bằng một người khác. Sau đó ông hỏi tôi, “Con nghĩ ai là người thích hợp để nói chuyện này với John Sununu?”.

Tôi ngạc nhiên vì câu hỏi này. “Tại sao cha không nói điều đó với ông ta?”, tôi hỏi.

Ông trả lời, “Tốt hơn là nên có một người khác làm điều này”. Chúng tôi cùng nhau đưa ra danh sách những cái tên phù hợp, thế nhưng cha không muốn ai trong số họ giải quyết việc này.

Cuối cùng, cho dù tư cách là con trai của tổng thống có vẻ không phù hợp cho việc thông báo sa thải ông Chánh Văn phòng, tôi nói, “Thưa cha, nếu không có ai khác làm, thì hãy để con. Con có thể nói chuyện với Sununu bất cứ khi nào cha muốn”.

Tôi nín thở chờ phản ứng của cha. Ngưng một lúc lâu, ông nói, “Được thôi”.

Suốt nhiều năm sau đó, tôi đã suy nghĩ nhiều về cuộc nói chuyện giữa tôi và John Sununu. Tôi chỉ nói với John rằng, ông ấy nên đi gặp tổng thống, tâm sự

chân tình với cha tôi, và hãy cho cha tôi một cơ hội thay đổi nếu cha tôi mong muốn. Tôi không biết chuyện gì đã diễn ra sau đó, thế nhưng tôi biết rằng, một vài ngày sau đó John đã đi gặp cha tôi để nói chuyện tại Trại David. Ngay sau Lễ Tạ ơn năm 1991, John Sununu - một người có trình độ và một người bạn trung thành với George Bush - đã từ chức Chánh Văn phòng.

Tôi vẫn luôn băn khoăn không biết vì sao cha không tự mình nói chuyện với Chánh Văn phòng. Tôi chẳng bao giờ hỏi cha. Chuyện đó đã dạy cho tôi một bài học. Khi tôi trở thành thông đốc, rồi tổng thống, tôi giải quyết chuyện thay đổi nhân sự bằng cách nói trực tiếp hoặc nhờ một người thân tín (tất nhiên không phải người trong gia đình) thay tôi làm công việc này. Khi tôi quyết định tổ chức lại Nhà Trắng trong năm thứ 5 làm tổng thống, tôi nói với người bạn thân của mình đồng thời là Chánh Văn phòng Andy Card rằng tôi cảm thấy đã đến lúc phải thay đổi. Và khi quyết định thay Bộ trưởng Ngân khố Paul O'Neill và Bộ trưởng Quốc phòng Don Rumsfeld, tôi đã yêu cầu Phó Tổng thống Dick Cheney đi nói chuyện với họ.

Cùng trong bữa tối hôm đó ở Nhà Trắng, cha và tôi đã thảo luận về cách tổ chức chiến dịch tranh cử năm 1992. Không giống như năm 1988, tôi đã không lên kế hoạch ở lại Washington trong chiến dịch tranh cử của cha lần này. Tôi rất bận rộn với việc quản lý đội bóng Rangers ở Texas. Tôi gợi ý cha yêu cầu Jim Baker, người đã tham gia vào tất cả các chiến dịch tranh cử toàn quốc của cha, từ bỏ chức ngoại trưởng để điều hành chiến dịch tranh cử năm 1992. Cha tôi lưỡng lự với việc yêu cầu Jim từ bỏ chức vụ này và tham gia vào đấu trường chính trị. Tôi hiểu quyết định của cha, thế nhưng với việc Atwater qua đời và Ngoại trưởng Baker sẽ rút lui khỏi đấu trường chính trị, sự lo lắng của tôi về lần tranh cử này càng tăng lên.

Năm 1992 không phải là một năm quá tồi tệ với Tổng thống George Bush. Cha có chuyến công du đầu năm tới châu Á, tại đó, ông đàm phán một số thỏa thuận thương mại. Điểm dừng chân cuối cùng là Nhật Bản. Sau một ngày có nhiều cuộc họp, cha và mẹ tôi tham dự một bữa tiệc với Thủ tướng Kiichi Miyazawa. Cả ngày hôm đó, cha tôi cảm thấy không khỏe, thế nhưng ông vẫn giữ phép lịch sự để tham dự bữa tiệc. Mọi thứ đều tốt đẹp cho tới nửa chừng bữa ăn hôm đó, về mặt cha tôi mệt mỏi, ông gục đầu xuống, sau đó ngã khỏi ghế ngồi và nôn mửa vào người Thủ tướng. Nhân viên Sở Mật vụ của cha tôi

đồ xô đến, mẹ tôi cũng đến bên cạnh đưa cho cha một cái khăn. Cha tôi nhanh chóng lấy lại sự tỉnh táo.

“Tại sao em không kéo tôi lặn xuống dưới gầm bàn và như thế em vẫn có thể tiếp tục bữa tiệc của mình”, cha tôi ngưng nghịu nói đùa.

Ngay sau đó, mọi người đưa cha quay trở lại khách sạn còn mẹ tôi ở lại tiếp tục bữa tiệc và chung vui với mọi người. Sự việc đó được báo chí quốc tế đưa tin, làm xuất hiện rất nhiều bài thơ trào phúng trong các chương trình hài kịch đêm muộn sau ngày hôm đó.

Chẳng có gì hài hước về vấn đề này khi nó lan tới tận tiểu bang New Hampshire. Vào tháng 12 năm 1991, nhà bình luận chính trị và cũng là một người dẫn chương trình truyền hình, Patrick J. Buchanan, đã công bố rằng ông ấy sẽ đối đầu với cha tôi trong hội nghị tuyển chọn ứng cử viên cho Đảng Cộng hòa tại tiểu bang New Hampshire. Buchanan chưa từng giữ bất kỳ một vị trí dân cử nào và có vẻ như ông ta tham gia bầu cử lần này chỉ để thu hút thêm khán giả cho chương trình truyền hình của mình. Một vài tháng trước đó, dường như không có đảng viên Đảng Cộng hòa nào là đối thủ của Bush. Việc Buchanan tham gia tranh cử thể hiện rằng vị trí của cha tôi trong Đảng Cộng hòa đang lung lay dữ dội. Những cuộc thăm dò ý kiến đầu năm 1992 đã chỉ ra rằng, Buchanan có thể giành tới 30% số phiếu ủng hộ trong Đảng Cộng hòa - một con số đáng báo động. Tôi đã chứng kiến những ứng viên đầy thách thức như vậy chạy đua tranh ở New Hampshire trước đây: Eugene Mc Carthy năm 1968, Ronald Reagan năm 1976 và Ted Kennedy năm 1980. Mỗi lần như vậy, những người bị thách thức như cha tôi lại thương tổn nghiêm trọng.

Thông điệp chính của Buchanan là George Bush đã phản bội chính sách bảo thủ mà Tổng thống Ronald Reagan đưa ra - ngày nay các chính trị gia Đảng Cộng hòa vẫn kiên trì theo đuổi chính sách này, cho dù một số người trong đảng không chú ý tới một số chi tiết trong hồ sơ của Ronald Reagan. Ông ta công kích cha tôi không chỉ về việc cha tôi phá vỡ cam kết không có chính sách thuế mới mà còn vì cha tôi đã ký ban hành Luật Quyền dân sự.

Buchanan đã mô tả cha tôi ngược lại với ông ta. “Ông ấy là người theo chủ nghĩa toàn cầu, còn chúng ta là người theo chủ nghĩa dân tộc. Ông ấy tin vào việc có thể sống trong một thế giới chung, còn chúng ta tin vào chế độ cộng hòa cũ. Ông ấy đặt sự giàu có và sức mạnh của người Mỹ vào việc phục vụ



những mục tiêu vô vọng của trật tự Thế giới Mới. Chúng ta đặt người Mỹ lên trên hết.” Buchanan phản đối Chiến tranh vùng Vịnh, ông ta nhìn nhận đó là “gây dựng Bộ Quốc phòng cho Israel và xây phòng cầu nguyện cho họ trên đất Mỹ”. Thông điệp này nhắc lại quan điểm của người theo chủ nghĩa biệt lập của ủy ban đầu tiên của nước Mỹ, vị thế bị cô lập của nước Mỹ trong Thế chiến thứ hai. Nó cũng gợi cho tôi nhớ tới phong trào cực tả mà tôi đã vấp phải trong thập kỷ 60 và 70, và nó là tiền thân của phong trào Tea Party<sup>5</sup> ngày nay. Ấy vậy mà có tới một phần ba số đại biểu của Đảng Cộng hòa ở New Hampshire lại chọn bỏ phiếu ủng hộ Buchanan.

*<sup>5</sup> Phong trào chính trị trôi dạt trên chính trường Mỹ từ một loạt các cuộc phản kháng bảo thủ sau khi Barack Obama lên làm Tổng thống năm 2009; nhằm chống đối lại các chính sách cứu nguy kinh tế và dự án cải tổ bảo hiểm y tế của chính quyền Obama.*

Sau khi thoát đầu phớt lờ thách thức trong đại hội tuyển chọn ứng viên, Ban cố vấn chính trị của cha tôi đã đi tới thông nhất rằng tổng thống nên đến tiểu bang New Hampshire để đương đầu với những cuộc công kích của Buchanan và củng cố lòng tin của cử tri Đảng Cộng hòa. Ở tòa thị chính, cha tôi đã truyền đi một dòng chữ không mấy ấn tượng cho cử tri New Hampshire: “Thông điệp: Tôi quan tâm”. Chẳng có ai nghi ngờ gì, tất nhiên cha tôi luôn quan tâm rất nhiều. Cha tôi đưa ra một đề xuất giảm thuế vừa phải, hy vọng sẽ làm giảm gánh nặng cho người đóng thuế. Thêm nữa, cha tôi đã đưa ra con số tổng hợp do ban cố vấn cung cấp, khẳng định lĩnh vực kinh tế và ngân hàng đang tăng trưởng và vấn đề việc làm sẽ sớm được cải thiện. Thế nhưng, kết quả chẳng thấy đâu. Trong buổi tối diễn ra đại hội tuyển chọn ứng viên, Buchanan sở hữu hơn 37% phiếu ủng hộ, con số này được giới truyền thông đang muốn cự tuyệt tổng thống thổi phồng lên như hình ảnh tương phản với George Bush.

Buchanan tiếp tục ở lại với cuộc tranh cử thêm vài tháng nữa, gây ấn tượng với làn sóng dư luận bằng những cuộc công kích tổng thống. Cuối cùng ông ta bỏ cuộc và quay sang ủng hộ cha tôi, nhưng mối thách thức từ Buchanan cho thấy sự rạn nứt trong nội bộ Đảng Cộng hòa. Trải nghiệm này đã làm sáng tỏ một trong những quy luật quan trọng của chiến dịch tranh cử trong chính trị: đó là tầm quan trọng của việc củng cố nền tảng cơ sở. Tình hình trở nên dễ dàng hơn với tôi khi tôi ra tranh cử năm 2000 vì các đại biểu trong Đảng

Cộng hòa đều thống nhất, và tất cả họ đều nóng lòng muốn giành lại quyền kiểm soát Nhà Trắng sau tám năm.

Năm 2004, ngay từ đầu, tôi đã tiếp cận những nhà lãnh đạo quan trọng và cố gắng xóa đi những mối lo ngại từ việc chia rẽ bè phái trong đảng. Pat Buchanan đã ngăn cản George Bush làm điều này trong năm 1992. Để làm cho vấn đề này trở nên tồi tệ hơn, Buchanan đã ra sức ủng hộ những người không theo đảng phái nào, một trong những người đó đã tham gia cuộc đua vào chiếc ghế tổng thống.

Nhìn bề ngoài, H. Ross Perot và George Bush có một số điểm chung. Giống như cha tôi, Perot là một cựu lính thủy và là một thương gia thành đạt ở bang Texas. Là con trai của một nhà môi giới vật liệu bông sợi ở Texarkana, Perot tốt nghiệp Học viện Hải quân Hoa Kỳ, sau đó làm việc cho IBM. Cuối cùng ông mở công ty riêng Hệ thống Dữ liệu Điện tử, trở thành người tiên phong trong ngành công nghiệp máy tính, và nhanh chóng trở nên giàu có. Cha tôi và Perot biết nhau qua cộng đồng doanh nghiệp bang Texas. Theo cha tôi, hai người có mối quan hệ tốt với nhau. Thực sự, Perot rất kính trọng cha tôi, bởi một lần tôi chứng kiến ông ấy đã hỏi cha tôi rằng liệu cha tôi có muốn làm việc trong công ty dầu mỏ của ông ấy sau khi cha tôi thôi làm việc cho chính phủ khi bắt đầu nhiệm kỳ của Tổng thống Carter.

Thế nhưng trong suốt những năm đó, rõ ràng có trục trặc trong mối quan hệ của cha tôi với Perot. Cha tôi nghĩ rằng trục trặc bắt nguồn từ việc Perot cho rằng vẫn còn có tù binh Mỹ bị bỏ lại sau cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Bộ Quốc phòng báo cáo với Tổng thống Reagan rằng, không có dấu hiệu nào cho thấy có những tù binh như vậy. Perot lại không đồng tình với nhận định này nên đã tự tổ chức những cuộc thảo luận với chính phủ Việt Nam. Tổng thống Reagan quyết định rằng những chuyến đi của Perot đến Việt Nam cần phải chấm dứt và tham vấn đội an ninh quốc gia về việc cần phải can thiệp vào tình huống này theo cách nào.

“Tôi biết Ross Perot từ hồi còn ở Texas, cho nên tôi sẽ đi nói chuyện này và làm cho ông ấy hiểu.” Cha tôi tình nguyện nhận công việc này.

Perot luôn bị ám ảnh rằng có một âm mưu cách ly những tù binh mất tích trong chiến tranh. Sau khi nói chuyện với cha tôi, ông ấy kết luận rằng cha tôi

chính là người tham gia vào âm mưu đó. Về sau, cha tôi đã xác định, “Perot đã phủ nhận hoàn toàn thông điệp của tôi”.

Vào ngày 20 tháng 2 năm 1992 - hai ngày sau màn trình diễn ấn tượng của Pat Buchanan trong đại hội tuyển chọn ứng cử viên Đảng Cộng hòa của bang New Hampshire, Perot đã công bố trong chương trình truyền hình của Larry King trên CNN phát sóng trực tiếp cho phép khán giả gọi điện đến trường quay, rằng ông ta sẽ chạy đua vào ghế tổng thống năm đó nếu những tổ chức đảng cấp cơ sở trên toàn bộ 50 bang của Mỹ đăng ký tên ông ta vào danh sách ứng cử viên. Tại thời điểm đó, có vẻ như Perot không được kỳ vọng nhiều. Tuy nhiên, vài tuần sau, Perot công bố ông ta đã phải thuê Mạng lưới mua sắm tại nhà giúp ông ta trả lời hàng nghìn cuộc gọi điện tới mỗi giờ nhằm thúc giục ông ta ra tranh cử.

Nghị trình của Perot có một vài điểm hấp dẫn cả hai phe trong chính trường Mỹ. Ông ta ủng hộ cắt giảm thâm hụt ngân sách và giảm chi tiêu lãng phí của chính phủ. Ông ta đồng ý với thông điệp bảo vệ chủ nghĩa số đông để đảm bảo cho các doanh nghiệp Mỹ tránh khỏi cạnh tranh từ nước ngoài. Ông ta cũng là người ủng hộ chủ nghĩa tự do, và phản đối Chiến tranh vùng Vịnh. Ông ta kêu gọi giảm tăng trưởng lợi nhuận An ninh Xã hội nhằm cân bằng ngân sách, ngoài ra mở rộng quy mô cuộc chiến chống ma túy. Chủ đề xuyên suốt nghị trình của ông ta là chống lại giới cầm quyền lẫn quan chức chính phủ. Và còn có ai khác biểu thị cho giới cầm quyền và quan chức chính phủ hơn Tổng thống George Bush.

Phản ứng đầu tiên đối với chiến dịch này của Perot có vẻ thô bạo. Những người đã biết Perot nhiều năm không thể tưởng tượng được rằng ông ta sẽ tồn tại trong đấu trường chính trị quốc gia. Tôi thấy lo lắng. Perot có rất nhiều tiền và ông ta đã tiếp cận với nhóm bất mãn theo phái dân túy ở Washington. Giới truyền thông sôi sục bởi sự xuất hiện của một gương mặt mới nổi để đưa lên mặt báo, và ban đầu họ đã dành nhiều tán dương cho Perot.

Tôi theo dõi diễn biến chiến dịch của Perot từ trụ sở văn phòng của mình tại Dallas, ngay đối diện với trụ sở chính của chiến dịch vận động tranh cử cho Perot. Ngày qua ngày, tôi thấy từng dòng người đi những chiếc BMW hay SUV đến sân trụ sở của ông ta để nhận bảng quảng cáo và những miếng dán quảng bá hình ảnh cho Perot. Nó như là thước phim quay chậm về sự tan rã của một nền chính trị.

Mùa hè năm 1992, chiến dịch của cha không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải công nhận rằng Perot thật là một đối thủ đáng gờm. Giống như Pat Buchanan trước đó, Perot làm những cuộc công kích khốc liệt vào cha tôi và bộ máy chính quyền đang tiêu xài tiền thuế ở Washington. Thế nhưng bỗng nhiên Perot tuyên bố rút lui khỏi cuộc chạy đua. Cách giải thích của ông ta vô cùng khó hiểu. Đầu tiên, ông ta nói rằng không muốn làm cử tri đoàn lâm vào thế bí và cũng không muốn cuộc bầu cử phải nhờ đến phán quyết của Hạ viện. Sau đó, ông ấy lại khẳng định (vô căn cứ), thực ra lý do ông ấy không tiếp tục tranh cử là do chiến dịch của cha tôi đã đe dọa dẫn đến phá hỏng đám cưới con gái ông ta. Tôi thật sự rất ngạc nhiên vì con người này cũng được coi là người nghiêm túc chạy đua vào ghế tổng thống. Tôi cũng học được rằng không được đánh giá thấp Ross Perot. Tôi nói với những người bạn tôi sau khi Perot rút lui, “Ông ta sẽ quay trở lại”.

Năm 1988, cha tôi ra tranh cử tổng thống theo gót tiền bối, Tổng thống Van Buren. Năm 1992, cha tôi muốn thử làm theo cách khác biệt chưa từng có. Chưa từng có người nào làm phó tổng thống hai nhiệm kỳ và sau đó lại thắng cử hai nhiệm kỳ tổng thống. John Adams đã suýt làm được điều đó, nhưng Thomas Jefferson mới là người chiến thắng. Hai thế kỷ sau đó, George Bush đã chạm trán với William Jefferson Clinton.

Thông đốc Bill Clinton của bang Arkansas không phải là một chọn lựa ưng ý của Đảng Dân chủ. Năm 1991, cha tôi đạt tỷ lệ ủng hộ tăng vượt trội trong những cuộc thăm dò ý kiến sau Chiến tranh vùng Vịnh, vì vậy một số những ứng viên chạy đua trước đó, trong đó có Thống đốc Mario Cuomo của New York và Thượng nghị sĩ Bill Bradley của bang New Jersey đã quyết định không tham gia ứng cử nữa. Clinton năm đó bốn mươi lăm tuổi (trẻ hơn tôi một tháng), ra tranh cử cho Đảng Dân chủ. Clinton là một con người cuốn hút và là một ứng cử viên tuyệt vời, người đã năm lần được bầu làm thống đốc. Ông được xem như là một trong số những nhà hoạch định chính sách thông minh nhất của Đảng Dân chủ. Ông đứng trung gian giữa hai khuynh hướng chính trị chủ nghĩa tự do truyền thống và chủ nghĩa bảo thủ. Tôi nhớ cha tôi nói với tôi rằng ông ấy rất ấn tượng với vị Thống đốc bang Arkansas tại Hội nghị Thượng đỉnh về giáo dục do Nhà Trắng tài trợ.

Clinton có một câu chuyện đời tư hấp dẫn. Cha ông qua đời trong một vụ tai nạn xe hơi ba tháng trước khi ông ra đời. Được mẹ nuôi dạy, ông đã bước

chân từ một ngôi làng nhỏ bang Arkansas vào Đại học Georgetown, giành học bổng Rhodes và được nhận vào trường luật Đại học Yale. Và một chi tiết mà không một người viết kịch bản nào có thể sáng tạo hay hơn, ông ấy sinh ra trong ngôi làng có tên Hy vọng.

Người đàn ông từ ngôi làng Hy vọng phải vượt qua rất nhiều thử thách. Ông bị nhìn nhận là một con người đôi khi vô kỷ luật, và có những tin đồn ông thường ăn nói hớ hênh. Ông chỉ nhận được hơn 3% số phiếu bầu trong một cuộc bầu cử kín ở bang Iowa và bang New Hampshire, giới truyền thông đã hỏi ông những chuyện liên quan đến việc một cựu biên tập viên truyền hình của bang Arkansas. Clinton đã trả lời cuộc phỏng vấn một cách đầy thuyết phục trong suốt chương trình 60 phút, ngay sau đó là chương trình Super Bowl (chương trình thể thao giải trí ăn khách nhất nước Mỹ). Ông ấy thừa nhận sai lầm trong công việc với cựu biên tập viên truyền hình, còn phu nhân của ông ta, Hillary, thì một mực bảo vệ chồng và cuộc hôn nhân của họ. Không lâu sau, Clinton đã gây sốc với giới chính trị khi về nhì ở bang New Hampshire, chỉ sau đối thủ nặng ký là Thượng nghị sĩ Paul Tsongas của bang Massachusetts. Trong bài phát biểu sau đó trước hội đồng tuyển lựa ứng viên, Clinton tự gọi mình là “Đứa con đã trở lại”, và đúng là ông đã trở lại chính trường đầy ngoạn mục. Ông nhanh chóng vượt qua các ứng viên khác ở khu vực hội đồng tuyển lựa phía nam, ông vượt qua Paul Tsongas và Thống đốc Jerry Brown của bang California để trở thành ứng cử viên của Đảng Dân chủ.

Khi cuộc tranh đua càng đi vào chiều sâu, Bill Clinton càng bộc lộ rõ ràng là đối thủ đáng gờm. Ông hiểu rất rõ tầm quan trọng của việc chọn ra những chủ đề chiến dịch rõ ràng và đơn giản. Một trong số những chủ đề đó là sự thay đổi. Sau tám năm dưới quyền Reagan - Bush và bốn năm Bush - Quayle, Clinton hiểu rằng, đã đến lúc cho những gương mặt mới lên tranh cử. Ông cũng nhận ra rằng sự thay đổi thế hệ dẫn đến cử tri đoàn cũng thay đổi. Clinton xây dựng hình ảnh cá nhân, ông chơi kèn saxophone trên chương trình truyền hình đêm muộn cùng với Arsenio Hall và xuất hiện trong chương trình MTV với các sinh viên đại học. Clinton nhấn mạnh gấp đôi chủ đề thay đổi khi ông chọn người cùng ra tranh cử là Thượng nghị sĩ Al Gore Jr. của bang Tennessee, một người cùng sinh ra trong thế hệ bùng nổ dân số. Thông điệp đã rõ: Thời của thế hệ mới đã đến.

Clinton và Gore nhấn mạnh chủ đề thứ hai: kinh tế. Bill Clinton nhận ra rằng nếu cứ nói về chính sách ngoại giao thì ông có ít cơ hội để đánh bại George Bush. Ông cảm thấy cha tôi đang gặp nhiều tổn thương trong vấn đề kinh tế. Chiến dịch tranh cử của ông theo khẩu hiệu “Nền kinh tế ngó ngàng”. Ông buộc tội cha tôi sao nhãng vấn đề kinh tế, thậm chí còn cho rằng cha tôi thành công về mặt ngoại giao vì đã không lo chuyện trong nước. Clinton có thể vô kỷ luật trong một số khía cạnh của cuộc sống nhưng vô cùng kiên trì theo đúng kế hoạch trong tranh cử.

Bill Clinton còn được hưởng lợi từ mối quan hệ thiện cảm với giới báo chí. Với lai lịch là người ở thế hệ bùng nổ dân số, mang quan điểm tự do và với thư ủy nhiệm luật gia của liên đoàn luật gia tốt nghiệp các trường đại học tinh hoa, gia đình Clinton được rất nhiều nhà báo cùng thế hệ yêu thích. Tất nhiên, giới báo chí quay sang ủng hộ Clinton. Tuy nhiên trong chiến dịch năm 1992, tôi cảm giác thấy giới báo chí chạy theo sự thay đổi và quên mất việc đảm bảo đưa tin khách quan và có chất lượng (Cách đưa tin đó sau này được lặp lại với một ứng cử viên khác cũng hứa hẹn mang đến sự thay đổi: Barack Obama).

Một ví dụ điển hình về sự thù địch của giới truyền thông dành cho George Bush diễn ra vào tháng 2 năm 1992. Khi đó, cha tôi đến tham quan hội chợ các gian hàng rau quả ở Florida. Giữa những sản phẩm khác nhau, cha tôi nhận ra một chiếc máy quét mã vạch thuộc chủng loại mới. Cha tôi đã bày tỏ sự khen ngợi đối với những người chủ gian hàng vì biết ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong kinh doanh, thế nhưng một nhà báo đã bịa ra một câu chuyện khác rằng cha tôi chưa từng bao giờ nhìn thấy máy đọc mã vạch sản phẩm trong cửa hàng. Tờ New York Times đã viết: “Con người này cả đời làm chính trị, sống cuộc sống an nhàn của một vị quan liêu cấp cao nhiều thập kỷ. Thật khó khăn cho ông ta khi muốn quảng bá với cử tri một hình ảnh gần gũi với cuộc sống của tầng lớp trung lưu”. Nhưng sau đó, chúng ta mới vỡ lẽ ra rằng tay nhà báo viết bài này thậm chí còn không đến tham quan gian hàng đó ở hội chợ.

Đại hội toàn quốc của Đảng Dân chủ vào tháng 7 năm 1992 là một cơ hội tốt đẹp cho Clinton và Gore trình diễn chiến dịch vận động tranh cử của họ cho công chúng Mỹ. Đại hội này còn chuẩn bị chu đáo để nhấn mạnh chủ đề về sự thay đổi, kết thúc bằng lời của bài hát Fleetwood Mac được cất lên sau bài

phát biểu của Clinton, “Đừng bao giờ thôi mơ ước về ngày mai”. Thông điệp đó đã có tác dụng. Các ứng viên của Đảng Dân chủ kéo về New York đã gây sức ép rất lớn lên cặp liên danh cha tôi và Dan Quayle. Họ đã dẫn trước tới hai mươi bốn điểm.

Sau đại hội của Đảng Dân chủ, những người ủng hộ Bush thực sự nản lòng. Tôi cũng rất lo lắng, nhưng không thôi hy vọng. Tôi từng chứng kiến cha lội ngược dòng để vượt lên trên Michael Dukakis năm 1988. Và tôi tin rằng cha sẽ hưởng lợi vì cuối cùng chiến dịch năm 1992 chỉ còn lại hai ứng viên tranh cử. Sau nhiều tháng bị vắt kiệt sức bởi các cuộc công kích từ Buchanan, Perot và Clinton, cha tôi đã có thể tạo ra sự khác biệt rõ rệt với đối thủ trong các vấn đề cốt lõi như có khả năng lãnh đạo, dồi dào kinh nghiệm và có năng lực. Bắt đầu Đại hội toàn quốc của Đảng Cộng hòa, cha tôi có thể mang lại sức sống mới trong chiến dịch tranh cử của ông bằng việc xóa bỏ suy nghĩ sai lầm rằng ông không quan tâm đến tầng lớp trung lưu Mỹ. Ông cũng có cơ hội trình bày rõ hơn cái đích ông muốn dẫn dắt đất nước đi tới.

Một cách để minh chứng cho điều này đó là cha tôi đã thổi một làn gió mới vào chiến dịch tranh cử bằng cách thay đổi bộ máy lãnh đạo chiến dịch. Vào tháng 8, cha tôi đưa Jim Baker trở lại Nhà Trắng giữ chức Chánh Văn phòng và điều hành chiến dịch mùa thu năm đó. Tôi biết Jim không cảm thấy dễ dàng khi phải từ bỏ vị trí ông ấy ưa thích - Ngoại trưởng Mỹ, thế nhưng ông ấy luôn trung thành với cha tôi.

Có một điều cha tôi đã quyết định không thay đổi gì, đó là người bạn cùng tranh cử trong liên danh với ông. Dan Quayle đã phục vụ tổng thống một cách tận tụy, và cha tôi cảm thấy thoải mái với vị phó tổng thống này. Cho dù nhận thấy rằng chọn một gương mặt mới để tạo liên danh tranh cử có thể khiến cuộc đua tranh thêm sôi nổi, cha vẫn cảm nhận được những khó khăn sẽ tới và gây khó xử cho người bạn của ông, nhất là năm bầu cử cũng là năm cuối nhiệm kỳ. Cuối cùng ông quyết định vẫn cùng Quayle trong liên danh tranh cử.

Với việc Baker quay trở lại vị trí chỉ huy, cha tôi và ban cố vấn của ông bắt đầu tìm chiến thuật cho chiến dịch mùa thu. Thật buồn khi việc đầu tiên họ cần phải làm đó là giành lại sự ủng hộ từ chính các đảng viên Đảng Cộng hòa - việc này đáng lẽ ra phải được hoàn thành từ nhiều tháng trước nhưng bị trì hoãn bởi sự cạnh tranh khốc liệt từ Buchanan và Perot. Để làm điều này,

chiến dịch phải quay trở lại cách cha tôi đã làm trong cuộc tranh cử năm 1988, khi đó ông đã thành công trong việc đề cao những giá trị cốt lõi của đảng viên Đảng Cộng hòa.

Trước đó, báo chí đã viết nhiều về Dan Quayle vì ông ấy chỉ trích Hollywood làm suy giảm tầm quan trọng của gia đình. Đáng nhớ nhất là việc ông ấy phản đối một chương trình truyền hình ăn khách có tên Murphy Brown với những nhân vật “được cho là hình ảnh của người phụ nữ thông minh, chuyên nghiệp và được trả lương cao trong xã hội ngày nay, nhưng họ chế nhạo tầm quan trọng của những người cha vì họ tự mình nuôi con, và gọi nó là sự lựa chọn phong cách sống mới”. Tuy đấu khẩu với một nhân vật trong phim khiến cho tranh luận không được tự nhiên, Quayle đã có một quan điểm rất quan trọng: Điện ảnh Hollywood đã thất bại khi truyền đi những giá trị quan trọng với người Mỹ. George Bush và Dan Quayle lại làm được điều này.

Đại hội toàn quốc của Đảng Cộng hòa ở Houston là cơ hội tốt để Đảng Cộng hòa đoàn kết chống lại Clinton. Đại hội nhấn mạnh tầm quan trọng giá trị gia đình mà cha tôi đang ủng hộ. George P, cậu con trai ở độ tuổi thiếu niên của Jeb, đã có bài phát biểu hết sức tuyệt vời nhằm ủng hộ ông nội, cháu đã gọi ông là “người đàn ông tuyệt vời nhất mà tôi biết”, và kết thúc bài phát biểu bằng việc bắt nhịp cho cử tọa hát đồng ca “Bush muôn năm!”. Mẹ tôi cũng phát biểu đầy cảm động về người đàn ông mà bà đã kết hôn gần năm mươi năm trước. “Lúc đó George và tôi chuyển nhà về miền Tây sau Thế chiến thứ hai và chúng tôi sinh con đầu lòng”, mẹ tôi nói. “George là một cựu chiến binh. Ông ấy đã tốt nghiệp đại học, sau đó có một công việc ở Texas, cuối cùng chúng tôi đã quyết định sống ở Midland, một vùng đất nhỏ với những con người lịch sự, những người hàng xóm tốt bụng, một nơi lý tưởng để chăm sóc gia đình, và đó là những năm tháng tuyệt vời nhất trong cuộc đời chúng tôi”. Bà tiếp tục nói, “Những ngày đó, George làm việc trong những khu mỏ bụi bặm và rất bận, thế nhưng mỗi khi trở về nhà, anh ấy vẫn có thời gian để chơi bóng và nói chuyện với các con”. Mẹ tôi nói trong phần kết luận: “Các bạn biết đấy, với mỗi người chúng ta, gia đình là nơi ta thể hiện vòng tay nhân ái với nhau và luôn hỗ trợ nhau”. Mẹ tôi đúng là một tài sản chính trị đắt giá của cha tôi. Bà luôn là một người ngay thẳng và yêu cha tôi, bà cũng thu hút rất nhiều người dân Mỹ bởi tính cách nói chuyện bộc trực và khiếu hài hước.



Những người khác cũng có bài phát biểu về giá trị gia đình từ những cảm nhận riêng. Trong một nỗ lực lớn nhằm tạo ra sức mạnh đoàn kết, ban tổ chức đại hội đã đồng ý cho Pat Buchanan có một bài tham luận được phát sóng vào giờ vàng. Buchanan đã ủng hộ mạnh mẽ cho cha tôi, ông kêu gọi “Những người lính cận vệ của Buchanan” hãy quay về nhà và ủng hộ George Bush. Thế nhưng ông ấy cũng chỉ ra rằng có một “cuộc chiến tôn giáo” đang hoành hành trong tâm linh người Mỹ, bảo vệ những giá trị và niềm tin của “đạo Do thái và đạo Cơ đốc” như những nền tảng xây dựng nên đức tin của người Mỹ. Ông cũng tố cáo Hilary Clinton về việc cố tình đưa ra chương trình nghị sự về “thuyết nữ quyền”. Bài phát biểu của Buchanan phần nào đã giúp củng cố những quan điểm của Đảng Cộng hòa, thế nhưng, nó lại không làm nổi bật lên hình ảnh một Đảng Cộng hòa nhân ái và tao nhã (Bởi đại hội kết thúc muộn, bài phát biểu của Buchanan đã đẩy bài tham luận của cựu Tổng thống Ronald Reagan ủng hộ cha tôi ra khỏi khung giờ vàng khi phát sóng).

Trong bài phát biểu vào đêm cuối cùng của đại hội, cha tôi đã có cơ hội rút ngắn khoảng cách với Clinton. Như trong bài phát biểu năm 1988, cha tôi đã cố gắng nhắc các cử tri biết ông là người có kinh nghiệm, liêm trực và có tầm nhìn xa, rất phù hợp để làm việc trong vị trí này. Không giống như năm 1988, khi đó bài phát biểu đã được viết xong từ lâu và cha tôi có thể tập đọc trước nhiều lần. Bài diễn văn năm 1992 là kết quả của một quá trình mất kiểm soát. Tôi nhớ mình đã sốc khi vào hội trường đại hội ở khách sạn Houstonian và chứng kiến những cán bộ làm việc trong chiến dịch vận động tranh cử cho cha tôi đang tranh giành nhau bản nháp đầu tiên của bài tham luận vừa được viết chỉ ba ngày trước khi cha tôi đọc. Quá trình biên soạn bài tham luận là hình ảnh biểu tượng cho những vết nhơ trong chiến dịch tranh cử của cha năm 1992: chỉ phản ứng tự vệ chứ không dẫn dắt được dư luận.

Cha tôi bắt đầu bài phát biểu của mình bằng việc nói về vấn đề ở Iraq và Chiến tranh Lạnh, sau đó trở về vấn đề kinh tế. “Khi bức tường Berlin sụp đổ”, cha tôi nói đùa, tôi rất muốn được thấy tiêu đề trên báo, “Bức tường sụp đổ, ba lính canh biên giới thất nghiệp”. Và hàng dưới tiêu đề có thể là “Clinton đổ lỗi cho Bush”. Trong phần chính của bài phát biểu, cha nói ông lầy làm tiếc vì đã phê chuẩn đề xuất tăng thuế của Đảng Dân chủ đưa ra trong thỏa thuận ngân sách. Cha đã đề xuất biện pháp mới để cắt giảm chi tiêu và giảm thuế vào năm sau đó. Khác với bài phát biểu tổng kết đại hội năm 1988, có một kết quả rất tích cực và hướng tới tương lai, bài phát biểu năm 1992

thiên về tự vệ và tế nhị. Tuy nhiên, khi cuộc thăm dò ý kiến tổ chức sau đại hội, cặp liên danh Bush - Quayle chỉ còn cách đối thủ Clinton - Gore 10 điểm. Dù cho việc ở lại của cha tôi có dấu hiệu tích cực, thế nhưng vẫn còn nhiều chông gai và trắc trở.

Khó khăn chồng chất khó khăn khi Ross Perot lại tuyên bố quay trở lại tranh cử vào ngày mùng 1 tháng 10. Việc tham gia tranh cử lại của Perot có nghĩa là ông ta sẽ được lên truyền hình trong các cuộc tranh luận và có thể phát sóng các quảng cáo chống Tổng thống. Cha tôi chỉ vừa giành lại vị thế của mình, giờ đây, ông lại phải đối mặt với một đối thủ khó chịu khác.

Sự trở lại của Perot trong đấu trường tranh cử không phải là khó khăn duy nhất. Cuối tháng 8 năm đó, siêu bão Andrew đổ bộ vào hai bờ biển Florida và Louisiana, gây ra tổng thiệt hại khoảng 25 tỷ đô la và làm hàng chục nghìn người mất nhà cửa. Ngay lập tức, cha tôi đã tuyên bố tình trạng thảm họa, cho phép những bang bị thiệt hại được nhận các khoản cứu trợ của chính quyền liên bang. Thế nhưng, cũng như trong những nỗ lực cứu trợ quy mô rộng khác, cha mất rất nhiều thời gian để mang những gói cứu trợ này đến nơi cần thiết. Cha tôi đã tới Florida để bày tỏ cam kết cứu trợ, gửi quân đội đến giúp đỡ, và điều Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải đi giám sát quá trình cứu trợ. Nhưng điều đó không làm cho Bill Clinton và các lãnh đạo Đảng Dân chủ ở Florida cũng như giới truyền thông ngừng chỉ trích chính phủ liên bang “xử lý chậm trễ”. Những lời chỉ trích này gợi nhớ lại các cáo buộc Tổng thống George Bush không quan tâm đến cuộc sống người dân. Tất nhiên, nhu yếu phẩm đã được chuyển đến nơi cần thiết và những gì tổng thống đã và cần làm. Đó là bài học cho tôi nhiều năm sau khi bản thân tôi phải đương đầu với các chính khách trong thảm họa thiên nhiên siêu bão Katrina năm 2005. Tôi rất tức giận khi chứng kiến các nhà bình luận và những người phản đối lợi dụng tình hình khó khăn này để thừa cơ kiểm soát những lợi ích chính trị.

Khi cha tôi quay trở lại đường đua chiến dịch, ông tiếp tục nhấn mạnh vào các giá trị. Cha tôi chỉ trích quan điểm của Clinton trong các vấn đề xã hội như nạo phá thai, trốn lính trong chiến tranh ở Việt Nam, tránh né thảo luận ước trong những năm ông ta học ở Oxford. Tuy nhiên, cha tôi lại khó khăn trong việc giành sự ủng hộ. Clinton không phải là Michael Dukakis.

Trong khi ủng hộ hầu hết các quan điểm nền tảng của Đảng Dân chủ truyền thống, ông ta cũng ủng hộ án tử hình, cải cách phúc lợi xã hội, hiệp định mậu

dịch tự do khu vực Bắc Mỹ (NAFTA) và cắt giảm thuế ở tầng lớp trung lưu (dù cho sau này khi ông ta đắc cử tổng thống, thay vì cắt giảm thuế cho tầng lớp này, ông ta lại tăng thuế). Thật sự rất khó để coi ông ta là người theo chủ nghĩa tự do cánh tả. Một điều rất quan trọng, ông rất ít khi để yên trước những lời công kích. Và những câu trả lời của ông ta luôn quy về hai chủ đề chính: sự thay đổi và kinh tế.

Mùa thu năm 1992, có rất nhiều vấn đề nảy sinh trong chiến dịch khiến cho các cuộc tranh luận của các ứng viên tổng thống thay đổi chóng mặt. Đó không phải là dấu hiệu tốt. Các cuộc tranh luận giữa các ứng viên là một đấu trường khó thắng dễ thua. Tôi nghĩ cuộc tranh luận đầu tiên diễn ra ở St. Louis rất quan trọng. Ross Perot có một câu nói hay nhất trong buổi tối hôm đó khi ông ta kết thúc câu trả lời về kế hoạch giảm thâm hụt ngân sách như sau: “Nếu có cách nào tốt hơn, tôi xin rửa tai lắng nghe” (Perot có đôi tai vĩnh rất đặc biệt).

Buổi tranh luận thứ hai diễn ra ở Richmond, là cuộc tranh luận đầu tiên theo khuôn mẫu cuộc họp tại tòa thị chính. Hầu hết các câu hỏi đến từ những khán giả trực tiếp trong trường quay. Thay vì đứng đằng sau bục phát biểu, các ứng viên được ngồi ghế riêng và được khuyến khích đi lại làm chủ sân khấu. Một lần nữa, tôi không tham dự buổi tranh luận hôm đó. Nhưng, trên truyền hình, tôi có thể quan sát thấy cha không thoải mái với cách làm chương trình kiểu mới. Cha tôi đã không dứt khoát và có phần lóng ngóng khi trả lời câu hỏi về việc những khoản nợ quốc gia ảnh hưởng như thế nào tới cá nhân. Cha ngồi yên trên ghế khi trả lời theo kiểu tự vệ. Trái lại, Clinton đi lại bình thản trên khán đài, nhìn thẳng vào người ra câu hỏi và nói rành mạch những dự định của ông ta trong lĩnh vực kinh tế. Khoảnh khắc đáng nhớ nhất của buổi tối hôm đó là khi Perot trả lời rất dài dòng luẩn quẩn, những chiếc máy quay phim đã bắt được cảnh cha tôi đang xem đồng hồ. Đối với cử tri, hình ảnh này thể hiện sự chán nản (Al Gore đã không học được gì từ bài học của cha tôi. Ông ấy thất bại trong cuộc tranh luận năm 2000 vì liên tục thờ dài khi đến lượt tôi trả lời. Và tôi cũng vậy, tôi cũng đã không rút ra kinh nghiệm từ bài học này nên đã thua trong một cuộc tranh luận năm 2004, tôi đã nhớ khi nghe John Kerry trả lời. Những cuộc tranh luận giữa các ứng viên tổng thống đôi khi rất hời hợt, khán giả chú ý vào các câu châm biếm, các cử chỉ của các diễn giả chứ không để ý đến nội dung trọng tâm của cuộc tranh luận).

Trong cuộc tranh luận thứ ba, tiêu đề được đưa ra. Clinton là người đang dẫn trước, cử tri còn tò mò về Perot. George Bush thì đang trong tình trạng nguy hiểm. Nhật ký của cha ghi lại ông đã lường trước rằng có thể ông sẽ thua từ giữa tháng 10. Ông viết, “Nếu chúng ta thua, thì bên kia đường chân trời đối thủ sẽ rất vui sướng. Nhưng như thế thật đau buồn, không phải buồn vì thua mà buồn vì làm người khác thất vọng”. Mặc dù nghi ngờ khả năng giành chiến thắng, cha tôi không phải là người dễ đầu hàng. Ông sẽ chiến đấu kiên cường. Trong những tháng cuối cùng của chiến dịch, cha tôi cũng nhận được những dấu hiệu tốt trong tăng trưởng kinh tế. Ước tính trong quý III, kinh tế đã tăng trưởng 2,7%, tăng cao nhất trong hai năm qua. Khoảng cách các đối thủ cũng bắt đầu thu hẹp lại sau những lần thăm dò ý kiến. Cha đang cạnh tranh trực tiếp với Clinton, và những người ủng hộ Perot đang phải suy nghĩ lại. Chỉ một tuần sau đó, các cuộc thăm dò ý kiến cử tri lại cho ra kết quả mới. Cán cân chiến thắng có phần nghiêng về phía cha.

Thế rồi lại xảy ra một tai nạn khác. Vào ngày thứ Sáu trước ngày diễn ra bầu cử, Công tố viên Lawrence Walsh công bố một cáo trạng chống lại Caspar Weinberger, Bộ trưởng Quốc phòng dưới thời cựu Tổng thống Ronald Reagan, vì những báo cáo sai lên Quốc hội liên quan đến vụ tai tiếng Iran - Contra. Trong ngày câu chuyện bị hé lộ ra, cha tôi đang chuẩn bị xuất hiện trong một chương trình truyền hình của Larry King. Thay vì chỉ tập trung vào những thông tin kinh tế tích cực, cha phải nói lại cho rõ vụ Iran - Contra. Và sau đó có người gọi điện tới trường quay. Larry King thông báo, “Chúng ta có một cuộc gọi từ Little Rock, của một người có tên là George Stephanopoulos”. Giới truyền thông năm 1992 không nghi ngờ gì về cái tên này, nhưng nếu họ tìm hiểu kỹ thì đây chính là cuộc gọi từ Giám đốc Truyền thông của Clinton. Một ông Stephanopoulos lịch thiệp nào đó gọi đến gây khó dễ cho cha tôi về vụ Iran - Contra. Đó là một cái mũ chụp lên toàn bộ chiến dịch. Từ Buchanan tới Perot tới siêu bão Andrew rồi lại đến Perot (lần thứ hai) và bây giờ là vụ Iran - Contra, cha tôi phải đối mặt với hết khó khăn này đến khó khăn khác. Cha có thể giải quyết từng vụ một. Nhưng nếu tất cả những khó khăn này đến cùng một lúc, chúng như những trận cuồng phong đập liên hồi vào dinh thự của chúng tôi tại Walker’s Point trong lễ hội hóa trang Halloween năm 1991.

\* \* \*

Ngày Chủ nhật, mùng 2 tháng 11 năm 1992, ngày cuối cùng trong chiến dịch vận động tranh cử trong cuộc đời phục vụ nhân dân của George Bush. Tôi tháp tùng cha lên chiếc Không lực số 1 để ông đi vận động từ bang này sang bang khác. Tôi đã cố gắng để tỏ ra lạc quan, thế nhưng, tôi lại chìm đắm trong nỗi thất vọng vì một con người tốt bụng như cha có thể bị đánh bại. Oaks Ridge Boys là nhóm nhạc cha tôi yêu thích nhất, được mời cùng đi trên máy bay với cha tôi. Trên đường đi đến một trong những điểm dừng chân cuối cùng, cha tôi và đội tham gia chiến dịch tranh cử đã ngồi lại với nhau nghe nhóm nhạc Oaks, cha gọi họ như vậy, hát bài Ân huệ tuyệt vời. Ở cuối bài hát, tất cả chúng tôi đều khóc. Tôi đã chợt nghĩ rằng bài hát này người ta thường dùng trong đám tang - phải chăng là sự chuẩn bị cho chúng tôi sẵn sàng đón những tin tức tồi tệ nhất.

Trong ngày bầu cử, George Bush trông kiệt quệ hơn rất nhiều. Ông có vẻ thấy nhẹ nhõm hơn vì chiến dịch đã kết thúc. Và vì tính cha tôi luôn lạc quan, cha rất tin tưởng vào viễn cảnh tốt đẹp dành cho ông. Sau khi bỏ phiếu ở Houston, cha mẹ tôi cùng nhau trở về khách sạn Houstonian, nơi toàn bộ những thành viên trong đại gia đình của tôi đã tụ họp trước đó. Khi người quản lý chiến dịch gọi điện cho tôi thông báo về kết quả vòng đầu tiên của cuộc bỏ phiếu, tôi biết đó sẽ là một đêm khó khăn. Khi ông ấy gọi để thông báo kết quả vòng hai, tôi biết rằng, mọi thứ đã chấm dứt. Tôi tới phòng của cha và mẹ. Chỉ có hai người họ trong phòng.

“Mọi chuyện thế nào rồi con trai?”, ông tươi cười hỏi tôi.

“Không tốt, thưa cha” tôi nói một cách lịch thiệp. “Đã có kết quả kiểm phiếu và có vẻ như chúng ta sắp thất bại”.

Cha tôi ngồi lặng thinh một lúc. Có vẻ như cha gồng mình lên để quên đi nỗi thất vọng đang ập đến. Cha đã làm hết khả năng. Ông đã chơi tất cả quân bài mình có. Thế nhưng điều đó chẳng có nghĩa gì. Sau hơn hai thập kỷ phục vụ nhân dân, tám năm làm phó tổng thống, bốn năm làm tổng thống, thế nhưng George Bush lại bị người Mỹ thẳng tay ruồng bỏ. Trong tất cả những cuộc bầu cử mà cha tôi thất bại, đây hẳn là lần ông cảm thấy tổn thương nhất.

Lúc nào cũng vậy, cha luôn là một người hết sức lịch thiệp. Cha gọi điện cho Clinton ngay sau khi cuộc bầu cử khép lại ở bờ Tây nước Mỹ, thừa nhận thất bại, ông gửi lời cảm ơn nồng ấm tới những người ủng hộ ông ra tranh cử và

chúc mừng tới vị tổng thống mới. Khi việc kiểm phiếu hoàn thành, Bill Clinton chiến thắng với 43% số phiếu. Cha tôi chiếm 38% trong khi Perot được 19%. Nhìn chung, có khoảng gần hai mươi triệu người ủng hộ cho Perot. Nếu cuộc đua tranh chỉ có hai người thì không biết hai mươi triệu cử tri đó sẽ bầu cử cho ai. Tôi đã tin rằng, và mãi đến hôm nay vẫn tin, nếu Ross Perot không tranh cử năm 1992, George Bush hẳn đã là người trúng cử. Tôi biết cha tôi cũng nghĩ như vậy. Cha tôi không thù hằn ai cả. Thế nhưng, trong một bộ phim tài liệu được chiếu năm 2012, cha tôi đã nói rằng, “Tôi nghĩ Perot làm tôi thua trong cuộc bầu cử, và tôi không thích ông ta”. (Thật thú vị, mặc cho những gì đã xảy ra trong chiến dịch năm 1992, tôi vẫn có một mối quan hệ bạn bè tốt với Bill Clinton và Ross Jr., con trai của Ross Perot).

Tất nhiên, không chỉ có Perot phải chịu trách nhiệm cho thất bại này. Sau mười hai năm George Bush làm phó tổng thống và tổng thống, người dân Mỹ đã sẵn sàng cho sự thay đổi. Thế hệ bùng nổ dân số ngày càng chiếm phần lớn trong khối cử tri, và Bill Clinton chính là hình ảnh đại diện của khuôn mặt mới mà nhiều cử tri theo đuổi. Và sau đó là vấn đề kinh tế. Bill Clinton đã sai lầm khi cho rằng George không quan tâm tới vấn đề kinh tế và cũng không chịu xoay sở nền kinh tế. Cha tôi biết rõ rằng, nước Mỹ đang phải đối mặt với mối lo kinh tế. Cha tôi cũng đã có những hành động để giải quyết. Năm 1993, Bộ Thương mại đã xem xét lại những dự đoán của năm trước. Hóa ra là, nền kinh tế Mỹ đã tăng trong cả bốn quý năm 1992, trong đó tỷ lệ tăng trưởng 5,7% trong quý cuối cùng trong kỳ bầu cử. Tăng trưởng này tạo đà cho sự bùng nổ kinh tế trong thập niên 90, và nhiều người cho rằng đó là công của Bill Clinton. Thật châm biếm là Bill Clinton đã bàn giao cho tôi một nền kinh tế có vẻ như tăng trưởng cao nhưng sự thật là đang đi vào suy thoái. Bài học lựa chọn đúng thời điểm rất quan trọng trên vũ đài chính trị, và sự thực là, vào thời điểm đó, chính điểm rơi của nền kinh tế cũng là một trong những yếu tố quan trọng khiến George H.W. Bush thất bại.

Chỉ hơn hai tuần sau khi thất bại trong cuộc tranh cử, cha tôi bay về quê nhà ở Greenwich, Connecticut. Cha vẫn chưa hết thất vọng về cuộc bầu cử, và bây giờ ông phải đối mặt với những tin xấu khác. Thân mẫu kính yêu của ông, bà Dorothy Walker Bush, đang hấp hối. Trong suốt cuộc đời chín mươi một năm, bà tôi luôn tràn đầy sinh lực, mạnh mẽ và tươi trẻ. Dù đã tám mươi tuổi, bà vẫn chơi golf và đi bơi thường xuyên. Bà chưa bao giờ đánh mất đi tính cách ưa thích cạnh tranh, lòng tin vĩnh cửu và tình yêu thương người khác. Cha tôi

và em gái tôi Dorothy, được đặt trùng tên với bà tôi, ngồi bên cạnh giường trong lúc bà ngủ. Có lúc bà bảo cha tôi đọc Kinh Thánh cho bà nghe. Khi cha tôi mở cuốn Kinh đã cũ màu thời gian, những tập giấy rơi từ trong sách ra. Đó là những bức thư mà cha tôi đã viết cho bà hơn năm mươi năm về trước. Bà tôi vẫn luôn giữ nó trong cuốn Kinh Thánh, và mỗi ngày bà đều cầu Chúa ban phước lành cho con trai bà. Cha cùng với bà tôi cầu nguyện lần cuối và nói lời tạm biệt để ông quay trở lại Nhà Trắng. Một vài giờ sau đó, bà tôi ra đi. Tối hôm đó, cha tôi đã viết nhật ký, “Mẹ, con hy vọng mẹ biết chúng con yêu mẹ và quan tâm đến mẹ rất nhiều. Tối nay mẹ hãy yên nghỉ trong vòng tay yêu thương của Chúa cùng với cha”.

Trong hoàn cảnh đau buồn và thất vọng, cha tôi vẫn xác định trở lại làm việc tận tâm trong khoảng thời gian cuối cùng tại Nhà Trắng. Với tính cách của cha, ông luôn sử dụng vị thế để giúp đỡ những người khác. Khi Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc, Boutros Boutros-Ghali yêu cầu Mỹ giải quyết vấn đề nạn đói ở Somalia, cha tôi đã đồng ý. Cha tôi đã điều Hải quân Hoa Kỳ đến quốc gia Đông Phi đang bị tàn phá bởi chiến tranh để giúp gây dựng cơ sở hạ tầng an toàn và đảm bảo thực phẩm được chuyên chở tới quốc gia này. Đầu tháng một, cha tới Somalia để thăm những người đang thực hiện sứ mệnh cứu trợ. Cha tôi là một Tổng tư lệnh tận tâm, ông muốn nhân chuyến công du nước ngoài cuối cùng trong cương vị tổng thống để cảm ơn những người đã nhận lệnh của ông đi phục vụ ở những vùng đất xa xôi ngoài nước Mỹ.

Cha tôi không phải là người duy nhất thấy tuyệt vọng về việc thất bại trong cuộc tranh cử. Nhiều tuần sau khi cuộc bầu cử kết thúc, những thành viên trong Nhà Trắng cũng bày tỏ sự thất vọng và chán nản. Cha tôi hy vọng làm cho mọi người quên đi tâm trạng đó, ông quyết định mời đến một vị khách đặc biệt. Trong suốt thời gian cha tôi làm tổng thống, diễn viên hài kịch Dana Carvey đã dựng chương trình Kịch Tối Thứ Bảy có nhân vật chính là cha, nhân vật này bắt chước các bài diễn văn của cha, cử chỉ tay, và tính cách “thận trọng” của ông. Nhà hát kịch vô cùng ngạc nhiên khi cha gọi tới một vài tuần sau cuộc bầu cử, cha mời nhà biên kịch và phu nhân của ông ta, bà Paula ngủ lại trong phòng Lincoln và tham dự một sự kiện của Nhà Trắng. Tất cả nhân viên làm việc trong Nhà Trắng cũng được mời tới dự một sự kiện đặc biệt. Trong vở kịch “Đầu bếp lên ngôi”, Dana Carvey đi tới căn phòng Phía Đông, đứng trên bục phát biểu và khiến khán giả cười thoải mái với những tiết mục khôi hài đã thành thương hiệu của ông. Trong số rất nhiều tình tiết

gây cười, ông ấy đã đưa vào kịch một cảnh cha tôi thông báo với cơ quan mật vụ rằng ông dự định chạy bộ trong tình trạng khỏa thân. Căn phòng rộn lên tiếng cười. Ý tưởng đó là một nét điển hình trong tính cách của Bush: Ông luôn nghĩ cho người khác, tự giễu bản thân mình, và mang niềm vui đến cho những người đang bị tổn thương.

Tôi cũng cảm thấy rất đau lòng. Thật đau đớn khi chứng kiến con người tốt bụng này bị cử tri cự tuyệt. Vì muốn để những điều không tốt đẹp này trôi vào dĩ vãng, tôi quyết định đăng ký tham gia cuộc thi chạy Marathon vào tháng 1 năm sau. Suốt chặng đường tập chạy dài mười tám dặm, tôi đã có thể làm giảm bớt đi nỗi đau bị thất cử. Tôi cũng tìm hiểu cách sống tự do khi cha không còn nắm quyền trong Nhà Trắng nữa. Tôi sẽ không còn được cơ quan mật vụ bảo vệ. Tôi có thể lái chiếc xe Lincoln Town trên những con phố của Dallas, lần đầu tiên sau bốn năm. Tôi làm những điều như thế trong hai năm cho đến khi được bầu làm thống đốc. Tôi không còn tự lái xe nữa kể từ năm 1995.

Cha và mẹ tôi tổ chức lễ Giáng sinh cho đại gia đình tại Trại David năm 1992. Đó là chuyến đi với cảm xúc vui buồn lẫn lộn. Chúng tôi thưởng thức những phong cảnh rất đẹp. Tất cả đều cho rằng đây là lần cuối cùng chúng tôi được ở Trại David. Cha tôi đã cố gắng hết mình để làm chúng tôi thấy thoải mái, ông không phàn nàn gì. Trong một bức thư gửi cho em trai, cha tôi đã viết lại câu chuyện về một vận động viên điền kinh thi đấu ở Thế vận hội, anh ấy đã khập khiễng đi hết đoạn đường cuối cùng trong khi người thắng cuộc đã về đích từ lâu. Cha tôi nhớ vận động viên này đã nói, “Tổ quốc tôi không phải cử tôi đến đây chỉ để đua. Họ cử tôi đến để về đích”. Cha tôi cũng cảm thấy thế, ông viết, “Tôi đã không về đích, và sẽ rất hối hận về điều này”.

Tất cả chúng tôi đều nói với cha rằng ông có rất nhiều điều đáng tự hào. Chỉ trong một nhiệm kỳ, cha đã làm được nhiều việc hơn những tổng thống khác có thể hoàn thành trong hai nhiệm kỳ. Lịch sử sẽ mãi ghi nhớ cha như người có công giải phóng Kuwait và là tổng thống đặt dấu chấm hết cho Chiến tranh Lạnh. Ở một điểm nào đó, cha tôi giống như Winston Churchill, người đã bị tống khứ ra khỏi chính quyền Anh năm 1945 chỉ vài tháng sau khi ông thắng thế trong Thế chiến thứ hai. Cử tri Anh cho rằng Churchill đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của ông và họ muốn một người khác thế vào vị trí của ông trong giai đoạn mới. Cuối cùng, thì đó cũng là những gì đã xảy ra với George Bush



năm 1992. Ở nước Anh, người ta cảm thấy tiếc nuối về quyết định của họ, sau đó, họ lại mời ông ấy quay lại làm việc trong chính phủ. Điều này lại không diễn ra đối với George Bush. Thế nhưng, thất bại đó lại mở ra những cơ hội mới cho những người khác, trong đó có Jeb và tôi. Và dường như, ở thời điểm đó thật khó để tin rằng, kỳ nghỉ Giáng sinh ở Trại David năm đó sẽ không phải là chuyến đi cuối cùng của gia tộc Bush tới địa điểm lừng danh này.

# Cuộc sống sau nhiệm kỳ tổng thống

B

*ây hạnh giờ phúc. tôi không Tôi không còn đi còn tìm theo hạnh đuổi phúc... nó, vì Tôi nó đã đã là tìm của thấy tôi.*

George. W. Bush, tháng 8 năm 2001

Ngày 21 tháng 1 năm 1993, Tổng thống George H.W. Bush thức dậy trong một ngôi nhà thuê ở Houston. Lần đầu tiên trong mười hai năm, ông có một buổi sáng không phải nghe đặc vụ báo cáo, cũng không cần xem xét lịch làm việc trong ngày. Tất cả những người từng có đặc quyền sống trong Nhà Trắng đều phải tìm cách tự thích nghi sau khi rời đi - một thời kỳ chuyển đổi mà Laura gọi là “kiếp sau”.

Quá trình chuyển đổi đặc biệt khó khăn với cha vì ông phải rời đi sớm hơn thường lệ. Nỗi đau đớn vì thất bại kéo dài tới tận sau lễ nhậm chức của Bill Clinton. Cha hầu như không thể hiện sự thất vọng ra ngoài. Ông đã được dạy bảo phải biết chấp nhận thua trong khoan dung và ông không ưa than vãn. Khi Bill và Hillary Clinton đến Nhà Trắng vào ngày tuyên thệ nhậm chức, mẹ và cha chào đón họ với thịnh tình ân cần và ấm áp. Năm sau, tôi hỏi ông làm thế nào để có sức mạnh kìm nén bản thân như vậy. “Cha không có lựa chọn”, ông nói. Nhưng sự thật là ông có thể lựa chọn. Ông có thể chọn buông xuôi để bản thân cay đắng hay bực bội. Thay vào đó, như ông đã viết trong một bức thư để lại cho Tổng thống Clinton trên bàn làm việc tại Phòng Bầu dục, ông đã truyền lại những gì xuất sắc nhất cho người kế nhiệm.

Việc điều chỉnh sang cuộc sống của người bình thường không dễ dàng với cha. Cha tôi đã sáu mươi tám tuổi, nhưng có sức khỏe của một người đàn ông trẻ bằng một nửa tuổi đó. Có thể khẳng định rằng những bệnh tật của ông trước đó đã thuyên giảm. Ông đã dành cả đời để quăng mình từ nhiệm vụ này tới nhiệm vụ khác. Bốn năm qua, ông đã tiến hành hầu hết những nỗ lực vực dậy thần kỳ, đối mặt với những thách thức, và xử lý công việc ở tầm thế giới. Ba mươi năm qua, ông đã dành tất cả năng lượng để theo đuổi những mục tiêu

lớn. Sau đó, thật đột ngột, ông nghỉ không làm gì cả. Sau này tôi nghĩ, bỏ lại ngôi vị tổng thống giống như đang chạy với tốc độ một trăm dặm một giờ chuyển xuống còn năm dặm một giờ.

Ở Houston, cha đến văn phòng làm việc mới lúc 7 giờ sáng và dành phần lớn thời gian trong ngày sắp xếp công việc qua thư tín. Ông gọi điện thoại để queryn tiền cho thư viện tổng thống của mình. Ông được nhiều nơi trả tiền để mời đến nói chuyện, một công việc mới ông gọi đùa là “tội phạm cổ trắng”.

Một lợi ích của việc phải nghỉ hưu bất đắc dĩ là cha mẹ có thời gian đi nghỉ cùng nhau. Một thời gian ngắn sau khi ông thôi chức vụ, họ đi nghỉ trên du thuyền mang tên Thuyền Tình yêu. Mỗi khi họ rời khỏi khoang riêng, hành khách quây xung quanh họ như xem ngôi sao. Cha rất vui khi một hôm ông bước ra khỏi phòng tắm hơi khóa thân, một người đàn ông chạy tới nói, “Ông có thể cho tôi chụp chung một kiểu ảnh được không?”. Về mặt tích cực, đó là dấu hiệu tốt đẹp để biết rằng ông vẫn có nhiều người hâm mộ. Tiếp theo chuyện này, cha lên kế hoạch tổ chức tiệc kỷ niệm năm mươi năm ngày cưới tại Grand Ole Opry ở Nashville, đây sẽ là một bất ngờ dành cho mẹ. Mẹ nói: “Cha các con lên kế hoạch các sự kiện mà không cần hỏi ý kiến mẹ”.

Cha cũng dành thời gian để viết. Ông quyết định sẽ cùng Brent Scowcroft là đồng tác giả một cuốn sách về các chính sách đối ngoại. Khi quyết định viết một cuốn sách chung được thông báo rộng rãi, chúng tôi thấy chưa từng có tổng thống nào chịu đứng tên chung với phụ tá trong dòng tên tác giả. Ông muốn tránh viết kiểu hồi ký chỉ tập trung vào những câu chuyện của bản thân. Tôi nghi ngờ rằng nỗi thất vọng vì thua cuộc cũng đóng vai trò dẫn đến quyết định này. Vào thời điểm đó, ông có thể không có khả năng tập trung năng lượng để viết một cuốn sách với một kết thúc chính trị buồn. Ông không bao giờ viết hồi ký về những năm làm tổng thống.

Mặc dù những bài nói chuyện và cuốn sách lấp đầy khoảng trống trong thời gian và tài khoản ngân hàng của George Bush, chúng không thể thay thế được cường độ và sự phấn khích như thời ông còn làm tổng thống. Và công việc đó không thể hàn gắn nỗi đau bị thua cuộc. Tình hình trở nên tồi tệ hơn khi Ranger, chú chó cảnh yêu quý của cha, chết vài tháng sau khi ông trở về nhà ở Houston. Ngay sau đó, cha và James Baker đã đến thăm Tổng thống Pháp François Mitterrand ở Paris. Khi ông bắt đầu nhiệm kỳ, mối quan hệ giữa các

nhà lãnh đạo Pháp và Mỹ đã đóng băng. Điều đó bắt đầu thay đổi khi cha mời Tổng thống Pháp tới chơi nhà ở Kennebunkport.

Nỗ lực ngoại giao cá nhân đã được đền đáp, và hai nhà lãnh đạo đã trở thành bạn bè thân thiết.

Trong bữa tối ở Pháp năm 1993, Mitterrand làm một lát bánh mì nướng cho cha tôi và cho mối quan hệ ấm áp của họ. Khi George Bush đứng lên để nhận bánh mì nướng, nước mắt chảy dài. Những khoảnh khắc như nhắc nhở rằng cha yêu chức vụ tổng thống đến dường nào. Tôi nghĩ rằng những cảm xúc tuôn trào ngày hôm đó, và vào những dịp khác ngay sau khi ông rời Nhà Trắng, phản ánh một cảm giác chán chường. Tôi cảm thấy một nỗi thất vọng trào dâng khi rời văn phòng, và chắc chắn rằng nhiều tổng thống khác cũng có cảm giác như vậy. Đối với cha, nỗi đau bị cử tri từ chối mang đến cảm giác tồi tệ hơn thế.

Mẹ tôi dường như đối mặt với thách thức một cách suôn sẻ với sự thẳng tính vốn có. Ngay sau cuộc bầu cử, bà thông báo cho gia đình, “Mọi việc đã xong, tất cả đã qua, chúng ta phải tiếp tục tiến lên”. Bà đã làm vậy. Bà bận rộn lên kế hoạch xây dựng ngôi nhà mới tại Houston. Bà bắt đầu viết hồi ký, sau này trở thành một cuốn sách bán chạy. Bà đã mua một chiếc xe nhỏ Mercury Sable và tự lái xe lần đầu tiên kể từ cuối những năm 1970. Cha nói đùa, nơi nguy hiểm nhất ở Mỹ là trên các tuyến đường quanh khu phố họ ở.

Mẹ thậm chí còn nấu ăn. Tôi được thưởng thức một trong những bữa ăn đầu tiên của bà vào đêm trước cuộc đua marathon ở Houston, cuộc đua này diễn ra bốn ngày sau khi cha mẹ tôi trở về từ Washington. Để nạp đủ năng lượng cho cuộc đua, tôi nhờ mẹ làm món mì ống. Bà hào phóng đồng ý. Bà đun sôi nước rồi cho mì vào. Sau đó, bà úp vung lên nồi mì, đổ nước và vớt mì ra. Cha quan sát tất cả các công đoạn đó, món ăn bày ra trông đẹp mắt, cả gia đình đều thích món mì ống hiếm có này. Ngày hôm sau, cha mẹ đến cổ vũ cho tôi suốt chặng đua. Khi tôi chạy qua, cha hét lên, “Đó là con trai của tôi!”. Mẹ khích lệ bằng nhiều cách “Tiên lên George”, bà hét lên, “Đừng để mấy người béo kia qua mặt con”.

Mùa hè năm 1993, tôi gọi điện cho cha mẹ, báo tin: “Con sẽ ra tranh cử chức Thống đốc bang Texas”.

Phản ứng của mẹ rất nhanh. “Đối thủ quá nổi tiếng, con không thể chiến thắng”, bà thốt lên.

Cha yên lặng. Tôi không ngạc nhiên khi cha không nói gì. Trong suốt cuộc đời, ông không bao giờ cố gắng chỉ đạo tôi theo một hướng này hay hướng khác. Cách ông nuôi dạy con cái là truyền đạt các giá trị, gương mẫu, và hỗ trợ chúng tôi trong bất cứ điều gì chúng tôi lựa chọn.

Mặc dù im lặng về vấn đề đó, George Bush vẫn có ảnh hưởng lớn trong quyết định của tôi khi tranh cử chức vụ thống đốc. Thông qua lời nói và cuộc sống, ông đã dạy cho tất cả những người con của mình giá trị của việc phục vụ cộng đồng. Vì được giúp việc cho ông trong những năm qua, tôi đã học được rất nhiều về chiến dịch vận động tranh cử. Và bằng cách chứng kiến nhiệm kỳ tổng thống của ông, tôi đã học được rằng chính sách tốt sẽ mang lại nền chính trị tốt, chứ không phải ngược lại chính trị tốt mới có chính sách tốt. Tôi đã phát triển mạnh mẽ đề án thay đổi chính sách cần thiết ở Texas, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, cải cách những sai trái trong vấn đề pháp lý, phúc lợi, và tư pháp thanh thiếu niên. Câu hỏi duy nhất là liệu tôi có chọn đúng thời điểm hay không.

Thất bại của cha phần nào đã trả lời câu hỏi này. Nếu ông tái đắc cử năm 1992, tôi có lẽ sẽ không chạy đua vào chức thống đốc năm 1994. Tôi phải cạnh tranh với thống đốc đương nhiệm đang được nhiều người biết đến, và là con trai của tổng thống, tôi sẽ không thể tập trung vào những câu hỏi liệu tôi có đồng ý với mọi quyết định mà chính quyền của cha thực hiện.

Tôi biết mình có thể không thành công. Tôi dự đoán, nếu tôi chạy đua và thua, sẽ có người nói, “Thật là một ứng cử viên tệ hại”. Nếu tôi chạy đua và thắng, sẽ có người nói, “Thật là một thống đốc tệ hại”. Nhưng cho dù họ có nói như thế nào cũng không khiến tôi mảy may quan tâm vì tôi luôn có lòng tin yêu của người đàn ông mà tôi ngưỡng mộ. Và tôi ngưỡng mộ George H.W. Bush hơn bất cứ ai khác.

Tôi không phải là người duy nhất được truyền cảm hứng từ George Bush. Cùng thời gian đó, Jeb - em trai tôi - thông báo rằng chú ấy sẽ ra tranh cử chức thống đốc bang Florida. Jeb và tôi đều cảm thấy - và cha cũng đồng ý - rằng ông không nên tham gia vào chiến dịch tranh cử của chúng tôi. Điều quan trọng là cử tri nhận định chúng tôi là chính chúng tôi. Cha không bao giờ

can thiệp hoặc cho lời khuyên khi chúng tôi không yêu cầu, nhưng rõ ràng ông theo dõi cuộc tranh đua của chúng tôi rất chặt chẽ. Tôi luôn hỏi cha xem làm thế được hay chưa, và ông luôn luôn tìm thấy cách khen ngợi hiệu suất chiến dịch gần đây hoặc làm cho tôi vui sau khi có những bài báo viết xấu tôi. Điều đó làm tôi nghĩ rằng vai trò của chúng tôi đang đảo ngược. Sau nhiều năm tôi hỗ trợ ông trong đấu trường chính trị, nay ông hỗ trợ tôi.

Tôi nghĩ rằng chiến dịch của tôi và Jeb vào năm 1994 đóng vai trò quan trọng trong việc giúp cha thích nghi với cuộc sống mới. Cũng giống như cha đã làm sau khi ông thôi giữ vị trí trong Thượng viện năm 1964, ông chấp nhận vị trí mới là nguồn động viên cho thế hệ tiếp theo. Và ông thấy điểm tích cực trong thất bại năm 1992 là làm nền móng cho sự thăng tiến trong sự nghiệp chính trị của hai người con ông nuôi dưỡng và yêu thương.

Vào đêm bầu cử năm 1994, tôi thắng trong cuộc đua vào chức Thống đốc bang Texas. Trong khi đó Jeb thua Thống đốc Đảng Dân chủ Lawton Chiles. Khi tôi gọi điện cho cha để nói với ông rằng tôi sắp có bài phát biểu tuyên bố chiến thắng, ông cho tôi biết ông rất hạnh phúc. Nhưng tôi biết ông vẫn còn bận tâm đến thất bại của Jeb. “Niềm vui là ở Texas”, cha nói với phóng viên, “nhưng trái tim của chúng tôi ở Florida”. Đối với một số người, phản ứng của ông là đáng ngạc nhiên. Tôi không ngạc nhiên. Đây là nét đặc thù trong tính cách của George Bush, luôn hướng sự quan tâm tới người đang yếu thế hơn.

Vào buổi sáng tôi nhậm chức thống đốc - gần như chính xác hai năm sau khi cha mẹ rời Nhà Trắng - mẹ đưa cho tôi một phong bì. Bên trong là một bưu thiếp viết tay và hai mảnh kim loại nhỏ.

*George yêu quý,*

*Những chiếc mảnh sét này là tài sản quý giá của cha. Ông và bà của con đã trao chúng cho cha vào ngày 9 tháng 6 năm 1943 khi cha giành được biểu tượng đôi cánh Hải quân tại trường Corpus Christi. Cha muốn con giữ chúng. Cho dù con đã nhận được biểu tượng đôi cánh của Không lực Hoa Kỳ, con một lần nữa “có được đôi cánh của mình” như con đã nói trong lời tuyên thệ nhậm chức thống đốc....*

*Con đã cho cha mẹ nhiều hơn những gì cha mẹ xứng đáng có được. Con đã hy sinh cho chúng ta. Con đã cho cha lòng trung thành và tận tụy. Bây giờ đến lượt cha mẹ ủng hộ con.*

Bưu thiếp của cha khiến tôi cảm động sâu sắc. Tôi biết những chiếc măng séc này có ý nghĩa như thế nào với cha, và nó còn là kỷ vật gắn bó với ông tôi. Gửi cho tôi chiếc măng séc là một cách để ông truyền lại tình yêu thương và sự hỗ trợ ông từng nhận được từ thế hệ cha của ông. Khi tôi tuyên thệ, Laura cầm cuốn Kinh Thánh của gia đình, Barbara và Jenna đứng bên cạnh tôi, cha mẹ tôi ngồi phía sau tôi. Tôi không ngạc nhiên khi thấy một bức ảnh chụp cảnh này: Khi tôi đọc lời tuyên thệ nhậm chức, cha ở phía sau lấy tay gạt nước mắt.

Vài năm sau, tôi nhận được một bức thư khác từ cha. “Các con yêu quý”, ông viết. “Các con tưởng cha đã quên hay sao. Cha đã lên kế hoạch thực hiện một cú nhảy dù. Vậy đó!” Tôi không tin được bức thư này đến từ người cha bảy mươi hai tuổi. Cú nhảy dù cuối cùng của cha là vào năm 1944 khi ông rời khỏi chiến cơ Avenger đang bốc cháy giữa những làn pháo phòng không của quân đội Nhật Bản. Ngày hôm đó ông đã va đầu trên máy bay và kéo dây dù quá sớm. Ông nói đùa rằng ông muốn có một cơ hội để sửa chữa lỗi nhảy dù ngày hôm đó. Nhưng ông không nói ra điều mình thực sự muốn - ông muốn thử lại cảm giác nhảy khỏi một chiếc máy bay theo cách của riêng ông.

Mẹ không nói chắc như cha. Phản ứng đầu tiên của bà là nói với cha và tất cả mọi người khác rằng bà nghĩ ông điên. Mặc dù miễn cưỡng chấp nhận, bà biết cú nhảy dù này quan trọng như thế nào với ông. Bà hạnh phúc khi ông theo đuổi ước mơ. Cha đã liên hệ với Golden Knights, đội nhảy dù tình nguyện của quân đội, để nhảy dù với ông. Colin Powell hỏi cha liệu ông có định thực hiện kế hoạch này nghiêm túc hay không? “Cả Lầu Năm Góc đang bàn tán xôn xao về việc này”, Powell cho biết, trước khi thực hiện một cuộc kiểm tra: Cha đã cân nhắc tất cả khả năng rủi ro hay chưa? Đầu gối và mắt cá chân có trong trạng thái tốt? Hướng gió thế nào? Rõ ràng các đồng đội đã không muốn có tai nạn vì cú nhảy mạo hiểm liên quan đến chỉ huy cũ của họ. Họ không biết mình đang đối mặt với một điều: George Bush có một sứ mệnh, và ông không quay trở về nhà nếu chưa hoàn thành sứ mệnh ấy.

Một hôm tại Văn phòng Thống đốc, tôi nhận được cuộc gọi của cha để thông báo rằng cú nhảy dù sẽ diễn ra tại căn cứ quân sự ở Yuma, Arizona, vào ngày

25 tháng 3 năm 1997. Tôi đã chúc mừng ông khi giấc mơ của ông thành hiện thực. “Cha chỉ cần đừng nói cho ai biết cha có cô bạn gái mười tám tuổi”, tôi nói đùa.

Trong ngày trọng đại này, cha mặc “bộ vét Elvis” - mũ bảo hiểm và găng tay màu trắng - và quyết định nhảy dù một mình (không có người của đội Golden Knights kèm sau lưng) từ độ cao mười hai nghìn feet. Lần này không có cú va đập nào vào máy bay. Nhờ vào việc thực hành nhiều lần với đội Golden Knights, ông kéo dây dù đúng thời điểm và hạ cánh an toàn. Mẹ đợi cha tại nơi ông hạ cánh. Sau này ông mô tả, “Tôi đã tiếp đất. Cú nhảy dù diễn ra tốt đẹp. Tôi thực hiện được ước mơ. Mặt đất đã ôm tôi và mỉm cười. Thế giới thật tốt đẹp”.

Hóa ra đó không phải là cú nhảy dù cuối cùng của ông. Ông đã nhảy dù thêm vài lần nữa để kỷ niệm sinh nhật thứ bảy mươi lăm, tám mươi, tám mươi lăm và chín mươi. Cuộc phiêu lưu của ông gửi một thông điệp đến người Mỹ cùng thế hệ với ông: Tuổi tác không thể cản trở những hoạt động theo sở thích và cả những thử thách mới. Bạn có thể chậm hơn hoặc già yếu đi một chút, nhưng cuộc sống này có đủ những điều hấp dẫn để bạn luôn luôn khám phá bản thân. Cha là tấm gương sáng khiến tôi cầm cây cọ vẽ lần đầu tiên vào tuổi sáu mươi sáu.

Có hai lần cha nhảy dù xuống thư viện riêng của ông tại Texas A & M, được mở cửa từ tháng 11 năm 1997. Lễ khai trương thư viện là một trong những dịp hiếm hoi để các tổng thống cả cũ và mới hội tụ. Tất cả các thành viên của câu lạc bộ đều tới dự: Tổng thống Clinton, vừa tái đắc cử nhiệm kỳ thứ hai sau khi đánh bại Bob Dole năm 1996, và cựu Tổng thống Carter và Ford. Các Phu nhân Bird Johnson và Nancy Reagan đã tới thay mặt cho các đảng phụ quân của họ. Tổng thống Reagan đã công bố một vài năm trước đó rằng ông bị bệnh Alzheimer, nên không tới tham dự.

Ngày khai trương thư viện của cha, Jeb đã nhận lời làm người dẫn chương trình. Là Thống đốc đương nhiệm của bang Texas, tôi có vinh dự đọc diễn văn khai mạc. Tôi có cơ hội để tóm tắt cách tôi nhìn nhận di sản của cha trong vai trò tổng thống và cả vai trò là một người đàn ông:

*Tổng thống Bush là một con người từ khi bước vào quan trường đến khi rời đi đều giữ được sự liêm chính toàn vẹn. Tổng thống Bush là một nhà*



*lãnh đạo chú ý tới từng biểu hiện đau thương của xã hội mà không hề chớp mắt. George Bush là một Tổng thống vĩ đại của Hoa Kỳ, bởi vì đầu tiên và trước hết ông là một con người tuyệt vời - một người đàn ông xác định đúng những gì quan trọng nhất trong cuộc đời: đức tin và gia đình. Trong suốt bốn năm cha làm Tổng thống, dù xử lý rất nhiều khủng hoảng thế giới và những yêu cầu to lớn của thời đại, cha chưa bao giờ từ chối không nghe bất kỳ cuộc gọi điện thoại nào của tôi hay các em trai em gái tôi. Thế giới biết George Bush là bậc thầy về ngoại giao cá nhân. Chúng tôi biết George Bush là người cha tốt nhất trên thế giới.*

Bài phát biểu của cha luôn mang phong cách George Bush. Ông cảm ơn Tổng thống Clinton, người đã “biết là ông có một cuộc sống riêng tư tuyệt vời”. Ông xin lỗi nếu thư viện Tổng thống đã vi phạm quy tắc của mẹ ông, người dạy ông không nên khoe khoang. Ông không cố gắng đánh bóng di sản của mình, mà chỉ muốn các tài liệu lưu trữ sẽ luôn sẵn sàng cho phép các thế hệ sau khai thác. Và ông kết thúc: “Bây giờ cuộc đời làm chính trị của tôi đã qua, tôi có thể thành thật nói rằng ba danh hiệu xứng đáng nhất tôi được ban cho đó là - một người chồng, một người cha, và một người ông... Tôi mượn câu nói của Lou Gehrig, một thần tượng lớn của tôi - hôm nay tôi cảm thấy mình là người may mắn nhất trên thế giới”.

Nhiều năm trôi qua và sự chua chát của thất bại giảm xuống, cha hoàn toàn chấp nhận cuộc sống mới. Không có gì đối với ông vui mừng hơn là được ở Walker's Point với gia đình. Ông thích tổ chức các trận đấu quần vợt, ném móng ngựa, chơi đánh golf tốc độ tại Cape Arundel (điểm được ghi dựa trên sự tổng hợp các cú đánh và thời gian), chào đón rất nhiều người thân trong gia đình và khách khứa. Có lẽ điều mà ông thích nhất là khởi động tàu đua cao tốc mang tên mình, và xé mặt nước lao đi hết tốc lực. Khi bảy mươi chín tuổi, ông đã gửi thư điện tử cho các cháu để khoe ông đã lái thuyền chạy tới hơn sáu mươi dặm một giờ. “Ông cảm thấy mình mới mười chín tuổi”, ông viết. Tuy vẫn theo dõi tình hình chính trị, ông hoàn toàn hài lòng khi rời khỏi chính trường. Ông thích mô tả vai trò của mình bằng một hình ảnh người Hoa: “Đứng bên lề và gập tay trong tay áo”.

Mặc dù chính phủ đã cho cha nghỉ hưu, ông không kết thúc tất cả mọi công việc. Ông dành thời gian tham gia vào những vấn đề mình quan tâm, như ông đã từng làm từ trước. Ông làm Chủ tịch Hội đồng Khách tham quan tại Trung

tâm Ung thư MD Anderson ở Houston, một bệnh viện ung thư được đánh giá cao. Ông thành lập trường Chính phủ và Dịch vụ Công Bush tại Đại học Texas A & M, và ông yêu thích việc được đến trường học như một giảng viên thỉnh giảng bất ngờ. Ông ủng hộ tổ chức từ thiện quân sự và dành thời gian đi thăm quân đội Mỹ đang làm nghĩa vụ khắp thế giới. Mẹ cũng tiếp tục sứ mệnh của bà, thành lập Quỹ Xóa mù chữ Barbara Bush và đọc sách cho trẻ em mỗi mùa hè tại Trung tâm Y tế Maine ở Portland. Trong suốt cuộc đời mình, George và Barbara Bush là hai điểm sáng vĩnh cửu.

Mẹ và cha cùng đi du lịch khắp nơi trong thời gian hưu trí. Cha thích câu cá, và ông đã đến những điểm câu cá tuyệt vời nhất thế giới: tới Islamorada, Florida, với người bạn của ông Ted Williams; tới Canada với cháu trai của ông Jeb Jr.; và trải nghiệm sông Test ở Anh. Ông giữ truyền thống chơi golf của gia đình và là Chủ tịch danh dự của The First Tee<sup>6</sup>, tham dự các trận đấu của cúp Ryder và cúp Các tổng thống. Thỉnh thoảng, ông, với danh nghĩa cựu tổng thống, được mời đến những sân golf huyền thoại như sân quốc gia Augusta hay Pine Valley. Và ông yêu thích những cuộc chơi thể thao bốn người, thường là với Jeb, Arnold Palmer và Joe DiMaggio.

*<sup>6</sup> Tổ chức quốc tế giúp phát triển kỹ năng sống và khả năng lãnh đạo bằng hình thức chơi golf.*

Tháng 11 năm 1998, cha mẹ thực hiện một chuyến đi có ý nghĩa nhất trong cuộc đời. Họ thuê máy bay đến Florida với Jeb trong đêm bầu cử khi lần thứ hai Jeb chạy đua vào chức vị thống đốc. Jeb thực hiện một chiến dịch tuyệt hảo và giành được 55% số phiếu. Lần đầu tiên trong hơn hai thập kỷ, có hai anh em trai cùng làm thống đốc. Mẹ thích chỉ ra con số thống kê cứ tám người Mỹ thì có một người đang sống trong bang do các con trai của bà làm thống đốc. Cha bày tỏ niềm tự hào lặng lẽ hơn. Vào ngày trước khi diễn ra cuộc bầu cử của Jeb, ông đã viết: “Người ta sẽ gọi điện để chúc mừng chúng tôi, nhưng họ sẽ không bao giờ hiểu được thăm sâu trong thâm tâm cảm giác thật của tôi đối với con trai. Cuộc sống của tôi lúc này mới thực sự bắt đầu”.

Tôi cũng vui mừng khi Jeb chiến thắng. Trong những năm đầu đời, khoảng cách bảy tuổi giữa hai chúng tôi dường như là một vấn đề, nhưng khi đã lớn, chúng tôi không chỉ là anh em trai mà còn trở thành bạn bè. Jeb là một con người của đức tin và có sức mạnh nội tâm tuyệt vời. Tôi rất tin tưởng rằng

người dân của Florida sẽ được hưởng lợi từ sự lãnh đạo của chú ấy - và tôi đã đúng. Jeb là một thống đốc quyết đoán và tài năng.

Sau khi tôi được bầu lại vào chức vụ thống đốc năm 1998, cha suy đoán tiếp theo sẽ có chiến dịch vận động tranh cử tổng thống. Ông chắc chắn đúng. Các cố vấn tiềm năng, những người gây quỹ và người tổ chức vận động tranh cử trên cả nước đã thúc giục tôi bước vào cuộc đua. Tôi đã trả lời phóng viên David Broder của tờ Washington Post rằng tôi cảm thấy như một nút chai bằng gỗ trong một dòng sông chảy xiết. Tôi đã quyết tâm không để bị cuốn trôi. Tôi sẽ đưa ra quyết định phù hợp với lý do và điều kiện riêng của tôi.

Hơn bất kỳ ứng cử viên tổng thống nào khác trong lịch sử (Hillary Clinton là ngoại lệ), tôi biết chính xác những gì tôi đang tham gia vào. Tôi biết tất cả những gánh nặng của nhiệm kỳ tổng thống như thế nào, tôi biết cha đã yêu công việc ra sao - vinh dự được là lãnh đạo một đất nước tuyệt vời và có cơ hội để đưa ra nhiều quyết định thay đổi cả lịch sử. Với kinh nghiệm khi làm thống đốc, tôi cảm thấy mình có thể xử lý công việc này. Tôi hiểu nỗi hoài nghi của người dân dành cho gia đình tôi, và tôi cũng lo lắng cho các con gái của chúng tôi. Nhưng tôi đã học được từ kinh nghiệm của cha tôi rằng tôi có thể làm tổng thống và sau khi tôi thôi chức vụ đó, gia đình tôi sẽ trở nên mạnh mẽ hơn trước kia.

Tấm gương của mẹ cũng cho tôi sự tự tin. Một trong những đóng góp to lớn của mẹ cho sự nghiệp chính trị của cha tôi là đảm bảo rằng ông không bao giờ phải lo lắng vì bà có thể vượt qua các áp lực, biết cân bằng giữa việc có chồng làm tổng thống với việc liên kết mọi thành viên gia đình. Sự tự tin đó thực sự là sự giải thoát cho người chồng. Tôi may mắn vì Laura đã cho tôi sự an tâm đó.

Cuối cùng, tôi tin rằng, như cha đã làm trong một cuộc sống đầy đủ và trọn vẹn - hãy tự đẩy mình vượt qua khỏi những giới hạn của chính mình và làm việc chăm chỉ để đạt tới những mục tiêu mà bạn tin tưởng. Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng nước Mỹ cần một hướng đi mới trong những vấn đề như giáo dục, thuế, và sự sẵn sàng của quân đội. Và tôi tin rằng mình có thể là một nhà lãnh đạo mà người dân Mỹ đang tìm kiếm.

Tôi chưa bao giờ cảm thấy cần phải hỏi ý kiến trực tiếp của cha về việc liệu tôi có nên chạy đua tranh cử hay không. Tôi biết ông sẽ ủng hộ bất cứ sự lựa

chọn nào của tôi. Và vì đã ở bên cạnh cha cũng như chứng kiến những việc ông làm trong suốt cuộc đời, tôi biết rằng ông luôn cho rằng mỗi người đều có một nghĩa vụ để thực hiện. Sau khi tự vấn lương tâm, tôi quyết định sẽ thử sức. Tôi tuyên bố ứng cử vào ngày 12 tháng 6 năm 1999 (trùng với ngày sinh nhật lần thứ bảy mươi lăm của cha tôi).

Tôi nhận thức được rằng sẽ không tránh khỏi có sự so sánh cha và tôi, có những điều tốt và không tốt. Ông nói với tôi rằng tôi đừng nên cảm thấy ngại ngùng khi chỉ trích bất kỳ quyết định nào của ông, ông sẽ không cảm thấy phiền lòng. Ông viết trong một bức thư gửi cho Jeb và tôi năm 1998, “Sẽ có những thời điểm các con đưa ra ý kiến ‘Con không đồng ý với cha ở điểm này’ hay ‘Thành thật mà nói con nghĩ cha đã sai’... Cứ nói như thế đi. Hãy chơi trên sân của con, hãy tự khẳng định bản thân. Sẽ không ai nghi ngờ tình yêu thương các con dành cho gia đình ta - và sự tận tâm của các con dành cho cha mẹ”.

Khi phóng viên hỏi cha tôi ảnh hưởng như thế nào đến cuộc tranh cử của tôi, tôi nói đùa rằng tôi được thừa hưởng một nửa số bạn bè và toàn bộ số kẻ thù của ông. Sự thật là ông không có nhiều kẻ thù, và tôi đã có thể kể tên rất nhiều bạn bè của ông. Tôi không có chút hoài nghi nào về việc bạn bè của cha sẽ ủng hộ tôi. Tôi đang phải đua tranh với đối thủ là phó tổng thống đương nhiệm, tại thời điểm đất nước đang an toàn và kinh tế phát triển mạnh mẽ. Và như vậy, tôi cần vận động từng người để có từng lá phiếu.

Vào đêm bầu cử, cha mẹ dẫn đầu một đoàn xe không lò chở cả đại gia đình tôi tới Austin. Lễ ăn mừng diễn ra ngay trong đêm sau khi Phó Tổng thống Gore gọi điện tới thừa nhận thất bại. Ngay sau đó, ông gọi lại để rút lại lời thừa nhận đã nói trong cuộc điện thoại trước. Tôi dẫn đầu ở bang chủ chốt Florida nhưng chỉ hơn ông ấy chưa đến một ngàn phiếu - quá ít để có thể cầm chắc phần thắng. Một cuộc tái kiểm phiếu bắt đầu. Tôi yêu cầu Jim Baker quản lý đội nhân viên pháp lý của tôi ở Florida, trong khi Laura và tôi rút lui đến trang trại của chúng tôi ở Crawford, Texas, để chờ đợi số phận gọi tên mình. Mặt khác, cha bị ám ảnh bởi tin tức. Ông liên tục gọi điện cho Karl Rove và Jim Baker để cập nhật tình hình. Ông gọi cho tôi thường xuyên. Nghe giọng cha đầy lo lắng. “Cha, con ổn”, tôi nói. “Cha đừng xem ti vi nữa.”

Cuối cùng, những tranh chấp pháp lý phải đưa lên Tòa án tối cao. Ngày 12 tháng 12 năm 2000, ba mươi lăm ngày sau cuộc bầu cử, tòa đưa ra phán

quyết. Với số phiếu 7 - 2, các thẩm phán xác định rằng việc tái kiểm phiếu ngẫu nhiên ở Florida vi phạm điều khoản bảo vệ bình đẳng trong Hiến pháp. Và với số phiếu 5 - 4, họ kết luận rằng Florida không thể hoàn thành cuộc tái kiểm phiếu công bằng trước thời hạn chót phải nộp kết quả lên đại cử tri đoàn. Vì vậy giữ nguyên kết quả kiểm phiếu lần trước: Tôi thắng. Ngay sau khi biết tin tôi sẽ được làm tổng thống, cuộc điện thoại đầu tiên là tôi gọi cho cha mẹ. Họ vui sướng tột độ.

Ngày hôm sau, từ thủ phủ của bang Texas, tôi có bài diễn văn gửi cử tri cả nước. Khi cha mẹ theo dõi bài phát biểu của tôi qua chiếc tivi trong phòng ngủ của họ trong ngôi nhà ở Houston, họ thực sự bàng hoàng về sự thật này. Sau đó cha đã viết, “Tôi thấy những bức ảnh của George và Laura nắm tay nhau. Tôi thấy tư thế ấy, dáng đi ấy, nụ cười ấy, những biểu hiện mà chúng tôi đã thấy ở George từ khi con còn là một đứa trẻ”. Ông tiếp tục: “Khi máy quay tập trung vào George và Laura đi vào lễ đường, cả người tôi trào dâng nỗi xúc động không thể kiềm chế được. Nỗi xúc động này đến không báo trước, bậc làm cha mẹ như chúng tôi chưa được chuẩn bị cho những cảm xúc như thế này - từ trong thẳm sâu trái tim, tôi cảm thấy sốc. Barbara cũng khóc. Chúng tôi nắm tay nhau. Ngay trước khi con trai chúng tôi bắt đầu bài diễn văn, chúng tôi nhìn thấy trong mắt George cảm xúc đích thực của con. Chúng tôi biết con cảm thấy thế nào. Con đã không ‘đánh mất cảm xúc’ đã có từ thuở ấu thơ, con rõ ràng đã rất xúc động và cha mẹ cảm nhận rõ điều con đang cảm thấy”.

Sau thời khắc xúc động của cha, Phó Tổng thống Al Gore đã có bài phát biểu lịch thiệp chấp nhận khép lại cuộc tranh đua. Điều đó đã dẫn đến một cuộc gọi điện thoại không có trong kế hoạch. George H.W. Bush gọi điện cho Al Gore để chúc mừng chiến dịch vận động tranh cử mạnh mẽ và những lời phát biểu dũng cảm của Gore. “Tôi đã nhiều lần thất bại khi ra tranh cử”, cha nói với ông ấy, “và tôi biết anh cảm thấy thế nào”.

\* \* \*

Trong lịch sử nước Mỹ, chỉ có hai lần tổng thống tuyên thệ nhậm chức mà có cả cha và mẹ đến chứng kiến. Lần đầu tiên là năm 1961, khi Joseph và Rose Kennedy cùng dự lễ nhậm chức của con trai họ, buổi lễ do Chánh án Earl Warren cử hành. Lần thứ hai vào năm 2001, khi cha mẹ tham dự lễ nhậm chức

của tôi. Tôi an lòng khi biết rằng họ đang ngồi sau lưng tôi khi Chánh án Rehnquist đọc lời tuyên thệ cho tôi làm tổng thống.

Sau lễ tuyên thệ, một bữa tiệc trưa tại đồi Capitol, và cuộc diễu hành nhậm chức theo truyền thống diễn ra trên Đại lộ Pennsylvania, tôi đến Phòng Bầu dục lần đầu tiên với tư cách một tổng thống. Cha đã lên lầu của dinh thự trong Nhà Trắng, ngâm mình trong bồn tắm nước ấm để làm tan đi những mệt mỏi sau cuộc diễu hành. Nhưng có một tiếng nói trong nội tâm thúc giục ông rằng tổng thống đang đợi ông ở Phòng Bầu dục. Ông đứng dậy, mặc bộ com lê chỉnh tề và đi xuống. Một vài phút sau, cánh cửa mở ra và cha bước vào. Chúng tôi dành một vài phút yên lặng chỉ để tận hưởng thời khắc này. Trong tám năm sau đó, tôi có nhiều cuộc gặp gỡ đáng ghi nhớ trong Phòng Bầu dục. Nhưng không có cuộc gặp nào có thể so sánh với việc đứng trong văn phòng cùng với cha vào ngày đầu tiên làm tổng thống của tôi.

Tôi nói rõ rằng cha và mẹ luôn được chào đón đến ở Nhà Trắng bất cứ lúc nào. Laura và tôi rất vui vì họ đến Washington thường xuyên, trong đó có ngày 10 tháng 9 năm 2001, trong cuộc họp hội đồng quản trị của một liên minh chống ung thư quốc gia mà họ đã giúp thành lập ra. Ngày hôm đó tôi đã bay tới Florida, nơi tôi sẽ tham gia một sự kiện giáo dục dự kiến sẽ tổ chức tại một trường học ở Sarasota sáng hôm sau. Mẹ và cha rời khỏi Washington vào sáng sớm ngày 11 để tới một buổi diễn thuyết tại Minnesota. Cuối buổi sáng hôm đó, nước Mỹ phải gánh chịu cuộc tấn công khủng bố tồi tệ nhất trong lịch sử - cuộc tấn công quy mô lớn đầu tiên trên đất Mỹ kể từ sau vụ tấn công vào Trân Châu Cảng năm 1941.

Tôi biết cha mẹ sẽ lo lắng cho tôi. Trên đường quay trở lại Washington, tôi gọi điện cho cha mẹ vài lần từ trên chiếc Không lực số 1. Khi chúng tôi cuối cùng cũng kết nối được với nhau, tôi hỏi cha mẹ đang ở đâu. “Tại một nhà khách ở Brookfield, Wisconsin”, mẹ trả lời. “Mẹ đang làm gì ở đó?” tôi hỏi. “Con trai, con làm chuyến bay của cha mẹ không khởi hành được”, mẹ nói. Có những điều không bao giờ thay đổi. Câu nói nhẹ nhàng của mẹ mang lại chút ánh sáng cho một ngày đen tối.

Ba ngày sau khi cuộc tấn công 11 tháng 9, Laura và tôi tham dự một buổi cầu nguyện Nhà thờ Quốc gia. Cựu tổng thống Clinton, Carter, và Ford cũng có mặt, cùng với các lãnh đạo của Tòa án Tối cao, các thành viên của Quốc hội, và quan trọng nhất với tôi - Laura cùng cha mẹ tôi. “Chỉ ba ngày sau sự kiện

này, người Mỹ chưa có độ lùi khoảng cách của lịch sử để nhìn nhận đúng về nó”, tôi nói. “Nhưng trách nhiệm của chúng ta trước lịch sử rất rõ ràng là: phải đáp trả cuộc tấn công này và giải thoát thế giới khỏi cái ác. Cuộc chiến này đã chống lại chúng ta một cách lén lút, xảo trá và dã man. Đất nước này hòa bình, nhưng hoảng loạn trong nổi tức giận. Cuộc xung đột này đã bắt đầu do những kẻ khác lựa chọn thời điểm và điều kiện. Nhưng nó sẽ kết thúc theo cách và trong khoảng thời gian do chúng ta lựa chọn.”

Đọc bài diễn văn đó mà không gục xuống là một thách thức đối với tôi. Nhiều người trong nhà thờ đã khóc, trong đó có cả những sĩ quan quân sự. Tôi đọc diễn văn mà không nhìn Laura và cha mẹ, bởi vì tôi biết rằng nhìn thấy họ tôi sẽ khó giữ bình tĩnh. May mắn thay, tôi vẫn giữ bình tĩnh đến cuối bài phát biểu của mình và trở về ghế ngồi. Các cựu tổng thống và gia đình họ đang ngồi theo thứ tự thời gian họ cầm quyền, nhưng cha đã hỏi Bill Clinton liệu ông có thể đổi chỗ để cha và mẹ có thể ngồi bên cạnh tôi và Laura hay không. Bill đã đồng ý. Sau khi tôi ngồi xuống, cha choàng tay qua ghế của Laura và nhẹ nhàng siết chặt cánh tay tôi. Cảm xúc của tôi không che đậy, cử chỉ đơn giản đầy tình yêu thương của ông mang lại cho tôi sự thoải mái, khích lệ và sức mạnh.

Cha mẹ đã nhiều lần tới Nhà Trắng trong những năm tôi làm tổng thống. Một trong những điều thú vị nhất đến vào tháng Giêng năm 2005, khi Laura và tôi tổ chức một bữa tiệc để ăn mừng kỷ niệm sáu mươi năm ngày cưới của cha mẹ. Cả gia đình đã có một bữa ăn tối trang trọng đầy yêu thương và nhiều lần nâng ly chúc rượu, rộn rã tiếng cười. Sau kỷ niệm năm mươi tư năm ngày cưới, cha mẹ tôi đã vượt qua nhà John và Abigail Adams để đạt danh hiệu cặp vợ chồng tổng thống kết hôn lâu năm nhất. Bây giờ họ chỉ còn vài tháng nữa để có thể kéo dài kỷ lục mình đang nắm giữ đến bảy mươi năm. Trong một hành động điển hình cho phong cách của mình, cha đã viết cho tôi một bức thư lịch thiệp sau bữa tiệc. “Cha đoán có thể nói rằng ở độ tuổi trên tám mươi, cha đã có rất nhiều sự kiện tuyệt vời; nhưng đối với chúng ta, không gì có thể so sánh với đêm tiệc này... Trẻ và già, người thân và bạn bè, người thượng lưu và người cùng khổ, tất cả đều có thời điểm tốt đẹp trong cuộc sống của họ. Cảm ơn rất nhiều từ trái tim đang thổn thức của cha.”

Cha và tôi nói chuyện với nhau thường xuyên trong suốt nhiệm kỳ tổng thống của tôi, mặc dù không nhất thiết về các chủ đề mà nhiều người đã giả định.

Khi đang ở trong chiếc limousine sau khi phát biểu với Công đoàn Toàn quốc, tôi nhận được một cuộc gọi từ người phụ tá Nhà Trắng: “Thưa tổng thống, cha của ngài đang đợi nói chuyện điện thoại”. Cha nói lời khích lệ và an ủi. Tôi không sử dụng thư điện tử trong suốt nhiệm kỳ tổng thống của mình, nhưng cha thường chuyển những câu chuyện khôi hài hoặc một lời nói đùa tới các phụ tá cao cấp của tôi, vì cha biết rằng họ sẽ mang chúng vào Phòng Bầu dục để giúp cho ngày làm việc của tôi trở nên vui vẻ. Ví dụ, trong năm 2007, ông đã gửi một câu chuyện: “Một ông già tám mươi tuổi bị bắt vì tội ăn cắp trong cửa hàng. Khi ông ta ra tòa, thẩm phán hỏi ông ta đánh cắp những gì. Ông ta trả lời: ‘Một thùng nước đào’. ‘Thẩm phán hỏi có bao nhiêu lon nước đào trong đó’. ‘Sáu’, ông ta trả lời. ‘Vậy, tôi sẽ phạt ông sáu ngày trong tù’, thẩm phán kết án. Thấy thế, vợ ông lão lên tiếng: ‘Ông ấy cũng đã đánh cắp một lon đậu Hà Lan!’”. George Bush hiểu những áp lực trên vai tổng thống và sức mạnh của tiếng cười có thể xoa đi những căng thẳng. Tính hài hước của ông chính là những gì tôi cần.

Cha và tôi còn thường nói chuyện công việc. Một chủ đề chúng tôi hay bàn là quyết định nhân sự. Khi đang cân nhắc lựa chọn ứng cử viên phó tổng thống, tôi gọi để xin lời khuyên của cha về Dick Cheney, từng làm Bộ trưởng Quốc phòng trong chính quyền của ông. Không do dự, ông nói, “Dick sẽ là một lựa chọn tuyệt vời. Ông ấy sẽ cho con lời khuyên thẳng thắn và quyết đoán. Và con sẽ không bao giờ phải lo lắng về chuyện ông ấy làm gì sau lưng mình.” Ông nhận xét hoàn toàn chính xác, và trong suốt tám năm, tôi rất hài lòng khi có Phó Tổng thống Cheney bên cạnh.

Không lâu sau cuộc bầu cử của tôi, tôi hỏi cha về một cựu thành viên đội An ninh Quốc gia từng phục vụ trong chính quyền của cha, cựu Chủ tịch đội Tham mưu trưởng Colin Powell. Tôi đã xem xét Colin cho chức vụ ngoại trưởng, đây là lựa chọn nhân sự nội các đầu tiên của tôi. “Colin rất được tôn trọng trên toàn thế giới”, cha nói. “Ông ấy sẽ là một ngoại trưởng tuyệt vời.”

Những năm sau, khi tôi cân nhắc một sự thay đổi trong Bộ Quốc phòng, tôi gọi điện để hỏi ý kiến của cha về Bob Gates, cựu Phó Cố vấn An ninh Quốc gia và Giám đốc CIA, sau đó làm Chủ tịch của Texas A & M.

“Thưa cha, con đang cân nhắc Bob Gates cho vị trí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”, tôi nói. “Cha nghĩ thế nào?”



“Cha đang suy nghĩ”, ông nói. “Cha dành sự tôn trọng cao nhất cho Bob Gates và nghĩ rằng ông ấy sẽ làm tốt công việc.”

“Con có nghĩ ông ấy sẽ làm được chức vụ đó không?”, ông hỏi thêm.

“Có các dấu hiệu cho thấy ông ấy sẽ làm được”, tôi nói.

“Mất ông ấy sẽ là một thiệt thòi lớn cho A & M nhưng có lợi lớn cho đất nước”, cha nói.

Ông đã đúng. Bob Gates đã làm tốt công việc Bộ trưởng Bộ quốc phòng. Và Tổng thống Obama giữ ông ấy lại sau khi lên nắm quyền. Bob làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong suốt hai đời tổng thống của hai đảng khác nhau.

Trong suốt nhiệm kỳ tổng thống của tôi, cha và tôi không nói nhiều về chính sách. Ông hiểu hơn ai hết rằng tổng thống có rất nhiều chuyên gia cố vấn với những thông tin sâu về các vấn đề quan trọng. Nếu tôi hỏi để nhận được tư vấn của ông về một vấn đề chính sách, ông có thể nói, “Gửi những người cố vấn tới đây để cha biết cần phải nói những gì”. Ông biết tôi nhận được vô vàn các ý kiến từ người ngoài. Là cha của tổng thống, ông có thể mang đến cho tôi điều gì đó thật khác biệt: tình yêu và sự hỗ trợ cần thiết để đương đầu với những áp lực của công việc.

Một lĩnh vực cha quan tâm là mối quan hệ của tôi với các nhà lãnh đạo nước ngoài. Trong suốt sự nghiệp của mình, ông là một bậc thầy về ngoại giao cá nhân - thấu hiểu con người và chiếm được lòng tin của họ. Tôi đã được chứng kiến hiệu quả trong phương pháp tiếp cận của ông. Tôi đã tổ chức hàng trăm cuộc họp (và thực hiện rất nhiều cuộc gọi điện thoại) với các đối tác quan trọng của tôi trên toàn thế giới. Tôi mời các nhà lãnh đạo thế giới không chỉ tới Nhà Trắng mà còn đến Trại David, nông trại của chúng tôi ở Crawford, và Walker's Point.

Đầu năm 2007, tôi gọi điện cho cha và hỏi liệu ông có thể mời được Tổng thống Vladimir Putin của Nga tới nhà chúng tôi ở Walker's Point hay không. Tôi cảm thấy rằng nơi đó thật hoàn hảo để thảo luận về hệ thống phòng thủ tên lửa mà chúng tôi đã có kế hoạch xây dựng ở Ba Lan và Cộng hòa Séc.

Cha rất vui với ý tưởng đó. “Chỉ cần cho cha biết những gì con cần, con trai”, ông nói.

Khi Putin đến vào ngày 1 tháng 7 năm 2007, cha đã đi đón khi máy bay của ông ấy hạ cánh xuống phi trường ở New Hampshire, và cùng đi với ông ấy trên máy bay trực thăng tới Walker’s Point. Sau đó, ông đưa cả hai chúng tôi đi chơi trên du thuyền cao tốc. Mặc dù ban đầu giật mình bởi ý tưởng của một cựu tổng thống tám mươi ba tuổi lái con thuyền ở tốc độ cao nhất, Putin vẫn rất thích chuyến đi đó (Người phiên dịch của ông ấy trông giống như bị bay về phía sau của chiếc thuyền). Sáng hôm sau, chúng tôi đã có một cuộc trò chuyện dài về phòng thủ tên lửa, trong đó chúng tôi tìm thấy những điểm chung. Sau đó chúng tôi đi câu cá. Putin là người duy nhất giật được cá.

Cuộc bầu cử năm 2004 sắp đến gần, tôi tự nhiên nghĩ về thất bại của cha tôi vào năm 1992. Xem xét ở một vài góc độ thì thấy tôi đang ở vị trí đáng ngại tương tự. Giống như ông, nhiệm kỳ đầu tiên của tôi được khoảng 90% số người ủng hộ: sau sự kiện ngày 11 tháng 9 trong trường hợp của tôi, và sau Chiến tranh vùng Vịnh trong trường hợp của cha. Nhưng con số này giảm theo thời gian, và trong cuộc đua của tôi với ứng cử viên Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ của tiểu bang Massachusetts - John Kerry - dường như không có khoảng cách giữa hai đối thủ. Vào đêm bầu cử, cả gia đình tụ họp tại Nhà Trắng. Tôi nghĩ trong thời gian này, cha có thể đã lo lắng nhiều hơn thời điểm bốn năm trước đó. Ông nhớ lại thất bại năm 1992, và không muốn tôi phải chịu đựng điều đó. Vào cuối đêm bầu cử, tôi chắc chắn vượt lên dẫn đầu, nhưng Kerry không chịu thừa nhận thất bại. Sáng sớm hôm sau, cha mẹ rời khỏi Houston. Cuối buổi sáng hôm đó, tôi nhận được một cuộc điện thoại từ John Kerry, ông ta thừa nhận kết quả và chấp nhận thua cuộc. Tôi đã trở thành tổng thống đầu tiên giành chiến thắng với đa số phiếu phổ thông kể từ cuộc bầu cử của cha vào năm 1988. Khi tôi gọi điện cho ông thông báo những tin tức tốt, phản ứng của ông nhẹ nhõm hơn là phấn khích. Vết thương từ năm 1992 được chữa lành nhiều hơn một chút.

Một ngày sau lễ Giáng sinh năm 2004, một cơn sóng thần từ Ấn Độ Dương đã đổ bộ tàn phá một số nước châu Á. Các cơn sóng cao hơn ba mươi mét quét qua miền duyên hải và cướp mạng sống của hơn hai trăm ngàn người. Tôi đã triển khai hải quân Mỹ tới giúp đỡ với các nỗ lực cứu trợ. Tôi quyết định nhờ cha và Bill Clinton lãnh đạo chiến dịch gây quỹ tư nhân. Tôi tin rằng việc hai

đôi thủ cũ cùng kêu gọi gây quỹ sẽ gửi một tín hiệu quan trọng về cam kết của Mỹ tới những người chịu thiệt hại từ thảm họa.

Tôi gọi điện cho cha và Clinton để trình bày ý tưởng này. Cả hai nhanh chóng đồng ý, và họ đã kêu gọi được một lượng tiền lớn gây ấn tượng để cứu trợ. Là một phần trong những nỗ lực của họ, cha và Clinton đã có một chuyến đi xa đến hiện trường của vùng bị sóng thần. Họ đã gặp nhau nhiều lần trong vô số các sự kiện chính thức suốt những năm qua, nhưng họ không thực sự hiểu nhau. Điều đó đã thay đổi trong chuyến đi tới châu Á của họ. Máy bay quân sự của họ chỉ có một giường, và Clinton hào phóng nhường giường cho George Bush ngủ vào mỗi tối. Cha đánh giá cao sự chu đáo của Clinton. Giống như nhiều người, cha lấy làm lạ trước năng lượng làm việc vô biên của Clinton và sự quan tâm chân thành của ông ấy tới mọi người. Bên ngoài không khí căng thẳng như trong nồi áp suất của các chiến dịch chính trị, khó có thể không yêu mến người đàn ông này. Tình bằng hữu nảy nở giữa hai người họ vượt ra khỏi những gì tôi mong đợi.

Sau khi cơn bão Katrina và Rita tấn công bờ biển vùng Vịnh năm 2005, tôi lại quyết định phái hai người đi chỉ đạo cứu nạn. Một lần nữa, họ trả lời cuộc gọi của tôi, thực hiện nhiều chuyến đi tới các khu vực gặp nạn và tham gia vào nhiều đoạn phim quảng cáo xã hội để nâng cao nhận thức về nhu cầu của các nạn nhân trong thảm họa. Sức hấp dẫn từ cả hai đảng đã thu hút được hơn một trăm triệu đô la trong các đợt quyên góp cá nhân. Khi cơn bão Ike diễn ra năm 2008, tôi kêu gọi Tổng thống thứ 41 và 42 lần thứ ba. Một lần nữa, họ đã làm một công việc tuyệt vời.

Tình hữu nghị của họ được hình thành thông qua những lần cứu trợ từ thiện. Bill Clinton thường xuyên tới Maine thăm cha mẹ tôi. Càng ngày Clinton càng coi cha tôi như là cha của ông, có lẽ vì Clinton chưa từng nhìn thấy mặt cha mình. Mẹ gọi Clinton là con trai thứ năm đã thất lạc của bà nay mới tìm lại được, Marvin gọi đó là “một người anh em khác mẹ”. Clinton chấp nhận hình ảnh so sánh ấy và bắt đầu coi mình như con cừu đen của gia đình Bush. Ông nói đùa rằng Barbara Bush sẽ làm bất cứ điều gì để có thêm một tổng thống nữa trong gia đình. Nhìn lại, tôi không ngạc nhiên về mối quan hệ phát triển giữa George Bush và Bill Clinton. Cha là một người đàn ông tuyệt diệu luôn luôn muốn tìm thấy những điều tốt đẹp nhất ở người khác. Ngay cả thời khắc

đau đớn trong sự nghiệp chính trị cũng không là trở ngại ngăn ông kết bạn với đối thủ chính trị đã đánh bại ông.

Khi nhiệm kỳ thứ hai của tôi kết thúc vào năm 2009, tôi đã may mắn trở thành tổng thống đầu tiên kết thúc nhiệm kỳ khi cả cha mẹ còn sống. Trong một cuộc họp chính thức lần cuối cùng được tổ chức tại Phòng Bầu dục, tôi được đón tới ba cựu Tổng thống: Bill Clinton, cha và Jimmy Carter - và Tổng thống mới, Barack Obama. Tuy chính sách của chúng tôi khác nhau, tất cả chúng tôi đều rất thích có cơ hội ngồi lại với nhau trong văn phòng mà chúng tôi từng làm việc và truyền đạt những lời khuyên cho thành viên mới nhất của câu lạc bộ. Tổng thống mới đặc cử hòa nhã, và tôi nhận thấy rằng ông đặc biệt tôn kính cha tôi. Rõ ràng ông thực sự tôn trọng và ngưỡng mộ George Bush. Hai năm sau, Tổng thống Obama trao tặng cho ông Huân chương Tự do, huân chương danh dự cao nhất mà tổng thống trao cho người dân. Sau khi điếm lại những thành tựu của cha, Tổng thống Obama nói, “Cuộc sống của ông là một minh chứng rằng phục vụ nhân dân là nghĩa vụ cao quý”.

Trong kỷ nguyên được định hình bằng sự cạnh tranh giữa các đảng phái, George Bush sống như một tấm gương biết cách đề cao tính văn minh, lịch sự lên trên hết tất cả những chiêu trò xấu xa của chính trị. Khi nghị sĩ đầy quyền lực của Đảng Dân chủ, Dan Rostenkowski, bị kết tội và phải ngồi tù vì dính líu tới vụ bê bối thư tín, hầu hết đồng nghiệp ở Washington bỏ rơi ông ấy. Trừ George Bush. Ông và Rosty đã biết nhau từ khi cùng hoạt động trong Ủy ban Chính sách và Tài chính năm 1960. Cha gọi cho Rosty đang ở trong tù, với hy vọng sẽ vực dậy tinh thần của ông ấy và giúp ông ấy vượt qua thời gian này. Và nó có thể giúp điều kiện của Rosty trong tù được cải thiện hơn vì các quản giáo biết cựu tổng thống có thể gọi điện tới bất cứ lúc nào.

Đầu năm 2014, Tổng thống Obama (một gương mặt không nổi tiếng ở Texas) dừng lại ở Houston để gây quỹ chính trị trên đường đến dự một sự kiện kỷ niệm di sản quyền dân sự do Lyndon Johnson tổ chức. Khi ông ấy bước xuống từ chiếc chuyên cơ Không lực số 1, George H.W. Bush đang ngồi trên xe lăn chờ ở đường băng. “Khi tổng thống đến quê hương của tôi”, ông nói, “tôi nên tới chào đón ngài.”

Cha là một tấm gương sáng trong nhiều khía cạnh khác. Ông tiếp tục chơi đánh golf, câu cá, và đi bộ đường dài ở độ tuổi trên tám mươi. Ông nói trong một cuộc phỏng vấn sau khi nhảy dù vào ngày sinh nhật thứ tám mươi lăm,

“Đừng chỉ vì là một ông già mà phải ngồi chây nước dãi trong xó nhà. Hãy ra ngoài và làm việc. Hãy ra ngoài và tận hưởng cuộc sống”.

Khoảng năm 2010, cơ thể vận động viên của cha bắt đầu chống lại ông. Ông được chẩn đoán bị hội chứng liệt rung, một tình trạng tương tự như bệnh Parkinson, ảnh hưởng đến khả năng di chuyển các chi dưới. Ông không thể tập thể dục như ông thích. Cuối cùng, ông còn không thể bước đi và phải ngồi xe lăn. Tuy nhiên, ông vẫn rất vui vẻ. Ngồi trên chiếc xe lăn, ông nhận ra rằng đôi tất nằm trong phần dễ thấy nhất trong tủ quần áo. Vì vậy, ông bắt đầu xỏ những đôi tất nhiều màu sắc sặc sỡ. Ông yêu thích màu đỏ, trắng và xanh.

Mặc dù phải vất vả lắm mới có thể ngồi vào và ra khỏi xe lăn, ông vẫn nhận lời mời tham gia các sự kiện công cộng. Sau tất cả, chính ông là tổng thống đã ký ban hành Đạo luật Người khuyết tật Mỹ. Ông vẫn tiếp tục mời khách đến chơi nhà và tiếp đón họ nồng hậu tại Houston và đặc biệt là tại Walker's Point. Như mọi khi, ông dành vị trí đặc biệt trong trái tim cho những người đang chịu nhiều đau khổ. Khi được biết một trong những nhân viên mật vụ của mình có một người con trai hai tuổi đang điều trị bệnh bạch cầu, người cha tám mươi chín tuổi của tôi đã cạo trọc đầu để thể hiện tình đoàn kết với cậu bé.

Cha không làm những việc như thế để gây sự chú ý. Ông chỉ sống trong những giá trị đã được ông xác định và làm theo trong suốt cuộc đời. Một trong những câu nói ông yêu thích là: “Nói những lời tốt đẹp tại mọi thời điểm; nếu cần thiết, hãy sử dụng lời nói”. Theo thời gian, mọi người bắt đầu chú ý, và đã có một làn sóng tình cảm của công chúng dành cho cha. Tôi rất hài lòng vì những thành tích và cá tính của George Bush đang nhận được sự thừa nhận xứng đáng - và ông còn có thể sống để nhìn thấy sự thừa nhận này. Nhiều tổ chức đã đặt tên để vinh danh ông: Sân bay xuyên lục địa George Bush ở Houston, Trung tâm Tình báo George Bush Langley, Virginia (trụ sở chính CIA), Trạm nghỉ Tổng thống George Bush trên đường cao tốc ở Dallas, và có lẽ thứ mà ông thích nhất - Hàng không mẫu hạm George H.W. Bush, một tàu sân bay siêu hạng.

Tận tụy cống hiến cho việc công, nhưng những gì George H.W. Bush quan tâm nhiều nhất vẫn là gia đình. Khi ông nói rằng ông không còn theo đuổi hạnh phúc vì ông đã tìm thấy hạnh phúc, đó là lúc ông nghĩ tới gia đình. Ông dành tình yêu thương đặc biệt với cháu chắt. Ông dành tâm sức và thời gian để phát

triển mối quan hệ gắn bó với từng cháu chắt, bao bọc chúng trong tấm chăn của tình thương. Ông gửi bưu thiếp và thư điện tử những hình ảnh các cháu diễn kịch tại trường hoặc thi đấu thể thao trong giải dành cho lứa tuổi nhỏ. Và trong những mùa hè ở Maine, ông luôn chào đón các cháu chắt đến chơi.

Tháng 11 năm 2012, cha phải nhập viện Houston Methodist để kiểm tra vì bị ho nặng. Khi Laura và tôi đến thăm vài ngày sau đó, ông đang phải quấn một chiếc nẹp quanh bụng và rõ ràng là ông đang rất đau. “Cha cảm thấy thế nào?”, tôi hỏi.

Ông mỉm cười. “Không phải ta đang ho ra mà là cỗ quan tài đang gọi ta vào”, ông châm biếm. Lúc nào ông cũng có thể nói đùa khiến tinh thần chúng tôi thêm phần lạc quan.

Tình trạng của ông trở nên tồi tệ vào đầu tháng 12. Những cơn ho dai dẳng dẫn đến viêm phổi. Tôi gọi điện cho ông thường xuyên. Tôi muốn nghe giọng nói của cha và thăm hỏi sức khỏe của ông. Cuối mỗi cuộc gọi điện thoại, tôi nói, “Con yêu cha”. Ông luôn luôn trả lời, “Cha yêu con nhiều”.

Lo sợ điều tồi tệ nhất đến, gia đình chúng tôi về quây quần quanh cha. Em trai tôi, Neil, ngồi hàng giờ bên cạnh giường của cha để đọc sách cho ông nghe. Jeb, Marvin, và Doro đều đến thăm cùng với cả gia đình. Laura và tôi bay đến bệnh viện vào tháng 12. Lần này chúng tôi dẫn theo Barbara và Jenna, Jenna lúc đó mang thai năm tháng. Trước khi chúng tôi bước vào, tôi đã nói với tất cả mọi người đừng khóc. Tôi không muốn cha nhận thấy sự tuyệt vọng của chúng tôi. Khi chúng tôi bước vào phòng bệnh, ông hầu như không thể mở mắt và giọng ông rất yếu.

“Chào George, con khỏe chứ? Đây là Laura, chào con xinh đẹp”. Ông thích thú khi Barbara và Jenna xoa đầu ông. Sau đó, ông đưa tay ra và nhẹ nhàng đặt lên phần bụng đang mang thai của Jenna.

“Không có cái chết”, ông nói, “đây là cuộc sống mới”. Tất cả chúng tôi đều rời khỏi phòng trong tiếng thổn thức.

Đã từ rất lâu trước đây, Trung úy George Bush thoát khỏi lưỡi hái thần chết ở Thái Bình Dương. Trong suốt bảy mươi năm sau đó, ông đã tận dụng từng phút giây sống mà Chúa ban cho. Cha mẹ tôi nuôi dưỡng và yêu thương sáu

người con. Cha phục vụ nhân dân hết mình, phấn đấu để theo đuổi hòa bình. Ông đã sống một cuộc đời của đức tin, tận tâm cho gia đình. Vào mùa đông năm 2012, khi ông vẫn còn yếu, tôi nhắc ông rằng thư viện tổng thống của tôi đã lên kế hoạch để mở cửa từ tháng 4 tới. “Cha sẽ có mặt ở lễ khánh thành, con trai”, ông nói.

Cha đã nói là làm. Vào một ngày nắng đẹp ở Dallas, Tổng thống đương nhiệm và các cựu tổng thống tập trung tại SMU, George H.W. Bush cũng có mặt. Ông đã chiến đấu với bệnh tật và khỏe lại. Ông ngồi xe lăn. Khi đến lượt phát biểu, giọng ông mạnh mẽ. “Thật là một niềm vui lớn khi được có mặt ở đây để tôn vinh con trai của chúng tôi, con trai lớn của chúng tôi”, ông nói, cố gắng kiểm soát cảm xúc của mình. “Đây là một ngày rất đặc biệt của Barbara và tôi... Chúng tôi rất vui khi được ở đây. Chúa ban phước lành cho nước Mỹ, và cảm ơn các bạn rất nhiều.” Khán giả đứng lên hoan nghênh ông nhiệt liệt. Tôi trân quý thời điểm này, một vài tháng trước đó có vẻ giống như một giấc mơ không thực. Sau đó, ông quay sang tôi.

“Cha nói dài quá nhỉ?”, ông hỏi và nháy mắt.

“Hoàn hảo, thưa cha”, tôi đáp.

# Lời cảm ơn

M

ột lòng trong biết số ơn, những và tôi bài may học mắn mà được cha dành cảm cho ơn nhiều tôi là người vì sự giúp đỡ của họ cho cuốn sách này. Danh sách bắt đầu, tất nhiên là đối tượng chính của nó, George Herbert Walker Bush. Khi tôi bắt đầu thực hiện dự án này, cha đã không còn minh mẫn. Như một chiếc đèn chóp tắt thi thoảng lóe sáng, ông đã không tham gia vào nghiên cứu hoặc viết bản thảo. Bộ sưu tập thư và nhật ký suốt đời của ông là minh chứng vô giá. Tôi thường xuyên thấy bản thân mình cười khùng khục hoặc lau đi giọt nước mắt khi đọc chúng.

Tôi hỏi mẹ rất nhiều câu hỏi để viết cuốn sách này. Bà đã cung cấp cho tôi thông tin về sự kiện và đóng góp nhiều ý kiến. Bà vẫn giữ được bộ nhớ tốt sau gần bảy mươi năm trở thành Phu nhân Barbara Bush, và sự hóm hỉnh của bà đã không phai nhạt chút nào. Bà có một vị trí trong lịch sử vì có chồng và con làm tổng thống. Chỉ có Phu nhân Abigail Adams cũng có cùng vị trí ấy. Và mẹ xứng đáng có một cuốn hồi ký của riêng mình. Tôi không có ý định viết nó, nhưng tôi muốn nói điều này: Cũng như cha tôi, mẹ tôi có những ảnh hưởng quan trọng tới tôi. Mỗi ngày trong cuộc sống, tôi biết ơn đối với sự cống hiến, sự hài hước của mẹ, và tình yêu của bà.

Tôi không phải là người đầu tiên trong những người con của George Bush viết tiểu sử về ông. Em gái tôi, Dorothy, là tác giả của một cuốn sách hay có tên Cha tôi, Tổng thống Mỹ đã mang tới cho tôi nhiều ý tưởng và cảm hứng. Em trai tôi, Marvin, đọc bản thảo của cuốn sách này, và phải công nhận rằng Marv là người biên tập giỏi. Một số những đoạn phân tích sâu sắc nhất là ý tưởng của chú ấy. Hai em tôi, Neil và Jeb, cung cấp thêm những câu chuyện, mặc dù Jeb có vô số những việc khác phải để tâm trong những ngày này. Và anh chị em của cha tôi - dì Nancy, chú Jonathan và chú Bucky - tất cả đã dành nhiều thời gian để nói chuyện với tôi về dự án viết sách này (Thật buồn, chú Prescott của tôi đã qua đời năm 2010). Tôi trân trọng những kỷ niệm mà họ chia sẻ và lòng tốt họ đã dành cho tôi trong suốt cuộc đời.



Giống như tất cả mọi điều trong cuộc sống của tôi, cuốn sách này tốt hơn bởi có sự tham gia của vợ và những cô con gái của chúng tôi. Laura, Barbara và Jenna trả lời câu hỏi, cho tôi nhiều ý tưởng, cũng như tình yêu thương và sự hỗ trợ - cũng như con rể của tôi, Henry, và cháu gái của chúng tôi, Mila, cháu cùng góp mặt trong cuộc sống của chúng tôi từ ngày 13 tháng 8 năm 2013 (khoảng hai tháng trước sinh nhật lần thứ tám mươi chín của cụ). Cha thường nói, gia đình là quan trọng nhất. Điều đó làm tôi thấy mình là một người đàn ông rất may mắn.

Trong dự án này, tôi cũng may mắn có sự giúp đỡ từ nhiều người ngoài gia đình, bắt đầu từ người bạn thân yêu của tôi, Chris Michel. Chris là một trong những bộ óc vĩ đại ở đất nước chúng tôi, và tôi xin chân thành cảm ơn anh ấy.

Tôi cũng cảm ơn Bob Barnett. Trong giới xuất bản chuyên ngành chính trị luôn có Bob Barnett - và sau ông có cả những người khác. Tôi biết ơn sự hài hước, lời khuyên, và tính kiên nhẫn của ông (sự kiên nhẫn này được thực hiện dễ dàng vì tiền công được trả theo giờ). Bob không những là một nhà cung cấp dịch vụ, ông còn là một người bạn.

Khi bắt đầu viết cuốn sách này, tôi đã không chắc chắn khi nào sẽ xuất bản (thậm chí còn không biết có xuất bản hay không). Vì lý do đó mà nó được gửi tới nhà in có đội ngũ lớn mạnh tại nhà xuất bản Crown Publishers. Lần thứ hai trong bốn năm, tôi may mắn được làm việc với Maya Mavjee và Tina Constable. Họ đã giúp cuốn sách của tôi trở thành một cuốn sách bán chạy và khuyến khích tôi thử sức trong lĩnh vực văn học cũng giống như ra tái tranh cử. Thời gian này, tôi cũng hưởng lợi từ sự hướng dẫn biên tập tuyệt vời của Mary Choteborsky và Molly Stern. Mary và Molly lúc nào cũng tháo vát, khách lễ và nhiệt tình, trong thời hạn ngắn. Tôi cảm ơn họ và tất cả những người khác tại Crown, những người đã giúp dự án này thành công, bao gồm Trợ lý xuất bản David Drake và nhà sản xuất âm thanh Dan Zitt, cũng như toàn bộ các đội thiết kế và sản xuất: Emma Berry, Amy Boorstein, Chris Brand, Linnea Knollmueller, Rachel Meier, Aja Pollock, Elizabeth Rendfleisch, và Neil Spitkovsky.

Cuốn sách này được hưởng lợi từ việc nghiên cứu và hỗ trợ của nhiều người khác. Emily Kropp Michel theo dõi dữ liệu lịch sử, làm nổi bật lên những câu chuyện đầy màu sắc lẫn những câu trích dẫn, và xác minh vô số sự kiện. Hai người bạn tốt, cựu Bộ trưởng Ngoại giao Condi Rice và cựu Cố vấn An

ninh Quốc gia Steve Hadley, đọc bản thảo và cho tôi những lời khuyên có giá trị.

Một độc giả đáng tin cậy khác không gì có thể so sánh được, Jean Becker, Chánh Văn phòng của cha tôi hai mươi năm trước và hỗ trợ cho tất cả thành viên của gia đình Bush trong mọi việc. Jean hỗ trợ dự án này từng ngày, và nó không thể hoàn thành nếu không có cô ấy. Tôi biết ơn các nhân viên cũ và hiện giờ của cha, những người trả lời điện thoại của tôi để giúp tôi, bao gồm Jim McGrath và Coleman Lapointe. Và tôi đánh giá cao các chuyên gia tại các thư viện Tổng thống George Bush và George W. Bush, những người đã dành nhiều giờ trong kho lưu trữ để hỗ trợ dự án này, đặc biệt là Bob Holzweiss, Debbie Wheeler và Mary Finch tại thư viện 41, Jodie Steck và Sarah Barca tại thư viện 43.

Cuối cùng, tôi cảm ơn nhóm nghiên cứu tại văn phòng của George W. Bush, đứng đầu là Chánh Văn phòng Mike Meece, người cung cấp những lời tư vấn có giá trị cho cuốn sách này. Freddy Ford không chỉ là một nhà biên tập giỏi, ông còn biên soạn phần hình ảnh tuyệt vời, làm giám đốc truyền thông và trợ lý cá nhân của tôi. Logan Dryden và Caroline Nugent đóng góp quan trọng trong suốt dự án, và tất cả mọi người trong văn phòng đã giúp tôi hoàn thành cuốn sách này: Brian Cossiboom, Harrison Horowitz, Christina Piasta, Carol White, và Tobi Young, cũng như nhân viên của Laura, Caroline Hickey và Audrey Akers.

Khi bắt tay vào dự án này, tôi nhận ra rằng có rất nhiều người yêu quý George H.W. Bush. Tôi không thể đếm hết có bao nhiêu người ngưỡng mộ ông. Thách thức lớn nhất của tôi là ghi lại được những tác động sâu sắc của cha tôi tới cuộc sống của tôi và cuộc sống của nhiều người khác. Theo những lời khuyên của mẹ ông dành cho ông, tôi đã cố gắng hết sức để làm việc theo cách tốt nhất. Tôi hy vọng đây là một cuốn sách hay, vì tôi biết đó là câu chuyện tuyệt vời.